



Quy tắc hành động/tiêu chuẩn chuỗi cung ứng ESG của LG Display

(Version 3.0)

Khi sử dụng hư hỏng dẫn này, vui lòng kiểm tra xem đây có phải là bản sửa đổi đã được chấp nhận ảnh hưởng sử dụng mới nhất hay không.

Thêm vào đó, khi sử dụng hư hỏng dẫn này

Trong trường hợp có câu hỏi hoặc phản hồi về lỗi, thiếu sót hoặc nội dung không rõ ràng

xin vui lòng liên hệ qua email bên dưới.

Liên hệ: Địa chỉ email chuẩn cung ứng ESG của LG Display (sincerity@lgedisplay.com)



Copyright © 2022 LG Display Co., Ltd. All rights reserved.

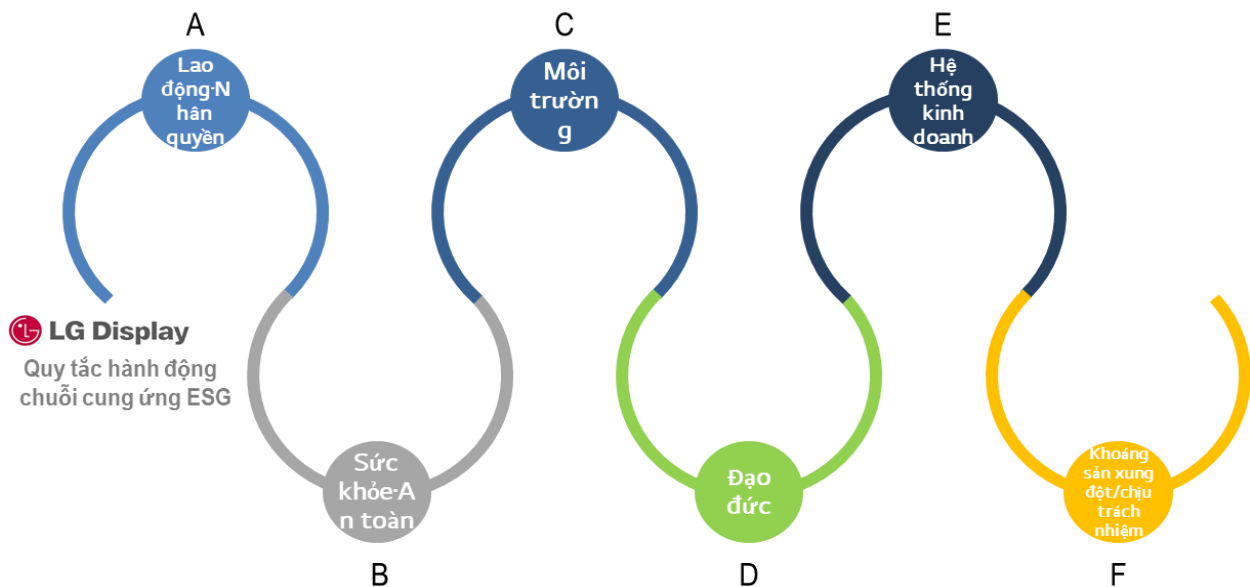
Quy tắc hành động chuỗi cung ứng ESG của LG Display

Quy tắc hành động của chuỗi cung ứng ESG của LG Display (dưới đây gọi là "Quy tắc") được thiết lập để xây dựng môi trường là mối quan tâm cho tất cả các Nhà máy (dưới đây gọi là "Nhà máy") trong và ngoài nước của LG Display cùng các đối tác liên quan đến sản xuất sản phẩm của LG Display, để điều hành doanh nghiệp có đạo đức và thân thiện với môi trường, đồng thời nhận được sự tôn trọng bởi các nhân viên chính thức, nhân viên tạm thời và nhân viên đặc phái.

Nhà máy là bao gồm cả LG Display và tất cả các loại hình tổ chức cung cấp hàng hóa và dịch vụ cho LG Display như nguyên liệu thô, vật liệu đóng gói, nhân lực, lưu thông, v.v. Quy tắc này không chỉ LG Display và các đối tác mà tất cả các nhà cung cấp vật liệu thô và vật liệu đóng gói cho các đối tác cũ ng phải tuân thủ theo.

LG Display có thể thay đổi quy tắc này tùy theo sự cần thiết, LG Display (và /hoặc thanh tra bên ngoài) có thể để nhà máy để đánh giá có tuân thủ quy tắc này hay không và yêu cầu cải tiến.

Quy tắc này được cấu thành từ 6 lĩnh vực. Dưới đây tiêu chuẩn về A Lao động-Nhân quyền, B Sức khỏe-An toàn, C Môi trường, D Đạo đức, E Hệ thống kinh doanh, F Khoảng sản xung đột/chịu trách nhiệm



Mỗi Nhà máy phải thực hiện nội dung đã được quy định và phải có thể xác nhận được bằng văn bản và ghi chép. Hơn nữa, người quản lý và công nhân phải có khả năng giả i thí ch rõ ràng nội dung trên.

Quy tắc này không chỉ phải áp dụng pháp luật trong nước mà còn phải áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế như Hướng dẫn cho các công ty đa quốc gia OECD, Nguyên tắc chỉ đạo kinh doanh và nhân quyền của Liên Hợp Quốc UN, Công ước chống tham nhũng của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), 10 Nguyên tắc của UN Global Compact và trong trường hợp phát sinh xung đột giữ quy tắc này và luật pháp khu vực thì tiêu chuẩn nghiêm ngặt hơn sẽ được ưu tiên áp dụng.

Ngoài ra, LG Display cũng vận hành và duy trì chuỗi cung ứng ESG của LG Display có quy định các yêu cầu chi tiết đối với quy tắc này.

A. Lao động-Nhân quyền

Nhà máy phải đối xử với tất cả người lao động với sự tôn trọng và tôn nghiêm cao nhất trong môi trường làm việc công bằng và đạo đức, tuân thủ triệt để tất cả các pháp luật có liên quan, coi quyền con người là ưu tiên hàng đầu.

A1) Lao động tự nguyện

Tại nhà máy, toàn bộ các công việc phải được thực hiện một cách tự nguyện, không được cưỡng ép hoặc tuyển dụng người lao động không được phép chuyển công việc, người lao động theo hợp đồng giam giữ thân phận, tù nhân bị ép buộc làm việc không tự nguyện, tuyển dụng thông qua hợp đồng nô lệ hoặc buôn người, v.v. Điều này bao gồm tất cả các hành vi di chuyển, tuyển dụng, tiếp cận những người yếu thế xã hội bằng cách đe dọa, ép buộc, cưỡng ép, bắt cóc, lừa đảo nhằm mục đích bóc lột sức lao động. Lao động phải là tự nguyện, người lao động phải có thể tự do chuyển công việc hoặc nghỉ việc bất cứ lúc nào. Hợp đồng lao động phải ghi rõ điều kiện tuyển dụng bằng ngôn ngữ mà người lao động có thể hiểu được. Người sử dụng lao động hoặc đại diện của họ không thể yêu cầu người lao động các khoản phí tuyển dụng hoặc tư vấn tự dưng i danh nghĩa tuyển dụng người lao động, trừ trường hợp xác nhận được rằng người lao động đã trả các khoản phí đó, họ phải hoàn trả lại số tiền đó cho người lao động. Ngoài ra, không được giới hạn di chuyển của người lao động trong nhà máy vượt quá tiêu chuẩn hợp lý, chẳng hạn như hạn chế ra vào một cách bất hợp lý đối với cơ sở hạ tầng doanh nghiệp. Người sử dụng lao động và đại diện của họ không được thay thế báo quả chức năng minh bạch hay tài liệu liên quan đến di trú của người lao động như hộ chiếu hoặc giấy phép lao động ngoại trú trừ trường hợp pháp luật yêu cầu người sử dụng lao động báo quả, cũng không thể phá hủy, giả u, tịch thu và sử dụng.

A2) Bảo vệ trẻ em

Doanh nghiệp không được sử dụng lao động trẻ em ở bất kỳ giai đoạn sản xuất nào ở độ tuổi dưới 1) 15 tuổi, 2) độ tuổi hoàn thành đầu tiên bắt buộc, 3) độ tuổi lao động tối thiểu theo luật pháp. Phải thực hiện các thủ tục thích hợp để kiểm tra tuổi của người lao động. Có thể sử dụng chương trình nháp sự hợp pháp tại nhà máy cho mục đích đầu tiên. Lao động thanh thiếu niên dư 18 tuổi không được đưa vào các công việc nguy hiểm, làm thêm giờ, làm ca đêm. Nhà máy phải thực hiện quản lý lao động sinh viên một cách phù hợp thông qua các nỗ lực như quản lý hồ sơ học sinh, kiểm tra kỹ lưỡng các cơ quan giáo dục, bảo vệ nhân quyền của lao động sinh viên được quy định trong pháp luật liên quan, cung cấp hỗ trợ và huấn luyện đầu tiên cho tất cả lao động sinh viên. Trừ trường hợp pháp luật lao động trẻ em thì phải có sự hỗ trợ và hiệu chuẩn. Xem xét đến tình hình thực tế khó khăn trong việc bảo vệ người lao động chưa thành niên (như cấm làm thêm giờ, v.v.), khuyến cáo nên cẩn thận trong quyết định tuyển dụng người lao động chưa thành niên. Nếu việc tuyển dụng lao động vị thành niên là không thể tránh khỏi thì nhất định phải tuân thủ quy trình bảo vệ lao động vị thành niên.

A3) Thời gian làm việc

Thời gian làm việc hàng tuần ngoài trừ trừ ở hợp pháp hoặc tình huống đặc biệt thì không được phép vượt quá 60 giờ hoặc thời gian làm việc hợp pháp, bao gồm cả thời gian làm thêm. Ngoài ra, nhà máy phải đảm bảo cho người lao động mỗi 7 ngày được nghỉ ít nhất 1 ngày. Thời gian làm việc chỉ quy mỗi tuần không được vượt quá 48 tiếng. Nhà máy phải tuân thủ tất cả các quy định liên quan đến thời gian làm việc và ngày nghỉ, tất cả việc làm thêm giờ phải là tự nguyện.

A4) Tiền lương và phúc lợi

Theo quy định của pháp luật địa phương, nhà máy phải chi trả trên mức lương tối thiểu và phụ cấp là thêm, và phải cung cấp chế độ phúc lợi cần thiết. Trừ khi ký hợp đồng lao động, và khi cần thiết trong thời gian tuyển dụng, phải cung cấp và overtime miễn phí cho người lao động thông tin chính xác về tiền lương bằng văn bản với ngôn ngữ mà người lao động hiểu được. Không được cắt giảm tiền lương như một biện pháp kỷ luật. Khi sử dụng lao động tạm thời, phải cử và thuê ngoài phải tuân thủ các pháp luật liên quan của địa phương.

A5) Đối xử nhân đạo

Nhà máy phải cố gắng hết sức để loại bỏ những hà hiếp tàn nhẫn tại nơi làm việc, không được đối xử tàn nhẫn và vô nhân đạo bao gồm quá yếu ớt, lạm dụng tình dục, trừng phạt thể xác, ép buộc tinh thần hoặc thể chất, chửi bới đối với người lao động. Nhà máy phải quy định rõ ràng chính sách kỷ luật và nghiêm túc đối với hà hiếp phi nhân đạo để đảm bảo việc đối xử nhân đạo, cũng như thông báo cho người lao động về chính sách và thủ tục đó.

A6) Cấu thành biệt đối xử /bất nạt

Nhà máy phải đảm bảo các hoạt động tuyển dụng như việc làm, tiền lương, thăng tiến, bồi dưỡng, cung cấp cơ hội đào tạo không trở thành rào cản cho sự phân biệt đối xử hoặc quá yếu ớt về chủng tộc, màu da, tuổi tác, giới tính, khuynh hướng tính dục, nhận thức giới tính, dân tộc/q uốc gia xuất thân, khuyết tật hay không, có thai hay không, tôn giáo, khuynh hướng chính trị, thân phận hôn nhân, xuất thân hay không, thông tin di truyền họ có đối tượng được bảo vệ, kết hôn hay không. Ngoài ra, nhà máy phải có biện pháp xử lý hợp lý để có thể tiếp nhận các tập quán tôn giáo của người lao động. Ngoài ra, ngoài mục đích pháp án sự phù hợp về môi trường làm việc hoặc theo luật sức khỏe an toàn không thể yêu cầu người lao động hoặc ứng cử viên tuyển dụng khám sức khỏe hoặc kiểm tra thai sản có thể được sử dụng là rào cản cho sự phân biệt đối xử.

A7) Tự do đoàn thể

Theo pháp luật địa phương, nhà máy phải tôn trọng việc người lao động có quyền tự do tổ chức công đoàn, gia nhập công đoàn, tự do liên kết với người lao động khác cho các hiệp ước tập thể và các cuộc tập thể/biểu tình hòa bình, và tôn trọng việc người lao động có quyền không tham gia hoặc tham gia vào các hoạt động như vậy. Người lao động hoặc đại diện của họ phải có kh

ả năng giao tiếp công khai với ban giám đốc, chia sẻ những suy nghĩ và mối lo lắng của họ về đề u kiện là m việc c và thông lệ kinh doanh mà không sợ phân biệt đối xử, trả thù, đe dọa hoặc bắt nạt.

B. Sức khỏe-An toàn

Nhà máy phải xây dựng môi trường là m việc c an toàn và là nh mậ nh cù ng vớ i hệ thống quản lý sức khỏe-an toàn nhằm để giảm thiểu u phá t sinh tai nạn và bệnh tật liên quan đến công việc, nâng cao chất lượng ng sả n phẩm/dịch vụ, giảm thiểu u giá n đoạ n sả n xuất, duy trì và nâng cao nhuệ k hí củ a ngư ờ i lao độ ng. Ngoài ra, trong việc nắ m bắt và giảm i quyế t vấ n đề sức khỏe-an toàn củ an hà má y, việc c đầ o tạ o và thu thập ý kiế n ngư ờ i lao độ ng là hạ ng mụ c bắt buộ c, phải i đảm bảo o c ho ngư ờ i lao độ ng có quyền có thể từ chối i công việc c nguy hiể m, khai báo o mô i trư ờ ng là m việc c yế u ké m.

B1) An toàn công nghiệp

Nhà máy phải i có đầy đủ giá y phé p y tế và an toàn cần thiết, duy trì giá y phé p đó luôn ở tì nh t rạ ng mới i nhấ t và tuâ n thủ cá c hạ ng mụ c yê u cầu củ a giá y phé p. Phải i xá c đị nh và đá nh giá c á c tì nh huố ng tiế p xú c cá c yế u tố rù i ro tiềm ẩn đối vớ i an toàn củ a ngư ờ i lao độ ng (ví dụ : điệ n giậ t, hỏa hoạ n/chá y nổ , rờ i ngã , dẫn điệ nv.v.) và quả n lý thông qua thiết kế , xử lý mang tí nh k ỹ thuật và hà nh chí nh phù hợ p, bảo o dư ờ ng duy trì mức độ phò ng ngừa, quy trì nh là m việc c an t oà n (bao gồ m Lock-out, Tag-out), đầ o tạ o an toàn liên tục. Nếu cần thiết, cần phải i cung cấp cho ngư ờ i lao độ ng cá c thiết bị bảo vệ cá nhâ n phù hợ p và đầ o tạ o để có thể đối phó vớ i cá c yế u tố nguy hiể m tư ơ ng ứ ng. Ngoài ra, ngư ờ i lao độ ng phải i đư ợ c tự do đư a ra cá c vấ n đề liên quan đ ế n an toàn củ a công ty mà không sợ bị trả thù đến từ công ty và cấp trên.

B2) Dự phòng tì nh trạng bất thường (tì nh huố ng khả n cá p)

Nhà máy phải i nắ m bắt và đá nh giá tì nh huố ng khả n cá p từ trư ớ c, phải i áp dụng quy trì nh và kế hoặ ch ứ ng phó tì nh huố ng khả n cá p để giảm thiểu u thiệt hại. Ngoài ra, cử a thoá t hiể m phải i lu ô n trong trạ ng thá i có thể mở , í t nhấ t 2 nă m một lầ n hoặc c theo tiêu chuẩn nghiê m ngặt hơn tron g số cá c hạ ng mụ c yê u cầu củ a luật phá i tiế n hà nh thực hiệ n huấ n luyệ n thoá t hiể m.

B3) Tai nạn lao độ ng và bệnh tật

Nhà máy phải i có cá c quy trì nh và cơ chế để phò ng ngừa, quả n lý , theo dõi, báo cá o cá c tai nạn công nghiê p và bệnh tật. Ngoài ra, cần thiết lập và thực hiệ n chư ơ ng trì nh có biệ n phá p xử lý hợ p lý để phò ng bị , dự phò ng và ứ ng phó vớ i sự lây lan củ a cá c bệnh truyền nhiễ m tiềm ẩn giữ a cá c nhâ n viê n.

B4) Y tế công nghiệp

Nhà máy phải nắm bắt, đánh giá, kiểm soát tiếp xúc của nhân viên đối với các yếu tố hóa học, sinh học, vật lý theo hệ thống quản lý. Rủi ro tiềm ẩn phải được loại bỏ hoặc kiểm soát thông qua thiết kế, kỹ thuật, kiểm soát hành trình phù hợp. Trong trường hợp không thể kiểm soát được rủi ro bằng phương tiện này, phải cấp cho người lao động thiết bị bảo vệ cá nhân được quy định tổ chức và phù hợp, người lao động phải sử dụng những đồ này. Trong chương trình bảo vệ phải bao gồm tài liệu đào tạo về nguy hiểm liên quan đến nguy hiểm này.

B5) Công việc quá sức

Nhà máy phải nắm bắt, đánh giá, kiểm soát những công việc gây áp lực về thể chất quá lớn cho người lao động như công việc lặp đi lặp lại, xử lý vật nặng.v.v.

B6) Thiết bị bảo vệ an toàn máy móc

Nhà máy phải tiến hành đánh giá tính an toàn đối với thiết bị sản xuất hoặc các thiết bị máy móc khác. Trường hợp sử dụng thiết bị máy móc nguy hiểm có thể gây thương tích cho người lao động thì phải cung cấp trang bị bảo vệ vật lý, trang bị liên động an toàn (Interlock) và vách phòng hộ, v.v. cũn như phải tuân thủ quy định thiết bị tự động.

B7) Vệ sinh, thực phẩm, nhà ở

Nhà máy phải cung cấp cho người lao động nhà vệ sinh sạch sẽ, nước uống, không gian nghỉ ngơi/lưu trữ thực phẩm và đi lại để ăn uống hợp vệ sinh. Ký túc xá của nhân viên phải sạch sẽ và an toàn, phải cung cấp lối thoát hiểm thích hợp, nước nóng, hệ thống sưởi ấm và thông gió, tủ bảo quản an ninh riêng biệt để bảo quản đồ đạc và vật phẩm có giá trị, không gian cá nhân.

B8) Đào tạo sức khỏe và an toàn

Nhà máy phải thực hiện đào tạo sức khỏe-an toàn bằng ngôn ngữ mà người lao động có thể hiểu được. Thông tin liên quan đến sức khỏe-an toàn trong nhà máy phải được đăng ở nơi dễ nhìn thấy và người lao động có thể dễ dàng tiếp cận. Trước khi bắt đầu công việc và ngay cả sau đó cũn phải thường xuyên cung cấp đào tạo định kỳ cho tất cả người lao động.

C. Môi trường

Nhiệm vụ được thực hiện để trách nhiệm về môi trường là yếu tố cần thiết trong việc sản xuất sản phẩm tiêu chuẩn thế giới, đồng thời với việc bảo vệ an toàn và sức khỏe cộng đồng trong quá trình sản xuất của nhà máy phải nỗ lực giảm thiểu tác động tiêu cực đến cộng đồng, môi trường và tài nguyên thiên nhiên.

C1) Giá y phé p và bá o cá o liên quan đế n mô i trư ờ ng

Nhà má y phả i đã ng ký và xin cá p toà n bộ cá c giá y phé p cần thiế t liên quan đế n mô i trư ờ ng và liên tụ c duy trì cũ ng như phả n á nh nộ i dung sử a đổ i mới nhấ t, duy trì . Ngoà i ra, phả i tuà n thủ c á c hạ ng mụ c yê u cầu liên quan đế n vậ n hà nh và bá o cá o cần thiế t cho quá trì nh cá p phé p.

C2) Phò ng ngư a ô nhiễ m và giả m sử dụ ng tà i nguyê n

Nhà má y phả i nỗ lự c để giả m hoặ c loạ i bỏ lư ợ ng sử dụ ng tà i nguyê n và chấ t thả i tạ i nguồ n th ô ng qua sả n xuấ t, bỏ o dư ờ ng duy trì và thay đổ i quy trì nh, sử dụ ng nguyê n liệ u thay thế , bỏ o tồ n tà i nguyê n, tá i chế và tá i sử dụ ng nguyê n vậ t liệ u.

C3) Hó a chấ t độ c hạ i

Khi xá cá c hó a chấ t độ c hạ i, nhà má y phả i xá c đị nh cá c loai hó a chấ t, chấ t thả i có khả năng g â y ô nhiễ m mô i trư ờ ng, cá c chấ t độ c hạ i khá c gâ y á nh hư ở ng đế n con ngư ờ i và mô i trư ờ ng để có biệ n phá p xử lý và di chuyể n, lư u trữ , tá i chế /tá i sử dụ ng và phé thả i cá c chấ t đó mộ t cá ch an toà n.

C4) Chấ t thả i rắ n

Nhà má y phả i phâ n biệ t, quầ n lý , giả m thiể u mộ t cá ch có hệ thố ng chấ t thả i rắ n và phả i tá i chế hoặ c xử lý mộ t cá ch có trá ch nhiệ m.

C5) Xả khí thả i

Nhà má y phả i xá c đị nh và kiể m tra thư ờ ng xuyê n cá c đặ c tí nh củ a phụ phẩm đổ t phá t sinh từ cá c hợ p chấ t hữ u cơ dễ bay hơ i, aerosol, khí ả n mò n, bụi , chấ t phá hủy tầ ng ozone và từ cô ng đoạ n, phả i quầ n lý /xử lý theo quy đị nh rừ i mới xả thả i. Ngoà i ra, cần kiể m tra thư ờ ng xuyê n hiệ u quả xử lý củ a cá c thiế t bị chố ng ô nhiễ m khô ng khí .

C6) Quy đị nh chấ t chứ a trong sả n phẩm

Nhà má y phả i tuà n thủ tấ t cả cá c điề u kiệ n củ a phá p luậ t và khá ch hà ng về nhâ n chấ t cấ m/h ậ n chế trong quá trì nh sả n xuấ t và sả n phẩm, và cá c nhâ n liên quan đế n tá i chế /phé thả i (labeli ng).

C7) Quầ n lý tà i nguyê n nư ớ c và nư ớ c mư a

Nhà má y phả i có ghi ché p về nguồ n nư ớ c, sử dụ ng nư ớ c và xả thả i, nắ m bắt đặ c điể m đó , th ự c hiệ n chư ơ ng trì nh quầ n lý giá m sá t nguồ n nư ớ c, tì m kiể m cơ hộ i bỏ o tồ n nư ớ c, kiể m soá t cá c tuyế n đư ờ ng ô nhiễ m. Tấ t cả nư ớ c thả i bắt t buộ c phả i đư ợ c xá c đị nh, giá m sá t, quầ n lý và xử lý theo yê u cầu trư ớ c khi xả hoặ c thả i bỏ . Phả i thư ờ ng xuyê n theo đồ i tí nh năng củ a hệ thố ng xử lý và ú c chế nư ớ c thả i, duy trì hiệ u suấ t tổ i ư u và tuà n thủ quy đị nh.

C8) Tiê u thụ năng lư ợ ng và thả i khí nhà kí nh

Nhà máy phải tính toán và ghi chép lưu trữ những năng lực và xả khí nhà kính theo đơn vị toàn công ty và nhà máy. Ngoài ra, cần phải tìm ra phương pháp hiệu quả để nâng cao hiệu quả năng lực đồng thời giảm thiểu tiêu thụ năng lực và xả khí nhà kính.

D. Đạ o đứ c

Nhà máy phải luôn mang tính đạo đức trong tất cả các khía cạnh kinh doanh để thực hiện thành công dự án và thực hiện trách nhiệm xã hội, phải tuân thủ tiêu chuẩn đạo đức với mức độ cao nhất như sau.

D1) Tuân thủ đạo đức kinh doanh và các lợi ích bất chính

Theo chính sách đạo đức kinh doanh của LG Display, nhà máy phải có chính sách cấm tất cả các hành vi nhận quà hoặc hối lộ, tham ô và bất kỳ hành vi tham nhũng nào như hối lộ/đề xuất/đề nghị hay các phe phái/chiến thuật/nhận giá trị đặc biệt, phải điều tra các vi phạm và tiến hành các quy trình chế tạo. Phải tuân thủ tất cả các quy định về phòng chống tham nhũng có thể áp dụng.

D2) Tiết lộ thông tin

Theo luật pháp và quy định liên quan, theo thông lệ của ngành, nhà máy phải ghi chép chính xác thông tin liên quan đến lao động/nhân quyền, sức khỏe/an toàn, thực trạng quản lý môi trường, hoạt động kinh doanh, cơ cấu quản trị, tình trạng tài chính và thành quả và công khai đúng sự thật. Ngoài ra, khi lưu giữ và thải bỏ tất cả thông tin phải tuân thủ triệt để các quy định và pháp luật liên quan.

D3) Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ

Nhà máy tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ và phải bảo vệ an toàn thông tin khách hàng. Phải bảo vệ quyền lợi tư nhân ngay khi chuyển giao kỹ thuật và bí quyết. Ngoài ra, cần phải bảo vệ an toàn thông tin khách hàng của LG Display và LG Display.

D4) Giao dịch công bằng, quản cáo và cạnh tranh

Nhà máy phải tuân thủ tiêu chuẩn giao dịch công bằng và quy định liên quan đến cạnh tranh và quản cáo.

D5) Bảo vệ danh tiếng và các trả thù

Nhà máy phải vận hành chương trình có thể bảo vệ người tố cáo nội bộ. Nhà máy phải thông báo cho người lao động các quy trình liên quan để có thể đưa ra vấn đề mà không sợ trả thù.

D6) Bảo vệ thông tin cá nhân

Nhà máy phải i bảo vệ một cá ch có hệ thống tất cả thông tin cá nhân liên quan đến quản lý doanh nghiệp. Khi thu thập, lưu trữ, xử lý, truyền tải, chia sẻ thông tin cá nhân phải tuân thủ các pháp luật liên quan như luật bảo vệ thông tin cá nhân.

E. Hệ thống kinh doanh

Nhà máy phải lựa chọn hoặc xây dựng hệ thống kinh doanh trong phạm vi bao quát nội dung của quy tắc này. Hệ thống kinh doanh tự nguyện phải tuân thủ các điều kiện của khách hàng và pháp luật liên quan đến sản phẩm và hoạt động của doanh nghiệp, tất nhiên không chỉ tuân thủ quy tắc này mà còn phải thiết lập, duy trì và cải tiến để có thể nắm bắt và giảm thiểu rủi ro vận hành liên quan đến quy tắc này. Hệ thống kinh doanh phải bao gồm các nội dung liên quan đến A) Lao động-Nhân quyền B) Sức khỏe-An toàn C) Môi trường D) Đạo đức. *Trừ hợp có giả y chứ n g nhậ n còn hiệ u lực vớ i cá c lĩ nh vực A) Lao động-Nhân quyền B) Sức khỏe-An toàn C) Môi trường D) Đạo đức thì có thể bỏ qua kiểm tra hệ thống kinh doanh của lĩnh vực tự nguyện.

E1) Thể hiện ý chí tuân thủ của doanh nghiệp

Nhà máy phải tuân thủ các quy tắc liên quan đến trách nhiệm xã hội/môi trường của doanh nghiệp đồng thời bản tuyên bố chính sách thể hiện ý chí cải tiến liên tục phải được ban giám đốc phê duyệt và đăng lên nơi làm việc.

E2) Nghĩa vụ và trách nhiệm của ban giám đốc

Nhà máy phải quy định rõ ban giám đốc, đại diện cấp cao của công ty có trách nhiệm thực hiện hệ thống kinh doanh hoặc các chương trình liên quan. Ban giám đốc phải kiểm tra hiện trạng một cách định kỳ. Ngoài ra, cần bổ nhiệm đại diện có trách nhiệm và quyền hạn liên quan đến quản lý bền vững và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

E3) Đáp ứng điều kiện của khách hàng và pháp luật

Nhà máy phải có quy trình để nắm bắt, giá m sát và hiể u điều u kiệ n khách hàng và luật pháp liên quan bao gồm cả quy tắc này.

E4) Đánh giá và quản lý rủi ro

Nhà máy phải xây dựng hệ thống để nắm bắt các rủi ro đạo đức, thông lệ lao động-nhân quyền, sức khỏe-an toàn, môi trường. Ngoài ra, phải quyế t đị nh thứ tự ưu tiên của từng rủi ro và định kỳ phải quản lý xem có tuân thủ quy tắc hay không.

E5) Mục tiêu cải tiến

Để cả i thiệ n thà nh quả xã hộ i và mô i trư ở ng, nhà má y phả i vẫ n bả n hó a cá c mụ c tiê u, giá trị mụ c tiê u và kế hoặ ch thự c hiệ n, cũ ng như đá nh giá thà nh quả so vớ i mụ c tiê u theo đị nh kỳ .

E6) Đ à o tạ o

Nhà má y phả i vậ n hà nh chư ơ ng trì nh đ à o tạ o cho đố i tư ợ ng là ngư ở i quả n lý và ngư ở i lao độ ng để thự c hiệ n chí nh sá ch, quy trì nh, mụ c tiê u cả i tiế n, đầ ng thờ i tuậ n thủ cá c quy đị nh liê n qu an.

E7) Giao tiế p

Nhà má y phả i thô ng bá o rõ rà ng cho ngư ở i lao độ ng, cô ng ty đố i tá c và khá ch hà ng về chí nh s á ch, thự c hiệ n, kỳ vọ ng và thà nh quả .

E8) Nhâ n viê n tham gia

Nhà má y phả i xâ y dự ng quy trì nh tham gia và thu thậ p ý kiế n củ a nhâ n viê n để có thể đá nh giá mứ c độ hiế u biế t củ a nhâ n viê n và nhâ n viê n liê n quan đế n quy tắ c nà y bao gồ m cả hệ thố ng x ử lý khiế u nà i cá ch hiế u quả , thu thậ p ý kiế n và liê n tậ c cả i tiế n.

E9) Đ á nh giá

Nhà má y phả i đá nh giá đị nh kỳ xem có tuậ n thủ quy tắ c nà y, cù ng vớ i luậ t phá p liê n quan và điề u kiệ n củ a khá ch hà ng hay khô ng. Ngoà i ra, phả i cho phé p bê n thứ 3 tiế n hà nh đá nh giá theo yê u cầu củ a khá ch hà ng.

E10) Biệ n phá p cả i tiế n

Phả i cả i tiế n nhữ ng thiế u số t đã đư ợ c xá c nhậ n thô ng qua đá nh giá và kiể m tra nộ i bộ và bê n n goà i trong thờ i gian quy đị nh.

E11) Tà i liệ u và ghi ché p

Việ c lậ p, duy trì vẫ n bả n, hồ sơ phả i tuậ n thủ phá p luậ t có liê n quan.

E12) Trá ch nhiệ m chuẩ i cung ứ ng

Nhà má y phả i truyề n đạ t điề u kiệ n củ a quy tắ c nà y cho cá c đố i tá c con và kiể m tra xem họ có tuậ n thủ hay khô ng. Ngoà i ra, theo yê u cầu củ a khá ch hà ng, phả i cho phé p bê n thứ 3 tiế n hà nh đá nh giá đố i vớ i cô ng ty đố i tá c.

F. Khoá ng sản xung đột/chịu trá ch nhiệ m

F1) Huy độ ng khoá ng sả n có trá ch nhiệ m

Nhà máy phải thiết lập các chỉ số chính liên quan để không sử dụng nguyên liệu được cung cấp bởi các phức hợp pháp nhân pháp, phi địa phương hoặc ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường. Các điều khoản về khoáng sản xung đột/chịu trách nhiệm phải bao gồm trong các chỉ số chính liên quan, cần xây dựng hệ thống đảm bảo rằng các khoáng sản được sử dụng trong các nguyên liệu thô, linh kiện và sản phẩm cung cấp cho LG Display (Tantal, thiếc, tungsten, và ng: dưới 3TG / Coban, mica, kẽm: các khoáng chất chịu trách nhiệm sau) không cung cấp tài chính hoặc lợi ích trực tiếp hoặc gián tiếp cho các lực lượng vũ trang vi phạm nhân quyền nghiêm trọng ở Cộng hòa Dân chủ Congo hoặc các nước láng giềng. Phải tiến hành kiểm tra nguồn gốc và mạng lưới cung cấp khoáng sản 3TG/chịu trách nhiệm trong sản phẩm, linh kiện và nguyên vật liệu cung cấp cho LG Display và các công ty khách hàng từ nhà máy, và cung cấp tài liệu kiểm tra bao gồm thông tin về nguồn gốc, nhà máy luyện kim và công ty tinh chế khoáng sản 3TG/chịu trách nhiệm theo yêu cầu của LG Display và khách hàng của LG Display.

Contents

Quy tắc hành động chuỗi cung ứng ESG của LG Display	1
Contents	12
Tiêu chuẩn chuỗi cung ứng ESG của LG Display	
A. Lao động-Nhân quyền (Labor & Human Rights)	155
A1) Lao động tự nguyện.....	155
A2) Bảo vệ trẻ em	25
A3) Thời gian làm việc.....	33
A4) Tiền lương và phúc lợi.....	39
A5) Đối xử nhân đạo.....	444
A6) Cấm phân biệt đối xử/bắt nạt.....	477
A7) Tự do đoàn thể	533
B. Sức khỏe-An toàn(Health & Safety)	59
B1) An toàn công nghiệp.....	59
B2) Dự phòng tình trạng bất thường (tình huống khẩn cấp).....	68
B3) Tai nạn lao động và bệnh tật	811
B4) Y tế công nghiệp.....	933
B5) Công việc quá sức	977
B6) Thiết bị bảo vệ an toàn máy móc.....	99
B7) Vệ sinh, thực phẩm, nhà ở	1022
B8) Đào tạo sức khỏe an toàn.....	10909
C. Môi trường (Environment)	1133
C1) Giấy phép và báo cáo liên quan đến môi trường	1133
C2) Phòng ngừa ô nhiễm và giảm sử dụng tài nguyên	1166
C3) Hóa chất độc hại.....	1188
C4) Chất thải rắn	1266
C5) Xả khí thải	1288
C6) Quy định chất chứa trong sản phẩm	1355
C7) Quản lý tài nguyên nước và nước mưa.....	1366
C8) Tiêu thụ năng lượng và thải khí nhà kính	1433
D. Đạo đức kinh doanh (Ethics).....	1488
D1) Tuân thủ đạo đức kinh doanh và cấm lợi ích bất chính	1488
D2) Tiết lộ thông tin.....	1533
D3) Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ	1544
D4) Giao dịch công bằng, quảng cáo và cạnh tranh.....	1566

D5) Bảo vệ danh tính và cấm trả thù	15858
D6) Bảo vệ thông tin cá nhân.....	15959
E. Hệ thống kinh doanh (Management System).....	1611
E1) Thể hiện ý chí tuân thủ của doanh nghiệp	1611
E2) Nghĩa vụ và trách nhiệm của ban giám đốc	1633
E3) Đáp ứng điều kiện của khách hàng và pháp luật	166
E4) Đánh giá và quản lý rủi ro	167
E5) Mục tiêu cải tiến.....	169
E6) Đào tạo	171
E7) Giao tiếp.....	172
E8) Nhân viên tham gia.....	173
E9) Đánh giá	176
E10) Biện pháp cải tiến.....	178
E11) Tài liệu và ghi chép	180
E12) Trách nhiệm chuỗi cung ứng.....	182
F. Khoáng sản xung đột/chịu trách nhiệm (Conflict/Responsible Minerals)	186
F1) Huy động khoáng sản có trách nhiệm.....	186
Tài liệu tham khảo.....	189

A. Lao động-Nhân quyền (Labor & Human Rights)

Ngư ờ i lao độ ng

Đ iề u 2 Luậ t Tiề u chuẩ n lao độ ng (đị nh nghĩ a)

Ngư ờ i cung cấ p lao độ ng tạ i doanh nghiệ p hoặ c nơ i là m việ c cho mụ c đĩ ch tiề n lư ơ ng bấ t kể loạ i nghề nghiệ p nà o.

Lao độ ng

Đ iề u 2 Luậ t Tiề u chuẩ n lao độ ng (đị nh nghĩ a)

Lao độ ng thể chấ t và lao độ ng tinh thầ n.

Hợ p đồn ng lao độ ng

Đ iề u 2 Luậ t Tiề u chuẩ n lao độ ng (đị nh nghĩ a)

Đ â y là hợ p đồn ng đư ợ c ký kế t vớ i mụ c đĩ ch ngư ờ i lao độ ng cung cấ p lao độ ng cho ngư ờ i sử dụ ng và ngư ờ i sử dụ ng trả lư ơ ng cho họ .

A. Lao độ ng-Nhâ n quyề n (Labor & Human Rights)

Nhà má y đố i xử vớ i tấ t cả ngư ờ i lao độ ng vớ i sự tôn trọ ng và tôn nghiệ m cao nhấ t trong mô i trư ờ ng là m việ c cô ng bằ ng và đạ o đứ c, tuâ n thủ triệ t đễ tấ t cả cá c luậ t phá p có liê n quan và coi quyề n con ngư ờ i là ư u tiề n hà ng đầ u.

A1) Lao độ ng tự nguyệ n

Tạ i nhà má y, toà n bộ cá c cô ng việ c phả i đư ợ c thự c hiệ n mộ t cá ch tự nguyệ n, khô ng đư ợ c cư ờ ng chế lao độ ng hoặ c tuyế n dụ ng ngư ờ i lao độ ng khô ng đư ợ c phé p chuyể n cô ng việ c, ngư ờ i lao độ ng theo hợ p đồn ng giam giữ thâ n phậ n, tù nhâ n bị é p buộ c là m việ c khô ng tự nguyệ n, tuyế n dụ ng thô ng qua hợ p đồn ng nô lệ hoặ c buô n ngư ờ i, v.v. Đ iề u nà y bao gồ m tấ t cả cá c hà nh vi di chuyể n, tuyế n dụ ng, tiế p cận nhữ ng ngư ờ i yế u thể xã hộ i bằ ng cá ch đe dọa, é p buộ c, cư ờ ng chế , bắ t có c, lừ a đả o nhằ m mụ c đĩ ch bó c lậ t sứ c lao độ ng.

Lao độ ng phả i là tự nguyệ n, ngư ờ i lao độ ng phả i có thể tự do chuyể n cô ng việ c hoặ c nghĩ việ c bấ t cứ lúc nà o. Hợ p đồn ng lao độ ng phả i ghi rõ điề u kiệ n tuyế n dụ ng bằ ng ngô n ngữ mà ngư ờ i lao độ ng có thể hiể u đư ợ c. Ngư ờ i sử dụ ng lao độ ng hoặ c đạ i diệ n củ a họ khô ng thể yê u cầ u ngư ờ i lao độ ng cá c khoả n phí tuyế n dụ ng hoặ c tư ơ ng tự dư ớ i danh nghĩ a tuyế n dụ ng ngư ờ i lao độ ng, trư ờ ng hợ p xá c nhậ n đư ợ c rằ ng ngư ờ i lao độ ng đã trả cá c khoả n phí đó , họ phả i hoà n trả lạ i số tiề n đó cho ngư ờ i lao độ ng. Ngoà i ra, khô ng đư ợ c giớ i hạ n đư ờ ng di chuyể n củ a ngư ờ i lao độ ng trong nhà má y vư ợ t quá tiề u chuẩ n hợ p lý , chẳ ng hạ n như hạ n chế ra và o mộ t cá ch bắ t hợ p lý đố i vớ i cơ sở hạ tầ ng doanh nghiệ p. Ngư ờ i sử dụ ng lao độ ng và ngư ờ i đạ i diệ n củ a họ khô ng đư ợ c thay thế bằ o quả n chứ ng minh thư hay tà i liệ u liê n quan đế n di trú củ a ngư ờ i lao độ ng như hộ chiế u hoặ c giấ y phé p lao độ ng ngoạ i trư ờ ng hợ p phá p luậ t yê u cầ u ngư ờ i sử dụ ng lao độ ng bằ o quả n, cũ ng khô ng thể phá hủ y, giấ u giế m và sử dụ ng.

Giải thích thuật ngữ

Cấm lao động cư ở ng bứ c

Luật Tiêu chuẩn lao động

Điều 7 (Cấm lao động cư ở ng bứ c)

Người sử dụng không thể ép buộc người lao động làm việc trái với ý muốn tự do của họ bằng việc bạo lực, đe dọa, giam giữ hay ngoài ra còn bằng phương tiện hạn chế bất chí nh tự do tinh thần hoặc thể chất.

Điều 20 (Cấm vi phạm hợp đồng ng) Người sử dụng không thể ký kết hợp đồng dự kiến bồi thường thiệt hại hoặc tiền bồi thường vi phạm hợp đồng do không thực hiện hợp đồng lao động.

Điều 21 (Cấm khấu trừ tiền vay mượn trước c) Người sử dụng không thể khấu trừ tiền lương và trả phí cho thuê với điều kiện là làm việc khác.

Điều 22 (Cấm tiết kiệm cư ở ng chế)

Người sử dụng không thể ký kết hợp đồng có quy định quá lý tiền tiết kiệm hoặc tiết kiệm cư ở ng chế được thêm vào hợp đồng lao động.

Lao động không tự nguyện

Lao động không tự nguyện bao gồm lao động cư ở ng bứ c, lao động bị ràng buộc trong hợp đồng nô lệ, lao động để trả nợ, lao động từ buôn người, lao động từ nhân, v.v.

A1.1 Không được sử dụng bất kỳ hình thức lao động cư ở ng bứ c hoặc không tự nguyện (ví dụ : lao động cư ở ng bứ c, lao động bị ràng buộc trong hợp đồng nô lệ, lao động để trả nợ, lao động từ buôn người, lao động từ nhân).

① Hạ mục tiêu thủ tục liên u/ghi chép

- Tất cả các khoản phí, khoản khấu trừ, tiền đặt cọc, tiền phạt, v.v. áp dụng cho người lao động phải được thông báo trực tiếp cho cá nhân, phải đảm bảo tất cả các tài liệu, hồ sơ liên quan đến điều này.
- Hợp đồng lao động được bao gồm các điều khoản hoặc cụ thể yêu cầu hoặc dẫn đến các loại lao động như lao động cư ở ng chế, lao động với người đang thụ án, lao động bị ràng buộc trong hợp đồng ng, lao động thể chất (bao gồm gánh nặng nợ thể chất bằng việc làm), buôn người hay lao động nô lệ.
- Không được tính cho người lao động các phí tuyển dụng bị cấm trong luật địa phương và RBA, trừ hợp lệ u xá c nhậ n bị đó ng phí, phải hoàn trả cho người lao động trong vòng 90 ngày kể từ ngày phát hiện.
- Trong các hồ sơ bảng lương, tiền lương và hồ sơ khác không được bao gồm các khoản phí, lệ phí quá mức, các khoản nợ đáng kể và cho vay bị cấm theo luật và định nghĩa của RBA.
- Đối với các khoản phí không được quy định bởi luật địa phương hoặc RBA, người lao động được ngoại trừ không được yêu cầu thanh toán các khoản phí mà người lao động địa phương không thanh toán.
- Không được có hồ sơ thêm không tự nguyện trong lý lịch xử lý khó khăn.
- Tất cả các công việc là thêm giờ phải được thực hiện một cách tự nguyện. Tất cả người lao động đều có quyền từ chối là thêm giờ.
- Không được quy định phân bổ sản phẩm hoặc lương thành quả cho đến khi người lao động làm việc

quá giờ là m việ c chí nh quy (trừ thờ i gian là m việ c ban đầu) thì mớ i để n đư ợ c tiêu chuẩn có thể kiế m đư ợ c mức lư ơ ng tố i thiể u hoặ c mức lư ơ ng sinh hoặ t bì nh thườ ng.

- Không đư ợ c trực tiế p quả n lý hoặ c kiế m tra tà i khoả n ngâ n hà ng củ a ngư ờ i lao độ ng ngoà i tà i khoả n ngâ n hà ng để trả lư ơ ng.

A1.2 Cần thiết lập chính sách và quy trình để ngăn chặn tất cả các hình thức lao động cưỡng bức hoặc lao động không tự nguyện.

① Hạ ng mục tiêu thu hút tài liệu/ghi chép

- Xây dựng chính sách và quy trình phòng chống lao động cưỡng bức, lao động không tự nguyện, phải giám sát xem công việc có được thực hiện theo quy trình hay không, phải bao gồm cả nội dung dự ở đây có cả nội dung cải tiến. (Bao gồm cả nội dung xử lý điều chỉnh)
 - Chính sách và quy trình phải được áp dụng cho toàn bộ nhân viên lao động trực tiếp và nhân viên lao động gián tiếp.
 - Áp dụng chính sách quản lý của tất cả các cơ quan tuyển dụng bên thứ 3 và nhà máy
 - Quy trình để xác nhận rằng ít nhất các đối tác cấp 1 tuân thủ nội dung này.
 - Quy trình để thanh toán tất cả các khoản phí và chi phí mà nhân viên lao động nước ngoài cá nhân đã chi trả trước khi tuyển dụng
 - Chính sách cấm thu phí quá cao khi tuyển dụng
 - Thời gian và phương pháp trả lương khi nhân viên lao động nghỉ việc hoặc sa thải.
 - Không yêu cầu phí, tiền đặt cọc hoặc nợ với điều kiện tuyển dụng. (Bao gồm các phương thức thanh toán như trả ngay/trả góp, thanh toán trực tiếp, khấu trừ tiền lương v.v.)
 - Tiền gửi của nhân viên lao động bị cấm khi luật pháp có liên quan không yêu cầu. Trừ trường hợp pháp luật yêu cầu, phải phát hành hóa đơn chỉ xác nhận tiền đặt cọc và hoàn lại toàn bộ tiền lương tháng cuối cùng hoặc tiền trợ cấp hưu trí theo luật sau khi kết thúc việc làm.
 - Cấm cho vay cá nhân trong trường hợp điều kiện trả nợ của nhân viên lao động hoặc nhân viên lao động được giải thích là lao động thế chấp hoặc lao động cưỡng bức do nợ.
- Trong hợp đồng lao động hoặc tài liệu đầu vào nhân viên lao động, bao gồm rõ ràng theo quy định của pháp luật địa phương việc nhân viên lao động có thể từ chối mà không bị trừng phạt.
 - Cấm chèn các thuật ngữ cản trở nghỉ hưu sớm của nhân viên lao động.

- Cần thiết lập quy trình để cải tiến và giảm số t xem có tuấn thủ chí nh sá ch và quy trình cấ m lao độ ng cư ỡ ng chế hay khô ng, trừ ờ ng hợp có hạ ng mục tư ơ ng ứ ng phải quả n lý bá o cá o kết quả giá m sá t và xử lý khả c phụ c.
- Phải chỉ đị nh ngư ờ i chị u trá ch nhiệ m để thự c hiệ n quy trình và chí nh sá ch cấ m lao độ ng cư ỡ ng chế .

② Đ à o tạ o/Giao tiế p

- Đ à o tạ o tất cả nhâ n viê n và nhâ n viê n đố i tá c là m việ c trong cô ng ty, cô ng ty đố i tá c, cơ quan tuyể n dụ ng bên thứ 3 hoặc thô ng bá o nội dung tư ơ ng ứ ng cho họ rồ i bá o quả n hồ sơ ghi ché p.
- Nhà má y phải thự c hiệ n đ à o tạ o toà n diệ n cho tất cả nhâ n viê n chị u trá ch nhiệ m về việ c cấ m lao độ ng khô ng tự nguyệ n.

Tuyển dụng lao động nư ớ c ngoà i (ngư ờ i lao độ ng nhậ p cư)

Đ ố i vớ i lao độ ng nư ớ c ngoà i, trư ớ c khi rờ i khỏ i nư ớ c sở tạ i hoặ c khu vự c họ đang cư trú để xin việ c, họ phả i nhậ n đư ớ c tầ i liệ u nộ i dung trọ ng tâ m củ a họ p đồ ng lao độ ng và phả i đư ớ c nghe giả i thí ch bằ ng tiế ng mẹ đẻ . Nộ i dung trọ ng tâ m củ a họ p đồ ng lao độ ng phả i bao gồ m í t nhấ t cá c nộ i dung sau.

- Nộ i dung cô ng việ c
- Thờ i gian làm việ c
- Tiề n lư ớ ng
- Nghĩ phé p
- Phứ c lự i (nhà cữ a, phư ớ ng tiế n giao thô ng, đồ ng phụ c, v.v.)
- Nộ i dung và số tiề n phí sẽ yê u cầu ngư ờ i lao độ ng
- Cá c ứ u đầ i khá c (tiề n trợ cấ p, bảo o hiế mv.v.)
- Hạ ng mụ c khá u trừ tiề n lư ớ ng, v.v.

A1.3 Để ngư ờ i lao độ ng có thể hiể u cá c điề u khoả n củ a họ p đồ ng lao độ ng thì cá c nộ i dung trọ ng tâ m củ a họ p đồ ng lao độ ng đư ớ c soạ n thả o theo cá c yê u cầu phá p lý sẽ đư ớ c cung cấ p như mộ t tầ i liệ u vắ n bả n và o trư ớ c khi tuyển dụng (trong trư ờ ng họ p ngư ờ i lao độ ng nhậ p cư nư ớ c ngoà i, trư ớ c khi rờ i khỏ i nư ớ c/khu vự c sở tạ i) và đư ớ c giả i thí ch bằ ng tiế ng mẹ đẻ củ a ngư ờ i lao độ ng.

① Hạ ng mụ c tuầ n thủ tầ i liệ u/ghi ché p

- Theo yê u cầu củ a luậ t trư ớ c khi tuyển dụng (trong trư ờ ng họ p củ a ngư ờ i lao độ ng di cư , trư ớ c khi rờ i khỏ i nư ớ c sở tạ i), ngư ờ i lao độ ng phả i đư ớ c cung cấ p nộ i dung trọ ng tâ m củ a họ p đồ ng lao độ ng bằ ng tiế ng mẹ đẻ bằ ng vắ n bả n trư ớ c khi đư ớ c xá c nhậ n tuyển dụng và đư ớ c nghe giả i thí ch bằ ng tiế ng mẹ đẻ củ a ngư ờ i lao độ ng.
 - Nộ i dung trọ ng tâ m củ a họ p đồ ng lao độ ng là ghi rõ mức lư ớ ng, điề u kiệ n là m việ c/sinh hoặ t (bả o đả m mức lư ớ ng tố i thiể u).
- Tấ t cả cá c điề u kiệ n tuyển dụng phả i tuầ n thủ phá p lệ nh liê n quan lao độ ng và hiệ p đị nh ILO liê n quan.
- Trư ờ ng họ p sử dụ ng cơ quan tuyển dụng bên thứ 3/cô ng ty họ p tá c hoặ c đặ i diệ n, họ phả i ký mộ t thoả thuậ n giả i thí ch rằ ng họ phả i tuầ n thủ cá c yê u cầu á p dụ ng cho ngư ờ i lao độ ng.
- Ngư ờ i lao độ ng nhậ p cư đã thả o luậ n về việ c ký họ p đồ ng lao độ ng tạ i nư ớ c mìn h hoặ c ký họ p đồ ng lao độ ng vớ i điề u kiệ n nhấ t đị nh, như ng khô ng đư ớ c phé p ký họ p đồ ng lao độ ng mà điề u kiệ n lao độ ng đã thay đổ i bấ t lự i cho ngư ờ i lao độ ng sau khi đế n nư ớ c là m việ c.
- Phả i là m sá ng tỏ toà n bộ sự thay đổ i họ p đồ ng và tuầ n thủ tấ t cả cá c điề u kiệ n phá p lý và tuầ n thủ cá c thô ng lệ mong muố n liê n quan đế n giao tiế p/đầ m phá n vớ i ngư ờ i lao độ ng.

- Phải sử dụng một nhóm công nhân được xác định (họ c sinh/nhân viên/phái cử, v.v.) phù hợp với pháp luật và /hoặc yêu cầu của khách hàng.
- Nếu người lao động có thông báo hợp lý, họ có thể nghỉ việc mà không có bất kỳ hình phạt nào.
 - Cấu trúc các thuật ngữ cần trở nên hữu ích của người lao động.
- Nếu người lao động nhập cư nước ngoài tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động sớm mà không có thông báo hợp lý, người lao động có thể chịu chi phí bồi hư ơng thực tế cho người gửi và nếu chi phí bồi hư ơng vượt quá 60% số tiền nhận được của người lao động 1 tháng thì người sử dụng lao động phải trả .

TPEA (cơ quan tuyển dụng bên thứ 3)

Các công ty dịch vụ tư nhân, cơ quan nhà nước hoặc cơ quan chính phủ, chẳng hạn như các địa điểm cấp dự án của doanh nghiệp, thay mặt cho cá nhân hoặc công ty khác để hỗ trợ hoặc xử lý con đường phát triển việc làm bằng cách bổ sung nhân lực để đối lý các khoản bồi thường trả lại chính

A1.4 Sau khi tuyển dụng, không lưu giữ chữ ng minh thư do chính phủ cấp phát của người lao động và hồ sơ cá nhân gốc. (Ứng dụng đồng nhất với cơ quan tuyển dụng bên thứ 3/công ty hợp tác con)

① Hạ ng mục c tuā n thủ tậ i hiệ n trư ờ ng

- Người lao động nước ngoài/nhập cư cư trú tại tất cả các cơ sở cư trú của công ty/địa lý/nhà thầu và tất cả người lao động phải được bảo vệ thí ch hợp khổ i tiế p cận trá i phé p và phả i đư ợ c cung cấp mộ t kho lư u trữ cá nhâ n an toà n có thể tiế p cận bất cứ lúc nào.
- Người lao động phải có khả năng chữ ng minh đư ợ c nơ i lữ a quā n hồ sơ cá nhâ n.

② Hạ ng mục c tuā n thủ tậ i liệ u/ghi ché p

- Người lao động có quyền sở hữu và quyền quản lý tài liệu xác minh danh tính, nhà máy không thể hạn chế quyền lợi của người lao động đối với tài liệu này.
- Phải thiết lập chính sách hoặc thủ tục quy định không được bảo quản chữ ng minh thư do chính phủ ban hành hoặc bản gốc tài liệu cá nhân. Tuy nhiên, người sử dụng lao động có thể bảo quản bản gốc khi được pháp luật yêu cầu, khi đó người lao động không được từ chối.
- Trư ờ ng hợp phá p luật đị a phư ơ ng cho phé p để xác minh danh tính, cấp phép việc làm/gia hạn giấy tờ pháp lý như tuổi tác, v.v. thì người lao động có thể tạm thời lưu trữ hồ sơ cá nhân như ng phả i thô ng bá o lý do và thời gian lưu trữ.
- Không được chứa bản gốc hồ sơ cá nhân của người lao động trong hồ sơ người lao động (ví dụ: Hộ chiếu; thị thực/giấy phép lao động; chữ ng minh thư nhâ n dâ n, căn cước, thẻ bảo hiểm xã hội/tài liệu; giấy khai sinh; giấy tờ ngân hàng, v.v.).
- Nếu luật đị a phư ơ ng yêu cầu chủ sử dụng lao động nước ngoài lưu trữ hồ sơ cá nhân thì phải thiết lập thủ tục chỉ lưu giữ các hồ sơ cá nhân đư ợ c quy đị nh

trong luật và không được thay đổi hoặc là mớ hỗn độn sơ cá nhân đó. Trừ hợp phần ở lao động yêu cầu tiếp cận hồ sơ-phải cho phép điều này ngay lập tức. Trong bất kỳ trường hợp nào, không được tính phí để bảo vệ quyền an toàn chứng minh thư do chính phủ cấp phát, hộ chiếu hoặc giấy phép lao động.

- Nhà máy phải hợp tác với các bên liên quan, bao gồm cả cơ quan tuyển dụng bên thứ 3, trả lại tất cả các giấy chứng minh nhân dân bản gốc đúng lúc cho người lao động.

A1.5 Khô ng giới i hạ n mộ t cá ch bấ t hợ p lý sự di chuyể n tự do củ a ngư ờ i lao độ ng.

① Hạ ng mụ c tuâ n thủ tậ i hiệ n trư ờ ng

- Trư ờ ng hợ p ngư ờ i lao độ ng cư trú tậ i nhà má y (ký tú c xá), củ a nư ở ở khô ng đư ợ c mở hoặ c hạ n chấ ra và o mộ t cá ch bấ t hợ p lý .
- Ngư ờ i lao độ ng phả i đư ợ c di chuyể n tự do khi họ cầ n sử dụ ng nhà vệ sinh hoặ c nư ớ c uố ng.
- Ngư ờ i lao độ ng phả i đư ợ c tự do rời i khô i nư ở là m việ c hoặ c ký tú c xá trong thờ i gian khô ng là m việ c.
- Khô ng đư ợ c thiế t lậ p mộ t hệ thố ng hạ n chấ hà nh độ ng như cho phé p ra và o nhà vệ sinh.

② Hạ ng mụ c tuâ n thủ tậ i liệ u/ghi ché p

- Chí nh sá ch/quy trì nh liê n quan đế n tự do di chuyể n phả i đư ợ c thiế t lậ p.
- Hồ sơ ra và o (nế u có) khô ng đư ợ c hạ n chấ về di chuyể n (ví dụ : ra và o nhà vệ sinh, nư ớ c uố ng, cơ sở y tế bên ngoà i, nhà má y/ký tú c xá).
- Khô ng đư ợ c hạ n chấ việ c sử dụ ng nhà vệ sinh củ a ngư ờ i lao độ ng như hạ n chấ số lư ợ ng ngư ờ i lao độ ng có thể sử dụ ng nhà vệ sinh, tầ n suấ t hoặ c độ dà i củ a thờ i gian nghỉ ngơ i hoặ c chư a trả lư ợ ng cho thờ i gian nghỉ ngơ i.
- Đ ố i vớ i khu vự c đặ c biệ t có nguy cơ về sức khỏe an toà n, có thể hạ n chấ hợ p lý việ c tiế p cận củ a ngư ờ i lao độ ng vớ i lý do thiế u đầ o tậ o.

Độ tuổi tối thiểu

Điều 64 Luật Tiêu chuẩn lao động (Tuổi tác tối thiểu và giới hạn xin việc) Người ở dưới 15 tuổi (bao gồm cả những người ở dưới 18 tuổi đang theo học ở trường trung học cơ sở theo 「Luật giáo dục tiểu học - trung học」) được xác định là không thể sử dụng như một người lao động.

A2) Bảo vệ trẻ em

Doanh nghiệp không được sử dụng lao động trẻ em ở bất kỳ giai đoạn sản xuất nào ở độ tuổi dưới 1) 15 tuổi, 2) độ tuổi hoàn thành nghĩa vụ bắt buộc, 3) độ tuổi lao động tối thiểu theo luật pháp. Phải thực hiện các thủ tục thích hợp để kiểm tra tuổi của người lao động. Có thể sử dụng chương trình tập sự hợp pháp tại nhà máy cho mục đích đào tạo. Lao động thanh thiếu niên dưới 18 tuổi không được đưa vào làm các công việc nguy hiểm, làm thêm giờ, làm ca đêm. Nhà máy phải thực hiện quản lý lao động sinh viên một cách phù hợp thông qua các nỗ lực như quản lý hồ sơ học sinh, kiểm tra kỹ lưỡng các cơ quan giáo dục, bảo vệ nhân quyền của lao động sinh viên được quy định trong pháp luật liên quan, cung cấp hỗ trợ và huấn luyện đào tạo cho tất cả lao động sinh viên. Trường hợp phát hiện lao động trẻ em thì phải có sự hỗ trợ và hiệu chỉnh.

Xem xét đến tình hình thực tế khó khăn trong việc bảo vệ người lao động chưa thành niên (như cấm làm thêm giờ, v.v.), khuyến cáo nên cẩn thận trong quyết định tuyển dụng người lao động chưa thành niên.

Nếu việc tuyển dụng lao động vị thành niên là không thể tránh khỏi thì nhất định phải tuân thủ quy trình bảo vệ lao động vị thành niên.

A2.1 Phải tuyển dụng lao động trên độ tuổi tối thiểu.

So sánh độ tuổi việc làm tối thiểu theo luật địa phương nơi đặt cơ sở kinh doanh hoặc độ tuổi dưới 15 tuổi thì lấy tiêu chuẩn độ tuổi cao hơn.

① Hạn chế tuyển dụng tại hiện trường

- Không nên có người lao động trẻ em (người có độ tuổi là một việc tối thiểu) trong nhà máy.

② Hạn chế tuyển dụng và bán

- Cần thiết lập chính sách cấm lao động trẻ em chính thức.
- Tất cả công nhân trong hồ sơ nhân viên và /hoặc danh sách công nhân phải trên độ tuổi tối thiểu hoặc trên độ tuổi tối thiểu theo phương châm của công ty. (Áp dụng độ tuổi cao hơn)

- Trư ờ ng hợ p thô ng qua tự kiể m tra hoặ c qua thanh tra bê n ngoà i mà phá t hiệ n đư ợ c ngư ờ i lao độ ng chư a thà nh niê n hiệ n tạ i, ngư ờ i lao độ ng chư a thà nh niê n trư ớ c đâ y hoặ c ngư ờ i lao độ ng chư a thà nh niê n đã chấ m dứ t hợ p đồ ng thì nhà má y phả i đư ợ c thô ng bá o ngay cho bộ phậ n liê n quan củ a LGD.

Xác nhận độ tuổi tối thiểu

RBA yêu cầu xác minh độ tuổi của người lao động bằng cách sử dụng các tài liệu dự ở đây.

- Kiểm chứng thông qua tài nguyên bên thứ 3 (trừ người hợp có thể sử dụng) như văn phòng chính phủ địa phương hoặc tài nguyên internet
- Giấy khai sinh
- Chứng minh thư cá nhân do chính phủ cấp
- Giấy phép lái xe
- Giấy đăng ký bỏ phiếu
- Bản sao giấy chứng nhận của trường có đóng dấu "dấu bưu điện chính thức"
- Bản từ trường của địa điểm chính quyền địa phương
- Giấy phép lao động nước ngoài hoặc các tài liệu khác do chính phủ công nhận

Cơ quan tuyển dụng bên thứ 3 (3rd-party Employment Agent)

Doanh nghiệp tự nhận diện cho cá nhân hoặc doanh nghiệp để nhận chi phí, giúp phoá c thay mặt xử lý tìm việc. Cơ quan nhà nước hoặc cơ quan chính phủ

Điều 19 Luật tổ chức nghề nghiệp (doanh nghiệp giới thiệu việc làm có thu phí) Các doanh nghiệp giới thiệu việc làm có thu phí cần dự a trên tiêu chuẩn để điếm mà người lao động là đối tượng giới thiệu muốn tìm việc mà được phân loại thành doanh nghiệp giới thiệu việc làm có thu phí trong nước và doanh nghiệp giới thiệu việc làm có thu phí ở nước ngoài, như những người ở muốn kinh doanh cơ sở giới thiệu việc làm có thu phí trong nước phải đăng ký với tổ chức đối tượng tự trị địa phương, thị trấn, quận, huyện và chủ tịch huyện có thẩm quyền của nơi đặt địa điểm cơ sở kinh doanh, những người ở muốn kinh doanh cơ sở giới thiệu việc làm ở nước ngoài có thu phí phải đăng ký với Bộ Lao động và Việc làm.

Điều 2 Luật liên quan đến bảo vệ người lao động phá vỡ (định nghĩa) Chủ doanh nghiệp phá vỡ có nghĩa là người thực hiện dự án phá vỡ người lao động,

Điều 5 (Công việc của đối tượng là người lao động phá vỡ)

Ngoại trừ công việc của quá trình sản xuất trực tiếp trong ngành công nghiệp sản xuất, dự án phá vỡ người lao động là đối tượng công việc do Nghị định của Tổng thống quy định được phân loại là phù hợp dự a trên kiến thức chuyên môn kỹ thuật kinh nghiệm hoặc tính chất công việc, v.v.

A2.2 Cần thiết lập các chính sách và quy trình phù hợp và hiệu quả để không tuyển dụng gián tiếp người lao động dự ở độ tuổi lao động thấp nhất theo luật trực tiếp hoặc thông qua các cơ quan tuyển dụng bên.

① Hạ giảm mục tiêu thu thập hiệu năng

- Không nên có người lao động trẻ em (người có độ tuổi là m việc tối thiểu) trong nhà máy.

② Hạ giảm mục tiêu thu thập liệu/ghi chép

- Cần xây dựng chính sách, quy trình quản lý việc là m cho người dự ở độ tuổi lao động tối thiểu và phả i bao gồm các nội dung sau:
 - Phư ơng án đầ o tậ o và giao tiếp về chính sách cấ m lao động trẻ em (Nhà máy/cơ quan tuyển dụng bên thứ 3/công ty đối tác)
 - Thủ tục xác minh tuổi tác thông qua hai tài liệu chính như chứng minh nhân dân, bản sao chứng minh nhân dân, giấy khai sinh, hộ chiếu, giấy chứng nhận quan hệ gia đình, bản tổng hợp dự ở trường, v.v.
 - Phả i kiểm tra đối chiếu khuôn mặt của người lao động với hình ảnh gắn trên tài liệu được chính phủ công nhận.
- Cần có một hệ thống để ngăn chặn việc sử dụng chứng minh thư của người khác để ra và o nhà máy.
- Cần thiết lập quy trình để hỗ trợ trẻ em được xác nhận đang là m việc tại nhà máy và phả i bao gồm các nội dung sau:
 - Kiểm tra sức khỏe và các biện pháp xử lý thích hợp nếu cần thiết.
 - Hoàn thành nghĩa vụ đầ o tậ o
 - Duy trì thu nhập của trẻ em cho đến khi đủ điều kiện là m việc hợp pháp.
 - Thay vì sa thải hoặc phạt tiền người lao động vị thành niên, nên chuyển họ sang một công việc thực tập phù hợp (mô t chứng vụ hợp pháp và có tồn tại) có hạn chế thời gian và loại hình lao động để xem xét nhu cầu giá o dục.
- Phả i chuẩn bị tài liệu/hồ sơ đầ o tậ o về chính sách cho người lao động.

A2.3 Những công nhân dưới 18 tuổi (sau đây gọi là "công nhân dưới 18 tuổi") không được thực hiện các nhiệm vụ đe dọa sức khỏe hoặc an toàn, kể cả là tạm thời hoặc là vĩnh viễn.

① Hạn chế tuyển dụng trẻ em và hạn chế sử dụng

- Ngưng lao động trẻ em và hạn chế sử dụng công nhân dưới 18 tuổi có hại cho sức khỏe hoặc các công việc nguy hiểm.

② Hạn chế tuyển dụng và điều kiện làm việc

- Chính sách và thủ tục quản lý lao động dưới 18 tuổi phải được thiết lập và bao gồm các nội dung sau.
 - Kiểm tra sức khỏe trong tuyển dụng hợp pháp luật yêu cầu
 - Đặt tất cả các chức vụ, công đoạn không nguy hiểm theo đánh giá rủi ro
 - Tuyển dụng thời gian làm việc hàng ngày theo luật
 - Ngưng lao động trẻ em và hạn chế sử dụng công nhân dưới 18 tuổi là tạm thời hoặc là vĩnh viễn.
- Phải có thể kiểm tra được kết quả quản lý của người trẻ em trong hồ sơ nhân viên, hồ sơ khám sức khỏe, hồ sơ y tế là m.
- Việc đánh giá mức độ nguy hiểm để quản lý người lao động bị dưới 18 tuổi.
 - Phân biệt và đánh giá công việc bị cấm đối với người lao động trẻ em, ghi rõ những hạn chế trong kỹ thuật công việc.
 - Chương trình quản lý để người lao động chưa đủ tuổi không được bố trí vào các công việc
 - Theo dõi thời gian làm việc
 - Giá m sát khám sức khỏe
- Ngoài công việc cấm người lao động trẻ em trong luật pháp, không được đưa vào các công việc sau.
 - Môi trường/điều kiện có thể gây ra chấn thương hoặc chấn thương do nó hoặc ngược lại, công việc có thể gây hại tiềm ẩn cho sức khỏe do tiếp xúc với môi trường, vật chất, dư thừa phẩm hoặc quy trình độ hại.
 - Môi trường tiếp xúc ở mức độ cần phải bảo vệ thí nghiệm giá c
 - Hành động có chứa chất nổ hoặc thành phần gây nổ

Cấm sử dụng

Điều 65 Luật Tiêu chuẩn

lao động (Cấm sử dụng)

Người sử dụng không thể sử dụng phụ nữ mang thai hoặc chưa đầy một năm sau khi sinh (sau đây gọi là "phụ nữ mang thai") và

người dưới 18 tuổi trong các hoạt động kinh doanh nguy hại, nguy hiểm về mặt đạo đức hoặc y tế.

Những ngành nghề bị cấm

Nghị định thi hành Luật

Tiêu chuẩn Lao động 4 ghi rõ trong.

- Tiếp xúc với các chất radium, các hợp chất tự phát sáng, muối thorium và các chất phóng xạ có chỉ số bức xạ điện lý hàng năm trên 0,5 rem theo hướng dẫn của Bộ Lao động Hoa Kỳ.
- Là m việc ở nơi cơ bản nguy hiểm
 - Dư thừa lò ng đốt, dư thừa nư ớc
 - Độ cao trên 2m
 - Khu vực hạ n chế nguy hiểm
- Lao động trẻ em không đư ợc vượt quá 50% mức ph ờ i nh ể m tổ i đa của ngư ời lớn. (Ví dụ : Nếu tiêu chuẩn tiếp xúc tổ i đa của ngư ời lớn là 100 ppm/8 giờ , tiêu chuẩn thanh thiếu niên là 50 ppm/8 giờ)
- Sử dụng thiết bị tiếp theo để là m việc
 - Lao động truyền thống
 - Thiết bị di chuyển bằng điện không có giá y ph ế p là m việc hợp phá p
 - Thiết bị đo ng d ấ u, cắt và laser hoặc thiết bị có thể kẹp tay.
- Công việc đư ợc chỉ đị nh bởi ngư ời quản lý sức khỏe an toàn của nhà máy
- Ngư ời lao động trẻ tuổi không đư ợc là m thêm giờ , là m việc ban đêm.

Thực tậ p sinh có kinh nghiệm

Phả i phân biệ t ngư ờ i là m việ c tạ i nhà má y hoặ c nơ i là m việ c vớ i mụ c đĩ ch đầ o tạ o hoặ c huấ n luyệ n bấ t kể tên gọ i như thực tậ p sinh, kiế n tậ p sinh, họ c nghề , thủ việ c, v.v. vớ i ngư ờ i lao độ ng là ngư ờ i có kinh nghiệ m theo luậ t lao độ ng cung cấ p lao độ ng cho doanh nghiệ p hoặ c Nhà má y cho mụ c đĩ ch tiề n lư ơ ng.

(Nguồ n: Đ ố i vớ i thực tậ p sinh có kinh nghiệ m. Hư ớ ng đẫ n đá nh giá và bả o vệ đĩ a vị phá p lý)

Họ c việ n họ c nghề

「Luậ t xú c tiến giá o dục cô ng nghiệ p và thú c đẩy hợp tá c giũ a cá c trườ ng đạ i học và doanh nghiệ p」 và 「luậ t phá t triển năng lự c nghề nghiệ p của ngư ời lao độ ng」 Ngư ờ i muố n đư ợ c đầ o tạ o tạ o nghề và đầ o tạ o nghề thực hiệ n để nâ ng cao kiế n thứ c, kỹ thuậ t và thấ i độ cầ n thiế t cho việ c là m hoặ c thực hiệ n cô ng việ c cho họ c sinh và ngư ờ i lao độ ng theo cá c quy đĩ nh khá c.

Lao độ ng sinh việ n

Cá c chư ơ ng trì nh thực tậ p, họ c tậ p tạ i chổ hoặ c cá c chư ơ ng trì nh khá c đư ợ c đẫ ng ký trong cá c cơ sở giá o dục, khô ng phân biệ t tuổ i tá c. để tuyền dụ ng ngư ờ i lao độ ng

A2.4 Phả i thiế t lậ p và vậ n hà nh đứ ng phư ơ ng châ m, thủ tậ c tuyền dụ ng lao độ ng sinh việ n/ nhâ n việ n/sinh việ n đầ o tạ o nghề /hiệ u quả .**① Hạ ng mụ c tuầ n thủ tậ i hiệ n trư ờ ng**

- Ngư ờ i họ c nghề /thực tậ p sinh/lao độ ng sinh việ n chỉ thực hiệ n cá c nhiệ m vụ liê n quan đế n lĩ nh vụ c chuyê n ngà nh hoặ c đầ o tạ o nghề mớ i theo chư ơ ng trì nh đầ o tạ o cô ng việ c, và khô ng đư ợ c thực hiệ n cá c nhiệ m vụ bị cấ m trong luậ t đĩ a phư ơ ng.

② Hạ ng mụ c tuầ n thủ tà i liệ u/ghi ché p

- Phư ơ ng châ m đố i vớ i trư ờ ng hợ p khô ng tuyền dụ ng lao độ ng đầ o tạ o nghề /nhâ n sự /họ c sinh
- Theo quy đĩ nh củ a phá p luậ t đĩ a phư ơ ng, cá c thủ tậ c để phân cô ng lao độ ng đầ o tạ o nghề / nhâ n việ n/họ c sinh và quả n lý thực tậ p sinh phả i đư ợ c bao gồ m cá c nội dung sau:
 - Thực tậ p sinh/nhâ n việ n/cô ng nhâ n sinh việ n chỉ đư ợ c phân cô ng và o cá c lĩ nh vụ c chuyê n ngà nh hoặ c cá c nhiệ m vụ liê n quan đế n đầ o tạ o nghề mớ i theo chư ơ ng trì nh đầ o tạ o cô ng việ c.
 - Thờ i gian thực tậ p tổ i đĩ a (nế u đư ợ c trả lư ơ ng dư ớ i mứ c lư ơ ng thấ p nhấ t thì phả i dư ớ i 6 thá ng)
 - Chi tiế t, điề u kiệ n, hợ p đờ ng tuyền dụ ng, tí nh chấ t lao độ ng, thờ i gian là m việ c, tiề n lư ơ ng, phú c lợ i xã hộ i sau khi hoà n thầ nh cô ng việ c thực tậ p.
 - Phả i tuyền dụ ng, tuyền dụ ng, sắ p xế p, quả n lý cô ng nhâ n, thực tậ p sinh hoặ c đầ o tạ o mà khô ng sử dụ ng đặ i điệ n hoặ c mô i giớ i.
 - Tấ t cả lao độ ng phả i tự nguyệ n, bao gồ m cả lự a chọ n bố trí họ c tậ p.
 - Nội dung bả o vệ quyề n lợ i củ a cô ng nhâ n, thực tậ p sinh hoặ c thực tậ p sinh theo phá p luậ t đĩ a phư ơ ng.
 - Quả n lý hồ sơ về lao độ ng sinh việ n/nhâ n sự hoặ c hồ sơ đầ o tạ o (bao gồ m hợ p đờ ng, mụ c tiề u họ c tậ p, đá nh giá , tham khá o tà i liệ u đầ o tạ o, bố trí v.v.)
 - Khô ng nê n chỉ sử dụ ng lao độ ng sinh việ n, thực tậ p sinh hoặ c thực tậ p sinh để bù đắp tỉ nh trạ ng thiế u lao độ ng.
 - Tó m tấ t chư ơ ng trì nh đầ o tạ o và tà i liệ u đầ o tạ o

- Giao tiếp và đàm phán về chính sách, phương pháp thực hiện đối với người quản lý, người giám sát hoặc người lao động.
- Thời gian chương trình công nhân sinh viên không được vượt quá giới hạn quy định của pháp luật, tối đa phải là 1 năm.
- Công nhân sinh viên có thể chấm dứt hợp đồng lao động bất cứ lúc nào và không có nghĩa vụ phải nộp bất kỳ khoản phí hay tiền phạt nào.
- Công nhân sinh viên phải được đảm bảo quyền có mặt tại trụ sở.
- Công nhân, sinh viên phải nhận được mức lương cơ bản được trả với tiền lương của công nhân mới.
- Không được khấu trừ học phí, lệ phí bố trí từ tiền lương của công nhân sinh viên.
- Công nhân, sinh viên phải tham gia bảo hiểm theo luật.
- Trong tổng số lao động, lao động sinh viên phải được tuyển dụng ở 10%.
- Về tuyển dụng, tuyển dụng, bố trí, quản lý hoặc tìm việc là m cho công nhân sinh viên. Không được sử dụng cơ quan tuyển dụng bên thứ 3.
- Điều kiện hợp đồng yêu cầu cụ thể liên quan đến hợp đồng 3 bên (lao động sinh viên (và /hoặc người giám hộ hợp pháp), chủ nhà, giá thị) phải bao gồm:
 - Tất cả các điều kiện yêu cầu của pháp luật và quy định tư pháp
 - Tên đầy đủ của lao động sinh viên
 - Thông tin liên lạc khẩn cấp của lao động sinh viên
 - Tên chủ và địa chỉ của lao động sinh viên
 - Tên và địa chỉ nhà máy
 - Tình trạng cư trú (nếu có)
 - Tiền lương và phúc lợi
 - Chi phí ăn uống và chi phí chỗ ở (không nên cao hơn tỷ giá thị trường công bằng).
 - Thời gian làm việc
 - Bảo chất công việc và địa điểm thực hiện nó
 - 3 bản hợp đồng đã ký
- Lựa chọn chủ nhà

- Trư ớ c khi lự a chọ n, cầ n tiế n hà nh xem xé t trư ớ c và xá c nhậ n đặ nh kỳ xem cá c trư ờ ng có tuầ n thủ cá c luậ t phá p liê n quan hay khô ng.
- Phả i xá c nhậ n rằ ng trư ờ ng nà y có giấ y chứ ng nhậ n đặ ng ký , giấ y phé p cò n hiệ u lự c.
- Trư ờ ng phả i vẫ n bả n hó a và thự c hiệ n quy trì nh xử lý khi vi phạm tiê u chuẩ n nà y.

Thời gian là m việ cLuậ t Tiê u chuẩ n lao độ ngĐ iề u 50 (Thời gian là m việ c)

Thời gian là m việ c 1 tuầ n khô ng đư ợ c vư ợ t quá 40 tiế ng khô ng tí nh giờ nghỉ và thờ i gian là m việ c 1 ngày y khô ng đư ợ c vư ợ t quá 8 tiế ng khô ng tí nh giờ nghỉ

Đ iề u 53 (giớ i hạ n là m thê m giờ)

Nế u giữ a ngư ờ i lao độ ng và chủ doanh nghiệ p có thò a thuậ n thì có thể gia hạ n thờ i gian là m việ c thà nh 12 tiế ng mộ t tuầ n.

Đ iề u 74 (Bả o vệ phụ nữ mang thài)

Ngư ờ i sử dụ ng khô ng đư ợ c é p là m việ c ngoà i giờ đố i vớ i lao độ ng nữ trong thờ i gian mang thài và trong trư ờ ng hợ p ngư ờ i lao độ ng có yê u cầ u thì phá i chuyể n sang cô ng việ c dể dà ng hơ n.

Ngày nghỉĐ iề u 55 Luậ t Tiê u chuẩ n laođộ ng (ngày nghỉ)

Ngư ờ i sử dụ ng phá i cung cấ p cho ngư ờ i lao độ ng trung bì nh 1 tuầ n tồ i thiể u 1 lầ n ngày y nghỉ có lư ợ ng.

Ngày nghỉ

24 tiế ng liê n tậ c trư ờ ng ứ ng trong lú c ngư ờ i lao độ ng khô ng là m việ c

Nghỉ giả i laoĐ iề u 54 Luậ t Tiê u chuẩ n laođộ ng (nghỉ giả i lao)

Ngư ờ i sử dụ ng phá i cung cấ p thờ i gian nghỉ giữ a giờ là m việ c từ 30 phú t trở lê n vớ i thờ i gian là m việ c 4 tiế ng, 1 tiế ng nghỉ trở lê n đố i vớ i thờ i gian là m việ c 8 tiế ng, thờ i gian nghỉ ngư ờ i có thể đư ợ c sử dụ ng tự do bở i ngư ờ i lao độ ng.

Nghỉ phé pĐ iề u 60 củ a Luậ t Tiê u chuẩ nLao độ ng (Kỳ nghỉ có lư ợ ng

hà ng nă m) Ngư ờ i sử dụ ng phá i cho ngư ờ i lao độ ng đi là m từ 80% trở lê n trong mộ t nă m nghỉ phé p có lư ợ ng 15 ngày y và ngư ờ i lao độ ng dư ớ i 1 nă m đư ợ c nghỉ 1 ngày y mỗ i 1 thá ng là m việ c.

Kỳ nghỉ kinh nguyệ tĐ iề u 73 củ a Luậ t Tiê u chuẩ nLao độ ng (Kỳ nghỉ kinh

nguyệ t) Ngư ờ i sử dụ ng phá i cho ngư ờ i lao độ ng nữ nghỉ phé p 1 ngày y/ thá ng nế u có yê u cầ u.

A3) Thời gian là m việ c

Thời gian là m việ c hà ng tuầ n ngoạ i trư ờ ng hợ p khô ng đư ợ c vư ợ t quá 60 giờ hoặ c thờ i gian là m việ c hợ p phá p, bao gồ m cả thờ i gian là m thê m. Ngoà i ra, nhà má y phá i đả m bả o cho ngư ờ i lao độ ng mỗ i 7 ngày y đư ợ c nghỉ í t nhấ t 1 ngày y.

Thời gian là m việ c chí nh quy mỗ i tuầ n khô ng đư ợ c vư ợ t quá 48 tiế ng. Nhà má y phá i tuầ n thủ tấ t cả cá c quy đị nh liê n quan đế n thờ i gian là m việ c và ngày y nghỉ , tấ t cả việ c là m thê m giờ phá i là tự nguyệ n.

A3.1 Thời gian là m việ c mỗ i tuầ n củ a ngư ờ i lao độ ng

khô ng đư ợ c vư ợ t quá 60 tiế ng hoặ c giớ i hạ n phá p lý .

① Hạ ng mụ c tuầ n thủ tà i liệ u/ghi ché p

- Số giờ là m việ c hà ng tuầ n cho mỗ i ngư ờ i lao độ ng khô ng đư ợ c vư ợ t quá 60 tiế ng hoặ c giờ là m việ c theo luậ t.
- Trư ờ ng hợ p vư ợ t quá 60 tiế ng hoặ c thờ i gian là m việ c theo luậ t do tì nh huố ng cấ p bá ch hoặ c khắ n cấ p thì phá i ghi ché p và quả n lý tì nh huố ng cấ p bá ch hoặ c khắ n cấ p đó .

A3.2 Ngư ờ i lao độ ng phá i cung cấ p í t nhấ t mỗ i bả y (7) ngày y mộ t(1) ngày y nghỉ .**① Hạ ng mụ c tuầ n thủ tà i liệ u/ghi ché p**

- Ngư ờ i lao độ ng phá i có í t nhấ t mộ t ngày y nghỉ mỗ i ngày y (7).
- Trong trư ờ ng hợ p là m việ c trê n 7 ngày y liê n tiế p do tì nh huố ng khắ n cấ p hoặ c khắ n cấ p, hoặ c khô ng có ngày y nghỉ theo yê u cầ u củ a phá p luậ t, phá i ghi ché p và quả n lý tì nh huố ng khắ n cấ p hoặ c khắ n cấ p.

A3.3 Quản lý thời gian là m việc c củ a ngư ờ i lao độ ng bằ ng hồ sơ chi tiế t và đá ng tin cậy, quyế t đị nh thời gian là m việc c và giao tiế p, thiế t lậ p phư ơ ng châ m/thủ tụ c phù hợ p và hiệ u quả để quả n lý và kiế m soá t thời gian là m việc c.

① Hạ ng mụ c tuầ n thủ tà i liệ u/ghi ché p

- Phả i thiế t lậ p chí nh sá ch và thủ tụ c thời gian là m việc c phù hợ p vớ i yê u cầu củ a RBA và phá p luậ t đị a phư ơ ng trong việ c xá c đị nh, ghi ché p, quả n lý và kiế m soá t thời gian là m việc c bao gồ m cả ngà y nghỉ và là m thê m, và giá m sá t xem có tuầ n thủ cá c yê u cầu củ a RBA hay khô ng.
- Nế u phá t hiệ n ra vi phạm, cần thự c hiệ n cá c biệ n phá p khắ c phụ c đã đư ợ c ghi ché p và quả n lý ghi ché p tiế n độ đố i vớ i cá c biệ n phá p thự c hiệ n.
- Xâ y dự ng mộ t hệ thố ng cả nh bá o trư ớ c để tuầ n thủ thời gian là m việc c, thự c hiệ n giao tiế p/đà o tạ o rõ rà ng về tiê u chuẩ n thời gian là m việc c cho ngư ờ i quả n lý và ngư ờ i lao độ ng và phả i quả n lý hồ sơ .
- Tà i liệ u đà o tạ o/giao tiế p rõ rà ng liê n quan đế n thời gian là m việc c và là m thê m giờ phả i sử dụ ng đư ợ c.
- Phả i quả n lý hồ sơ cậ n cả nh.
- Nhà má y phả i lê n kế hoạ ch đị nh lị ch trì nh sả n xuấ t để đá p ú ng nằ ng lự c sả n xuấ t đã hứ a hẹ n, thời gian sả n xuấ t đã hứ a hẹ n, yê u cầu 60 giờ mỗ i tuầ n là m việc c và 7 ngà y nghỉ 1 ngà y.
- Nhà má y phả i bao gồ m cá c hoạ t độ ng sau khi chuẩ n bị hồ sơ thời gian là m việc c chí nh thứ c,
 - Thời gian hoạ t độ ng củ a dâ y chuyề n sả n xuấ t bắt kể nó có hoạ t độ ng hay khô ng.
 - Đ à o tạ o đị nh hư ớ ng, đà o tạ o về chí nh sá ch và thủ tụ c củ a cô ng ty, hộ i nghị kế hoạ ch sả n xuấ t, hộ i nghị lắ p rá p, hộ i nghị kế t thú c hà ng ngà y.v.v. Tấ t cả cá c cuộ c hợ p phả i đư ợ c lê n kế hoạ ch trong thời gian là m việc c theo ca chí nh quy.

- Nhà máy không được có yêu cầu phải đi làm sớm để chuẩn bị công việc dù chỉ vài phút trước khi bắt đầu là công việc theo ca dự kiến trừ khi được tính theo giờ là có lưu ý.
- Các thủ tục quản lý nghỉ ngơi có tổ chức thời gian bao gồm như không giờ hạ nhiệt ở 15 phút:
 - Thời gian xếp hàng chờ là để ghi chép giờ tan sở
 - Thời gian xếp hàng chờ là để kiểm tra an ninh khi ra và o dây chuyền sản xuất hoặc cơ sở vật chất
 - Thời gian chờ phê duyệt của cấp trên, chẳng hạn như phê duyệt thẻ thời gian.
 - Thời gian xếp hàng chờ là để thông qua kiểm tra yêu cầu của cơ sở trước khi ra và o cơ sở.
- Các thủ tục khác do Nhà máy quản lý yêu cầu người lao động phải có mặt tại nhà máy hoặc thực hiện các công việc liên quan đến sản xuất bất kể vị trí nào.

[Tham khảo. Quy trình và tiêu chuẩn xác minh thời gian là công việc]

① Quy trình

• Lấy mẫu

- Đối tượng người lao động: Auditor chọn đối tượng người lao động theo tổ chức, ca trực, độ tuổi, các nhóm yếu kém với quy mô của bộ phận hai từ toàn bộ nhân viên (cần có danh sách toàn bộ nhân viên)
- Đối tượng đánh giá: Lựa chọn 3 tháng tùy theo sản lượng hoặc thời gian làm việc (peak, average, low)
- Xác định mức độ tuân thủ theo tỷ lệ vi phạm so với tổng số tuần khi nhập dữ liệu theo ngày tháng tư ơng ứng của người lao động lấy mẫu và o Working hour template

② Đ á nh giá cấ p bậ c

• Thờ i gian là m việ c

- RBA 7.0 (thá ng 1 nă m 2021 ~)

Phâ n loạ i	ww ≤1%	1%< ww ≤5%	5%< ww ≤15%	15%< ww ≤40%	40%< ww
84< wh	Priority (Nghie m trợ ng)				
72< wh ≤84hr	Conformance (Tuâ n thủ)	Minor (Nhẹ)	Major (chủ yế u)	Priority (Nghie m trợ ng)	Priority (Nghie m trợ ng)
60< wh ≤72hr	Conformance (Tuâ n thủ)	Opportunity for Improvement (cơ hộ i cả i tiế n)	Minor (Nhẹ)	Major (chủ yế u)	Priority (Nghie m trợ ng)
Luậ t* < wh ≤60hr	Conformance (Tuâ n thủ)		Minor (Nhẹ)	Minor (Nhẹ)	Major (chủ yế u)
wh < Luậ t*	Conformance (Tuâ n thủ)				

• Là m việ c liê n tậ c

- RBA 7.0 (thá ng 1 nă m 2021 ~)

Phâ n loạ i	ww ≤1%	1%< ww ≤5%	5%< ww ≤40%	40%< ww
24 ngày y ≤ ngày y liê n tậ c	Priority (Nghie m trợ ng)			
12< ngày y liê n tậ c < 24 ngày y	Minor (Nhẹ)	Minor (Nhẹ)	Major (chủ yế u)	Priority (Nghie m trợ ng)
6< ngày y liê n tậ c ≤ 12 ngày y	Conformance (Tuâ n thủ)	Minor (Nhẹ)	Minor (Nhẹ)	Major (chủ yế u)
Ngày y liê n tậ c ≤ 6 ngày y	Conformance (Tuâ n thủ)			

• So sá nh tiê u chuẩ n

- Tiê u chuẩ n giá m sá t thờ i gian là m việ c theo tuầ n (LMT: Labor Management Tool)

Giờ là m việ c mỗ i tuầ n		Là m việ c liê n tậ c	
RBA	NY	RBA	NY
84 < Hours	84 < Hours	24 ≤ Days	21 ≤ Days
72 < Hours ≤ 84	72 < Hours ≤ 84	12 < Days < 24	14 ≤ Days ≤ 20
60 < Hours ≤ 72	60 < Hours ≤ 72	6 < Days ≤ 12	7 ≤ Days ≤ 13
	49 < Hours ≤ 60 40 < Hours ≤ 49 Hours < 40	Days ≤ 6	Days ≤ 6

A3.4 Người lao động phải i đối i mặt t vớ i trư ờ ng hợp p ngoà i lệ , tì nh huố ng khắ n cấ p hoặ c ngoà i dự đoá n có thể là m việ c vư ợ t quá điề u kiệ n 60 tiế ng là m việ c mỗ i tuầ n hoặ c 7 ngà y nghi 1 ngà y.

- Ngoà i trư ờ ng hợp khắ n cấ p hoặ c ngoà i đoá n, nhà má y phải i tuầ n thủ thờ i gian là m việ c và ngà y nghi hà ng tuầ n củ a ngư ờ i lao độ ng.

- Tì nh huố ng khắ n cấ p hoặ c tì nh huố ng ngoà i dự đoá n

Cá c sự kiệ n hoặ c hoà n cả nh vư ợ t quá kiể m soá t củ a nhà má y hoặ c tì nh huố ng thô ng thư ờ ng như ng gâ y trở ngạ i đá ng kể cho hoạ t độ ng sả n xuấ t, chắ ng hạ n như độ ng đấ t, lũ lụ t, hỏ a hoạ n, tì nh trạ ng khắ n cấ p quố c gia, mấ t điệ n dà i hạ n khô ng thể đoá n trư ớ c hoặ c bất ổ n chí nh trị lâ u dà i, v.v.

Cá c tì nh huố ng có thể lê n kế hoạ ch thô ng qua việ c có thể dự đoá n trư ớ c mộ t cá c hợp lý như thờ i gian sả n xuấ t cao điể m, hỏ ng hó c má y mó c, biế n độ ng theo mù a, v.v. thì khô ng đư ợ c tí nh là tì nh huố ng ngoà i dự đoá n hoặ c tì nh huố ng khắ n cấ p.

Nghỉ thai sản

Điều 74 Luật Trẻ em (Luật Trẻ em)
độ ng (Bảo vệ người ở phụ nữ mang thai)

Người ở sử dụng phải cho phụ nữ mang thai 90 ngày nghỉ trước và sau khi sinh và 45 ngày sau khi sinh. Trước ngày hợp người ở phụ nữ mang thai bị sảy thai hoặc tử vong, theo quy định nếu người ở lao động đó yêu cầu phải cho nghỉ sản xuất theo quy định của Tổ chức nghề nghiệp.

Điều 74 Điều 2 (cho phép thời gian khám thai, v.v.)

Người ở sử dụng lao động mang thai theo điều 10 của luật sức khỏe mẹ. Trước ngày hợp yêu cầu thời gian cần thiết để khám sức khỏe định kỳ cho phụ nữ mang thai thì phải cho phép điều này.

Điều 75 (thời gian nuôi con)

Nếu công nhân nữ có con nhỏ dưới một tuổi yêu cầu thì phải cho họ có thời gian cho con bú có trả lương từ 30 phút trở lên, 2 lần 1 ngày.

A3.5 Phải đảm bảo các kỳ nghỉ theo pháp luật, ngày nghỉ lễ, các kỳ nghỉ khác mà người ở lao động có quyền được hưởng theo pháp luật bao gồm cả nghỉ ốm hoặc nghỉ thai sản.

- Phải cung cấp thời gian nghỉ ngơi và thời gian ăn uống được quy định theo luật địa phương.
- Khi người ở lao động có thể chứng minh bằng giấy y chẩn đoán y tế phải cung cấp cho người ở lao động nghỉ ốm hoặc nghỉ thai sản với thời gian hợp lý mà không bị sa thải hoặc bất lợi về tài chính.

① Hạ giảm mức thu thuế và hiệu suất người ở

- Người ở lao động có thời gian nghỉ ngơi bắt buộc, bao gồm ít nhất một bữa ăn phù hợp với yêu cầu pháp lý, miễn phí.

② Hạ giảm mức thu thuế và lệ phí/ghi chép

- Như đã nêu trong hợp đồng lao động, quy tắc việc làm, sổ tay nhân viên và các tài liệu chính thức khác, người ở lao động phải được cung cấp thời gian ăn uống, nghỉ ngơi, ngày nghỉ, ngày nghỉ theo yêu cầu pháp lý địa phương.
- Phải ghi chép và quản lý chính xác hồ sơ sử dụng ngày nghỉ lễ và ngày nghỉ lễ.
- Phải thiết lập phương pháp, thủ tục chính thức nghỉ ốm, sinh đẻ để giao tiếp với người ở lao động, người ở quản lý, ban giám đốc.
- Trong trường hợp sử dụng kỳ nghỉ do bệnh tật và sinh con, hồ sơ nghỉ phép phải phù hợp với giấy khám sức khỏe và hồ sơ lương trong kỳ nghỉ phải không có bất lợi về mặt tài chính do nghỉ thai sản hoặc nghỉ ốm.

Tiền n lư ơ ng

Đ iều u 2 Luậ t Tiê u chuẩ n Lao độ ng (chi tiế t) Ngư ờ i sử dụ ng đ ầ ng nó i đế n tấ t cả cá c loạ i tiê n mà ngư ờ i lao độ ng chi trả bằ ng tiê n lư ơ ng, tiê n lư ơ ng và bắ t kỳ tê n gọ i nà o khá c cho ngư ờ i lao độ ng.

Chế độ lư ơ ng tố i thiể u

Đ â y là chế độ bả o vậ ngư ờ i lao độ ng có mứ c lư ơ ng thấ p bằ ng phá p luậ t bắ t buộ c ngư ờ i sử dụ ng phá i trả mứ c lư ơ ng cao hơ n mứ c lư ơ ng nà y bằ ng cá ch can thiế p và o quá trì nh quyế t đị nh tiê n lư ơ ng giữ a ngư ờ i lao độ ng và ngư ờ i lao độ ng. Tậ i ù y ban lư ơ ng tố i thiể u, số tiê n lư ơ ng tố i thiể u nằ m sau đư ợ c quyế t đị nh cho đế n ngà y 5 thá ng 8 hà ng nằ m và có hiệ u lự c từ ngà y 1 thá ng 1 nằ m sau.

Số tiê n lư ơ ng

Đ iều u 48 củ a Luậ t Tiê u chuẩ n Lao độ ng (Số sá ch tiê n lư ơ ng) Ngư ờ i sử dụ ng phá i lậ p số sá ch tiê n lư ơ ng cho từ ng nhà má y và ghi ché p cá c hạ ng mụ c cơ bả n củ a việ c tí nh tiê n lư ơ ng và trợ cấ p gia đì nh, số tiê n lư ơ ng và cá c hạ ng mụ c khá c đư ợ c quy đị nh theo quyế t đị nh củ a tổ ng thố ng.

Trợ cấ p là m thê m giờ

Đ iều u 56 củ a Luậ t Tiê u chuẩ n Lao độ ng (là m thê m, là m đê m và nghi ỉ) Ngư ờ i thuê phá i trả thê m trê n 50 /100 tiê n lư ơ ng thô ng thư ờ ng cho lao độ ng là m thê m (là m việ c kέ o dà i thờ i gian theo đ iều u 53 · đ iều u 59 và 69) và là m việ c ban đê m (là m việ c từ 10 giờ tố i đế n 6 giờ sá ng) hoặ c là m việ c ngà y nghi ỉ .

A4) Tiê n lư ơ ng và phú c lợ i

Theo quy đị nh củ a phá p luậ t đị a phư ơ ng, nhà má y phá i chi trả trê n mứ c lư ơ ng tố i thiể u và phú cấ p là m thê m, và phá i cung cấ p chế độ phú c lợ i cầ n thiế t. Trư ớ c khi ký hợ p đò ng lao độ ng, và khi cầ n thiế t trong thờ i gian tuyế n dụ ng, phá i cung cấ p và o thờ i điể m thí ch hợ p cho ngư ờ i lao độ ng thô ng tin chí nh xá c về tiê n lư ơ ng bằ ng vắ n bả n vớ i ngô n ngữ mà ngư ờ i lao độ ng hiể u đư ợ c. Khô ng đư ợ c cắ t giắ m tiê n lư ơ ng như mộ t biệ n phá p kỷ luậ t. Khi sử dụ ng lao độ ng tạ m thờ i, phá i cử và thuê ngoà i phá i tuâ n thủ cá c phá p luậ t liê n quan củ a đị a phư ơ ng.

A4.1 Phá i tí nh toá n chí nh xá c tiê n lư ơ ng hợ p phá p cho thờ i gian là m việ c chí nh quy cũ ng như thờ i gian là m thê m giờ và chi trả cho ngư ờ i lao độ ng.

① Hạ ng mụ c tuâ n thủ tà i liệ u/ghi ché p

- Tiê n lư ơ ng phá i đư ợ c thanh toá n bằ ng giá trị tư ơ ng ứ ng vớ i thờ i gian là m việ c và tiê n cô ng cho tấ t cả cá c hoặ t độ ng mà cô ng ty yê u cầ u như đầ o tạ o, hợ i hợ p cũ ng phá i đư ợ c thanh toá n bằ ng vớ i thờ i gian hoặ t độ ng.
- Tấ t cả ngư ờ i lao độ ng phá i nhậ n đư ợ c mứ c lư ơ ng tố i thiể u cho tấ t cả cá c giờ là m việ c chí nh quy theo luậ t, và mứ c lư ơ ng cơ bả n củ a ngư ờ i lao độ ng trự c tiế p và giá n tiế p phá i luô n đư ợ c xá c đị nh là mứ c lư ơ ng tố i thiể u hoặ c cao hơ n mứ c phâ n loạ i mà ngư ờ i lao độ ng trự c thuộ c.
- Phá i tí nh chí nh xá c tiê n lư ơ ng, phú c lợ i, phú cấ p là m thê m, và phá i lư u giữ hồ sớ lư ơ ng.
- Yê u cầ u cô ng ty cử nhâ n lự c phá i trả lư ơ ng chí nh xá c cho ngư ờ i lao độ ng phá i cử và liê n tậ c kiể m tra xem có tuâ n thủ hay khô ng.
- Ở cá c quố c gia khô ng có tỷ lệ trợ cấ p là m thê m theo phá p luậ t, tỷ lệ trợ cấ p là m thê m tố i thiể u đư ợ c xá c đị nh là 125% tiê n lư ơ ng cơ bả n.
- Thờ i gian là m thê m giờ nế u khó tí nh toá n thờ i gian chí nh xá c thì phá i tắ ng lê n đơ n vị trê n 15 phú t.

Thời gian (phút)	$0 \leq x < 15$	$15 \leq x < 30$	$30 \leq x < 45$	$45 \leq x < 60$
Phân bố thời gian tăng cho là m thêm giờ (phút)	15	30	45	60

[Phá p luật t Trung Quố c]

Đ iề u 44 Luật t Lao độ ng

Phả i tra 150% vớ i lư ơ ng khi là m thê m giờ , 200% vớ i lư ơ ng khi là m việ c và o ngà y nghi , 300% tiề n lư ơ ng khi là m việ c và o ngà y nghi theo luật t.

Article 44 of the Labor Law of the PRC (1995 version) the employer shall, according to the following standards, pay employees remuneration higher than those for statutory working hours under any of the following circumstances.

(1) To pay no less than 150% of the wages when extended working hours are assigned to employees;

(2) To pay no less than 200% of the wages when employees are assigned to work on rest days and no deferred rest can be taken; and

(3) To pay no less than 300% of the wages when employees are assigned to work on statutory holidays.

Nhà má y và ngư ờ i lao độ ng phả i tham gia bả o hiể m xã hộ i, phả i trả phí bả o hiể m xã hộ i. Bả o hiể m xã hộ i bao gồ m lư ơ ng hư u, bả o hiể m y tế , bả o hiể m tai nạ n, bả o hiể m thấ t nghiệ p và bả o hiể m thai sả n.

Article 72 of the China Labor Law (1995 version), the factory and its employees shall participate in social insurance schemes and pay social insurance premiums as per the legal requirements. This may include Pension, Medical, Industrial injury, Unemployment, Maternity insurance schemes.

A4.2 Phả i cung cấ p cho ngư ờ i lao độ ng bả ng kê lư ơ ng có chứ a đầ y đủ thô ng tin về lao độ ng đã thự c hiệ n trong mỗ i chu kỳ lư ơ ng.

① Hạ ng mục c tuầ n thủ tà i liệ u/ghi ché p

- Phả i cung cấ p cho ngư ờ i lao độ ng bả ng kê tiề n lư ơ ng bao gồ m thờ i gian là m thê m, trợ cấ p là m thê m, thuế và bả o hiể m xã hộ i (tiề n lư ơ ng hư u quố c gia, bả o hiể m thấ t nghiệ p, bả o hiể m y tế , bả o hiể m tai nạ n công nghiệ p, v.v.) và thô ng tin chi tiế t về cá c khoản khấ u trừ .
- Bả ng kê tiề n lư ơ ng phả i đư ợ c mô tả theo hì nh thứ c mà ngư ờ i lao độ ng có thể hiể u đư ợ c.
- Phả i đầ o tạ o cho ngư ờ i lao độ ng về phư ơ ng phá p tí nh lư ơ ng.
- Khô ng đư ợ c khấ u trừ trá i phé p (bao gồ m khấ u trừ để xử lý phạ t) và phả i trả lư ơ ng trực tiế p cho ngư ờ i lao độ ng (hoặ c bê n thứ ba đư ợ c phá p luật quy đị nh).
- Đố i vớ i tiề n lư ơ ng phá t sinh đị nh kỳ (như là m thê m giờ), khô ng đư ợ c quá 2 ngà y kể từ thờ i gian đồ ng ý thanh toá n (theo nộ i dung đã đề cậ p trong hợ p đồ ng nhâ n việ n hoặ c theo tiêu chuẩ n nghiệ m ngắ t hơ n trong luật t).
- Đố i vớ i trợ cấ p thô i việ c, phả i thanh toá n đứ ng hạ n theo quy đị nh củ a phá p luật đị a phư ơ ng hoặ c nếu khô ng có quy đị nh củ a phá p luật đị a phư ơ ng thì phả i trả lư ơ ng muộ n nhấ t trong vò ng 1 thá ng sau ngà y là m việ c cuố i cù ng.
- Mỗ i khi chi trả cho ngư ờ i lao độ ng, nhà má y phả i cung cấ p bả ng kê khai rõ rà ng để truyề n đạ t thô ng tin sau.
 - Số giờ là m việ c bì nh thườ ng và là m thê m giờ
 - Tỉ lệ lư ơ ng phù hợ p vớ i thờ i gian là m việ c bì nh thườ ng, thờ i gian là m thê m và ngà y nghi
 - Tà i khoản và đị nh nghĩ a củ a từ ng khoản khấ u trừ
 - Tà i khoản và đị nh nghĩ a củ a từ ng khoản thanh toá n phú c lợ i

A4.3 Khô ng đư ợ c khấ u trừ hoặ c cắ t giá m tiề n lư ợ ng như mộ t biệ n phá p xử phạ t.

① Hạ ng mụ c tuầ n thủ tà i liệ u/ghi ché p

- Cầ n có chí nh sá ch cấ m khấ u trừ tiề n lư ợ ng dư ớ i danh nghĩ a kỷ luậ t và khô ng có ghi ché p khấ u trừ .
- Trư ờ ng hợ p ngư ờ i lao độ ng đế n muộ n, khấ u trừ tiề n lư ợ ng do đế n muộ n phả i tư ợ ng ứ ng vớ i thờ i gian đế n muộ n.
- Trư ờ ng hợ p khó tí nh toá n thờ i gian chí nh xá c, khấ u trừ đi muộ n phả i đư ợ c giá m xuố ng nhiề u nhấ t theo đơ n vị tổ i thiế u là 15 phú t.

Thờ i gian (phú t)	$0 \leq x < 15$	$15 \leq x < 30$	$30 \leq x < 45$	$45 \leq x < 60$
Phâ n bố thờ i gian xuố ng cho việ c đế n muộ n (phú t)	0	15	30	45

- Khô ng đư ợ c khấ u trừ hoặ c khoả n thanh toá n khô ng đư ợ c quy đị nh trong luậ t như tiề n đặ t cộ c, phí hoa hồ ng, phí đồ ng phụ c, khá m sú c khô e, phạ t tiề n kỷ luậ t, cô ng cụ , điề u tra lai lị ch, v.v.

**A4.4 Tỉ nh toá n chí nh xá c số tiề n khấ u trừ hoặ c thu từ
nguồn rồ i phả i nộp cho cơ quan chí nh phủ trong thờ i
hạ n mà phá p luậ t đị a phư ơ ng yê u cầ u.**

① Hạ ng mụ c tuâ n thủ tà i liệ u/ghi ché p

- Cá c khoả n thu từ nguồ n như thuế , phí bả o hiể m xã hộ iv.v. đư ợ c khấ u trừ từ tiề n lư ợ ng củ a ngư ờ i lao độ ng phả i đư ợ c tỉ nh chí nh xá c theo tỷ lệ khấ u trừ theo luậ t và phả i nộp cho cơ quan nhà nư ớ c trong thờ i hạ n quy đị nh củ a phá p luậ t.
- Nộ i dung nộp thuế và phí bả o hiể m xã hộ i phả i đư ợ c thô ng bá o cho ngư ờ i lao độ ng, và khô ng đư ợ c phé p thô a thuậ n vớ i ngư ờ i lao độ ng rồ i khô ng nộp khoả n phí bả o hiể m xã hộ i theo yê u cầ u củ a phá p luậ t.

Nhà máy

Công việc liên quan đến tuyển dụng phát sinh do người lao động làm việc hay từ nơi tuyển dụng và vì công việc, người a vụ tuyển dụng hoặc quan hệ tuyển dụng.

Chức năng xã hội liên quan đến nghề nghiệp, hộ tịch và buổi đầu tạo, đi công tác chỉ định thứ, chuẩn bị bữa trưa, bữa tối hoặc sự kiện cho khách hàng hoặc đối tác, trò chuyện qua điện thoại, truyền thông qua phương tiện điện tử.

Cấp bậc hành

Điều 8 Luật Tiêu chuẩn Lao động

(Cấp bậc hành) Người sử dụng

không thể bỏ hành người lao động vì bất kỳ lý do nào khác hoặc phá sản sinh tại nạn.

Đối xử vô nhân đạo

RBA quy định cá nhân vi phạm xử vô nhân đạo như quá yếm i từ nh dự c, lạm dụng từ nh dự c, từ nh dự c, ép buộc tinh thần hoặc thể chất, bạo lực, bạo lực từ nh dự c, bắt nạt và là m xấ u hổ nơi công cộng.

Kỷ luật

Điều 23 của luật tiêu chuẩn lao động

(giới hạn sa thải, v.v.) Người sử dụng

sa thải, nghỉ việc, đình chỉ công việc, chuyển công tác, cắt giảm lương và các hình phạt khác mà không có lý do chính đáng đối với người lao động. (懲罰)

Đào tạo phòng chống quấy rối tình dục

Điều 13 của Luật về việc làm

đảm bảo nam và nữ và hỗ trợ cân

bảo vệ công việc gia đình

(Đào tạo phòng chống quấy rối tình dục tại Nhà máy) Chủ doanh nghiệp phải thực hiện đào tạo để phòng chống quấy rối tình dục tại Nhà máy, tạo điều kiện cho người lao động làm việc trong môi trường lao động an toàn, theo đó chủ doanh nghiệp và người lao động phải được đào tạo phòng chống quấy rối tình dục. (Điều 3 Nghị định quy định rõ phải trên mỗi năm 1 lần)

A5) Đối xử nhân đạo

Nhà máy phải cố gắng hết sức để loại bỏ những hành vi tàn nhẫn tại nơi làm việc, không được đối xử tàn nhẫn và vô nhân đạo bao gồm quấy rối tình dục, lạm dụng từ nh dự c, từ nh dự c thể xác, ép buộc tinh thần hoặc thể chất, chứ i bớ i đối xử với người lao động. Nhà máy phải quy định rõ ràng chỉ nh sách kỷ luật và từ nh tự đối xử hành vi phi nhân đạo để đảm bảo việc đối xử nhân đạo, cũng như thông báo cho người lao động về chỉ nh sách và thủ tục đó.

A5.1 Không được quấy rối tình dục, lạm dụng từ nh dự c, từ nh dự c, ép buộc tinh thần hoặc thể chất, bạo lực, bạo lực, bạo lực, lạm dụng từ nh dự c, gây ra sự xấu hổ công cộng, chế i nh i thể chất, cô lập khỏi gia đình.

① Hạ ng mục tiêu thủ i hiệ n từ nh dự c

- Không được phá sản việc đối xử vô nhân đạo.

② Hạ ng mục tiêu thủ i hiệ n từ nh dự c

- Không được có ghi chép về sự đối xử vô nhân đạo trong lịch sử xử lý khó khăn. Trong từ nh dự c hợp pháp hiệ n ra từ nh dự c hợp pháp, ngay lập tức có biện pháp khắc phục thích hợp và quả n lý hồ sơ.
- Không được bao gồm các biện pháp kỷ luật vô nhân đạo trong hồ sơ kỷ luật.

A5.2 Thiết lập chính sách và thủ tục phù hợp và hiệu quả liên quan đến môi trường là m việc c mang tí nh con ngư ờ i và đố i xử cô ng bằ ng vớ i ngư ờ i lao độ ng, và phả i thô ng bá o cho tất cả ngư ờ i lao độ ng.

① Hạ ng mục tuâ n thủ tà i liệ u/ghi ché p

- Cần thiết lập một chính sách kỷ luật để cấ m quấ y rố i tì nh dụ c và lạ m dụ ng thể chấ t.
- Chính sách kỷ luật phả i đư ợ c thự c hiệ n trao đố i hoặ c đầ o tạ o cho ngư ờ i lao độ ng và ngư ờ i quả n lý thô ng qua đầ o tạ o, số tay, bằ ng thô ng bá o.
- Quy đì nh kỷ luật phả i ghi rõ cá c điề u sau:
 - Loạ i hì nh kỷ luật và trì nh tự quyế t đì nh kỷ luật.
 - Quy trì nh xử lý khó khả n/bấ t mã n mà ngư ờ i lao độ ng bá o cá o cá c trư ờ ng hợ p đố i xử vô nhâ n đạ o.
 - Thủ tục điề u tra và xử lý phàn nà n/khiế u nạ i
- Trong trư ờ ng hợ p phá t sinh hà nh vi phi nhâ n đạ o, ngư ờ i lao độ ng phả i vậ n hà nh thủ tục có thể khai bá o ẩ n danh mà khô ng có lo ngạ i trả thù , chỉ đì nh ngư ờ i phụ trá ch và quả n lý .

A5.3 Theo trì nh tự kỷ luật, phải i tiế p nhậ n sự xem xé t củ a ban quả n lý , thự c hiệ n xử lý kỷ luật và quả n lý hồ sơ .

① Hạ ng mục tuâ n thủ tà i liệ u/ghi chế p

- Phải i thiế t lậ p cá c quy đị nh kỷ luật khô ng bao gồ m cá c hoạ t độ ng phi nhâ n đạ o và đá p ứ ng cá c yê u cầu phá p lý .
- Phải i quả n lý và duy trì hồ sơ về tấ t cả cá c quyế t đị nh kỷ luật.
- Tấ t cả cá c quyế t đị nh kỷ luật phải i đư ợ c thô ng bá o cho ngư ờ i lao độ ng, phải i có chữ ký hoặ c xá c nhậ n củ a ngư ờ i lao độ ng.
- Tuyền t đố i khô ng đư ợ c phé p trả đũa ngư ờ i khai bá o, phải i liê n tụ c vậ n hà nh cá c thủ tụ c phò ng chố ng trả đũa và cả i thiệ n ngay lậ p tứ c trong trư ờ ng hợ p cần bổ sung cá c thủ tụ c.

Giải thích thuật ngữ

Cấm phân biệt đối xử

Trong Luật về bình đẳng lao động nam nữ và hỗ trợ song song công việc - gia đình

có các quy định sau liên quan đến phân biệt đối xử nam nữ.

Điều 7 (Tuyển dụng) Chủ doanh nghiệp không được phân biệt nam nữ khi tuyển dụng, tuyển dụng lao động nữ. Khi tuyển dụng, việc mà ông không cần thiết để thực hiện nhiệm vụ đó. · Chiều cao · Điều kiện thể chất như cân nặng, chưa kể hôn nhân, Ngoài ra, không được đưa ra hoặc yêu cầu điều kiện quy định bởi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 8 (Tiền lương) Chủ doanh nghiệp phải trả cùng một mức lương cho cùng một giá trị lao động trong cùng một môi trường.

Điều 9 (Tiền và quà tặng ngoài lương, v.v.) Chủ doanh nghiệp không được phân biệt nam nữ trong phúc lợi xã hội như cho vay vốn hay thanh toán tiền để hỗ trợ cuộc sống của người lao động ngoài tiền lương.

Điều 10 (Đào tạo - Bố trí và thăng tiến) Chủ doanh nghiệp không được phân biệt nam nữ trong việc đào tạo - bố trí và thăng tiến của người lao động.

Điều 11 (Tuổi nghỉ hưu - Nghỉ hưu và sa thải) Chủ doanh nghiệp không được phân biệt đối xử giữa nam và nữ trong độ tuổi nghỉ hưu - nghỉ hưu và sa thải người lao động và chủ

A6) Cấm phân biệt đối xử / bất bình đẳng

Nhà máy phải đảm bảo các hoạt động tuyển dụng như việc là m, tiền lương, thăng tiến, bồi thường, cung cấp cơ hội đào tạo không trở thành rào cản cho sự phân biệt đối xử hoặc quá rõ ràng về chủ ngữ, mà u da, tuổi tác, giới tính, khuynh hướng tính dục, nhận thức giới tính, dân tộc/quốc gia xuất thân, khuyết tật hay không, có thai hay không, tôn giáo, khuynh hướng chính trị, thân phận người nhập cư, xuất thân hay không, thông tin di truyền họ có là đối tượng được bảo vệ, kết hôn hay không. Ngoài ra, nhà máy phải có biện pháp hợp lý để có thể tiếp nhận các tập quán tôn giáo của người lao động. Ngoài ra, ngoài mục đích phá bỏ sự phân biệt về môi trường là m việc hoặc theo luật sức khỏe an toàn không thể yêu cầu người lao động hoặc ứng viên tuyển dụng khám sức khỏe hoặc kiểm tra thai sản có thể được sử dụng là m rào cản cho sự phân biệt đối xử.

A6.1 Không được phân biệt đối xử với bất kỳ lý do nào.

① Hạ ngũ mục tiêu thủ tục hiệu quả

- Không được có trường hợp liên quan đến phân biệt đối xử tại Nhà máy.

② Hạ ngũ mục tiêu tài liệu/ghi chép

- Cấm phân biệt đối xử với phụ nữ mang thai
 - Bảo vệ việc là m sau khi mang thai/sinh con và tuân thủ các quy định và quy định về phúc lợi xã hội, tiền lương.
 - Không được từ chối hỗ trợ tuyển dụng và các vị trí không gây hại cho phụ nữ mang thai và những người dự định sinh con sau khi sinh.
 - Cấm người lao động mang thai hoặc sa thải với mục đích từ bỏ việc mang thai, Không được đe dọa lao động nữ do các hành vi phân biệt đối xử không công bằng như không công nhận đào tạo liên tục, cắt giảm lương.
 - Cần thực hiện các biện pháp hợp lý như chuyển đổi công việc sang công việc không nguy hiểm để đảm bảo an toàn và sức khỏe cho thai nhi.
 - Không được yêu cầu kiểm tra thai sản với điều kiện tuyển dụng hoặc là m việc liên tục.
- Cấm phân biệt đối xử dựa trên khám sức khỏe

Giải thích thuật ngữ

Phân biệt đối xử

Điều 6 Luật Trẻ em của Lào

độ ng (đối xử bình đẳng)

Ngừ ở i sử dụ ng khô ng thể
phân biệt đối xử vớ i ngừ ở i
lao độ ng vì lý do giới tính
nam nữ , và khô ng thể phân
biệt đối xử vớ i điều kiện
lao độ ng vì quốc
tị ch · tị n ngừ ở ng hoặc c
thân phận xã hộ i.

Điều 2 của Luật về bình

đẳng lao độ ng nam nữ và

hỗ trợ song song công

việc · gia đình (định

nghĩa) "Phân biệt đối xử "

là trừ ở ng hợp p ngừ ở i sử
dụ ng lao độ ng thay đổi i điều
kiện lao độ ng hoặc là m
việc hoặc thực hiện cá c
biện pháp bất lợi i khác c đối
vớ i ngừ ở i lao độ ng mà
khô ng có lý do chính
đáng, chẳng hạn như giới
tính, hôn nhân, đị a vị
trong gia đình, mang thai
hoặc sinh con[Bao gồm m
trừ ở ng hợp p chủ doanh
nghiệp p khô ng thể chứ ng
minh rằng điều kiện tuyển
dụ ng hoặc điều kiện là m
việc là hợp lý , nam hoặc
nữ có thể đá p ứng điều
kiện đó í t hơ n đáng kể so
vớ i một giới khác c].

- Khô ng nên đưa ra bất kỳ quyết đị nh tuyển dụ ng nào có
ảnh hưởng tiêu cực đến tỉ nh tuyển dụ ng dựa trên hồ
sơ khá m sức khỏe cá nhâ n, ngoại trừ trừ ở ng hợp p quyết
địn h này là cần thiết do cá c yêu cầu u vớ n có củ a công việc
hoặc mong muốn cho an toàn Nhà má y.
- Khô ng đư ợ c phân biệt đối xử vớ i ngừ ở i lao độ ng trong quyết
địn h điều kiện đủ điều kiện cho chứ c vụ đó vì từ chỗ i
kiể m tra y tế đối vớ i cá c chứ c vụ khô ng cần kiể m tra y tế .
- Kiể m tra sức khỏe, kiể m tra thai sản, trá nh thai, kiể m tra trình
tiế t khô ng đư ợ c đưa và o điều kiện tuyển dụ ng. (Mộ t số
trừ ở ng hợp p, chí nh quyền đị a phư ơ ng đang yêu cầu khá m
sức khỏe ngừ ở i lao độ ng nư ớ c ngoài i trừ ở c khi cấp visa lao
độ ng).
- Khô ng đư ợ c yêu cầu kiể m tra y tế khi nó có thể đư ợ c sử
dụ ng như mộ t phư ơ ng tiện phân biệt đối xử vớ i ngừ ở i lao
độ ng hoặc ngừ ở i lao độ ng tiềm năng.
- Phải có nhữ ng nỗ lự c hợp lý như điều chỉnh giờ là m việc,
cung cấp thiết bị đặc biệt, đảm bảo o thời gian nghỉ ngơi,
đảm bảo o thời gian điều trị bệ nh việc, điều chỉnh thời gian
nghỉ bệ nh, điều chỉnh phụ c hồ i chứ c vụ cho ngừ ở i lao độ ng
mắc bệ nh mãn tị nh.
- Khô ng đư ợ c yêu cầu kiể m tra việ m gan B hoặc HIV như điều
kiện tuyển dụ ng hoặc là m việc liên tục.
- Kiể m tra thai sản hoặc khá m sức khỏe trừ ở c hoặc sau khi
tuyển dụ ng chỉ nên đư ợ c thực hiện trong cá c trừ ở ng hợp p
sau:
 - Trừ ở ng hợp p pháp luật yêu cầu
 - Nếu u bằng vă n bản xác đị nh tư cá ch nhâ n việ n y tế (bá c
sĩ , y tá , v.v.) là cần thiết để thực hiện công việc trong
mộ t mô i trừ ở ng là m việc cụ thể .
 - Nếu u ngừ ở i lao độ ng đồn g ý bằng vă n bản n
- Phải xác đị nh và đánh giá rõ ràng cá c công việc cần quả n
lý như phụ nữ mang thai, ngừ ở i dư ớ i 1 năm sinh, ngừ ở i lao
độ ng thanh thiệ u niên, và thô ng báo cho ngừ ở i lao độ ng
trừ ở c khi bố trí công nhâ n, khi tuyển dụ ng, sắp xếp công
việc mới.
- Kiể m tra xem có phân biệt đối xử vớ i công nhâ n đư ợ c
báo hộ trong tuyển dụ ng và sa thải i nhâ n việ n hay khô ng
- Khô ng đư ợ c phân biệt đối xử nếu hồ sơ tuyển dụ ng và sa
thải i khô ng đư ợ c chứ ng minh rằng ứng việ n khô ng có khả
năng thực hiện cá c yêu cầu công việc.
- Khô ng nên có yếu tố phân biệt trong thô ng báo tuyển dụ ng
và quả ng cá o tuyển dụ ng.

Hoạ t độ ng tô n giá o

Đ ể cung cấ p sự tiệ n lợ i hợ p lý cho cá c hoạ t độ ng tô n giá o, RBA yê u cầ u Ngư ờ i lao độ ng khô ng bị phâ n biệ t đố i xử dự a trê n tô n giá o. Đ a số nhữ ng ngư ờ i lao độ ng theo tô n giá o nhấ t đị nh yê u cầ u xử lý cung cấ p thờ i gian hoặ c cơ sở vậ t chấ t đ ể thự c hiệ n nghĩ a vụ tô n giá o.

A6.2 Cầ n thiế t lậ p và hiệ u cá c chí nh sá ch và thủ tộ c phù hợ p và hiệ u quả đ ể cấ m phâ n biệ t đố i xử và quá y rố i.

① Hạ ng mụ c tuầ n thủ tà i liệ u/ghi ché p

- Cầ n thiế t lậ p chí nh sá ch cấ m phâ n biệ t đố i xử có bao gồ m cá c nộ i dung sau.
 - Trừ trừ ờ ng hợ p đư ợ c phá p luậ t đị a phư ơ ng cho phé p, cấ m kế t hô n theo chủ ng tộ c, mà u da, tuổ i tá c, giớ i tí nh, sở thí ch tì nh dụ c-, quố c gia, khuỷế t tậ t, mang thai, khuỷnh hư ớ ng tô n giá o, chí nh trị , quâ n độ i, và cá c vấ n đề khá c.
 - Ngoà i việ c cầ n cứ theo luậ t sứ c khỏ e an toà n và mụ c đí ch nhằ m đá nh giá tí nh phù hợ p về mô i trư ờ ng lam việ c khô ng đư ợ c yê u cầ u kiế m tra thai sả n hoặ c khá m sứ c khỏ e, và cấ m phâ n biệ t đố i xử theo kế t quả kiế m tra.
 - Bấ t kỳ cô ng nhâ n nà o cũ ng khô ng bị trừ ng phạ t hoặ c trắ thù do cung cấ p thô ng tin về phâ n biệ t đố i xử .
- Khi quyế t đị nh tuyế n dụ ng, tuyế n dụ ng (bồ i thư ờ ng, thả ng tiế n, cơ hộ i đầ o tạ ov.v.) hoặ c sa thả i ngư ờ i lao độ ng phả i dự a trê n nă ng lự c và thà nh tí ch cô ng việ c củ a ngư ờ i lao độ ng.
- Phả i xá c đị nh rõ rà ng "điề u kiệ n tư cá ch nghè nghiệ p" chứ khô ng phả i nhâ n cá ch cá nhâ n trong bả n kỹ thuậ t đủ điề u kiệ n theo từ ng cô ng việ c.
- Đ ể đả m bả o rằ ng khô ng có sự phâ n biệ t đố i xử bị cấ m tạ i nhà má y, cầ n phả i kiế m tra đị nh kỳ cá c thô ng lệ tuyế n dụ ng, hồ sơ bồ i thư ờ ng, đá nh giá nhâ n viê n và tà i liệ u thả ng tiế n, hồ sơ đầ o tạ o, chí nh sá ch và thủ tộ c về phú c lợ i xã hộ i củ a nhâ n viê n, sa thả i/kỷ luậ t.
- Phả i chỉ đị nh ngư ờ i phụ trá ch thự c hiệ n thủ tộ c và chí nh sá ch cấ m phâ n biệ t đố i xử .
- Kiế m tra sứ c khỏ e, hồ sơ y tế phả i đư ợ c bả o quâ n sao cho thô ng tin cá nhâ n khô ng bị rò rỉ theo quy đị nh củ a phá p luậ t.

② Đ à o tạ o/Giao tiế p

- Chính sách và thủ tục cấp phép phân biệt đối xử phải được thực hiện dựa trên việc người lao động, giá m sát viên, ban giám đốc, lưu trữ hồ sơ và tài liệu dựa trên. Giá m sát viên và người quản lý phải được đào tạo lại hàng năm.
- Phải thực hiện dựa trên để phòng ngừa sự phân biệt đối xử đối với nhân viên có liên quan đến hoạt động có thể phát sinh phân biệt đối xử.
- Cần thực hiện dựa trên luật cấp phép phân biệt đối xử liên quan và phươ ng châm cấp phép phân biệt đối xử đối với địa điểm cơ quan tuyển dụng/công ty bên.

A6.3 Cần tạ o sự thuậ n tiệ n hợ p lý cho hoạ t độ ng tô n giá o.

① Hạ ng mụ c tuâ n thủ tạ i hiệ n trư ờ ng

- Trư ờ ng hợ p đa số ngư ờ i lao độ ng cần phò ng cầ u nguyệ n để thự c hiệ n nghi thứ c tô n giá o thì phả i cung cấ p khô ng gian sạ ch sẽ và an toà n.

② Hạ ng mụ c tuâ n thủ tà i liệ u/ghi ché p

- Cần thiế t lậ p cá c thủ tậ c phù hợ p và hiệ u quả để điề u chỉ nh hợ p lý mô i trư ờ ng là m việ c để ngư ờ i lao độ ng có thể thự c hiệ n ý thứ c tô n giá o trong thờ i gian đi là m hoặ c trong quá trì nh xin việ c.
- Ban giá m đố c phả i chấ p nhậ n hợ p lý yê u cầ u hoạ t độ ng tô n giá o củ a ngư ờ i lao độ ng như sau.
 - Thay đố i lị ch trì nh
 - Nhâ n lự c thay thế tự nguyệ n và thay thế ca kí p
 - Thay đố i chứ c vụ , di chuyể n theo chiề u ngang
 - Quy đị nh về trang phụ c
 - Sử dụ ng cơ sở vậ t chấ t củ a ngư ờ i sử dụ ng lao độ ng
 - Quy trì nh kiể m tra và sà ng lọ c
- Đ à o tạ o cho ngư ờ i lao độ ng và giá m sá t về cá c thủ tậ c mang lạ i tiệ n í ch tô n giá o hợ p lý , phư ơ ng phá p yê u cầ u và đ à o tạ o lạ i hà ng nă m.
- Phả i thiế t lậ p mộ t hệ thố ng tiế p nhậ n yê u cầ u tiệ n í ch tô n giá o.
 - Tiế p nhậ n yê u cầ u và xem xé t, và cung cấ p lý do thí ch hợ p để quyế t đị nh và quyế t đị nh về việ c cung cấ p tiệ n í ch (hoặ c từ chố i cung cấ p) cho ngư ờ i yê u cầ u.
 - Yê u cầ u về sự tiệ n nghi tô n giá o hợ p lý sau khi tì m kiể m phư ơ ng á n (bao gồ m cả lự a chọ n bên ngoà i Nhà má y) có thể bị từ chố i vì nhữ ng lo ngạ i về an toà n và an ninh và /hoặ c ả nh hư ở ng đá ng kể đế n hoạ t độ ng kinh doanh, chi phí vậ n hà nh hoặ c nhữ ng ngư ờ i lao độ ng khá c.
- Việ c cung cấ p tiệ n í ch tô n giá o phả i phù hợ p vớ i nội i dung quy đị nh trong hiệ p ư c tậ p thể và nế u có sự khá c biệ t, phả i thả o luậ n vớ i đặ i điệ n cô ng nhâ n ở mứ c

độ khô ng xâ m phạ m quyề n riê ng tư củ a ngư ờ i lao độ ng
yê u cầ u thiế t bị tiệ n í ch tô n giá o.

Thà nh lậ p cô ng đoà n

RBA đị nh nghĩ a rằ ng cá c giá m đố c điề u hà nh khô ng đư ợ c can thiệ p trư c tiế p hoặ c giá n tiế p và o quá trì nh bầ u cử liê n quan đế n việ c thà nh lậ p, cô ng nhậ n hoặ c kiể m soá t cô ng đoà n đế ngư ờ i lao độ ng có thể thà nh lậ p hoặ c gia nhậ p cô ng đoà n.

Cô ng đoà n

Điề u 2 củ a Luậ t Cô ng đoà n và
Điề u 4 chĩ nh quan hệ lao độ ng
(chĩ tiế t) Cô ng đoà n lao độ ng hoặ c tổ chứ c liê n hiệ p đư ợ c coi là mộ t tổ chứ c cô ng đoà n vớ i mụ c đĩ ch duy trì điề u kiệ n lao độ ng và nâ ng cao vị thế kinh tế và xã hộ i củ a ngư ờ i lao độ ng. Trong cá c trư ờ ng hợ p sau đâ y, cô ng đoà n khô ng đư ợ c cô ng nhậ n:

- Trư ờ ng hợ p cho phé p ngư ờ i sử dụ ng hoặ c ngư ờ i luô n hà nh độ ng đạ i điệ n cho lợ i í ch củ a họ tham gia
- Trư ờ ng hợ p nhậ n việ n trợ từ ngư ờ i sử dụ ng phầ n chí nh củ a chi phí
- Trư ờ ng hợ p chỉ nhằ m mụ c đĩ ch khấ u trư và bở i dư ờ ng phú c lợ i khá c
- Trư ờ ng hợ p cho phé p ngư ờ i khô ng phả i là cô ng nhậ n gia nhậ p
- Trư ờ ng hợ p chủ yế u nhằ m mụ c đĩ ch vậ n độ ng chí nh trị

Thư ợ ng lư ợ ng

Điề u 30 củ a Luậ t điề u chĩ nh
quan hệ lao độ ng và cô ng đoà n
(nguyê n tắ c đầ m phá n, v.v.)
Cô ng đoà n, ngư ờ i sử dụ ng lao độ ng hoặ c tổ chứ c ngư ờ i sử dụ ng lao độ ng phả i thư ợ ng lư ợ ng mộ t cá ch trung thự c và kị kế t hiệ p ư ớ c tậ p thể , khô ng đư ợ c lậ m dụ ng quyề n hạn củ a họ , và khô ng đư ợ c từ chố i hoặ c bấ i bỏ hiệ p ư ớ c tậ p thể mà khô ng có lý do chí nh đắ ng.

A7) Tự do đoà n thể

Theo phá p luậ t đị a phư ơ ng, nhà má y phả i tôn trọ ng việ c ngư ờ i lao độ ng có quyề n tự do tổ chứ c cô ng đoà n, gia nhậ p cô ng đoà n, tự do liê n kế t vớ i ngư ờ i lao độ ng khá c cho cá c hiệ p ư ớ c tậ p thể và cá c cuộ c tụ tậ p/biể u tì nh hò a bì nh, và tôn trọ ng việ c ngư ờ i lao độ ng có quyề n khô ng tham gia hoặ c tham gia và o cá c hoặ t độ ng như vậ y. Ngư ờ i lao độ ng hoặ c đạ i điệ n củ a họ phả i có khả nă ng giao tiế p cô ng khai vớ i ban giá m đố c, chia sẻ nhữ ng suy nghĩ và mố i lo lắ ng củ a họ về điề u kiệ n là m việ c và thô ng lệ kinh doanh mà khô ng sợ phâ n biệ t đố i xử , trả thù , đe dọa hoặ c bắ t nặ t.

A7.1 Ngư ờ i lao độ ng phả i đắ m bả o thà nh lậ p hoặ c gia nhậ p cô ng đoà n vớ i ý chí tự do củ a mì nh.

① Hạ ng mụ c tuầ n thủ tậ i hiệ n trư ờ ng

- Khô ng đư ợ c sử dụ ng bậ o lự c hoặ c đe dọa bắ t kỳ loạ i nà o đố i vớ i việ c thà nh lậ p cô ng đoà n.

② Hạ ng mụ c tuầ n thủ tà i liệ u/ghi ché p

- Phả i thiế t lậ p chí nh sá ch tôn trọ ng quyề n lợ i củ a ngư ờ i lao độ ng mà ngư ờ i lao độ ng có thể thà nh lậ p và gia nhậ p cô ng đoà n và phả i giao tiế p vớ i ngư ờ i lao độ ng bằ ng ngô n ngữ mà ngư ờ i lao độ ng hiể u.
 - Ngư ờ i lao độ ng đư ợ c phé p thà nh lậ p cô ng đoà n hoặ c gia nhậ p (hoặ c từ chố i) và tổ chứ c cô ng đoà n đặ c lậ p vớ i ban giá m đố c. Ban giá m đố c khô ng đư ợ c trư c tiế p hoặ c giá n tiế p cả n trở quá trì nh tiế n hà nh bầ u cử liê n quan đế n việ c thà nh lậ p, cô ng nhậ n hay kiể m soá t cô ng đoà n. Ngay cả khi cô ng đoà n khô ng tồn tạ i, bả n thâ n nó cũ ng khô ng vi phạm.
- Khô ng đư ợ c vi phạm quyề n lợ i đố i vớ i tự do đoà n kế t hoặ c đe dọa bằ ng vậ n bả n hoặ c tấ t cả cá c loạ i khá c.

Hội i đồ ng quả n lý lao độ ng

Đ iều u 4 Luậ t về tă ng cư ờ ng hợ p tá c và tham gia củ a ngư ờ i lao độ ng (Thà nh lậ p Hội i đồ ng lao độ ng)

Nhà má y có trê n 30 ngư ờ i lao độ ng thư ờ ng xuyên phải i thà nh lậ p hội i đồ ng lao độ ng và tổ chứ c cá c cuộ c hợ p đị nh kỳ 3 thá ng mộ t lầ n theo đ iều u 12(hội i nghị).

A7.2 Phải i tô n trọ ng quyề n lợ i phá p lý củ a tất t cả ngư ờ i lao độ ng mà khô ng thư ờ ng lợ ng vớ i tổ chứ c lao độ ng hoặ c khô ng là m như vậ y.

① Hạ ng mụ c tuâ n thủ tạ i hiệ n trư ờ ng

- Khô ng nề n có bằ ng chứ ng cho thấ y ban quả n lý từ chố i đầ m phá n về yê u cầ u củ a cô ng đoà n.

② Hạ ng mụ c tuâ n thủ tà i liệ u/ghi ché p

- Khô ng đư ợ c có bằ ng chứ ng nà o cho thấ y ban giá m đố c từ chố i tham gia đầ m phá n về yê u cầ u củ a cô ng đoà n.
- Chí nh sá ch củ a cô ng ty phải i bao gồ m nộ i dung cô ng nhậ n quyề n lợ i mà ngư ờ i lao độ ng thỏ a thuậ n tậ p thể hoặ c khô ng là m như vậ y.
- Tham gia và o quá trì nh đầ m phá n tậ p thể cù ng vớ i cô ng đoà n có tư cá ch đầ m phá n.

A7.3 Tất cả công nhân không chỉ có quyền tổ chức một cuộc biểu tình hòa bình mà còn phải tôn trọng quyền không tham gia cuộc biểu tình.

① Hạ ng mục tiêu thu thập hiệu năng

- Phải đảm bảo quyền lợi của các cuộc biểu tình hòa bình.

② Hạ ng mục tiêu tài liệu/ghi chép

- Trong chính sách của công ty, phải ghi rõ quyền lợi của người lao động, cá nhân hoặc tập thể có thể hiện sự quan tâm và suy nghĩ của bản thân, thúc đẩy, ủng hộ, hoặc quyền không làm như vậy, và phải giao tiếp với người lao động bằng ngôn ngữ mà người lao động có thể hiểu được.
- Trong quy trình chấm/ghi chép của công ty phải bao gồm các nội dung sau.
 - Tôn trọng quyền lợi của người lao động trong cuộc biểu tình hòa bình, quyền không tham gia.
 - Không cản trở, ngăn chặn hoặc ép buộc người lao động khi thực hiện quyền biểu tình hòa bình của người lao động hoặc quyền không tham gia.
 - Cần chuẩn bị thời gian, địa điểm, quy trình hợp lý để duy trì môi trường làm việc lành mạnh, an toàn và hiệu quả.

Danh sá ch đen

Việ c đã ng ký đen nê n bị cấ m để lậ p, duy trì , sử dụ ng và /hoặc c lan truyề n danh sá ch nhâ n viê n tiề m nã ng cho mụ c đĩ ch từ chố i tuyế n dụ ng hoặc c trừ ng phạ t khá c theo cá c tiề u chí khô ng liê n quan đế n tì nh trạ ng hoặc c cô ng việ c đư ợ c bả o vệ hợ p phá p như khuyñh hư ớ ng chí nh trị hoặc c việ c gia nhậ p cô ng đoà n.

Quyế t đị nh liê n quan đế n tuyế n dụ ng

Đ iề u kiệ n là m việ c củ a ngư ờ i lao độ ng như tuyế n dụ ng, sa thả i, phâ n cô ng cô ng việ c, bô i thư ờ ng, thả ng tiế n, giá ng chứ c, thuyề n chuyế n, đầ o tạ o (việ c là m), kỷ luậ t, chỉ đị nh ngư ờ i lao độ ng, cũ ng như thờ i gian là m việ c, nghi phé p, biệ n phá p an toà n sứ c khỏ e lao độ ng tạ i Nhà má y.

A7.4 Khô ng đư ợ c phâ n biệ t đố i xử hoặc c đố i xử bấ t cô ng giữ a ngư ờ i đã ng ký cô ng đoà n hoặc c đặ i diệ n cô ng nhâ n và ngư ờ i lao độ ng chư a gia nhậ p cô ng đoà n.**① Hạ ng mụ c tuâ n thủ tạ i hiệ n trư ờ ng**

- Khô ng có bằ ng chứ ng nà o cấ m đoà n kế t nố i bậ t.

② Hạ ng mụ c tuâ n thủ tà i liệ u/ghi ché p

- Cá c nộ i dung sau đâ y phả i đư ợ c ghi rõ trong phư ơ ng châ m/tà i liệ u.
 - Khô ng đư ợ c có sự phâ n biệ t giữ a thà nh viê n cô ng đoà n và phi cô ng đoà n trong lư ợ ng, thả ng chứ c, đầ o tạ o, kỷ luậ t, tuyế n dụ ng và nghi việ c.
 - Khô ng đư ợ c sa thả i, kỷ luậ t, đe dọa a ngư ờ i lao độ ng để lô i ké o hoặc c là m nã n lò ng việ c thà nh lậ p, gia nhậ p cô ng đoà n lao độ ng như sau.
 - Thà nh lậ p, gia nhậ p và /hoặc c tham gia cô ng đoà n.
 - Thự c hiệ n quyề n hạ n phá p lý để tham gia đầ m phá n tậ p thể
 - Tổ chứ c hoặc c tham gia đĩ nh cô ng và biể u tì nh hợ p phá p
 - Đư a ra vấ n đề vớ i ban lã nh đạ o về việ c tuâ n thủ hiệ p ư ớ c thư ợ ng lư ợ ng tậ p thể hoặc cá c quy đị nh khá c.
 - Phí gia nhậ p cô ng đoà n và hộ i phí cô ng đoà n khô ng đư ợ c khấ u trừ từ tiề n lư ợ ng mà khô ng có sự đồ ng ý bằ ng vấ n bả n và biể u hiệ n rõ rà ng củ a ngư ờ i lao độ ng.

A7.5 Khô ng đư ợ c cấ gắ ng kiể m soá t hoặ c kiể m soá t cô ng đoà n.

① Hạ ng mụ c tuâ n thủ tậ i hiệ n trư ờ ng

- Ban giá m đố c khô ng đư ợ c kiể m soá t cô ng đoà n.

② Hạ ng mụ c tuâ n thủ tậ i liệ u/ghi ché p

- Trong phư ơ ng châ m đề cậ p đế n tự do đoà n thể , cầ n bao gồ m điề u khoả n khô ng gâ y trở ngạ i cho hoạ t độ ng thà nh lậ p·hoạ t độ ng củ a cô ng đoà n và khô ng cung cấ p vố n.
- Hồ sơ tậ i chí nh trong 12 thá ng đế tì m hiể u hồ sơ hộ i nghị cô ng đoà n và trong trư ờ ng hợ p có thể nắ m bắt đư ợ c nguồ n vố n và nguồ n tậ i nguyê n.
- Phí a cô ng ty có thể cung cấ p đị a điể m hợ p và tậ i liệ u hợ p (gsổ tay, bú t viế t) cho hoạ t độ ng củ a cô ng đoà n.
- Tiề n lư ợ ng củ a nhâ n viê n gia nhậ p cô ng đoà n phả i đư ợ c thanh toá n giố ng như nhữ ng ngư ờ i lao độ ng khá c có tay nghề tư ơ ng tự .

B. An toàn và sức khỏe (Health & Safety)

Bá c sĩ cô ng nghiệ p

Đ iề u 22 củ a Luậ t An toà n và Sứ c khỏ e cô ng nghiệ p

(Bá c sĩ cô ng nghiệ p)

Trong mộ t nhà má y sử dụ ng trê n 50 ngư ờ i lao độ ng thư ờ ng xuyên và có ngư ờ i quả n lý sứ c khỏ e khô ng phả i là bá c sĩ , phả i có bá c sĩ cô ng nghiệ p tậ i nhà má y để quả n lý sứ c khỏ e củ a ngư ờ i lao độ ng và ngoà i ra, còn hứ ớ ng dẫ n cô ng việ c cho ngư ờ i quả n lý sứ c khỏ e.

Ngư ờ i chỉ u trá ch nhiệ m chung về an toà n và sứ c khỏ e

Đ iề u 62 Luậ t An toà n và Sứ c khỏ e Cô ng nghiệ p

(Ngư ờ i chỉ u trá ch nhiệ m chung về An toà n và Sứ c

khỏ e) Trư ờ ng hợ p dự á n đư ợ c tá ch ra mộ t phầ n và nhà thầ u là m việ c nằ m trong nhà má y, chủ doanh nghiệ p chỉ địn hư ờ i chỉ u trá ch nhiệ m chung về sứ c khỏ e và an toà n để quả n lý tổ ng thể cô ng việ c nhà m ngẫ n ngư a tại nạ n cô ng nghiệ p xâ y ra khi ngư ờ i lao độ ng sử dụ ng cù ng mộ t nơ i là m việ c.

(Dự á n có trê n 100 ngư ờ i lao độ ng thư ờ ng xuyên, bao gồ m cả ngư ờ i lao độ ng đư ợ c tuyế n dụ ng bở i nhà thầ u phụ củ a doanh nghiệ p theo hợ p đồ ng)

B. Sứ c khỏ e-An toà n(Health & Safety)

Nhà má y phả i xâ y dự ng mô i trư ờ ng là m việ c an toà n và là nh mậ nh cù ng vớ i hệ thố ng quả n lý sứ c khỏ e-an toà n nhằ m để giả m thiế u phá t sinh tai nạ n và bệ nh tậ t liê n quan đế n cô ng việ c, nâ ng cao chấ t lư ợ ng sả n phẩ m/dị ch vụ , giả m thiế u giá n đoạ n sả n xuấ t, duy trì và nâ ng cao nhuệ khí củ a ngư ờ i lao độ ng. Ngoà i ra, trong việ c nắ m bắt t và giả i quyế t vấ n đề sứ c khỏ e-an toà n củ a nhà má y , việ c đầ o tậ o và thu thậ p ý kiế n ngư ờ i lao độ ng là hạ ng mụ c bắt buộ c, phả i đảm bả o cho ngư ờ i lao độ ng có quyề n có thể từ chố i cô ng việ c nguy hiể m, khai bá o mô i trư ờ ng là m việ c yế u ké m.

B1) An toà n cô ng nghiệ p

Nhà má y phả i có đầ y đủ giấ y phé p y tế và an toà n cầ n thiế t, duy trì giấ y phé p đó luô n ở tì nh trạ ng mớ i nhấ t và tuâ n thủ cá c hạ ng mụ c yê u cầ u củ a giấ y phé p. Phả i xá c đị nh và đá nh giá cá c tì nh huố ng tiế p xú c cá c yế u tố rủ i ro tì nh mấ n đố i vớ i an toà n củ a ngư ờ i lao độ ng (ví dụ : điệ n giậ t, hỏ a hoặ n/chá y nổ , rờ i ngã , dẫ n điệ nv.v.) và quả n lý thô ng qua thiế t kế , xử lý mang tí nh kỹ thuậ t và hà nh chí nh phù hợ p, bả o dư ỡ ng duy trì mứ c độ phò ng ngư a, quy trì nh là m việ c an toà n (bao gồ m Lock-out, Tag-out), đầ o tậ o an toà n liê n tậ c. Nế u cầ n thiế t, cầ n phả i cung cấ p cho ngư ờ i lao độ ng cá c thiế t bị bả o vệ cá nhâ n phù hợ p và đầ o tậ o để có thể đố i phó vớ i cá c yế u tố nguy hiể m tư ơ ng ứ ng. Ngoà i ra, ngư ờ i lao độ ng phả i đư ợ c tự do đư a ra cá c vấ n đề liê n quan đế n an toà n củ a cô ng ty mà khô ng sợ bị trả thù đế n từ cô ng ty và cấ p trê n.

B1.1 Tấ t cả cá c giấ y phé p liê n quan đế n an toà n cô ng nghiệ p, phả i đư ợ c kiể m tra và chuẩ n bị giấ y phé p, giấ y chứ ng nhậ n hoặ c bá o cá o, và phả i thự c hiệ n quy trì nh luô n giữ giấ y phé p mớ i nhấ t.

① Hạ ng mụ c tuâ n thủ tậ i hiệ n trư ờ ng

- Giấ y phé p, giấ y phé p và kế t quả kiể m tra mớ i nhấ t liê n quan đế n thiế t bị cụ thể như cầ n cầ u, nồ i hơ i, cầ n trụ c phả i đư ợ c đẫ ng theo yê u cầ u.

Người i quản lý an toàn

Điều 17 Luật An toàn và Sức khỏe Công nghiệp
(Người i quản lý an toàn) Đối với các doanh nghiệp sử dụng trên 50 người lao động thực hiện, cần bổ nhiệm người i quản lý an toàn để thực hiện công việc hỗ trợ chủ doanh nghiệp hoặc người phụ trách quản lý sức khỏe, tư vấn và hướng dẫn cho người i giá m sát quản lý về các vấn đề kỹ thuật liên quan đến an toàn.

Người i quản lý sức khỏe

Điều 18 của Luật An toàn và Sức khỏe Công nghiệp
(Người i quản lý sức khỏe) Đối với các doanh nghiệp sử dụng trên 50 người lao động thực hiện, cần bổ nhiệm người i quản lý an toàn để thực hiện công việc hỗ trợ chủ doanh nghiệp hoặc người phụ trách quản lý sức khỏe, tư vấn và hướng dẫn cho người i giá m sát quản lý về các vấn đề kỹ thuật liên quan đến an toàn.

Người i chỉ u trách nhiệm quản lý an toàn sức khỏe

Điều 15 Luật An toàn và Sức khỏe Công nghiệp
(Người i chỉ u trách nhiệm quản lý an toàn và sức khỏe) Phải bổ nhiệm người i chỉ u trách nhiệm quản lý sức khỏe và an toàn tại Nhà máy có trên 50 người lao động thực hiện.

② Hạ ng mục tiêu thu tà i lệ u/ghi chép

- Tất cả các giá y phép liên quan đến sức khỏe và an toàn công nghiệp theo yêu cầu của pháp luật phải được cấp, tiến hành kiểm tra và bổ nhiệm người i phụ trách liên quan. Phải có giá y phép, giá y chứng nhận hoặc báo cáo kiểm tra, tài liệu chứng minh bổ nhiệm, có thể kiểm tra và có hiệu lực. Giá y phép có thể bao gồm:
 - Xác nhận và kiểm tra an toàn máy móc, thiết bị nguy hiểm, độ c hạ i như cần cẩu, bình áp lực (v.v.)
 - Bổ nhiệm người i chỉ u trách nhiệm quản lý y tế - an toàn, người i quản lý y tế
- An toàn - sức khỏe công nghiệp theo pháp luật và yêu cầu của khách hàng Phải tiến hành kiểm tra và chuẩn bị báo cáo tư vấn.
- Đo mô i trừ ng là m việc, kiểm tra chất lượng nước uống, kiểm tra thiết bị xả thải i cụ c bộ .
- Kiểm tra được thực hiện theo chu kỳ quy định trên giá y phép hoặc theo chu kỳ khách hàng yêu cầu, và không được vượt quá 2 năm.
- Trước khi hết hạn giá y phép hiện tại, cần thiết lập, quản lý, quản lý quy trình đã được thông báo trước để có thể gia hạn và ghi chép lại để có thể theo dõi. (Ví dụ : Thông báo/bà i tập/đặt lịch, v.v. thông qua hệ thống lịch tuấn thủ hoặc hệ thống email)
- Báo cáo kiểm tra xem nước uống có chất gây ô nhiễm nguy hiểm cho khu vực và công việc hay không và phải được kiểm tra. Các nhà cung cấp nước uống địa phương có thể được thay thế bằng các bằng chứng cho thấy họ đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng nước uống của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) hoặc các tiêu chuẩn tương đương.

**B1.2 Yếu tố rủi ro tiềm ẩn của người lao động (ví dụ :
Cần xác định, đánh giá khả năng tiếp xúc với điện
giật, hỏa hoạn/bù ng nổ , rơi, dẫn điện v.v., sử dụng
hệ thống kiểm soát để giảm nhẹ .**

① Hạ ng mục tiêu thuậ t i hiệ n trư ờ ng

- Các chương trình quản lý an toàn sau đây phải được vận hành.
 - Nếu có thể , quản lý phải được thực hiện thông qua kỹ thuật kỹ thuật.
 - Các tòa nhà có kết cấu chắc chắn và phải tuân thủ pháp luật xây dựng của địa phương.
 - Cung cấp lan can an toàn thích hợp cho cầu thang và khu vực làm việc cao độ , và bàn thao tác cao độ phải phù hợp với dung lượng tải.
 - Các lưu ý và biện pháp kiểm soát rủi ro điện như khó khăn phân phối điện, đóng ngắt phân phối điện, xử lý các chương trình vật thể rơi và ổ và ổ xung quanh thiết bị điện phải được thiết lập.
 - Các lối đi dành cho người đi bộ phải được vẽ rõ ràng trong các khu vực sử dụng xe độ ng lực công nghiệp như xe kéo , và nếu có thể , phải được tách ra khỏi khu vực vận hành xe.
 - Tiếng ồn của người lao động như đánh dấu của nhá o, đánh dấu nhận dạng phù hợp phải được thông báo về nguy hiểm về mặt hóa học, vật lý và phụ trợ.
 - Biểu cảm nhá o phải được cung cấp bằng chữ hoặc hình ảnh để tất cả người lao động có thể hiểu được. Trư ờ ng hợp biểu cảm nhá o nguy hiểm về hình ảnh và thị giá c khô ng có chữ thì phải đưa ra để người lao động có thể hiểu được cảm nhá o.
 - Tất cả các phụ kiện phải bảo vệ phải được áp dụng để ngăn ngừa sự tiếp xúc do sự bất cẩn đối với linh kiện có dòng điện chạy qua.
 - Phải hạn chế sử dụng thang kim loại ở nơi có thể tiếp xúc với phần cung cấp điện.
 - Tất cả các thiết bị và thiết bị điện phải được mặt đất hoặc cách điện kép.
 - Tất cả các công tắc ngắt kết nối và bộ ngắt mạch phải được dán nhãn ghi rõ mục đích sử dụng hoặc thiết bị tư ớ ng ứ ng, cho phép con người tiếp cận, được bảo vệ khỏi thiệt hại vật lý và phải để xa vật liệu phát nổ .

Giải thích thuật ngữ

LOTO (Lock Out Tag Out)

Thiết bị khóa và bị khóa được sử dụng cần thiết để bảo vệ người lao động khi tiến hành bảo dưỡng thiết bị hoặc thiết bị

- Dây điện lộ ra và vật liệu cách điện bị mòn hoặc bị hư hỏng phải được sửa chữa hoặc thay thế ngay lập tức và không có kết nối hoặc tab trên dây và cáp.
- Các thiết bị chống rơi thí nghiệm và điểm kết nối dây an toàn phải được cung cấp để người lao động làm việc trong khu vực làm việc cao độ (làm việc trên mái nhà, xe tải nâng cao, cầu thang.v.v.).
- Đối với người lao động có nguy cơ rơi cao hơn 2m, phải cung cấp lan can hoặc đai an toàn thí nghiệm và lan can tiêu chuẩn phải được cung cấp ở bất cứ nơi nào bề mặt hạ tầng hoặc lối đi thấp hơn 1,3m so với tầng liền kề hoặc mặt đất.
- Không gian kín phải được xác định và nếu cần bảo trì hoặc dọn dẹp trong không gian kín, thủ tục ra vào không gian kín phải được xác định và thực hiện.
- Việc bảo quản vật liệu dễ cháy phải được tối thiểu hóa và bảo quản trong khu vực giới hạn có phớt ngăn ngừa phát hiện và dập tắt hỏa hoạn thí nghiệm.
- Để ngăn chặn sự động hơi nưóc, cần có thông gió thí nghiệm để bảo quản các vật liệu dễ cháy và dễ cháy, nếu có khu vực bảo quản hoặc sử dụng các vật liệu dễ cháy hoặc môi trường dễ cháy, nguy cơ đá nh lửa trong khu vực (ví dụ: Phải loại bỏ hút thuốc, tia lửa điện, tiếp xúc với pháo hoa).
- Khi thao tác hỏa hoạn, người giám sát hỏa lực phải được chỉ định và không có vật liệu dễ cháy và dễ cháy trong phạm vi 11 mét (35 feet) trong khu vực thao tác nhiệt độ cao. Phải giám sát bầu khí quyển bằng máy dò khí đột ngột như ng phải ngừng hoạt động khi vượt quá 6% mức độ bùng nổ (LEL của mức độ dễ cháy hoặc dễ cháy thấp). Việc giám sát hỏa khí phải được thực hiện trong vòng 1 tiếng sau khi hoàn thành công việc.
- Cần chuẩn bị rõ ràng cơ chế để đưa ra những lo ngại về an toàn.

② Hạ ng mục tiêu thủ tục liên/ghi chép

- Sau khi đánh giá rủi ro, mỗi giai đoạn phải được đánh giá đầy đủ và phải có khả năng xác định được lý do tại sao giai đoạn này không thể giả i quyết hoàn toàn rủi ro trước khi tiến hành bước tiếp theo.
- Các thủ tục là m việc an toàn phải được thiết lập và ghi chép lại để đề phòng trừ ở ng hợp không thể kiểm soát kỹ thuật hoặc không thể kiểm soát đầy đủ các yếu tố nguy hiểm.

- Các yếu tố nguy hiểm đối với khu vực kín phải được đánh giá trước khi người lao động ra vào.
- Các thủ tục là m việc phải được thực hiện khi xử lý không gian kín, thao tác độ cao (cao hơn 2 mét) và thao tác vũ khí (hàn, hàn, mài, v.v.) và xử lý các hóa chất độc hại.
- Phải tiến hành kiểm tra an toàn hàng ngày cho tất cả các phụ kiện thao tác.
- Phải kiểm tra và bảo trì định kỳ dây điện và lắp đặt điện để tránh nguy cơ điện giật. (Tổn thương dây và phí chếm, mòn dây dẫn, mất màng bảo vệ v.v.)
- Cần thiết lập một chương trình lockout / tagout (LOTO) để là m việc với thiết bị có thể gây thương tích cho người lao động do vận hành bất cẩn thiết bị điện, thiết bị khí nén, máy móc, v.v. và cung cấp các khóa riêng lẻ.
- Thiết lập một hệ thống cấp phép là m việc với lửa để thực hiện công việc có lửa (cắt, hàn, hàn, vv) và giấy phép phải được duy trì trong ít nhất một năm.
- Nhà máy phải thiết lập và thực hiện các thủ tục quản lý và giám sát công việc của nhà thầu theo tất cả các quy định bao gồm nhưng không giới hạn về sức khỏe an toàn.
 - Đảm bảo các yêu cầu về môi trường, an toàn, y tế bao gồm các thủ tục như huấn luyện nhân cấp trước khi bắt đầu công
 - Thực hiện đánh giá rủi ro
 - Báo cáo sự cố môi trường, an toàn-sức khỏe

③ Đào tạo/Giao tiếp

- Tài liệu đào tạo cho người lao động về các yếu tố rủi ro liên quan đến công việc (ví dụ : Phải cung cấp huấn luyện dẫn thao tác an toàn, huấn luyện vận hành, v.v. Các ví dụ về kiểm soát bao gồm các thiết bị bảo vệ cá nhân (kính bảo vệ, găng tay, bị tai), quy trình vận hành (lock out/ tag out, pha trộn hóa chất), kiểm soát kỹ thuật (thông gió, thiết bị an toàn máy móc, hệ thống vòi phun nước tòa nhà). Người lao động phải được đào tạo ít nhất

một năm về môi trường là một việc nguy hiểm trực tiếp khi vào không gian kín.

- Các thủ tục khuyến khích người lao động đưa ra các hạ ng mục lo ngại về an toàn và hư ớ ng dẫn của người lao động phải được thực hiện/sử dụng. (Ví dụ : Hệ thống thư ớ ng, v.v.)
- Thủ tục và n bản phải bao gồm phư ớ ng phá p đá nh giá , thực hiện chư ớ ng trì nh và thông báo cho người lao động.

[Pháp luật Trung Quốc]

Người i lao động phải i mặt c
đồ bảo hộ cá nhân phù
hợp.

Law of the People's Republic of
China on the Prevention and
Control of Occupational
Diseases, article 34 : The
worker shall wear the required
PPE properly

B1.3 Phải luôn đeo đồ bảo hộ an toàn đúng cách ở những nơi có nguy cơ tiếp xúc với nguy cơ độ c hại i củ a người i lao động hoặc xử lý các yếu tố gây hại i đế n sức khỏe và an toàn.

① Hạ ng mục c tuân thủ tậ i hiệ n trư ở ng

- Phải đã ng biế u thị đeo đồ bảo hộ để thông báo cho
người i lao động về điều kiện củ a đồ bảo hộ .
- Những người i lao động thực hiệ n công việ c trong khu vực
cần thiết t phải đeo đồ bảo hộ theo thủ tậ c liên quan đế n
đồ bảo hộ .
- Đồ bảo hộ phải đeo đư ợ c đã nh dấ u thí ch hợp và tấ t
cả những người i lao động là m việ c hoặc cư trú trong khu
vực phải đeo phù hợp trong mộ t khoảng thờ i gian dà i
(hơn giá trị giới hạ n phơ i bà y).
- Dụng cụ bảo hộ phù hợp với khô ng gian là m việ c củ a
người i lao động phải đư ợ c lựa chọn.
- Dụng cụ bảo hộ phải ở trạ ng thá i tốt, khô ng vư ợ t quá
thờ i gian hiệ u lực và có thể hoạt độ ng đúng cách.
- Dụng cụ bảo hộ phải đư ợ c bảo quản đúng cách và có
thể tiếp cậ n đư ợ c.
- Khi ra và o các đị a điể m có thể tiếp xúc với hó a chất
độ c hại như má y thở hoặc da củ a người i lao động hoặc
là m việ c tạ i đị a điể m tư ơ ng ứ ng, phải đeo í t nhấ t các
đồ bảo hộ (mặ t nạ phò ng độ c, an toàn hó a học, tay á o
dài, găng tay chố ng hó a học, đai bảo vệ mặt, kị nh bảo
vệ mặt).

② Hạ ng mục c tuân thủ tà i liệ u/ghi ché p

- Trư ở ng hợp cần sử dụng đồ bảo hộ , phải chuẩn bị
các thủ tậ c để đảm bảo việ c sử dụng đồ bảo hộ và
các yếu tố thủ tậ c có thể bao gồm:
 - Dấ u hiệ u sử dụng đồ bảo hộ , hư ớ ng dẫn và giá m sát
trư ở ng xuyên củ a các người i quản lý giá m sát kiể m tra Nhà
máy, yê u cầu đồ bảo hộ và thủ tậ c gia hạ n.

- Cần phát triển và thực hiện các thủ tục để đánh giá rủi ro an toàn cho người lao động và xác định các khu vực bảo vệ thích hợp cho các công việc và /hoặc các khu vực thiết bị cụ thể .
 - Các yếu tố nguy hiểm như tiếng ồn, sử dụng hóa chất và thiết bị hạ ng nặng, tư thế bất tiện, thao tác độ cao, nguy hiểm trên đầu phải được đánh giá .
- Đồi bảo hộ được cung cấp miễn phí và không được khấu trừ tiền lương do điều này.

B1.4 Loại trừ phụ nữ mang thai/người lao động đang cho con bú không điều kiện là m việc có rủi ro cao và nơ i là m việc củ a phụ nữ mang thai và ngư ờ i lao độ ng đang cho con bú bao gồ m cả việ c phâ n cô ng cô ng việ c phâ i chuẩ n bị cá c thủ tậ c thí ch hợ p để giả m thiế u rủi ro sức khỏe an toà n cũ ng như cung cấ p cá c tiệ n nghi hợ p lý .

① Hạ ng mụ c tuầ n thủ tậ i hiệ n trư ờ ng

- Ngư ờ i lao độ ng mang thai khô ng đư ợ c phâ n cô ng và o cá c nhiệ m vụ nguy hiể m cho ngư ờ i lao độ ng mang thai và thai nhi.
- Cầ n chuẩ n bị cá c tiệ n nghi hợ p lý cho phụ nữ mang thai.

② Hạ ng mụ c tuầ n thủ tậ i liệ u/ghi ché p

- Cầ n chuẩ n bị cá c chí nh sá ch và thủ tậ c phù hợ p và hiệ u quả để giả m thiế u tá c độ ng củ a an toà n sức khỏe đố i vớ i phụ nữ mang thai.
- Quá trì nh quả n lý rủi ro an toà n và sức khỏe củ a phụ nữ mang thai cầ n đư ợ c chuẩ n bị .
 - Phâ i tiế n hà nh đá nh giá rủi ro tiềm ẩn ng/toà n diệ n đố i vớ i phụ nữ mang thai (phụ nữ mang thai), đá nh giá rủi ro củ a ngư ờ i lao độ ng đố i vớ i cá c cô ng việ c tư ớ ng ứ ng sau khi sinh và đá nh giá rủi ro đố i vớ i ngư ờ i lao độ ng trở lạ i sau khi sinh.
 - Đ á nh giá rủi ro trư ớ c khi sả n xuấ t bao gồ m cá c hoạ t độ ng hữ u cơ và thủ y ngâ n, cá c hoạ t độ ng phó ng xạ và tiế p xú c vớ i chì .
- Phâ i cung cấ p nơ i cho con bú là nơ i cho con bú mà khô ng thể nhì n thấ y từ bên ngoà i và khô ng thể cho đồ ng nghiệ p và ngư ờ i bì nh thư ờ ng và o.
 - Khô ng bao gồ m nhà vệ sinh hoặ c phò ng tắ m, phâ i là nơ i gầ n, an toà n và sạ ch sẽ đư ợ c cung cấ p cá c thiế t bị cấ p nư ớ c, hợ p đư ng đồ vệ sinh.
- Ghi ché p thờ i gian là m việ c phâ i xá c nhậ n rằng phụ nữ mang thai có thờ i gian ủ bệ nh hợ p lý .

Đố i tư ợ ng cứ u hỏ a đặ c biệ t

Phò ng chá y chữ a chá y, lấ p đặ t thiế t bị cứ u hỏ a: Đ iề u 2 Luậ t Phò ng chá y chữ a chá y, duy trì lấ p đặ t thiế t bị chữ a chá y và quả n lý an toà n (đi nh nghĩ a) Đố i tư ợ ng chữ a chá y cụ thể đề cậ p đố n đố i tư ợ ng chữ a chá y phả i lấ p đặ t thiế t bị chữ a chá y, nhà má y (hà ng hó a) theo Phụ lụ c 2 củ a Nghị đị nh thi hà nh. Chế tạ o: gia cô ng [sử a chữ a: sử nhượ m: con dấ u : sử tấ y trắ ng: sử may mặ c: sử khô rá o : Bao gồ m in ấ n] hoặ c cá c cô ng trì nh đư ợ c sử dụ ng để sử a chữ a, bao gồ m cá c cơ sở sinh hoạ t lầ n cậ n, cá c cơ sở lư u trữ và xử lý chấ t nguy hiể m, má y bay và ô tô , cá c cơ sở xử lý chấ t thả i và rá c thả i, và cá c cơ sở lư u trữ và xử lý chấ t nguy hiể m.

Bổ nhiệ m ngư ờ i quả n lý an toà n phò ng chá y

Phò ng chá y chữ a chá y, thiế t bị chữ a chá y việ c lấ p đặ t: Đ iề u 20 Luậ t Quả n lý an toà n và duy trì (quả n lý an toà n chữ a chá y cho cá c đố i tư ợ ng phò ng chá y cụ thể). Đố i vớ i mộ t số đố i tư ợ ng chữ a chá y cần quả n lý an toà n chữ a chá y chuyê n nghiệ p hơ n vì lo ngạ i thiế t hạ i lớ n trong trư ờ ng hợ p hỏ a hoạ n, chủ sở hữ u, ngư ờ i quả n lý hoặ c ngư ờ i sử dụ ng phả i bổ nhiệ m mộ t ngư ờ i có chuyê n mô n về quả n lý an toà n chữ a chá y và hỗ trợ quả n lý an toà n chữ a chá y.

B2) Dự phò ng tì nh trạ ng bá t thư ờ ng (tì nh huố ng khắ n cấ p)

Nhà má y phả i nắ m bắ t và đấ nh giá tì nh huố ng khắ n cấ p từ trư ớ c, phả i á p dụ ng quy trì nh và kế hoạ ch ứ ng phó tì nh huố ng khắ n cấ p để giả m thiế u thiệ t hạ i. Ngoà i ra, cử a thoá t hiể m phả i luô n trong trạ ng thá i có thể mở , í t nhấ t 2 nă m mộ t lầ n hoặ c theo tiê u chuẩ n nghiệ m ngặ t hơ n trong số cá c hạ ng mụ c yê u câ u củ a luậ t phả i tiế n hà nh thự c hiệ n huấ n luyệ n thoá t hiể m.

B2.1 Phả i có tất cả cá c giấy phé p liê n quan đén đố i phó và dự phò ng trư ờ ng hợ p khắ n cấp bao gồ m cả phò ng chá y chữa chá y, cá c loại giấy phé p nhận đư ợ c sau khi kiể m tra, chứng nhận hay bá o cá o kiể m tra phả i luô n chuẩn bị sẵn, phả i thự c hiệ n quy trì nh có thể duy trì cá c giấy phé p luô n ở trong trạ ng thá i mới nhấ t.

① Hạ ng mụ c tuầ n thủ tạ i hiệ n trư ờ ng

- Phả i đấ ng trì nh tự ứ ng phó vớ i tì nh huố ng khắ n cấ p và mặ ng liê n lậ c khắ n cấ p. Tì nh trạ ng khắ n cấ p có thể bao gồ m hỏ a hoạ n, nổ , lũ lụ t, rò rỉ hó a chấ t, mấ t điệ n và thiê n tai, bạ o loạ n và bạ o lự c, đĩ nh cô ng.

② Hạ ng mụ c tuầ n thủ tà i liệ u/ghi ché p

- Tất cả cá c giấ y phé p liê n quan đén an toà n chá y nổ và ứ ng phó vớ i cá c tì nh huố ng khắ n cấ p và sự an toà n củ a phá p luậ t phả i đư ợ c cấ p, tiế n hà nh kiể m tra và bổ nhiệ m nhữ ng ngư ờ i có liê n quan. Phả i có giấ y phé p, giấ y chứ ng nhậ n hoặ c bá o cá o kiể m tra, tà i liệ u chứ ng minh bổ nhiệ m, có thể kiể m tra và có hiệ u lự c.
- Phả i tiế n hà nh kiể m tra cá c điề u kiệ n cấ p phé p hoặ c tà n suấ t khá ch hà ng yê u cầu.
- Trư ớ c khi hế t hạ n giấ y phé p hiệ n tạ i, cần thiế t lậ p, quả n lý , quả n lý quy trì nh đấ đư ợ c thô ng bá o trư ớ c để có thể gia hạ n và ghi ché p lạ i để có thể theo dõ i. (Ví dụ : Thô ng bá o/bà i tậ p/đặ t lị ch, v.v. thô ng qua hệ thố ng lị ch tuầ n thủ hoặ c hệ thố ng email)

- Phải duy trì danh sách giả y phép có ghi thông tin về ngày cấp phép, ngày hết hạn, cơ quan cấp phép.

Thiếu bị phỏng cháy
chứa cháy

Đề u 2 củ a Luậ t về phò ng
chá y, lấ p đặ t duy trì và
quả n lý an toà n thiế t bị
phò ng chá y chử a chá y(đi nh
ngữ a) Cá c thiế t bị chử a
chá y bao gồ m cá c thiế t bị
cứ u hỏ a, cầ nh bá o, cá c
thiế t bị cứ u hộ sơ tá n, cá c
thiế t bị nư ớ c chử a chá y và
cá c thiế t bị khá c.

Tự kiểm tra các thiết bị
phòng cháy chữa cháy,
V.V.

Đề u 25 củ a Luậ t về phò ng
chá y, lấ p đặ t bà o đư ờ ng và
quả n lý an toà n cá c thiế t bị
phò ng chá y chũ a chá y (tự
kiế m tra cá c thiế t bị phò ng
chá y chũ a chá y, v.v.) Ngư ờ i
có liê n quan đế n đố i tư ợ ng
phò ng chá y chũ a chá y cụ
thể phả i tự kiế m tra đị nh kỳ
cá c cơ sở chũ a chá y, v.v.
đư ợ c lấ p đặ t trong đố i
tư ợ ng đố hoặ c nhữ ng ờ i
quả n lý hoặ c ngư ờ i có
trị nh độ kỹ thuậ t viê n kiế m
tra đị nh kỳ . Kế t quả kiế m
tra phả i đư ợ c bá o cá o cho
trư ờ ng phò ng cứ u hỏ a hoặ c
trư ờ ng phò ng cứ u hỏ a. Tự
kiế m tra đư ợ c chia thà nh
kiế m tra chũ c nã ng hoặ t
độ ng và kiế m tra chí nh xá c
tổ ng hợ p và phả i thự c hiệ n
í t nhấ t mộ t lầ n mỗ i nă m.

B2.2 Phải đưa các trang bị hệ thống phát hiện, báo động, chữa cháy phù hợp và hiệu quả.

① Hạ ng mụ c tuâ n thủ tã i hiệ n trư ở ng

- Thiết bị phải được trưng bày theo yêu cầu của pháp luật địa phương hoặc công ty bảo hiểm.

- Đầ u phun nư ớ c tự độ ng
- Bì nh chữ a chá y xá ch tay
- Cả m biế n nhiệ t/khó i tự độ ng
- Hệ thố ng bá o độ ng và thô ng bá o

- Bì nh chữ a chá y đã đư ợ c sạ c phả i đư ợ c đặ t ở vị trí đư ợ c chỉ đị nh và phả i đư ợ c gắ n bằ ng kiể m tra.
- Phả i trang bị thiế t bị cả nh bá o hỏ a hoạ n bằ ng tay hoặ c tự độ ng, thiế t bị cả nh bá o hỏ a hoạ n phả i hoạ t độ ng mà khô ng có lố i.
- Thiế t bị bá o chá y bằ ng tay phả i đư ợ c lắ p đặ t dọ c theo lố i thoá t hiể m khắ n cấ p.
- Bì nh chữ a chá y và á p suấ t nư ớ c phả i bì nh thư ờ ng.
- Van phun nư ớ c phả i đư ợ c đặ t ở vị trí hoà n toà n mở và bớ m chữ a chá y phả i đư ợ c đặ t ở chế độ hoạ t độ ng tự độ ng.
- Cấ m sử dụ ng cá c thiế t bị /dụ ng cụ cú u hỏ a có chứ a amiă ng.
- Vò i phun nư ớ c phả i cá ch đi nh củ a khô ng gian lư u trữ í t nhấ t 0,5 m.

② Hạ ng mụ c tuâ n thủ tà i liệ u/ghi ché p

- Theo luật định a phục ơng, công ty bảo hiểm và yêu cầu của khách hàng, kiểm tra, kiểm tra và duy trì định kỳ vào i phun nước tự động, bình chữa cháy, máy phá tuyết nhiệm vụ/không, thiết bị chữa cháy trong điều kiện hoạt động tốt. phải được sử dụng.
- Tần suất kiểm tra bình chữa cháy định kỳ ít nhất một tháng 1 lần và tần suất kiểm tra của cả máy bơm nước ít nhất một năm 1 lần.

- Tần suất kiểm tra bình chữ a chú ý độ ng í t nhấ t mộ t thá ng và tần suất kiểm tra củ a cả m biế n khó i đơ n í t nhấ t mộ t nă m mộ t lầ n.
- Phải ghi chép lạ i cá c thủ tộ c, tần suất và kě t quả kiểm tra, kiểm tra, bả o dư ỡng.

Kế hoạch phòng cháy chữa cháy

Đề u 20 củ a quy đị nh về phòng cháy, lắ p đặ t, duy trì và quầ n lý an toà n cá c cơ sở chữ a cháy và phòng cháy chữ a cháy (quầ n lý an toà n chữ a cháy cho cá c đối tượng cụ thể) Cá n bộ phòng cháy chữ a cháy và cá n bộ quầ n lý an toà n phòng cháy chữ a cháy thuộc đối tượng phòng cháy chữ a cháy nhấ t đị nh phải lắ p kế hoạch phòng cháy chữ a cháy theo Đề u 24 củ a Nghị đị nh.

B2.3 Phải xác định và đánh giá tất cả các tình huống khẩn cấp tiềm năng có thể ảnh hưởng đến Nhà máy, thiết lập chương trình phòng bị và ứng phó (đối với các/thủ tục) phù hợp và hiệu quả.

① Hạ ng mục c tuầ n thủ tậ i hiệ n trư ờ ng

- Mạ ng liê n lậ c khẩ n cấ p, tổ chứ c ứ ng phó khẩ n cấ p, dự phòng và thủ tục ứ ng phó khẩ n cấ p phải đư ợ c đặ ng tậ i mộ t cá ch thí ch hợp và hiệ u quả .
- Bả n đồ sơ tá n khẩ n cấ p phải đư ợ c đặ ng lê n toà n bộ cơ sở để chỉ rõ đư ờ ng thoá t và điể m tậ p kế t.
- Phải chỉ đị nh đi a điể m tậ p hợp (điể m tậ p trung) ở nơ i an toà n. Điể m tậ p trung phải đư ợ c chỉ đị nh riê ng trong nhà để sơ tá n khi bã o/thờ i tiế t xấ u, rò rỉ hó a chấ t và ngoà i trờ i có thể sơ tá n trong trư ờ ng hợp hỏ a hoặ n.
- Bộ phậ n ứ ng phó tì nh huố ng khẩ n cấ p phải đư ợ c đặ t xung quanh đi a điể m tậ p hợp để có thể sử dụ ng.
- Cá c thiế t bị sau đầ y phải đư ợ c trang bị để phá t hiệ n và ứ ng phó trong trư ờ ng hợp khẩ n cấ p liê n quan đế n rò rỉ hó a chấ t.
 - Thiế t bị cá m biế n hơ i nư ớ c hó a chấ t độ c hạ i
 - Thiế t bị bá o độ ng bằ ng thị giá c/thí nh giá c theo phá p luậ t liê n quan
 - Má y rửa mắ t và buồ ng tá m khẩ n cấ p
 - Bộ kit ứ ng phó vớ i rò rỉ , v.v.
- Phải có khả năng tự độ ng ngắt nguồ n điệ n củ a thiế t bị sả n xuấ t để ngắ n nguồ n a thư ợ ng tí ch củ a nguồ n i lao độ ng và hư hỏ ng thiế t bị trong trư ờ ng hợp khẩ n cấ p.
- Tất cả cá c thiế t bị khẩ n cấ p phải đư ợ c kiể m tra đị nh kỳ theo hư ớ ng dẫ n hoặ c khuyế n cá o củ a nhà sả n xuấ t, tì m kiể m và sử a chũ a cá c thiế t bị có chứ c năng hoặ c trư c trặ c. Tất cả cá c cuộ c kiể m tra phải đư ợ c thự c hiệ n í t nhấ t mộ t nă m hoặ c theo cá c quy đị nh khá c.
- Để tất cả nguồ n i lao độ ng có thể dễ dà ng tiế p cận, cần phải bố trí thiế t bị sơ cấ p cứ u như tủ thuố c cấ p cứ u, v.v. tậ i cá c khu vự c chủ yế u củ a Nhà má y.

② Hạ ng mụ c tuâ n thủ tà i liệ u/ghi ché p

- Phả i tiế n hà nh đá nh giá tí nh nguy hiể m củ a tì nh huố ng khắ n cấ p. Đ á nh giá rủ i ro phả i xem xé t thiế t hạ i về tí nh mạ ng, mô i trư ờ ng và tà i sả n, và í t nhấ t phả i bao gồ m cá c yế u tố sau:
 - Cầ n xem xé t khả năng phá t sinh như hỏ a hoặ n, rò rỉ hó a chấ t (khi bả o quầ n lư ợ ng lớ n hó a chấ t hoặ c sử dụ ng hó a chấ t độ c hạ i), độ ng đấ t (nế u nằ m trong khu vự c xả y ra độ ng đấ t), thờ i tiế t xấ u (nế u có thể xả y ra tạ i vị trí Nhà má y). Mư a lớ n, lũ lụ t, bã o, sự ơ ng giá , tuyế t rờ i dà y đặ c), bạ o lự c tạ i nơ i là m việ c, đi nh cô ng
- Kế hoặ ch ứ ng phó khắ n cấ p (ERP) phả i đư ợ c chuẩ n bị dự a trê n đá nh giá rủ i ro.
 - Trong kế hoặ ch ứ ng phó khắ n cấ p, nhiệ m vụ và vai trò chí nh trong trư ờ ng hợ p khắ n cấ p xả y ra.
 - Khi thay đổ i kế t quả đá nh giá rủ i ro, khi độ i ứ ng phó khắ n cấ p thay đổ i, kế hoặ ch ứ ng phó khắ n cấ p phả i á nh kế t quả đầ o tạ o đố i phó vớ i tì nh huố ng khắ n cấ p và phả i đư ợ c xem xé t và cập nhậ t hơ n mộ t lầ n trong ba nă m, ngay cả khi khô ng có thay đổ i.
 - Kế hoặ ch ứ ng phó khắ n cấ p phả i đư ợ c cung cấ p để có thể xem xé t theo yê u cầ u củ a ngư ờ i lao độ ng.
- Kế hoặ ch hà nh độ ng phả i đư ợ c thiế t lậ p sau khi xả y ra trư ờ ng hợ p khắ n cấ p, bao gồ m bá o cá o tai nạ n, điề u tra nguyê n nhâ n cơ bản củ a tì nh huố ng khắ n cấ p, sử a chũ a và phò ng ngư ờ a, và quầ n lý hồ sơ để hà nh độ ng có thể hoà n thà nh theo kế hoặ ch hà nh độ ng khắ c phụ c.
- Cầ n thiế t lậ p trì nh tự nổ i lạ i và tí nh liê n tậ c củ a dự á n.
- Tá t cả hồ sơ kiể m tra và bả o dư ữ ng thiế t bị khắ n cấ p phả i đư ợ c ghi ché p và lư u trữ .

③ Đ à o tạ o/Giao tiế p

- Phả i đầ o tạ o ngư ờ i lao độ ng về loạ i hì nh tì nh huố ng khắ n cấ p tiề m nă ng có thể xả y ra tạ i Nhà má y và kế hoặ ch ứ ng phó khắ n cấ p. Đ iể m tậ p kế t trong và ngoà i trờ i phả i đư ợ c thô ng bá o cho tá t cả nhâ n việ n và khá ch tham quan.

- Phải có phư ơ ng tiệ n truyề n thô ng bê n trong và bê n ngoài đá ng tin cậy và hiệ u quả để thô ng bá o tì nh huố ng khắ n cấ p và sự sớ tá n củ a tất cả mộ i ngư ờ i trong Nhà má y ngay sau đó . Phư ơ ng tiệ n giao tiế p phải có thể nghe đư ợ c mộ i nơ i trong Nhà má y và phải phá t triể n và duy trì phư ơ ng á n có thể thô ng bá o cho cộ ng đồ ng xung quanh, ngư ờ i dâ n, cơ quan chứ c nã ng và cơ quan chí nh phủ liê n quan.

Đề n chỉ dẫn

Để dẫn đến sự sơ tá n trong trư ờ ng hợp p hỏ a hoặ n, đề n đư ợ c bậ t theo nguồ n điệ n thư ớ ng mặ i bị nh thư ờ ng và tự độ ng chuyể n sang nguồ n điệ n khắ n cá p nế u nguồ n điệ n thư ớ ng mặ i bị mắ t điệ n.

Đề n chỉ dẫn lối i thoá t nạ n

Đá nh đấ u lối i và o đư ợ c sử dụ ng như lối i thoá t hiể m hoặ c lối i thoá t hiể m để dẫn đến sự sơ tá n, v.v.

Đề n chỉ dẫn lối i đi

Đề n dẫn đư ờ ng hà nh lang, đề n dẫn đư ờ ng phò ng khá ch, đề n dẫn đư ờ ng cà u thang, đề n dẫn đư ờ ng để hứ ớ ng dẫn lối i đi lá nh nạ n.

Đề n chỉ dẫn hà nh lang

Chỉ đị nh phứ ớ ng hứ ớ ng củ a lối i thoá t hiể m như mộ t đề n dẫn lối i đư ợ c lắ p đặ t trong hà nh lang trở thà nh lối i đi lá nh nạ n.

Đề n chỉ dẫn lối i cà u thang

Chiế u sá ng mặ t sà n và mặ t sà n củ a thiế t bị di chuyể n bằ ng đề n dẫn đư ờ ng đư ợ c lắ p đặ t trê n cà u thang hoặ c đư ờ ng đố c trở thà nh lối i đi lá nh nạ n.

Biế n chỉ dẫn lối i thoá t nạ n

Dấ u hiệ u dẫn đến sự sơ tá n bằ ng cá ch đá nh đấ u lối i và o đư ợ c sử dụ ng là m lối i thoá t hiể m hoặ c lối i thoá t hiể m.

Biế n chỉ dẫn lối i đi

Biế n dẫn đư ờ ng biế u thị hứ ớ ng đi củ a lối i thoá t hiể m bằ ng cá ch lắ p đặ t ở hà nh lang, cà u thang để trở thà nh lối i thoá t hiể m.

Tuyế n dẫn đư ờ ng thoá t nạ n

Mộ t thiế t bị dẫn dẫ t sơ tá n đư ợ c lắ p đặ t đư ớ i dạ ng mộ t dẫ i để có thể dẫn dẫ t sơ tá n trong trạ ng thá i tổ i tầ m như mộ t chấ t dẫn dẫ tá nh sá ng hoặ c điể m chiế u sá ng.

B2.4 Khả năng tiế p cận lối i thoá t hiể m hiệ u quả , lối i thoá t hiể m ra ngoà i tò a nhà phù hợ p về số lự ợ ng và vị trí , để tiế p cận và quá n lý phù hợ p.

① Hạ ng mục tuầ n thủ tạ i hiệ n trư ờ ng

• Nơ i thoá t nạ n

- Phải i tồ n tạ i mộ t số lự ợ ng thí ch hợ p cá c lối i lá nh nạ n hiệ u quả từ tấ t cả cá c khu vự c.
- Cá c lối i thoá t hiể m phải i đư ợ c cá ch xa nhau nhấ t đị nh và khô ng đư ợ c sử dụ ng lẫn i vớ i lối i ra thô ng thư ờ ng.
- Khô ng có chừ ớ ng ngặ i vậ t trong lối i đi lá nh nạ n và lối i đi lá nh nạ n bằ n ngoà i tò a nhà .
- Lối i thoá t ra ngoà i tò a nhà dẫn đến khô ng gian mở /bấ i đồ xe khô ng đư ợ c kế t nối i vớ i khu vự c bế tắ c.
- Khô ng đư ợ c bả o quả n đồ vậ t ở lối i ra và khô ng đư ợ c sử dụ ng cho mục đĩ ch khá c ngoà i việ c trở n thoá t.
- Tấ t cả cá c điể m lá nh nạ n trong khu vự c nguy hiể m hoặ c tầ n suấ t sử dụ ng cao (hở n 50 ngư ờ i sử dụ ng) phải i đư ợ c mở ra bằ n ngoà i.
- Tấ t cả cá c nơ i lá nh nạ n phải i đư ợ c mở mà khô ng cầ n chì a khó a, huy hiệ u, mậ t mắ , kiế n thứ c đặ c biệ t hoặ c nỗ lự c riề ng.
- Tấ t cả cá c điể m lá nh nạ n phải i đư ợ c thiế t kế theo kiế u panic hardware.
- Cá c trư ờ ng hợ p khô ng phù hợ p vớ i cá c điể m lá nh nạ n: Nế u phải i trả i qua nhiề u bư ớ c để mở cử a thoá t hiể m, cầ n mộ t lự c mặ nh, cử a quay, cử a cuố n mở thả ng đứ ng, cử a trư ợ t khô ng có chừ c nằ ng an toà n và quay theo hứ ớ ng thoá t ra trong trư ờ ng hợ p khắ n cá p nê n khô ng thể mở hoà n toà n.

• Đề n chỉ dẫn lối i thoá t nạ n

- Phải i cung cấ p đề n dẫn đư ờ ng cho lối i ra củ a tấ t cả cá c tầ ng.
- Trong trư ờ ng hợ p mắ t điệ n, đề n dẫn đư ờ ng phải i đư ợ c chiế u sá ng.
- Phải i lắ p đặ t biế u thị dẫn dẫ t lối i đi, biế u thị dẫn dẫ t lối i đi, dẫn dẫ t lối i đi để có thể dẫn đến lối i đi lá nh nạ n gầ n nhấ t vớ i lối i đi sơ tá n chí nh.
- Cá c lối i thoá t hiể m khắ n cá p đư ợ c đá nh đấ u như lối i đi thoá t nạ n, lối i thoá t hiể m, đi a điể m tậ p kế t phải i đư ợ c đắ ng khắ p nơ i tạ i Nhà má y.

• Đề n chiế u sá ng khắ n cá p

Huấn luyện phòng cháy chữa cháy

Phòng cháy chữa cháy, lắp đặt thiết bị cứu hỏa, điều khiển của Luật Quản lý bảo vệ môi trường (Huấn luyện chữ a cháy cho công nhân, dân cư của các đối tượng phòng cháy cụ thể). Người có liên quan đến đối tượng cứu hỏa đã có 11 người là làm việc hoặc cư trú thường xuyên trong số các đối tượng cứu hỏa đã có sẽ được chữa cháy cho người là làm việc hoặc cư trú thường xuyên tại địa điểm đó. Thông báo. Phải là đơn vị của cần thiết cho việc quản lý an toàn chữa cháy và đơn vị như sơ tán. Trong trường hợp này, huấn luyện sơ tán phải bao gồm huấn luyện sơ tán và dẫn dắt những người ra và vào đối tượng cứu hỏa để nơi an toàn.

- Đèn dẫn đường/đèn khẩn cấp phải được cung cấp để chiếu sáng đường thoát trong trường hợp mất điện.
- Cầu thang dẫn đến lối thoát hiểm, lối đi lánh nạn và hành lang, đèn cũ phải được cung cấp ánh sáng khẩn cấp hoạt động thí nghiệm ở các khu vực khác theo yêu cầu của pháp luật có liên quan.
- Phải có khả năng cung cấp điện cho ánh sáng khẩn cấp bằng pin hoặc máy phát điện khẩn cấp.

Tách rời

- Các thiết bị khác ngoài ống phun nước, ống nước, dịch vụ liên quan đến điện và thiết bị điều hòa không khí đi qua lối thoát hiểm.
- Không gian mở dẫn đến lối đi lánh nạn phải được bảo vệ bằng cửa phòng cháy hoặc cửa sổ phòng cháy.
- Cửa phòng cháy phải ở trạng thái tốt, tự động hoặc tự động khi cần báo cháy hoặc phát hiện khói, hoặc tự động đóng cửa.

Lối đi thoát nạn

- Chiều rộng lối đi phải nhỏ hơn 1m tại điểm hẹp nhất và chiều rộng tối thiểu của cửa phải lớn hơn 81 cm (32 inch). Trường hợp có quy định riêng về luật định áp dụng thì phải tuân thủ các quy định của khu vực tương ứng.
- Khoảng cách tối đa của lối đi đến lối thoát hiểm phải nhỏ hơn 60m tại Nhà máy.

Thang máy

- Trừ các thang máy được thiết kế cho mục đích cứu hỏa hoặc các trường hợp khẩn cấp khác, tất cả các thang máy phải đã ngừng vận hành sử dụng bằng một hoặc nhiều nút ngừng.

② Hạ ngưng tụ nước từ thiết bị

- Hồ sơ kiểm tra các thiết bị ứng phó khẩn cấp (đèn khẩn cấp, biển báo cứu hộ, lối thoát hiểm, bình chữa cháy, lối thoát hiểm, v.v.) phải được chuẩn bị và có thể chứng minh rằng kiểm tra thiết bị được thực hiện theo các quy định nghiêm ngặt hơn của pháp luật định áp dụng, yêu cầu của công ty báo hiểm hoặc thông lệ định áp dụng.
- Tài liệu kiểm tra bình chữa cháy phải có ít nhất một tháng một lần.

- Hồ sơ đào tạo ớng phó vớ i tì nh huố ng khẩ n cấ p phả i đư ợ c xá c nhậ n, ghi ché p cơ hộ i cả i tiế n đư ợ c phá t hiệ n trong quá trì nh đầ o tậ o và giá m sá t cho đế n khi cả i tiế n hoà n thà nh.

B2.5 Tất cả nhân viên phải tiến hành huấn luyện, sơ tán, chuẩn bị phòng cháy chữa cháy phù hợp và hiệu quả khác cho các trường hợp khẩn cấp đã được xác định và lưu giữ hồ sơ.

① Hạ ng mục tiêu từ tài liệu/ghi chép

- Cần chuẩn bị một chương trình huấn luyện sơ tán khẩn cấp phù hợp và hiệu quả.
- Đào tạo sơ tán khẩn cấp thường xuyên hơn, trong số lần hàng năm hiệu quả thí nghiệm (năm 2 lần) và số lần yêu cầu của luật số nhà cao hơn thì tiến hành theo số lần đó, huấn luyện đối với tất cả công nhân, bao gồm các kỹ thuật tại tất cả các khu vực (nhà nghỉ, nhà ăn, nhà kho, văn phòng, văn phòng sản xuất, phòng thí nghiệm nghiên cứu và phát triển, địa điểm xuất nhập cảnh, v.v.). (Tuy nhiên, ít nhất thì phải đào tạo 1 lần và 0 ca đêm)
- Đào tạo theo các kịch bản khẩn cấp khác phải được thực hiện ở tần suất thí nghiệm được xác định thông qua đánh giá rủi ro và tần suất đào tạo phải được bao gồm trong các thủ tục liên quan.
- Hiệu quả của từng đợt huấn luyện ứng phó cần được đánh giá và ghi chép lại (thời gian huấn luyện, thời gian sơ tán, thời gian ứng phó với tình huống khẩn cấp, số lượng công nhân tham gia, những cải tiến tiềm năng v.v.).
- Kế hoạch hành động khẩn cấp đối với huấn luyện sơ tán phải được thực hiện.
- Sau đợt huấn luyện cuối cùng, cần đào tạo lại nếu tỷ lệ lỗi việc của người lao động trên 20%.
- Hồ sơ trong ba năm qua, bao gồm cả kế hoạch hành động khẩn cấp, phải được xem xét và giám sát xem các biện pháp khẩn cấp có được thực hiện hay không.

B2.6 Phải cung cấp đồ bảo hộ phù hợp và hiệu quả cho các nhân viên ứng phó khẩn cấp được chỉ định và thực hiện đào tạo theo chu kỳ hàng năm.

① Hạ ng mục c tu n thủ tậ i hiệ n trư ờ ng

- Dụng cụ bảo vệ ứng phó khẩn cấp phải được sử dụng, thí ch hợp và ở trạng thái tốt.
- Dụng cụ bảo vệ ứng phó khẩn cấp phải được hiển thị rõ ràng, dễ nhìn và dễ tiếp cận.
- Phải có thể hiển thị các nhân viên ứng phó khẩn cấp như huy hiệu, trang phục/mũ bảo hiểm màu khác, biển phông/không gian.

② Hạ ng mục c tu n thủ tậ i liệ u/ghi chép

- Cần chuẩn bị các yêu cầu về điều kiện của đội ứng phó khẩn cấp (ERT), đào tạo, biên bản cuộc họp, thủ tục liên lạc của đội ứng phó và danh sách liên lạc.
- Đội ứng phó khẩn cấp phải có trách nhiệm và quyền hạn chỉ huy phục vụ ứng phó trong trường hợp khẩn cấp xảy ra. Thủ tục cũn phải bao gồm các chương trình sau khi phục hồi như sau.
 - Phải điều tra nguyên nhân của tất cả các trường hợp khẩn cấp do lỗi của con người, sự cố thiết bị hoặc các nguyên nhân khác hoặc hỗ trợ điều tra của cơ quan chức năng.
 - Cần lưu giữ hồ sơ điều tra để tìm ra nguyên nhân gốc rễ của tình huống khẩn cấp.
 - Phải thông báo cho người lao động về phục vụ pháp trách nhiệm tư ơng tự trong tư ơng lại.

③ Đ ào tạo/Giao tiếp

- Kế m soá t, là m sạ ch, xử lý hoặc các thủ tục ứng phó khẩn cấp khác (ví dụ : Người lao động tham gia và o hoạt độ ng chữ a chá y) phải được đào tạo định kỳ về kế hoạch và biện pháp ứng phó khẩn cấp, trách nhiệm của bản thân và các thiết bị cần thiết để thực hiện vai trò.
- Những người ứng phó với tình huống khẩn cấp phải được đào tạo về các yếu tố nguy hiểm hóa chất và

chú ý, ngăn chặn rò rỉ và làm sạch, đối phó với nguy cơ hỏa hoạn, xử lý và xử lý thí nghiệm hóa chất và chất thải phụ ô nhiễm, lựa chọn và sử dụng thiết bị bảo vệ và các thông tin khác theo quy định của pháp luật.

- Nhân viên ứng phó với tình huống khẩn cấp phải được đào tạo ít nhất 1 lần mỗi năm. Đặc biệt, đào tạo phải được thực hiện trong vòng 30 ngày khi thay đổi chức năng và thủ tục đối phó với tình huống khẩn cấp.
- Giá trị dự phòng phải được quyết định theo trách nhiệm trong trường hợp khẩn cấp.
- Tài liệu đào tạo và hồ sơ phải được kiểm tra và cập nhật mới nhất.
- Tổ chức một đội ứng phó khẩn cấp cho tất cả các ca tại mỗi cơ sở và bố trí những người lao động là nhân viên của đội.

Tai nạn lao động

Điều 2 của Luật An toàn và Sức khỏe Công nghiệp (chỉ tiết) Người ở cùng cấp lao động là người ở chế t, bị thương hoặc mất c bộ nh do công việc hoặc do công việc hoặc do xây dựng, thiết bị, nguyên vật liệu, khí độc t, hơi i nư ó c, bụi i, v.v. liên quan đến công việc.

Tai nạn nghiêm trọng

Điều 23 của Bộ Lao động - Thương mại và Xã hội (Quy định thi hành Luật An toàn và Sức khỏe Công nghiệp) (Phạm vi tai nạn nghiêm trọng) Tai nạn nghiêm trọng là một trong những tai nạn sau:

- Tai nạn xảy ra với i hơn 1 người ở thiệt t mạng
- Tai nạn xảy ra cùng lúc 2 người ở bị thương cần đư ợ c chăm sóc trong hơn 3 tháng
- Tai nạn xảy ra đồng thời trên 10 người ở bị thương hoặc bị bộ nh liên quan nghề nghiệp

B3) Tai nạn lao động và bộ nh tậ t

Nhà máy phải có các quy trình và cơ chế để phòng ngừa, quản lý, theo dõi, báo cáo các tai nạn công nghiệp và bộ nh tậ t. Ngoài ra, cần thiết lập và thực hiện chương trình có biện pháp xử lý hợp lý để phòng, ứng phó với sự lây lan của các bộ nh truyền nhiễm tiềm ẩn giữ a các nhân viên.

B3.1 Phải nhận đư ợ c tất cả giá y phé p liên quan đến tai nạn công nghiệp và bộ nh tậ t, nộp báo cáo và thực hiện quá trình duy trì giá y phé p ở trạng thái i hiện đạ i nhất.

① Hạ ng mục tuấn thủ tậ i hiện trư ờ ng

- Các bà i đã đư ợ c yêu cầu theo pháp luật phải là bản mới nhất và các loại bì a và thông tin liên quan phải đư ợ c đặ ng ở khu vực chung của nhân viên/phòng nghỉ /nhà hà ng trong khu vực.

② Hạ ng mục tuấn thủ tà i liệu/ghi chép

- Trư ớ c khi hế t hạ ng giá y phé p hiện tậ i, cần thiết lập, quản lý, quản lý quy trình đã đư ợ c thông báo trư ớ c để có thể gia hạ ng và ghi chép lại để có thể theo dõi. (Ví dụ : Thông báo/bà i tậ p/đặ t lị ch, v.v. thông qua hệ thống lị ch tuấn thủ hoặc hệ thống email)
- Tất cả các tai nạn công nghiệp yêu cầu, giá y phé p bộ nh tậ t, giá y phé p phải đư ợ c chuẩn bị, có thể kiểm tra và có hiệu lực.
- Báo cáo kiểm tra tai nạn công nghiệp và bộ nh tậ t phải đư ợ c chuẩn bị và có thể kiểm tra.
 - Báo cáo kiểm tra có thể bao gồm nhật ký chấ n thương, bảo vệ hô hấ p, chương trình bảo o tồ n thí nh giá c, thông báo khả năng ghi chép y tế.
- Như pháp luật yêu cầu, phải có giá y chứ ng nhận, giá y phé p, kiểm tra, công nhận của chí nh phủ các cơ sở điều trị tậ i chỗ và có khả năng xem xét.
- Nếu có giá y chứ ng nhận y tế công nghiệp hợp lệ (ví dụ như cấp cứu) và thuê bác sĩ hoặc bác sĩ hoặc sử

dụng cụ ch vậ bá c sĩ / y tá thì phải có bả n sao giấ y
chứ ng nhậ n/ giấ y phé p củ a họ và có thể xem xé t.

- Phải duy trì danh sá ch giấ y phé p có ghi thô ng tin về
ngà y cấ p phé p, ngà y hế t hạ n, cơ quan cấ p phé p.

Bbá o cá o phá t sinh tai nạ n lao độ ng

Đ ề u 73 củ a Bộ Lao độ ng và Lao độ ng (Quy tắ c thí hà nh Luậ t An toà n và An toà n Cô ng nghiê p) (Bá o cá o về tai nạ n cô ng nghiê p, v.v.) Nế u có ngư ờ i chấ t do tai nạ n cô ng nghiê p, bị thư ơ ng do tai nạ n cô ng nghiê p, hoặ c ngư ờ i mắ c bệ nh cầ n nghi việ c trê n 3 ngà y, bả ng điề u tra tai nạ n cô ng nghiê p phả i đư ợ c lậ p và nộ p cho ngư ờ i đứ ng đầ u cơ quan lao độ ng đị a phư ơ ng có thắ m quyề n trong vò ng 1 thá ng kể từ ngà y tai nạ n cô ng nghiê p xấ y ra.

Quả n lý ghi ché p tai nạ n lao độ ng

Đ ề u 72 củ a Bộ Lao độ ng và Việ c là m (Quy tắ c thí hà nh Luậ t Sứ c khỏ e và An toà n Cô ng nghiê p) (Hồ sớ tai nạ n cô ng nghiê p, v.v.) Khi tai nạ n cô ng nghiê p xấ y ra, ghi ché p bả o quả n nhữ ng điề u sau hoặ c đĩ nh kè m và bả o quả n bả n sao bả ng điề u tra tai nạ n cô ng nghiê p hoặ c bả n sao đơ n xin điề u đư ờ ng kè m theo kế hoặ ch phò ng chố ng tai nạ n tá i phá t sinh.

- Tổ ng quan về Nhà má y và thô ng tín cá nhâ n củ a ngư ờ i lao độ ng
- Thờ i gian và đị a điể m phá t sinh tai nạ n
- Nguyê n nhâ n và quá trì nh phá t sinh tai nạ n
- Kế hoặ ch phò ng chố ng sự cố tá i điể n

[Phá p luậ t Trung Quố c]

Phĩ a thự c hiệ n khá m sứ c khỏ e trư ớ c và sau khi bố trí đố i vớ i nhữ ng ngư ờ i lao độ ng tiế p xúc vớ i cá c yế u tố nguy hiể m.

Law of the People's Republic of China on the Prevention and Control of Occupational Diseases, article 35 : For workers exposed to occupational hazards, the employer shall, in accordance with the regulation from the production safety supervision and management departments and the Administrative Department of health, provide the pre-job, on-job and post-job occupational health check.

Phả i đấ ng ký , giá m sá t cá c yế u tố gâ y bệ nh nghề nghiê p tạ i Nhà má y.

Law of the People's Republic of China on the Prevention and Control of Occupational Diseases, article 16 : the employer shall register the hazardous agents of occupational illness in the workplace, and receive the associated supervision.

B3.2 Xá c đị nh nguyê n nhâ n gố c rễ củ a tai nạ n lao độ ng/bệ nh nghề nghiê p phá t sinh trong quá khứ , tiế n hà nh điề u tra để thự c hiệ n cá c biệ n phá p khắ c phụ c/phò ng ngư ờ a, giao tiế p vớ i nhâ n việ n có liê n quan và quả n lý theo đố i cho đế n khi cá c biệ n phá p khắ c phụ c/phò ng ngư ờ a kế t thú c.

① Hạ ng mục c tuầ n thủ tà i liệ u/ghi ché p

- Đ ể giả m thiể u tai nạ n, tấ t cả cá c tai nạ n phả i đư ợ c theo đố i và ghi ché p lạ i (thờ i gian lư u trữ tà i liệ u á p dụ ng nghiê m ngắ t hơ n trong 5 nă m và cá c tiê u chuẩ n phá p luậ t) và điề u tra.
- Cầ n bổ nhiệ m ngư ờ i phụ trá ch giá m sá t, thự c hiệ n chí nh sá ch, thủ tụ c quả n lý tai nạ n.
- Thố ng kê bệ nh tậ t và chấ n thư ơ ng trong quá khứ phả i có sắ n.
- Phả i phâ n tí ch, điề u tra, kiể m tra tấ t cả cá c trư ờ ng hợ p xử lý khắ n cấ p, sự cố và tai nạ n trê n mứ c xử lý khắ n cấ p, tấ t cả cá c trư ờ ng hợ p và loạ i hì nh tai nạ n tử vong.
- Phả i tiế n hà nh phâ n tí ch xu hư ớ ng thố ng kê tố i thiể u 1 nă m đị nh kỳ , thự c hiệ n biệ n phá p khắ c phụ c, giá m sá t và thự c hiệ n.
- Cầ n có mộ t hệ thố ng để ngư ờ i lao độ ng bá o cá o về tai nạ n y tế - an toà n, tai nạ n xe hơ i và để điề u tra, giá m sá t, quả n lý cá c bá o cá o nà y.
- Phả i soạ n thắ o bá o cá o điề u tra sự cố bao gồ m kiể m tra hà nh độ ng khắ c phụ c và thự c hiệ n hà nh độ ng khắ c phụ c.
- Khi phá t sinh sự cố có thể gâ y tử vong hoặ c trở ngạ i xã hộ i (ví dụ : Trong trư ờ ng hợ p nhiề u ngư ờ i bị thư ơ ng nghiê m trọ ng, nế u nhiề u cá nhâ n bị bệ nh truyề n nhiễ m/bệ nh dị ch) thì phả i bá o cá o cho phĩ a LGD trong vò ng 24 giờ sau sự cố .
 - Vị trí thiế t bị và sự cố
 - Thờ i gian sự cố
 - Giả i thí ch hiệ n trư ờ ng
 - Giả i thí ch sự cố
 - Số ngư ờ i chấ t và /hoặ c mắ t tí ch

Sự cố đáng tiếc

Thực tế, ngay cả khi kết quả như vậy không xảy ra, khả năng gây ra hậu quả không mong muốn (ví dụ: ảnh hưởng đến sức khỏe con người, tài sản, môi trường hoặc doanh nghiệp) là một sự cố rõ ràng.

- Xử lý khiếu nại và cứu trợ, v.v.

- Theo luật phải tiến hành kiểm tra và duy trì hồ sơ trước khi là m việc, sau khi là m việc, sau khi phát sinh tình huống khẩn cấp.
- Trùng hợp kết quả khám sức khỏe của người lao động không bình thường hoặc bị thương tại nơi làm việc thì phải xử lý như sau.
 - Phải dừng ngay người lao động khỏi công việc hiện tại và đề xuất chuyển sang công việc khác.
 - Không được chấm dứt hợp đồng lao động dựa trên kết quả khám sức khỏe.
 - Phải cung cấp cho người lao động hướng dẫn điều trị hoặc kiểm tra lại thí nghiệm.
 - Phải trả chi phí điều trị, kiểm tra lại, phục hồi chức năng cho người lao động.
 - Phải thực hiện kế hoạch hành động xử lý khẩn cấp để giảm thiểu rủi ro.
- Khám sức khỏe cho người nghỉ việc phải thực hiện đúng giá trị rõ ràng khi là m việc và duy trì các quy trình cũ như hồ sơ hướng dẫn cung cấp khám sức khỏe sau khi nghỉ việc cho người nghỉ hưu có nguy cơ cao.

② Đào tạo/Giao tiếp

- Trùng hợp quy trình, thiết bị, cơ sở vật chất mới được đưa vào do kết quả của các biện pháp khẩn cấp, cần tiến hành đào tạo và trao đổi cho nhân viên bị ảnh hưởng đến thói quen và bản năng của các nội dung này.

B3.3 Cần có quy trì nh sơ cấ p cú u hiệ u quả và số lư ợ ng nhâ n viê n xử lý sơ cấ p cú u tạ i chỗ phù hợ p để cung cấ p điề u trị là n 1 cho nhữ ng ngư ờ i lao độ ng bị thư ơ ng hoặ c bị ố m.

Đồ dù ng sơ cấ p cú u

Quy đi nh 82 về tiêu chuẩ n

an toà n và sức khỏe cô ng

nghiệ p (cô ng cụ cú u trợ)

Sau đây là dụ ng cụ cấ p cú u

cầ n thiế t cho việ c xử lý

khắ n cấ p củ a ngư ờ i bị

thư ơ ng và phả i đư ợ c thò ng

bá o cho ngư ờ i lao độ ng về

đị a điể m và cá ch sử dụ ng.

• Vậ t liệ u bắ ng bó · bô ng y

tế · cá i kẹ p và bắ ng cá nhâ n

• thuố c(外傷) sá t trù ng cho

viế t thư ơ ng

• Gạc cầ m má u · thanh nẹ p

gỗ và cá ng

• Thuố c bỏ ng (chỉ dà nh cho

nơ i là m việ c xử lý vậ t liệ u

nhiệ t cao hoặ c nơ i là m việ c

có nguy cơ bỏ ng khá c)

① Hạ ng mụ c tuầ n thủ tạ i hiệ n trư ờ ng

- Phả i dễ dà ng xá c đị nh đư ợ c nhâ n viê n xử lý khắ n cấ p tạ i hiệ n trư ờ ng bằ ng huy hiệ u, mà u trang phụ c, chữ ký vẫ n phò ng/ khu vự c là m việ c.
- Nế u cầ n thiế t, phò ng y tế phả i bố trí nhâ n lự c y tế phù hợ p để điề u trị cho ngư ờ i bị thư ơ ng và trang bị cá c dụ ng cụ y tế .
- Trong trư ờ ng hợ p phò ng y tế khô ng hoặ t độ ng 24 giờ mộ t ngày, cầ n chuẩ n bị phư ơ ng á n thay thế như đị ch vụ y tế bên ngoà i và hư ớ ng dẫ n nhâ n viê n.

② Hạ ng mụ c tuầ n thủ tà i liệ u/ghi ché p

- Cá c thủ tậ c ứ ng phó đư ợ c xá c đị nh mứ c độ ứ ng phó theo trọ ng lư ợ ng chấ n thư ơ ng phả i đư ợ c thiế t lậ p. (xử lý khắ n cấ p tạ i hiệ n trư ờ ng, điề u trị tạ i phò ng y tế , đư a bệ nh việ n bên ngoà i đị a phư ơ ngv.v.)
- Cá c chuyê n gia y tế cô ng nghiệ p hoặ c nhâ n viê n xử lý khắ n cấ p tạ i hiệ n trư ờ ng phả i đư ợ c đầ o tạ o bở i cá c cơ quan bên ngoà i hoặ c đư ợ c đầ o tạ o bở i cá c bá c sĩ nộ i bộ có giấ y phé p theo luậ t đị a phư ơ ng và duy trì chứ ng chỉ
- Trong trư ờ ng hợ p thuê y tá hoặ c bá c sĩ hoặ c sử dụ ng đị ch vụ bá c sĩ / y tá , bả n sao giấ y phé p/ giấ y phé p củ a họ phả i đư ợ c chuẩ n bị bằ ng bả n mớ i nhấ t
- Phò ng y tế hoặ c phò ng khá m trong cô ng ty
 - Nhậ t ký điề u trị tạ i chỗ phả i đư ợ c duy trì bằ ng bả n mớ i nhấ t. (Do luậ t bả o vệ thô ng tin cá nhâ n nê n có thể hạ n chế việ c xem nó)
 - Phả i phù hợ p và có khả năng phổ cập hà ng hó a và trì nh tự vẫ n bả n liê n quan đế n vậ n hà nh phò ng khá m hiệ n trư ờ ng.

- Trong trường hợp không thể cung cấp các biện pháp y tế chuyên môn tại Nhà máy, đội sơ cấp cứu tại chỗ được đào tạo phải thông báo trú tại Nhà máy, sau đó đưa những người lao động bị thương đến cơ sở y tế bên ngoài để điều trị bổ sung.

③ Đào tạo/Giao tiếp

- Tài liệu đào tạo và hồ sơ đào tạo về nhân viên xử lý khẩn cấp hiện trường phải được chuẩn bị, phù hợp và mới nhất.

B3.4 Phải có lá n cứng thụ ở khu vực thí nghiệm để có thể điều trị cho những người lao động bị thụ hoặc bị ốm. Hộ cứng thụ phải có đủ thuốc và phải được kiểm tra hàng tháng.

① Hộ mục tuân thủ tại hiện trường

- Hộ cứng thụ có đầy đủ tất cả các dụng cụ phải được sử dụng ở nơi được chỉ định.
- Hộ cứng thụ không được khó khăn, nếu khó khăn thì nhân viên cấp cứng thụ trực ban phải luôn có chìa khóa.
- Phải chuẩn bị các thiết bị xử lý khẩn cấp được quản lý tốt và phù hợp với vị trí được chỉ định.
- Máy rửa mặt và cơ sở tắm khẩn cấp nằm trong vòng 10 giây đi bộ từ nơi nguy hiểm và không cần phải đi lên xuống cầu thang hoặc dốc khi tiếp cận thiết bị, và được đi từ các yếu tố nguy hiểm đến thiết bị phải thẳng nhất có thể mà không có chướng ngại vật.

② Hộ mục tuân thủ tài liệu/ghi chép

- Các thủ tục duy trì phù hợp và hiệu quả để kiểm tra, duy trì, duy trì, duy trì và chuẩn bị hàng tồn kho và tất cả các thiết bị xử lý khẩn cấp (bộ đồ t, rửa mặt, thiết bị tắm khẩn cấp) và hộ cứng thụ.
- Các thủ tục bố trí lá n cứng thụ phải được chuẩn bị xem xét nhân sự, diện tích và đặc tính công việc.
- Tần suất kiểm tra thiết bị xử lý khẩn cấp và lá n cứng thụ không được nhỏ hơn một tháng. (bao gồm các dụng cụ y tế của cá nhân viên trong công ty)
- Máy rửa mặt và thiết bị tắm khẩn cấp phải được kiểm tra một lần một tuần để xác nhận hoạt động đúng, ghi chép lại và sửa chữa ngay lập tức những hộ mục không phù hợp.
- Máy rửa mặt được trang bị thiết bị rửa 2 mặt có bộ xử lý, cả máy rửa mặt và thiết bị tắm khẩn cấp đều phải có nơc ấm chảy liên tục trong 15 phút.

- Danh sách hàng tồn kho và hồ sơ kiểm tra của hợp cấu trúc phải được duy trì mới nhất.
- Danh sách tồn kho của hợp cấu trúc phải bao gồm cả giấy tay latex, khuôn tam giác và keo y tế.
- Phải duy trì ghi chép của độ i trừ ở ng khô ng xuất hàng hợp cấu trúc.

③ Đào tạo/Giao tiếp

- Phải quy định xem tất cả công nhân có thể sử dụng hợp cấu trúc một cách tự do hay chỉ có nhân viên xử lý khuôn cấu trúc mới sử dụng hợp cấu trúc và thông báo cho tất cả công nhân về các hạ ng mục quy định.
- Người lao động có nguy cơ tiếp xúc với hóa chất phải được đào tạo về thủ tục sử dụng máy rửa mặt và thiết bị bảo hộ cấu trúc hàng năm.

Ngư ờ i nhiễ m bệ nh

Ngư ờ i có triệ u chứ ng củ a bệ nh truyề n nhiễ m

Bệ nh truyề n nhiễ m

Bệ nh hoặ c bệ nh do vi sinh vậ t gâ y ra như vi khuẩ n, virus, ký sinh trù ng, nấ m có thể lây lan trực tiế p hoặ c giá n tiế p từ ngư ờ i nà y sang ngư ờ i khá c.

Đạ i dị ch

Ti nh trạ ng bệ nh tậ t đàng hoà nh hà nh trê n toà n thế giới. Pandemic là mộ t ti nh huố ng mà virus mới i lây nhiễ m cho con ngư ờ i liê n tụ c lan truyề n và lây lan giữ a con ngư ờ i. Lú c nà y hầu như khô ng có miễ n dị ch vớ i virus mới i nên virus lây lan ra toà n thế giới

WHO (Tổ chứ c Y tế Thế giới)

Cơ quan chuyên môn củ a Liê n Hợ p Quố c phụ trá ch y tế cô ng cộ ng quố c tế

Giai đoạ n đạ i dị ch

Giai đoạ n Pandemic củ a WHO đư ợ c á p dụ ng trê n toà n thế giới, cung cấ p mộ t khung toà n cầ u giúp p cá c quố c gia trê n thế giới xâ y dự ng kế hoạ ch đố i phó và ứ ng phó Pandemic. Trong khuô n khổ nà y, chia là m 6 giai đoạ n để dà ng thố ng nhấ t nội dung khuyế n nghị và phư ơ ng thứ c tiế p cận mới i trong kế hoạ ch ứ ng phó và ứ ng phó quố c gia hiệ n có .

B3.5 Phả i thiế t lậ p và thự c hiệ n chư ơ ng trì nh có biệ n phá p xử lý hợ p lý để chuẩn bị , phò ng, ứ ng phó vớ i sự lây lan củ a cá c bệ nh truyề n nhiễ m tiềm ẩn giữ a cá c cô ng nhâ n.

① Hạ ng mục c tuâ n thủ tậ i hiệ n trư ờ ng

- Cầ n phả i thự c hiệ n cá c biệ n phá p sau để đảm bả o vệ sinh cá nhâ n.
 - Cung cấ p cá c thiế t bị thí ch hợ p để rửa tay và sấy khô , bao gồ m cá c vậ t dụ ng vệ sinh bao gồ m như ng khô ng giớ i hạ n, bao gồ m như ng khô ng tá i sử dụ ng, khă n khô ng thể tá i sử dụ ng, v.v.
 - Khuyế n khí ch ngư ờ i lao độ ng nghỉ ngơi ở nhà nế u họ bị ốm
 - Nế u có thể , khô ng đư ợ c chia sẻ điệ n thoạ i, dụ ng cụ hoặ c thiế t bị giữ a cá c cô ng nhâ n.
 - Đảm bảo người lao động đư ợ c tiê m vắc xin đú ng cá ch theo yê u cầu và khuyế n nghị của chí nh phủ địa phư ơ ng, tuâ n thủ tất cả cá c biệ n phá p an toà n y tế.
- Duy trì tồ n kho hà ng hó a cầ n thiế t để bả o vệ ngư ờ i lao độ ng và hạ n chế sự lây lan củ a bệ nh truyề n nhiễ m và luô n cung cấ p hà ng hó a sau mộ t cá ch thí ch hợ p.
 - Tấ t cả cá c nhà vệ sinh đều có chấ t khử trù ng tay hoặ c tũ y chọ n.
 - Cung cấ p mặ t nạ , mặ t nạ N95 (sả n phẩm thô ng qua sự phù hợ p), găng tay, á o choà ng (hoặ c quầ n á o bả o hộ) và kí nh bả o hộ .
 - Duy trì và khử trù ng sạ ch sẽ bao gồ m khă n sạ ch, xà phò ng và chấ t khử trù ng.
 - Bố trí cá c vậ t dụ ng có thể đư ợ c sử dụ ng để phá t hiệ n và kiể m soá t sự lây lan củ a bệ nh (ví dụ : nhiệ t kế , vá ch ngắ n, dụ ng cụ kiể m tra, v.v.)

② Hạ ng mục c tuâ n thủ tậ i liệ u/ghi chép

- Cầ n xá c đị nh, đá nh giá và kiể m soá t sự lây lan củ a bệ nh truyề n nhiễ m tạ i Nhà má y bằ ng cá ch thự c hiệ n cá c quy trì nh phò ng bị và đố i phó vớ i dị ch bệ nh đã đư ợ c vắ n bả n hó a từ trư ớ c, cầ n theo dõi cá c hư ớ ng dẫ n củ a cá c cơ quan y tế liê n quan để thố ng nhấ t cá c khuyế n nghị phù hợ p nhấ t đư a và o cá c thủ tụ c và kế

hoạch. Chương trình này phải dựa trên đánh giá rủi ro kỹ lưỡng về các rủi ro có thể xảy ra tại nơi làm việc liên quan đến bệnh tật.

- Quy định các thủ tục ứng phó để chuẩn bị cho bệnh truyền nhiễm và bao gồm các yếu tố sau:
 - Phân tích nguồn lây nhiễm của bệnh truyền nhiễm mà người lao động có thể tiếp xúc, bao gồm các yếu tố nguy hiểm cụ thể mà người lao động phải đối mặt
 - Hệ thống xác định và thực hiện các biện pháp kiểm soát cần thiết để giảm thiểu rủi ro này.
 - Thủ tục xác định, cách ly và chuyển giao người nhiễm.
 - Quy trình vệ sinh, khử trùng và phòng, phòng cách ly, ký túc xá và không gian công cộng (nếu có).
 - Xác định nhà cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp để dọn dẹp và khử trùng nếu cần thiết
 - Phân biệt nhà cung cấp dịch vụ y tế và phòng thí nghiệm
- Tổ chức và chỉ định người chỉ u trách nhiệm trực tiếp (DRI) để thành lập một nhóm đối phó với dịch bệnh (IDRT) tại mỗi cơ sở làm việc, IDRT có nghĩa vụ và quyền chỉ thị đối phó với tình huống dịch bệnh để bảo vệ sức khỏe, an toàn, môi trường và cộng đồng của người lao động.
- Người lao động phải được bảo vệ để không bị phân biệt đối xử không phù hợp với lý do liên quan đến bệnh truyền nhiễm, hoặc bị bắt nạt và trả thù.
- Khi các trường hợp xác nhận được báo cáo, phải báo vệ thông tin cá nhân của người lao động theo luật và quy định có liên quan.
- Phải trả lời cho người lao động theo quy định và pháp luật liên quan đến thời gian khám, cách ly, điều trị và nghỉ phép liên quan đến bệnh truyền nhiễm.
- Quy định và duy trì các thủ tục hủy bỏ thí nghiệm đối với các mặt hàng ức chế lây lan bệnh truyền nhiễm.
- Trong trường hợp chuẩn bị các thủ tục để kiểm tra bệnh truyền nhiễm một cách thích hợp và tuyên bố tình trạng khẩn cấp của bệnh truyền nhiễm quốc gia

(giai đoạn 4/5), cơ sở kinh doanh phải thực hiện các biện pháp sau.

- Cần tăng cường các biện pháp phòng ngừa liên quan đến bệnh truyền nhiễm tại Nhà máy.
- Cần thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn chặn sự lây lan của các bệnh truyền nhiễm tại Nhà máy theo hướng dẫn của quốc gia/ khu vực.
- Khuyếch tán khí cho người lao động báo cáo tất cả các triệu chứng của bệnh truyền nhiễm đúng thời điểm và trờng hợp nghi ngờ xác nhận nhiễm bệnh tại cơ sở là m việc c thì phải là m như sau.
 - Phải cá ch ly và di chuyển người ở chỗ đoán an toàn.
 - Phải tiến hành kiểm tra thực tế để xác định tất cả những người có thể đã tiếp xúc với bệnh nhân/người được chẩn đoán nhiễm bệnh.
 - Phải tăng cường dọn dẹp và khử trùng các cơ sở là m việc c theo hướng dẫn của chuyên gia/quốc gia.
 - Nếu phát sinh bệnh truyền nhiễm trong cơ sở là m việc c hoặc trong cộng đồng địa phương được xác nhận thì phải hợp tác với quốc gia/ khu vực để thực hiện quản lý thời gian là m việc c, thay đổi tổ ng số nhâ n viê n là m việc c tại cơ sở là m việc c hoặc đóng cửa cơ sở là m việc c theo hướng dẫn.
 - Nếu cần thiết, các cơ sở là m việc c phải được nối lại theo hướng dẫn của chính quyền địa phương.
- Phải có các thủ tục để báo cáo nghi ngờ hoặc xác nhận nhiễm bệnh tại Nhà máy, và nếu cần, tất cả các trờng hợp xác nhận bệnh truyền nhiễm phải được báo cáo lên quốc gia/khu vực theo pháp luật và quy định có liên quan.
- Doanh nghiệp hợp tác phải tuân thủ các yêu cầu báo cáo sự cố của đối tác LGD và báo cáo các trờng hợp xác nhận nhiễm bệnh.
- Tất cả các tài liệu liên quan đến phòng bị và đối phó với bệnh truyền nhiễm phải được báo quản và cung cấp để có thể kiểm tra bất cứ lúc nào trong trờng hợp LGD yêu cầu.

③ Đào tạo/Giao tiếp

- Tất cả công nhân, giám sát viên, người quản lý, nhà thầu hiện trờng và nhà cung cấp phải hoàn thành đào

tạo về nguyên tắc cơ bản để kiểm soát bệnh truyền nhiễm, bao gồm:

- Giảm nguy cơ lây nhiễm như rửa tay, ho và điều chỉnh hành vi, vệ sinh bề mặt và khử trùng, không chia sẻ dụng cụ, thức ăn, đồ uống hoặc thiết bị.
- Đảm bảo tạo về tự giác m sát và báo cáo kịp thời các triệu chứng và triệu chứng của bệnh truyền nhiễm.
- Đảm bảo liên quan đến việc sử dụng và hủy bỏ PPE một cách thích hợp
- Đảm bảo tạo về xử lý và chuẩn bị thực phẩm phù hợp
- Đảm bảo phải được cung cấp trong thời gian dịch bệnh như ng ban đầu, thời gian đầu tạo hạ hạ và khi bệnh truyền nhiễm hoặc Pandemic phát sinh.

Đo lường và kiểm soát là m việc

Điều 2 của Luật An toàn và

Sức khỏe Công nghiệp

(định nghĩa) Đo lường

trường là m việc là việc thu thập mẫu vật, phân tích đánh giá sau khi chủ doanh nghiệp lập kế hoạch đo lường các nhân tố có hại cho người lao động hoặc nơi là m việc để tìm hiểu thực trạng môi trường là m việc.

Điều 125 Luật An toàn và

Sức khỏe Công nghiệp (Đo

lượng môi trường là m

việc).

Quy tắc thi hành điều 190,

Phụ lục 21 (Yếu tố gây hại

cho môi trường là m việc)

Tại Nhà máy có người lao động tiếp xúc với các yếu tố gây hại là đối tượng đo lường môi trường là m việc sau đây, nếu nơi là m việc hoặc công đoạn là m việc được vận hành mới hoặc thay đổi trở thành nơi là m việc là đối tượng đo đạc thì phải được thực hiện trong vòng 30 ngày, và phải thực hiện ít nhất 1 lần trong 6 tháng.

- Hóa chất: 114 hợp chất hữu cơ, 24 kim loại, 17 hợp chất axit và kiềm, 15 hợp chất khí, 12 hợp chất độc hại được cấp phép, chia sẻ giá kim loại.
- Nhân tố vật lý: tiếng ồn (trung bình tần số trong 8 giờ trên 80dB), số t cao.
- Phấn đá m: phấn đá m khoáng vật, phấn đá m ngũ cốc

B4) Y tế công nghiệp

Nhà máy phải nắm bắt, đánh giá, kiểm soát tiếp xúc của nhân viên đối với các yếu tố hóa học, sinh học, vật lý theo hệ thống quản lý. Rủi ro tiềm ẩn phải được loại bỏ hoặc kiểm soát thông qua thiết kế, kỹ thuật, kiểm soát hành trình phù hợp. Trong trường hợp không thể kiểm soát được rủi ro bằng phương tiện này, người lao động phải sử dụng miễn phí thiết bị bảo vệ cá nhân phù hợp và được quản lý tốt. Trong chương trình bảo vệ phải bao gồm tài liệu đào tạo về nguy hiểm liên quan đến nguy hiểm này.

B4.1 Tất cả các giá y phép liên quan đến các yếu tố nguy hiểm sức khỏe công nghiệp tiềm ẩn, phải được kiểm tra và chuẩn bị giá y phép, giá y chứng nhận hoặc báo cáo, và phải thực hiện quá trình duy trì giá y phép luôn được cập nhật nhất.

① Hạ ng mục tiêu thu tài liệu/ghi chép

- Tất cả các giá y phép liên quan đến y tế công nghiệp theo yêu cầu của pháp luật phải được cấp và tiến hành kiểm tra, giá y phép phải có hiệu lực.
- Phạt triển và thực hiện phương pháp đánh giá rủi ro sức khỏe của nhân viên tiềm ẩn đối với các yếu tố hóa học, sinh học hoặc vật lý tại hiện trường.
- Báo cáo kiểm tra sức khỏe công nghiệp (báo cáo đo lường môi trường làm việc) phải được chuẩn bị, có thể xem xét và chấp nhận các yêu cầu của pháp luật/khách hàng.
 - Trường hợp vượt quá giới hạn phơi nhiễm tại nơi làm việc (OEL), thông qua xử lý tức thì phải cung cấp một thiết bị kiểm soát kỹ thuật thích hợp hoặc PPE tạm thời cho đến khi kết quả giám sát lần liên tiếp mới là cá nhân khác nhau ít nhất 1 ngày để kết quả thấp hơn giới hạn phơi nhiễm tại nơi làm việc (OEL).
- Ghi chép lý do y tế công nghiệp trong ba năm qua, bao gồm lý do do các cơ quan chức năng thực hiện như một phần của kiểm tra quy chế, phải được xem xét.

- Phải thiết lập, quản lý và ghi chép các quy trình được ghi chép trước để có thể được gia hạn trước khi hết hạn giá y phép và tuân thủ thời gian đo mô i trước là m việc được tiến hành theo các yêu cầu pháp lý. (ví dụ, thông báo/bà i tập/đặt lịch thông qua hệ thống lịch tuân thủ hoặc hệ thống email, v.v.)

Khả năng sức khỏe

Điều 129 Luật an toàn và

sức khỏe công nghiệp

(khả năng sức khỏe tổ chức quá tải)

Để bảo vệ và duy trì sức khỏe của người lao động, người lao động là làm việc và nên phòng ngừa tiếp xúc với các yếu tố khác nhau của môi trường làm việc. 2 năm 1 lần, người lao động khác phải khám sức khỏe 1 năm 1 lần.

Theo quy định tại Điều 130 của Luật an toàn và sức khỏe công nghiệp, phải tiếp xúc với các yếu tố khác nhau của môi trường làm việc có tiếp xúc với các yếu tố gây hại là đối tượng của các yếu tố khác nhau của môi trường làm việc khác nhau, đặc biệt như tiếp xúc với bụi, hóa chất, v.v. như sau.

- Nhóm tổ chức hóa học (163 loại như benzen, toluene, amiăng, v.v.)
- 7 loại bụi (bụi hạt, bụi khoáng, bụi gỗ, bụi than, bụi sợi, bụi amiăng, v.v.)
- 8 loại nhân tố vật lý (tiếng ồn, ánh sáng có hại, v.v.)
- 2 loại là làm việc ban đêm

Thực hiện khả năng sức khỏe trước khi bố trí và các công việc có tiếp xúc với các nhân tố nguy hiểm và sau đó thực hiện theo thời gian và chu kỳ quy định cho từng nhân tố gây hại (Tham khảo phụ lục 22 Điều 202 của quy tắc thi hành về thời gian và chu kỳ chi tiết).

B4.2 Kiểm soát tiếp xúc với các yếu tố hóa học, sinh học, vật lý của người lao động.

① Hạ nguy mức tuân thủ tại hiện trường

- Phải thiết lập và vận hành phương pháp hiệu quả để giảm hoặc loại bỏ tiếp xúc với các yếu tố hóa học, sinh học và vật lý của người lao động.
 - Kiểm soát kỹ thuật được thiết kế để giảm sự tiếp xúc với các yếu tố hóa học, sinh học và vật lý của người lao động (ví dụ: Thông gió, lắp đặt hàng rào v.v.)
 - Kiểm soát hành chính được thiết kế để giảm sự phơi bày của người lao động và đánh dấu đúng tất cả các yếu tố hóa học, sinh học và vật lý (giới hạn thời gian phơi bày người lao động, tuần hoàn công việc).
 - Thiết kế phù hợp, đồ bảo hộ an toàn hiệu quả
- Trong thời gian làm việc bình thường, Nhà máy không được phát sinh mùi hôi, khó chịu, bụi bẩn và các tình huống có hại cho sức khỏe.
- Thiết bị phòng xạ phải hoạt động ở khu vực kiểm soát tiếp xúc và tất cả nhân viên và ở khu vực kiểm soát phải đeo đồ bảo hộ đầy đủ theo quy định cá nhân.

② Hạ nguy mức tuân thủ tại lưu/ghi chép

- Tần suất đo lường tổng thể là 1 năm, ngoại trừ trường hợp đánh giá rủi ro yếu, thay đổi quy trình hoặc yêu cầu lấy mẫu thường xuyên hơn.
- Cần thiết lập một đánh giá tổng quan phù hợp và hiệu quả, bao gồm trích xuất và kiểm tra các mẫu yếu tố công nghiệp liên quan để xác định và đánh giá các rủi ro tiềm ẩn của các yếu tố hóa học, sinh học hoặc vật lý.
- Nếu có thay đổi quan trọng, phải cập nhật đánh giá tổng quan và đánh giá rủi ro bao gồm tiếp xúc với một số hóa chất.
- Khi các yếu tố hóa học, sinh học hoặc vật lý mới được đưa ra và mô tả trong là làm việc, hoặc khi quá trình ban đầu thay đổi có thể gây nguy hiểm cho sức khỏe của

nhân viên, cần tiến hành đánh giá rủi ro y tế cùng với kiểm tra môi trường là mối liên quan.

- Phải chuẩn bị một chương trình phù hợp và hiệu quả để kiểm soát các rủi ro tiềm ẩn được xác định đối với các hóa chất, sinh học và vật lý, ghi chép lại thành văn bản và tuân thủ hệ thống kiểm soát.
- Cần lập kế hoạch đánh giá định kỳ để xác định hiệu quả của các biện pháp kiểm soát và khắc phục đã thực hiện (nếu cần). Trừ trường hợp cần đánh giá lại do sự thay đổi lớn, tần suất đánh giá phải ít nhất 1 lần trong 3 năm.
- Hồ sơ kiểm tra y tế phải được sử dụng để đánh giá hô hấp, đánh giá mất thính lực, hoặc đánh giá y tế khác liên quan đến các hoạt động công việc cụ thể để đánh giá xem người lao động có bị thiệt hại hay không.
- Nhân viên phụ trách quản lý an toàn thiết bị phóng xạ phải được đào tạo về quản lý an toàn phóng xạ, nếu có thể phải được chứng nhận an toàn quản lý phóng xạ theo luật.
- Việc kiểm tra an toàn của thiết bị phóng xạ phải được thực hiện thông qua một doanh nghiệp được chứng nhận có tư cách ít nhất một năm một lần sau khi lắp đặt các công cụ không giới hạn sau.
 - Biểu bá o cả nh bá o, đèn bá o cả nh bá o, khó a liên lạc, thiết bị dùng hoạt động máy khẩn cấp

B5) Công việc quá sức

Công việc áp lực cơ sở xưởng

Điều 656 Quy tắc về Tiêu chuẩn an toàn và sức khỏe công nghiệp Từ ý thuộ c và o khố i lư ợ ng cô ng việ c-tổ c độ là m việ c-cư ờ ng độ cô ng việ c và cấ u trú c nơ i là m việ c, v.v. đề cậ p đế n cô ng việ c do Bộ trư ở ng Bộ Lao độ ng Tuyế n dụ ng chỉ đị nh và cô ng bố (số 2020-12), nó i đế n 11 cô ng việ c như cô ng việ c lậ p đi lậ p lạ i, xử lý vậ t nặ ng.v. tư thệ là m việ c khô ng phù hợ p, thao tá c quá sức và là m việ c vớ i vậ t nặ ng.

Đề u tra yế u tố gâ y hạ i củ a cô ng việ c áp lực cơ sở xưởng

Điều 657 Quy tắc về tiêu chuẩn an toàn và sức khỏe công nghiệp (điề u tra cá c yế u tố có hạ i) Chủ doanh nghiệ p phả i tiế n hà nh điề u tra yế u tố nguy hiể m 3 nă m 1 lầ n trong trư ở ng hợ p ngư ở i lao độ ng là m cô ng việ c liê n quan cơ sở xưởng.

Nhà má y phả i nắ m bắ t, đá nh giá , kiể m soá t nhữ ng cô ng việ c gâ y áp lực về thể chấ t quá lớ n cho ngư ở i lao độ ng như cô ng việ c c lậ p đi lậ p lạ i, xử lý vậ t nặ ng.v.

B5.1 Phả i xá c đị nh tá c nhâ n gâ y hạ i cho cô ng việ c gâ y gá nh nặ ng thể chấ t quá nặ ng cho ngư ở i lao độ ng, đá nh giá rủ i ro, thô ng bá o và quả n lý cho ngư ở i lao độ ng.

① Hạ ng mụ c tuầ n thủ tạ i hiệ n trư ở ng

- Hoạ t độ ng quá tả i về thể chấ t (ví dụ : gá nh nặ ng cơ xư ơ ng) Cá c biệ n phá p quả n lý phả i đư ợ c chuẩ n bị và hiệ u quả để giả m hoặ c loạ i bỏ cô ng việ c lậ p đi lậ p lạ i, thao tá c quá sức, thao tá c vậ t nặ ng, đứ ng trong thờ i gian dà i.
- Biệ n phá p kỹ thuậ t (ví dụ : tự độ ng hó a quy trì nh, bà n thao tá c điề u chỉ nh độ cao.v.v.) đư ợ c thiế t kế để giả m lao độ ng châ n tay.
- Cá c biệ n phá p quả n lý (giớ i hạ n thờ i gian là m việ c củ a ngư ở i lao độ ng, tuầ n hoà n cô ng việ c) đư ợ c thiế t kế để giả m lao độ ng châ n tay.

② Hạ ng mụ c tuầ n thủ tà i liệ u/ghi ché p

- Mộ t chư ơ ng trì nh vấ n bả n hó a để nắ m bắ t, đá nh giá và kiể m soá t cô ng việ c quá tả i thể chấ t phả i đư ợ c thiế t lậ p và mớ i nhấ t.
- Đ á nh giá rủ i ro (điề u tra nguyê n nhâ n gâ y hạ i cho cô ng việ c cơ xư ơ ng)
 - Trư ở ng hợ p Nhà má y hoặ c nơ i là m việ c khô ng thay đổ i thì khô ng cần phả i đá nh giá lạ i. (Phả i ghi ché p lạ i rằ ng khô ng có hạ ng mụ c thay đổ i)
 - Nế u phá t sinh thay đổ i quan trọ ng thì phả i cậ p nhậ t.
 - Phả i tiế n hà nh kiể m tra chấ n thư ơ ng và phâ n tí ch xu hư ớ ng trong 3 nă m qua liê n quan đế n cô ng việ c quá tả i thể chấ t theo từ ng cô ng việ c.
 - Quản lý con người phả i đư ợ c thực hiệ n và theo đổ i hiệ u quả củ a nó (bao gồm phâ n tí ch cô ng việ c con người theo chu kỳ, dữ liệ u

khảo sát sự bất tiện của người lao động, phản hồi của người lao động/giám sát viên, tỷ lệ thay đổi công việc, và tỷ lệ khiếm khuyết công việc.)

B6) Thiết bị bảo vệ an toàn máy móc

Nhà máy phải tiến hành đánh giá tính an toàn đối với thiết bị sản xuất hoặc các thiết bị máy móc khác. Trừ trường hợp sử dụng thiết bị máy móc nguy hiểm có thể gây thương tật cho người lao động thì phải cung cấp thiết bị bảo vệ vật lý, Interlock, hàng rào bảo vệ và quản lý thích hợp thiết bị đó.

B6.1 Phải có tất cả giải pháp cho trang thiết bị máy móc, phải có giải pháp, giải pháp chức năng hoặc báo cáo được kiểm tra và phải thực hiện quy trình có thể duy trì giải pháp luôn cập nhật.

① Hạ mức tuân thủ tại hiện trường

- Các bài đã nêu được yêu cầu theo pháp luật phải là bản mới nhất, các loại bị lỗi và thông tin liên quan có thể phải được đã nêu ở khu vực chung của nhà viên/phòng nghỉ/nhà hàng trong khu vực.

② Hạ mức tuân thủ tài liệu/ghi chép

- Phải sử dụng thiết bị máy móc đã đạt được chức năng nhận theo yêu cầu của pháp luật để áp dụng và có thể kiểm tra hồ sơ chức năng.
- Báo cáo kiểm tra và đánh giá an toàn máy móc phải được chuẩn bị, có thể xem xét và chấp nhận các yêu cầu của pháp luật và giải pháp.
- Phải thiết lập, quản lý và ghi chép các quy trình được ghi chép trước để có thể được gia hạn trước khi hết hạn giá trị và tuân thủ thời gian kiểm tra định kỳ được tiến hành theo các yêu cầu pháp lý. (ví dụ, thông báo/bài tập/đặt lịch thông qua hệ thống lịch tuân thủ hoặc hệ thống email, v.v.)

Kiểm tra an toàn

Điều 93 của Luật An toàn và An toàn công nghiệp (kiểm tra an toàn) Chủ doanh nghiệp sử dụng các thiết bị, tổ chức và thiết bị có hại hoặc nguy hiểm do Tổ chức quy định phải được Bộ trưởng Bộ Lao động và Lao động kiểm tra xem tính năng an toàn của các thiết bị có hại và nguy hiểm có phù hợp với tiêu chuẩn kiểm tra do Bộ trưởng Bộ Lao động thiết lập hay không.

B6.2 Chư ơ ng trì nh duy trì an toà n thiế t bị má y mó c phù hợ p và hiệ u quả , ngư ờ i lao độ ng phả i vậ n hà nh an toà n thiế t bị má y mó c.

① Hạ ng mụ c tuà n thủ tạ i hiệ n trư ờ ng

- Tấ t cả cá c thiế t bị má y mó c phả i đư ợ c trang bị thiế t bị an toà n và thiế t bị đừ ng khắ n cấ p, và ngư ờ i vậ n hà nh thiế t bị phả i vậ n hà nh an toà n.
- Má y mó c phả i đư ợ c bả o vệ khỏ i cá c mố i nguy hiể m tiề m tà ng do hoạ t độ ng như điể m co lạ i củ a má y, độ ng cơ trư c quay, bá nh ră ng, bá nh xe bay, dâ y đai, dâ y xí ch, v.v.
- Phả i lắ p đặ t cả m biế n tự độ ng để phá t hiệ n xem có hó a chấ t độ c hạ i trong nư ờ i là m việ c hay khô ng. Má y dò phả i sử dụ ng â m thanh hoặ c á nh sá ng hoặ c cả hai để cả nh bá o ngư ờ i lao độ ng.
 - Thiế t bị cả m biế n và cả m biế n phả i hoạ t độ ng bì nh thư ờ ng thô ng qua việ c phá t triể n và thự c hiệ n cá c thủ tụ c bả o trì (chu kỳ bả o dư ỡng, hạ ng mụ c kiể m tra, ngư ờ i phụ trá ch và lư u trữ hồ sơ), chu kỳ hiệ u chuẩ n củ a nhà sả n xuấ t thiế t bị và hiệ u chuẩ n theo hư ớ ng dẫ n củ a nhà sả n xuấ t hiệ u chuẩ n và cá c yê u cầ u phá p lý củ a đị a phư ơ ng.
- Đ ể kiể m soá t hoạ t độ ng củ a thiế t bị , để ngắ n ngư ờ i lỏ i con ngư ờ i, sai số t củ a má y mó c và phả i lắ p đặ t hệ thố ng Interlock trong khu vự c là m việ c và duy trì trạ ng thá i tồ t.
- Có thể câ n nhắ c lắ p đặ t hệ thố ng tự độ ng hó a để nâ ng cao nă ng suấ t và an toà n củ a ngư ờ i lao độ ng tạ i Nhà má y.
- Chư ơ ng trì nh khó a/chặ n khô ng chỉ đư ợ c thự c hiệ n trong tấ t cả cá c hoạ t độ ng thô ng thư ờ ng mà còn trong quá trì nh bả o trì đư ờ ng dâ y cung cấ p và tá i chế hó a chấ t và bơ m, thiế t bị điệ n và thiế t bị lư u độ ng, ngắ t quấ ng và bả o vệ .
- Trư ớ c khi khỏ i độ ng thiế t bị mớ i/cả i tạ o, phả i kiể m tra thiế t bị bả o vệ thô ng qua kiể m tra an toà n để đả m bả o rằ ng nó hoạ t độ ng đú ng và an toà n để sử dụ ng.

② Hạ ng mục c tuâ n thủ tà i liệ u/ghi ché p

- Phải có cá c thủ tậ c đư ợ c ghi ché p lạ i củ a chư ơ ng trì nh duy trì an toà n thiế t bị cơ khí bao gồ m:
 - Phải vậ n hà nh chư ơ ng trì nh đá nh giá rủ i ro thiế t bị cơ khí để kiể m tra rủ i ro củ a tất cả cá c thiế t bị cơ khí trư ớ c khi mua/lấ p đặ t.
 - Cá c thiế t bị an toà n cần thiế t phải đư ợ c lấ p đặ t cho cá c yế u tố nguy hiể m đư ợ c xá c đị nh.
 - Phải tiế n hà nh kiể m tra và bả o dư ỡng má y mó c và thiế t bị an toà n và thiế t bị dư ng khả n cấ p.
- Hồ sơ kiể m tra thiế t bị má y mó c và thiế t bị an toà n và bả o trì phò ng ngư ờ a phải phù hợ p và mớ i nhấ t. (3 nă m)
- Phải thiế t lậ p và thự c hiệ n chư ơ ng trì nh tà i liệ u để quả n lý thí ch hợ p việ c sử dụ ng xe tả i điệ n dù ng cho cô ng nghiệ p điệ n, và phải thự c hiệ n đá nh giá tí nh nguy hiể m để đả m bả o an toà n cho nơ i là m việ c và phá t triể n cá c biệ n phá p xử lý kiể m soá t thí ch hợ p nhằ m phò ng ngư ờ a thư ơ ng tí ch/sự cố .
- Tất t cả cá c xe tả i cô ng nghiệ p điệ n và ngư ờ i lá i xe/ngư ờ i là m việ c liê n quan phải nhậ n đư ợ c giá y phé p/ giá y phé p cần thiế t trư ớ c khi là m việ c theo luậ t liê n quan, đả m bả o rằ ng việ c kiể m tra và bả o dư ỡng ng xe tả i cô ng nghiệ p điệ n theo luậ t liê n quan đư ợ c thự c hiệ n đị nh kỳ .

③ Đ à o tạ o/Giao tiế p

- Phải đ à o tạ o ngư ờ i lao độ ng liê n quan đế n việ c sử dụ ng thiế t bị an toà n, thiế t bị an toà n và thiế t bị dư ng khả n cấ p.
- Hư ớ ng dẫ n thao tá c (nế u cần thiế t hoặ c yê u cầu) phải đư ợ c cung cấ p bằ ng ngô n ngữ mà ngư ờ i lao độ ng hiể u trong thiế t bị má y mó c (hoặ c gầ n đó). Phải có tà i liệ u và có sắ n để vậ n hà nh thiế t bị má y mó c an toà n.
- Thông số kỹ thuật t sản xuấ t thiế t bị phải đư ợ c thông bá o đầy đủ cho ngư ờ i lao độ ng trư ớ c khi là m việ c.

Quy tắ c ký tú c xá

Điề u 99 Luậ t Tiê u chuẩ n lao độ ng
(xâ y dự ng và thay đố i quy chế) Ngư ờ i
lao độ ng ký tú c xá trong ký tú c xá
trư c thuộ c phả i lậ p quy tắ c ký tú c xá
liê n quan đế n cá c vấ n đề sau:

- Cá c vấ n đề liê n quan đế n thứ c dậ y,
đi ngủ , ra ngoà i và ngủ bê n ngoà i
- Hậ ng mụ c liê n quan đế n sụ kiệ n
- Hậ ng mụ c liê n quan ă n uố ng
- Hậ ng mụ c liê n quan đế n an toà n và
sứ c khô e
- Hậ ng mụ c liê n quan đế n quả n lý
cô ng trì nh xâ y dự ng và thiế t bị
- Hậ ng mụ c khá c á p dụ ng cho toà n
bộ ngư ờ i lao độ ng ở tạ i ký tú c xá .

Nhà ă n tậ p thể

Điề u 88 củ a Đạ o luậ t Vệ sinh Thự c c
phẩ m (Nhà ă n tậ p thể) Thà nh lậ p
nhà hà ng tậ p thể . Ngư ờ i muố n điề u
hà nh phả i khai bá o vớ i thị trư ở ng,
quâ n nhu, trư ở ng quâ n, huyệ n và
phả i tuâ n thủ cá c nội dung sau:

- Quả n lý vệ sinh kỹ lư ở ng để ngắ n
chặ n bệ nh nhâ n ngô độ c thự c phẩm
xả y ra
- Bả o quả n trê n 144 giờ mộ t phầ n
thự c phẩm đư ợ c nấ u-cung cấ p mỗ i
lầ n.
- Nế u bạ n có chuyê n gia dinh dư ở ng,
bạ n khô ng nê n cá n trở cô ng việ c
đó .
- Trong trư ở ng hợ p có chuyê n gia dinh
dư ở ng, nế u khô ng có lý do chí nh
đá ng thì phả i tuâ n theo yê u cầ u
củ a chuyê n gia dinh dư ở ng để quả n
lý vệ sinh nhà ă n tậ p thể .

Sự khử trừ ng

Điề u 24 củ a Nghi đị nh thi hà nh Luậ t
phò ng, chổ ng đi ch bệ nh (cơ sở phả i
khử trừ ng) Đố i vớ i cá c bệ p ă n tậ p
thể theo luậ t vệ sinh thự c phẩm (chỉ
cung cấ p bữ a ă n cho hơ n 100 ngư ờ i
mộ t lầ n) và ký tú c xá theo luậ t xâ y
dự ng (số hộ gia đì nh sử dụ ng mộ t
cơ sở nấ u ă n chung trê n 50% tổ ng số
nhâ n viê n nhà má y) thì phả i khử
trừ ng (thự c hiệ n dọ n dẹ p, khử trừ ng
hoặ c xử lý kiể m soá t chuộ t, cô n
trừ ng).

B7) Vệ sinh, thự c phẩm, nhà ở

Nhà má y phả i cung cấ p cho ngư ờ i lao độ ng nhà vệ sinh sạ ch
sẽ , nư ở c uố ng, khô ng gian nấ u ă n/lư u trữ thự c phẩm và đi a
điể m ă n uố ng hợ p vệ sinh. Ký tú c xá củ a nhâ n viê n phả i
sạ ch sẽ và an toà n, phả i cung cấ p lối thoá t hiể m thí ch hợ p,
nư ở c nó ng, hệ thố ng sủ ở ấ m và thô ng gió , tủ bả o quả n an
ninh riê ng biệ t để bả o quả n đồ đạ c và vậ t phẩm có giá trị ,
khô ng gian cá nhâ n.

B7.1 Tấ t cả giấ y phé p y tế , giấ y phé p, kế t quả xé t nghiệ m liê n quan đế n thự c phẩm, vệ sinh, nhà ở đê u đư ợ c chuẩ n bị và thự c hiệ n đứ ng quy trì nh, đả m bả o giấ y phé p luô n đư ợ c cập nhậ t.

① Hậ ng mụ c tuâ n thủ tạ i hiệ n trư ở ng

- Giấ y phé p vệ sinh cò n hiệ u lự c phả i đư ợ c bố trí tạ i
hiệ n trư ở ng (nế u có).

② Hậ ng mụ c tuâ n thủ tà i liệ u/ghi ché p

- Cấ p phé p
 - Tấ t cả thự c phẩm, vệ sinh, giấ y phé p cư trú theo yê u cầ u
củ a phá p luậ t phả i đư ợ c chuẩ n bị , có thể kiể m tra và có
hiệ u lự c.
 - Că n hộ cho thuê (ký tú c xá) phả i đư ợ c sủ cho phé p củ a
chí nh phủ đị a phư ơ ng.
- Chứ ng nhậ n
 - Tấ t cả cá c loạ i thự c phẩm, vệ sinh, giấ y phé p liê n quan đế n
nhà ở đê u phả i có bá o cá o kiể m tra theo yê u cầ u củ a phá p
luậ t.
- Giấ y khá m sứ c khô e
 - Cô ng nhâ n nhà ă n/nhà bế p phả i có giấ y khá m sứ c khô e
hợ p lệ .
- Kiể m tra và bá o cá o
 - Nư ở c uố ng phả i đư ợ c kiể m tra đị nh kỳ í t nhấ t mộ t lầ n
mộ t nă m hoặ c theo tiê u chuẩ n nghiệ m ngắ t hơ n so vớ i yê u
cầ u quy đị nh tạ i đị a phư ơ ng. Trư ở ng hợ p doanh nghiệ p
cung cấ p nư ở c đị a phư ơ ng có thể chứ ng minh chấ t lư ợ ng
nư ở c đấ p ứ ng tiê u chuẩ n tư ơ ng tự như WHO thì khô ng

yêu cầu chứng minh kiểm tra ngược, nhưng phải chuẩn bị bằng chứng tương ứng.

- Phải công bố kết quả kiểm tra chất lượng ngược hoặc bằng chứng.
- Phải báo cáo kiểm tra mẫu thực phẩm.
- Phải được thiết lập quy trình đã được văn bản hóa để đảm bảo rằng giá y phé p, chứng nhận và khám sức khỏe được giảm trừ ở c khi giá y phé p hiện hành hết hạn và phải văn bản hóa lại điều này.

B7.2 Ký tú c xá , nhà vệ sinh, khô ng gian nhâ n viê n phải đư ợ c duy trì sạ ch sẽ , an toà n, đá p ứ ng tiêu chuẩ n nhà ở quố c tế .

① Hạ ng mục tuầ n thủ tạ i hiệ n trư ờ ng

- Ký tú c xá và cơ sở vệ sinh (khu vực chung, hà nh lang, nhà vệ sinhv.v.) phải đư ợ c giữ sạ ch sẽ và phù hợ p.
- Cầu thang rõ ràng và có ánh sáng tốt để có thể ra và o an toà n từ ký tú c xá .
- Số lư ợ ng thí ch hợ p để sơ tá n ở mỗi tầ ng
- Cửa thoát hiểm phải dễ tiế p cận, đư ợ c đá nh dấu rõ ràng và khô ng đư ợ c khoá bên trong. Cửa chỉ có thể khoá bên ngoài nếu thiết bị thoát hiểm (ví dụ như Pushbar) đư ợ c áp dụng.
- (nếu có) phải cung cấp sự ở ấ m cho tồ a nhà trong mùa đông. Phải cung cấp ánh sáng và thông gió thông qua cửa sổ .
- Ánh sáng thí ch hợ p (phù hợ p với cá c hoạt độ ng ngoài độ c, viết và cá c hoạt độ ng khác ngoài giờ là m việ c), phải cung cấp đầy đủ ổ cắm điệ n an toà n.
- Nơi ở và cơ sở nấu ă n phải đư ợ c tá ch ra.
- Phải chuẩ n bị hỏa hoạ n và nhiệt độ thí ch hợ p, phá t hiệ n khó i, cảnh bá o và thông bá o và hệ thố ng chữa cháy.
 - Máy phá t hiệ n khó i có thể đư ợ c lựa chọn giữ a phư ơ ng thứ c dâ y dẫn trung tâm hoặc phư ơ ng thứ c pin độ c lập và phải kiểm tra xem nó có hoạt độ ng bình thư ờ ng trên 1 nă m hay khô ng.
 - Hệ thố ng chữa cháy phải đư ợ c đặt ở nơi có thể tiế p cận đư ợ c, cá ch phò ng ngừa ký tú c xá và đi a điể m cô ng cộng khoảng 25 m.
- Cầu chuẩ n bị cá c cơ sở xử lý chấ t thải nội bộ thí ch hợ p và cá c biệ n phá p phò ng chố ng sâu u bọ .
- Một số lư ợ ng thí ch hợ p tà u cứ u thư ợ ng phải đư ợ c sử dụng.

Đầ u bế p và dinh dư ỡng

(Điề u 51, 52, 56 củ a Luậ t Vê sinh Thự c phẩm)

Ngư ời i điề u hà nh bế p ấ n tậ p thể phải i có mộ t đầ u bế p và mộ t chuyê n gia dinh dư ỡng trong trư ờ ng hợ p có trê n 100 ngư ời ấ n mộ t là n. Trư ờ ng hợ p đầ u bế p nhậ n đư ợ c giá y phé p củ a đầ u bế p dinh dư ỡng thì chỉ cầ n đê đầ u bế p là đư ợ c.

Đầ u bế p và chuyê n gia dinh dư ỡng tạ i bế p ấ n tậ p thể phải i đư ợ c đầ o tạ o hai nă m mộ t là n đê nâ ng cao trì nh độ và chấ t lư ợ ng vê sinh thự c phẩm.

Nhà ấ n nộ i bộ

Mộ t tò a nhà hoặ c mộ t khu vự c mà ngư ời i lao độ ng có thể ấ n hoặ c nhậ n thứ c ấ n đư ợ c nấ u chí n.

Khá m sức khỏe

Theo quy tắ c khá m sức khỏe củ a nhữ ng ngư ời i là m việ c trong lĩ nh vự c vê sinh thự c phẩm, cá c đầ u bế p củ a bế p ấ n tậ p thể phải i đư ợ c khá m sức khỏe hà ng nă m.

- Bệ nh thư ợ ng hà n
- Bệ nh lao phổ i
- Cá c bệ nh vê da truyề n nhiễ m (cá c bệ nh vê da do vi khuẩ n như bệ nh Hansen)

- Phải i cung cấ p đủ khô ng gian cho mỗ i ngư ời i lao độ ng và phải i cung cấ p cá c hợ p bả o quầ n an ninh cá nhâ n đê bả o quầ n an toà n hà ng hó a cá nhâ n.
 - Phò ng ngủ ký tú c xá chỉ có giư ờ ng đơ i hoặ c giư ờ ng đơ n, khô ng đư ợ c sử dụ ng giư ờ ng 3 tầ ng, ngoạ i trừ gia đì nh, ngư ời i lao độ ng khô ng đư ợ c sử dụ ng chung giư ờ ng vớ i nhau.
 - Phò ng ngủ trong ký tú c xá phải i có khô ng gian sinh hoặ t riề ng cho mỗ i ngư ời i trê n 3 mé t vuô ng.
 - Khoả ng cá ch tồ i thiể u giữ a hai tầ ng giư ờ ng là 0,7 mé t. Chiề u rộ ng lổ i đi giữ a cá c giư ờ ng 2 tầ ng song song vớ i nhau khô ng đư ợ c nhô hơ n 1,2 mé t.
 - Khô ng đư ợ c quá 9 ngư ời i chia sẻ mộ t phò ng ngủ trong ký tú c xá .
 - Trư ờ ng hợ p cung cấ p giư ờ ng 2 tầ ng thì phải i cung cấ p chiề u cao trầ n tồ i thiể u 2.8m.
- Tấ t cả cá c cơ sở phải i đư ợ c phâ n biệ t nam nữ , số lư ợ ng đó phải i phù hợ p.
- Cá c tò a nhà ký tú c xá phải i đư ợ c tá ch ra khỏ i cá c tò a nhà nơ i có khu vự c sả n xuấ t, kho hoặ c lư u trữ hó a chấ t.
- Cô ng nhâ n số ng trong ký tú c xá phải i đư ợ c tự do ra và o phò ng ngủ và tò a nhà ký tú c xá củ a họ bấ t cứ lúc nà o. Khô ng đư ợ c yê u cầ u giá y phé p ra và o thô ng qua nhậ t ký quầ n lý ra và o.
- Nhà vê sinh trong nhà hoặ c ngoà i trừ i phải i đư ợ c cung cấ p í t nhấ t mộ t bô n cầ u cho mỗ i 15 cô ng nhâ n nộ i trú , trong trư ờ ng hợ p nhà vê sinh cô ng cộ ng, mỗ i nam và nữ phải i có í t nhấ t mộ t bô n cầ u.
- Nhà vê sinh và phò ng tắ m phải i đư ợ c cung cấ p riề ng cho nam và nữ . Trư ờ ng hợ p nhà vê sinh nam nữ và phò ng tắ m nằ m trong cù ng mộ t tò a nhà thì phải i xâ y mộ t hoặ c nhiề u bứ c tư ờ ng chấ n từ sà n lê n trầ n nhà đê phâ n biệ t hai thiế t bị .
- Nhà vê sinh và phò ng tắ m phải i đá nh dấ u "nam" và "nữ " bằ ng tiế ng mẹ đê củ a ngư ời i dù ng đê đê dà ng nhậ n ra bằ ng mắ t thư ờ ng.
- Nhà vê sinh phải i nằ m trong khoả ng 61 mé t trong mỗ i phò ng ngủ .

- Phả i có đủ phò ng tấ m nư ớ c nó ng lạ nh á p suấ t nư ớ c, phò ng tấ m phả i nằ m trong phạ m vi 61 mé t trong mỗ i ký tú c xá .
- Phả i lấ p í t nhấ t 1 vò i tấ m cho 15 ngư ờ i.
- Sà n phò ng tấ m phả i nghiê ng về phí a ố ng thoá t nư ớ c để phù hợ p vớ i thoá t nư ớ c.
- Nư ớ c uố ng phả i đư ợ c trang bị đầ y đủ cá c thiế t bị nư ớ c uố ng để có thể sử dụ ng trong phạ m vi 61 mé t trong phò ng ngủ ký tú c xá .
- Phả i cung cấ p thù ng rá c trong nhà vệ sinh và lấ p đặ t củ a để bả o vệ đờ i tư .

② Hạ ng mụ c tuâ n thủ tà i liệ u/ghi ché p

- Chư ơ ng trì nh vệ sinh và vệ sinh cầ n đư ợ c thiế t lậ p. Có thể theo dõ i hồ sơ chư ơ ng trì nh vệ sinh và phả i là bả n mớ i nhấ t.
- Chư ơ ng trì nh kiể m soá t sâ u bọ phả i đư ợ c thiế t lậ p, nhậ t ký kiể m soá t sâ u bọ có thể đư ợ c xem xé t và phả i là bả n mớ i nhấ t.
- Chư ơ ng trì nh bả o trì dự phò ng (như thiế t bị hỗ trợ ú ng phó khắ n cấ p) phả i đư ợ c thiế t lậ p, có thể theo dõ i ghi ché p và phả i là bả n mớ i nhấ t.
- Đ ố i vớ i cầ n hộ cho thuê , cầ n tiế n hà nh đá nh giá rử i ro và cậ p nhậ t nế u có thay đổ i đá ng kể , kiể m tra tậ i chỗ và cá c thủ tộ c ú ng phó khắ n cấ p.

B7.3 Nhà ở, nhà vệ sinh, không gian công nhân phải được bảo đảm an toàn, sạch sẽ, vệ sinh và được quản lý theo quy định kỹ thuật áp dụng.

① Hạ ng mục tu n thủ tậ i hiệ n trư ở ng

- Phòng ở, nhà bếp, nhà vệ sinh và không gian công nhân phải được quản lý an toàn và sạch sẽ.
- Bảo o quả n thực phẩm
 - Khu vực bảo o quả n thực phẩm và nấu ăn phải sạch sẽ.
 - Phải bảo o quả n thực phẩm một cách thích hợp. (Không được bảo o quả n dư ở i sà n, nếu cần bảo o quả n lạ nh, bảo o quả n riêng thứ c ăn chur a nấu và thứ c ăn đã nấu, thứ c ăn phải đặ y nắ p lạ i).
 - Phải sử dụ ng hoặ c xử lý thực phẩm trư ở c khi hết hạn sử dụ ng.
- Lối ra phải phù hợp với số lư ở ng công nhâ n cung cấp bữa ăn.
- Công nhâ n đi ch vụ thực phẩm phải đeo khẩu trang, lư ở i đầu, găng tay nếu cần thiết để trá nh ô nhiễ m thực phẩm.
- Ngư ở i lao độ ng nấu thực phẩm ở nhiệ t độ cao phải đeo đồ bảo hộ an toàn thích hợp.
- Phải chuẩn bị cá c thiết bị rửa tay phù hợp cho nhà ở, nhà bếp và nhà vệ sinh.
- Phòng chổ ng sâu bọt phải có hiệ u quả .
- Phải trang bị hệ thố ng bá o độ ng/tiê u hó a, phá t hiệ n nhiệ t và hỏa hoặ n thích hợp.
- Cử a ra và o phải dễ tiế p cận, đư ở c đá nh dấu rõ ràng và không đư ở c khóa và o bên trong.
- Phải công bố số lư ở ng ngư ở i tổ i đa tậ i hiệ n trư ở ng.
- Phải có một số lư ở ng thí ch hợp hộ p cứ u thư ở ng.
- Theo cá c quy định có liên quan, phải duy trì cá c tài liệ u kiểm tra, bao gồm giá y phé p vệ sinh hoặ c giá y chứ ng nhậ n, và đặ ng lê n cá c cơ sở nấu ăn và cung cấp.

- Phải gắn nắp ổ cắm điện và ổ cắm điện trong khu vực mà chất lỏng có thể văng ra.
- Trong trường hợp hỏng hóc, phải có cấu trúc thoát hiểm khẩn cấp từ bên trong và có thể xác định được dấu hiệu hư hỏng dẫn về phương pháp ngay cả khi nó tối.
- Trường hợp cần duy trì nhiệt độ của thực phẩm thì phải bố trí riêng đồ đông lạnh biểu thị nhiệt độ hiệu năng.
- Nhà bếp và nhà hàng cung cấp đủ thông gió và sàn không được trơn.
- Quạt xả khí và ống xả phải sạch sẽ và không có dầu và thức ăn.
- Phải cung cấp thùng rác có nắp.

② Hạ ng mục tiêu thủ tục kiểm tra/ghi chép

- Hồ sơ dọn dẹp nhà ăn nội bộ và nhà bếp, khử trùng và /hoặc phòng chống sâu bọ phải có sẵn và mới nhất.
- Nếu quy định tại địa phương yêu cầu kiểm tra sức khỏe cơ sở vật chất, kiểm tra khách hoặc giá trị khác biệt thì phải chuẩn bị sẵn và nó phải còn hiệu lực.
- Thủ tục xử lý thực phẩm an toàn/hồ sơ giá m sát và báo cáo thường xuyên về vệ sinh an toàn phải được duy trì.
- Quy trình xử lý thực phẩm an toàn và tiêu chuẩn vệ sinh an toàn (trong khu vực là m lạ nh, báo quả n, nấu ăn) phải được thiết lập và tuân thủ.

Đ à o tạ o an toà n và sứ c khỏ e

Phu lụ c 5 Quy tắ c thi hà nh
Luậ t an toà n và sứ c khỏ e
cô ng nghiệ p Tạ i Nhà má y
phả i thự c hiệ n đ à o tạ o như sau.

- Đ à o tạ o đị nh kỳ
Ngư ờ i lao độ ng - hơ n 6
tiế ng mỗ i quý Ngư ờ i giá m
sá t quả n lý - hơ n 16 tiế ng
mỗ i nă m (yê u cầ u nà y
khô ng á p dụ ng cho nhâ n
viê n vấ n phò ng)
- Khi tuyế n dụ ng : trê n 8 tiế ng
- Khi thay đổ i nộ i dung cô ng
việ c : trê n 2 tiế ng
- Đ à o tạ o đặ c biệ t : trê n 16
tiế ng

Đ à o tạ o cho ngư ờ i chị u trá ch nhiệ m quả n lý an toà n sứ c khỏ e, v.v.

- Ngư ờ i chị u trá ch nhiệ m
quả n lý an toà n sứ c khỏ e
- Đ à o tạ o mớ i trê n 6 tiế ng
- Đ à o tạ o bổ sung trê n 6
tiế ng
- Ngư ờ i quả n lý an toà n,
ngư ờ i quả n lý sứ c khỏ e
- Đ à o tạ o mớ i trê n 34 tiế ng
- Đ à o tạ o bổ sung trê n 24
tiế ng

B8) Đ à o tạ o sứ c khỏ e an toà n

Nhà má y phả i thự c hiệ n đ à o tạ o sứ c khỏ e an toà n bằ ng
ngô n ngữ mà ngư ờ i lao độ ng có thể hiể u đư ợ c. Thô ng tin
liê n quan đế n sứ c khỏ e an toà n trong nhà má y phả i đư ợ c
đã ng ở nơ i dễ nhì n thấ y và ngư ờ i lao độ ng có thể dễ dà ng
tiế p cậ n. Trư ớ c khi bắt tầ u cô ng việ c và ngay cả sau đó
cũ ng phả i thư ờ ng xuyê n cung cấ p đ à o tạ o đị nh kỳ cho tấ t
cả ngư ờ i lao độ ng.

**B8.1 Ngư ờ i lao độ ng phả i đư ợ c cung cấ p bằ ng tiế ng mẹ
để hoặ c ngô n ngữ mà ngư ờ i lao độ ng có thể hiể u
đư ợ c về cá c thô ng tin và đ à o tạ o sứ c khỏ e an toà n
nơ i là m việ c phù hợ p vớ i tấ t cả cá c nguy hiể m hiệ n
trư ờ ng là m việ c đã đư ợ c xá c nhậ n. Ngư ờ i lao độ ng
nê n đư ợ c khuyế n khí ch đư a ra nhữ ng lo ngạ i về an
toà n/sứ c khỏ e mà khô ng có nguy cơ trá đũ a.**

① Hạ ng mụ c tuầ n thủ tạ i hiệ n trư ờ ng

- Nộ i dung truyề n bá sứ c khỏ e an toà n phả i đư ợ c đã ng
trong nhà má y sao cho ngư ờ i lao độ ng dễ nhì n thấ y và
dễ dà ng tiế p cậ n.
- Cá c cơ chế đư a ra nhữ ng lo ngạ i về an toà n phả i tồ n tạ i
rõ rà ng và dễ thấ y.

② Chư ơ ng trì nh thô ng bá o đ à o tạ o/giap tiế p/cá c mố i quan tâ m về an toà n

- Đ à o tạ o
 - Phả i tiế n hà nh phâ n tí ch nhu cầ u đ à o tạ o sứ c khỏ e an toà n
vấ n bả n hó a nó .
 - Cầ n lậ p kế hoặ ch đ à o tạ o sau khi phâ n tí ch nhu cầ u đ à o
tạ o.
 - Chư ơ ng trì nh đ à o tạ o, tà i liệ u đ à o tạ o và hồ sơ phả i phù
hợ p và là bả n mớ i nhấ t.
 - Trư ờ ng hợ p đ à o tạ o theo yê u cầ u củ a phá p luậ t, quả n lý
thô ng qua lị ch tuầ n thủ phá p luậ t để ngư ờ i đó có thể hoà n
thà nh đ à o tạ o trong thờ i gian thí ch hợ p và chư ơ ng trì nh
đ à o tạ o phả i đư ợ c duy trì theo bả n mớ i nhấ t.
 - Đ à o tạ o phả i đư ợ c thự c hiệ n bằ ng ngô n ngữ mà ngư ờ i lao
độ ng có thể hiể u đư ợ c.

- Phải cung cấp đầy đủ thông tin kỹ thuật cho tất cả người lao động theo chương trình đào tạo trước và sau khi bắt đầu công việc.
- Người lao động chỉ được thực hiện bảo quản hóa chất, là máy móc hoặc xử lý rò rỉ hóa chất phải được đào tạo đặc biệt.
- Chuyên gia y tế công nghiệp và chuyên gia cấp cứu là những chuyên gia y tế công nghiệp được công nhận nội bộ nếu được đào tạo bởi các cơ quan bên ngoài hoặc được luật pháp địa phương chấp thuận. Phải được huấn luyện và chứng nhận bởi bác sĩ.
- Hồ sơ đào tạo phải bao gồm kiểm tra tính hiệu quả của đào tạo (kiểm tra sau khi đào tạo, phỏng vấn người lao động về đào tạo chứng minh mục tiêu đào tạo đã đạt được).
- Chương trình đào tạo bao gồm các yêu cầu tối thiểu (máy móc, điện, hóa học, hóa học, nguy hiểm vật lý) và đào tạo được xác định trong danh giá cần cầu đào tạo và bao gồm:
 - i) Sử dụng đúng PPE thích hợp
 - ii) Hiểu lệnh hạn chế độ ngắn hạn cấp bảo hộ lao động loại hình tình huống khẩn cấp tiềm ẩn có khả năng phát sinh tại vị trí làm việc và địa điểm tập kết bên trong/bên ngoài.
 - iii) An toàn thiết bị máy móc, sử dụng thiết bị an toàn, và thiết bị dùng khẩn cấp.
 - iv) Báo cáo thư ngỏ và bệnh tật
 - v) Đào tạo quy trình làm việc trong không gian kín và khí nguy hiểm trước khi vào trong không gian kín
 - vi) Trình tự LOTO (Lock out-tagout, trang bị khóa và nhả máy)
- Giao tiếp
 - Thiết lập chương trình giao tiếp chính thức cho người lao động/nhân viên, ít nhất phải bao gồm các quy trình giao tiếp về rủi ro (các biện pháp xử lý rủi ro và thúc đẩy sự khỏe an toàn tại Nhà máy).
 - Nội dung phải được cập nhật mỗi khi có thay đổi quan trọng hoặc bổ sung và cơ sở vật chất các công việc mới, hóa chất, máy móc hoặc quy trình mới tại Nhà máy.
 - Giao tiếp phải được thực hiện bằng ngôn ngữ mà người lao động hiểu.
 - Phải công bố rõ ràng các rủi ro tại nơi làm việc tiềm ẩn mà người lao động có thể tiếp cận hoặc bố trí tại nơi người lao động có thể tiếp cận và xác nhận.

- Phải thông báo cho tất cả nhân viên và khách tham quan địa điểm tập trung bên trong và bên ngoài.
- Người lao động có quyền từ chối làm việc trong điều kiện làm việc không an toàn và có thể báo cáo cho người sử dụng lao động một cách nhanh chóng.
- Chương trình thông báo những nguy cơ về an toàn
 - Cần có một chương trình phù hợp và hiệu quả để tiếp nhận, kiểm tra và đối phó với những nguy cơ về an toàn và khuyến khích người lao động đưa ra những nguy cơ về sức khỏe - an toàn mà không có nguy cơ trả thù.
 - Hồ sơ xử lý khó khăn phải cho thấy phản ứng đối với các mối nguy về sức khỏe và an toàn đã được thực hiện mà không có sự trả thù.
- Chương trình thông báo nội dung quan tâm về an toàn, giao tiếp, đào tạo phải đánh giá định kỳ hơn 1 lần trong 3 năm và nếu có thay đổi quan trọng thì phải đánh giá sớm.

C. Môi trường (Environment)

Mô i trường

Đề u kiện n mô i trường xung quanh nơi tổ chức (3.1.4) hoạt động, bao gồm môi trường khí, nước, đất đai, tài nguyên thiên nhiên, thực vật, động vật, con người và các yếu tố này. [ISO 14001:2015]

Giải pháp chính về môi trường, hạ tầng và khai thác

• Luật bảo vệ môi trường khí quyển (Điều 23)

Những người muốn lắp đặt thiết bị thải khí quyển cần được sự cho phép của chính quyền thành phố hoặc các cơ quan

• Luật bảo vệ môi trường khí quyển (Điều 30)

Nếu muốn vận hành thiết bị xả khí hoặc thiết bị phòng ngừa thì cần phải khai báo với tình hình môi trường thành phố về việc kiểm soát thiết bị xả khí thải

• Luật bảo vệ môi trường nước (Điều 33)

Người có ý định lắp đặt công trình xả nước thải cần được Bộ Môi trường cho phép hoặc báo cáo

• Luật bảo vệ môi trường nước (Điều 37)

Để vận hành các cơ sở ngăn chặn hoặc phá thải, phải khai báo cho Bộ Môi trường về việc bắt đầu hoạt động

• Luật Quản lý hóa chất (Điều 28)

Doanh nghiệp muốn kinh doanh hóa chất độc hại cần sự cho phép của Bộ Môi trường

• Luật quản lý chất thải (Điều 17)

Người thải chất thải tại Nhà máy phải khai báo loại và lượng phát sinh chất thải tại Nhà máy, v.v. lên thị trường tự trị đặc biệt, tỉnh môi trường tự trị đặc biệt, thị

trường-huyện-quận-thị trường, đồng thời doanh nghiệp phải chất thải nguy hại cần nộp cho Bộ Môi trường các tài liệu liên quan trước khi xử lý chất thải nguy hại

• Luật quản lý độ rung và tiếng ồn (Điều 8)

Người muốn lắp đặt thiết bị xả thải cần phải báo cáo với thị trường tự trị đặc biệt, tỉnh môi trường tự trị đặc biệt hoặc thị trường-huyện, cụ thể môi trường

C. Môi trường (Environment)

Nhận thức được việc thực hiện hết trách nhiệm về môi trường là yếu tố cần thiết trong việc sản xuất sản phẩm tiêu chuẩn thế giới, đồng thời với việc bảo vệ an toàn và sức khỏe cộng đồng trong quá trình sản xuất của nhà máy phải nỗ lực giảm thiểu tác động tiêu cực đến cộng đồng, môi trường và tài nguyên thiên nhiên.

C1) Giải pháp và báo cáo liên quan đến môi trường

Nhà máy phải đăng ký và xin cấp toàn bộ các giải pháp cần thiết liên quan đến môi trường và liên tục duy trì cũng như phản ánh nội dung sử dụng mới nhất, duy trì. Ngoài ra, phải tuân thủ các hạ tầng yêu cầu liên quan đến vận hành và báo cáo cần thiết cho quá trình cấp phép.

C1.1 Tất cả các cơ sở phải được chuẩn bị tất cả các giải pháp, chứng nhận, đăng ký môi trường theo yêu cầu của pháp luật.

① Hạ tầng tuân thủ tại hiện trường

- Phải nắm bắt được tất cả các động môi trường theo loại hình sau

- | | |
|---------------------|---|
| - Xả khí thải | - Báo cáo và sử dụng các hóa chất độc hại |
| - Xả nước thải | - Xả thải rác thải (chất rắn, độ cứng) |
| - Ô nhiễm không khí | - Độ rung, biên độ tiếng ồn, v.v. |
| - An toàn phóng xạ | |

② Hạ tầng tuân thủ tài liệu/ghi chép

- Tất cả các giải pháp môi trường, giải pháp, chứng nhận, đăng ký theo yêu cầu của pháp luật phải được bố trí và có thể xem xét được cũng như phải còn hiệu lực.

- | | |
|--------------|--|
| - Chứng nhận | - Đăng ký |
| - Cấp phép | - Nội dung thay đổi (các nội dung thay đổi về tình hình) |

trả ng đã ng ký hoặc xả
thả i chấ t thả i độ c hạ i
đư ợ c cấ p phé p bỏ i đi a

phư ơ ng và cơ quan quã n
lý nhà nư ớ c)

- Để có thể đư ợ c gia hạ n trư ớ c thờ i gian hế t hạ n củ a
giấ y phé p, phả i thiế t lậ p và quã n lý quy trì nh đư ợ c vẫ n
bả n hó a đã bá o trư ớ c đó , đờ ng thờ i phả i vẫ n bả n hó a
để có thể theo dõ i đư ợ c.
- Ví dụ) Thờ ng bá o/nhiệ m vụ /đặ t lị ch thờ ng qua hệ thố ng
lị ch tuâ n thủ hoặc hệ thố ng email, v.v.
- Phả i duy trì danh sá ch giấ y phé p có ghi thờ ng tin về
ngà y cấ p phé p, ngà y hế t hạ n, cơ quan cấ p phé p.

C1.2 Báo cáo cho các cơ quan môi trường phải được thực hiện kịp thời theo yêu cầu pháp luật.

Trình báo cáo

Luật quản lý chất thải (Điều 38)

Người khai báo về việc xả thải chất thải tại nhà máy cần nộp báo cáo về việc phát sinh và xử lý chất thải cho người đứng đầu cơ quan cấp phép phê duyệt khai báo xả chất thải nhận cho đến cuối tháng 2 năm sau

① Hạ ng mục tiêu thu tài liệu/ghi chép

- Phải thiết lập quy trình được văn bản hóa để đảm bảo nội dung văn bản đúng hạn. Việc theo dõi báo cáo phải được văn bản hóa, phù hợp và có sẵn để sử dụng.
- Tất cả các báo cáo môi trường trong 3 năm gần đây mà luật yêu cầu phải có sẵn để kiểm tra và đáp ứng điều kiện pháp luật.
 - Xả khí thải
 - Xả nước thải
 - Chất thải
 - Chất thải nguy hại

C2) Phò ng ngữ a ô nhiễ m và giả m sử dụ ng tà i nguyê n.

Khí a cạ nh về mô i trư ờ ng

Yế u tố đị ch vụ hoặ c sả n phẩm, hoặ t độ ng có thể tá c dụ ng tư ơ ng hữ vớ i mô i trư ờ ng. [ISO14001:2015]

Tá c độ ng mô i trư ờ ng

Thay đổ i mô i trư ờ ng có thể gâ y ả nh hư ở ng xấ u hoặ c ả nh hư ở ng xấ u hay tố t mộ t phầ n hoặ c toà n bộ theo khí a cạ nh mô i trư ờ ng. [ISO14001:2015]

Nhà má y phả i nỗ lự c để giả m hoặ c loạ i bỏ lư ợ ng sử dụ ng tà i nguyê n và chấ t thả itạ i nguồ n thô ng qua sả n xuấ t, bảo dư ỡng duy trì và thay đổ i quy trì nh, sử dụ ng nguyê n liệ u thay thế , bảo tồ n tà i nguyê n, tá i chế và tá i sử dụ ng nguyê n vậ t liệ u.

C2.1 Cầ n thiế t lậ p và thự c hiệ n cá c chư ơ ng trì nh phù hợ p, hiệ u quả (bao gồ m mụ c tiêu và chỉ số mụ c tiêu), kiể m tra, quả n lý , giả m thiế u hoặ c loạ i bỏ nguồ n gâ y ô nhiễ m, sả n xuấ t chấ t thả i.

① Hạ ng mụ c tuầ n thủ tà i liệ u/ghi ché p

- Chư ơ ng trì nh phả i bao gồ m í t nhấ t cá c yế u tố sau:
 - Đá nh giá tầ m quan trọ ng: Cầ n xá c đị nh cá c khí a cạ nh mô i trư ờ ng quan trọ ng, đá nh giá tá c độ ng mô i trư ờ ng để lậ p chư ơ ng trì nh giá m sá t, quả n lý cá c khí a cạ nh mô i trư ờ ng quan trọ ng.
 - Phả i thiế t lậ p mụ c tiêu và mụ c tiêu hà ng nă m rõ rà ng cho từ ng nguồ n chấ t thả i, chấ t thả i (bao gồ m chấ t thả i độ c hạ i), tà i nguyê n thiê n nhiê n đã sử dụ ng (nư ớ c, nhiê n liệ u hó a thạ ch, khoá ng sả n, rừ ng nguyê n sinh) và chừ ng minh tiế n bộ hà ng nă m ở mứ c khô ng tố n quá nhiề u chi phí .
 - Giả m lư ợ ng tiêu thụ tà i nguyê n, giả m phá t sinh chấ t thả i và ô nhiễ m, vậ t liệ u tá i sử dụ ng có thể xâ m nhậ p và o thà nh phầ n chấ t thả i.
 - Kiể m tra đị nh kỳ để xá c đị nh cơ hộ i cả i tiế n (í t nhấ t mộ t nă m mộ t lầ n)
- Cá c thiế t bị kiể m soá t ô nhiễ m phả i đư ợ c thê m và o, sả n xuấ t, duy trì , sử a đổ i quy trì nh thiế t bị hoặ c tố i thiế u hó a bằ ng cá c phư ơ ng tiệ n khá c.
- Phả i tiế t kiệ m tà i nguyê n thiê n nhiê n bằ ng cá ch sử dụ ng cá c phư ơ ng tiệ n khá c như tá i sử dụ ng, tá i sử dụ ng, tá i sử dụ ng, thay thế nguyê n liệ u, cả i thiệ n quy trì nh thiế t bị , duy trì , sả n xuấ t.

- Nếu u không có chương trình giảm chi phí thì phải áp dụng chương trình giảm chi phí ở nơi phát sinh chi phí quá mức hoặc có nguy cơ đối với người lao động.
- Phải thực hiện đánh giá tầm quan trọng, hiểu được tác động môi trường và sử dụng tài nguyên vật liệu, thiết lập mục tiêu hàng năm rõ ràng để giảm tác động này.

Hóa chất độc hại

Định nghĩa và luật quản lý hóa chất

(Định nghĩa) Nó là chất độc hại, chất cho phép, chất hạn chế hoặc chất cấm, chất dự phòng sự cố, hoặc các hóa chất có hại hoặc nguy hiểm hoặc các chất có nguy cơ tương tự khác.

- Hóa chất: Các nguyên tố hợp chất, các chất thu được bằng cách phân hủy nguyên tử oxi và chú ý và các chất được biết đến đối với mặt hóa học, chiết xuất hoặc tinh chế từ các chất tồn tại ở trạng thái tự nhiên
- Chất độc: Độc hại (有害性) Định nghĩa là hóa chất do Bộ trưởng Bộ Môi trường chỉ định và công bố.
- Vật liệu cấp phép: Tính nguy hiểm (危害性) Bộ trưởng Bộ Môi trường đã thảo luận với người đứng đầu cơ quan hành chính trung ương về việc đăng ký và đánh giá hóa chất theo Điều 7 của quy định về việc sản xuất, nhập khẩu và sử dụng hóa chất với sự cho phép của Bộ trưởng Bộ Môi trường.
- Chất hạn chế: Là hóa chất được công nhận là có nguy cơ cao nếu được sử dụng cho một mục đích cụ thể, do Bộ trưởng Bộ Môi trường công bố để cấm sản xuất, nhập khẩu, buôn bán, lưu trữ, vận chuyển hoặc sử dụng cho mục đích đó.
- Chất cấm: Là hóa chất được công nhận có nguy cơ cao, Bộ trưởng Bộ Môi trường đã công bố để cấm sản xuất, nhập khẩu, buôn bán, lưu trữ, vận chuyển hoặc sử dụng cho một mục đích sử dụng.
- Chất dự phòng tai nạn: Độc tính cấp tính trong các hóa chất (急性毒性) tính chất gây nổ và khỏe mạnh, và các tai nạn hóa học của khả năng xảy ra cao hoặc hóa học xảy ra tại nạn trong trường hợp đó thiệt hại quy mô lớn được lo ngại bằng hóa chất với tư cách là một tai nạn hóa học chuẩn bị cho nhận định là cần thiết và 39 theo điều lệ bộ trưởng môi trường quy định và thông báo hóa chất

C3) Hóa chất độc hại

Khi xác định hóa chất độc hại, nhà máy phải xác định các loại hóa chất, chất thải có khả năng gây ô nhiễm môi trường, các chất độc hại khác gây ảnh hưởng đến con người và môi trường để có biện pháp xử lý và di chuyển, lưu trữ, tái chế / tái sử dụng và phế thải các chất đó một cách an toàn.

C3.1 Sử dụng doanh nghiệp có giấy phép của chính phủ để phân loại, đánh dấu, xử lý, lưu trữ, vận chuyển, xử lý các hóa chất độc hại bao gồm chất thải theo luật định áp dụng.

① Hạ mức tiêu thụ tại hiện trường

- Các hóa chất độc hại trong cơ sở phải được phân loại, xử lý, bảo quản và vận chuyển theo luật định áp dụng.
- Để kiểm soát việc tiếp cận hoặc tiếp xúc với người lao động, các biện pháp như cách ly, ngăn chặn hai lớp, thông gió, ngăn ngừa hỏa hoạn, tủ bảo quản thí nghiệm, biển báo nguy hiểm và thông tin (MSDS) và hạn chế tiếp cận.
- Hệ thống kỹ thuật và hành chính để giảm thiểu hiệu quả tai nạn phải được bảo trì tốt hoặc sử dụng tích cực và phải được xử lý ưu tiên theo thứ tự sau.
 - Ngăn ngừa (loại bỏ các quy trình tiêu hao không cần thiết), giảm thiểu tối đa, thay thế (sử dụng các nguồn tài nguyên thân thiện với môi trường hoặc tái tạo), tái sử dụng/phục hồi
- Tất cả các thùng hóa chất và bể xử lý hóa chất trong Nhà máy phải được dán nhãn phù hợp với các quy định liên quan, nhãn phải đề cập đến tên nội bộ của hóa chất và cảnh báo an toàn hoặc môi trường trong tài liệu hướng dẫn an toàn hóa chất (MSDS).
 - Biện pháp bắt buộc phải tuân thủ GHS (Globally Harmonized System) về phân loại, đánh dấu hóa chất, và người lao động phải biết về ý nghĩa của ký hiệu và ký tự hình ảnh. Khi dán nhãn và thùng hóa chất độc hại, nên tham khảo hệ thống nhận dạng các yếu tố nguy hiểm của Hiệp hội Phòng cháy chữa cháy Hoa Kỳ (NFPA).

Bể chứa ngầm (UST, Underground Storage Tank)

Hơn 10% tổng khối lượng hàng hóa được vận chuyển bằng đường bộ, hoặc các bể chứa ngầm lắp đặt trong kho và đường ống ngầm kết nối với bể chứa.

Chất thải

Vật liệu phát sinh từ việc sản xuất, chế biến và/hoặc tiêu thụ các vật liệu khác mà nhà sản xuất không còn sử dụng, hoặc dự định sẽ xử lý hoặc đã được xử lý trước đó.

Điều 2 Luật quản lý chất thải (định nghĩa)

Chất thải, chất đốt, bùn thải, dầu thải, axit phế thải, alkali thải và các chất khác, v.v. là các chất không cần thiết cho cuộc sống và hoạt động kinh doanh của con người.

Chất thải nguy hại

Chất thải gây nguy hiểm trực tiếp đến cơ thể con người, độ nguy hiểm và môi trường. Điều 2 của luật quản lý chất thải (định nghĩa)

Trong số các chất thải công nghiệp, chất thải được định nghĩa của Tổ chức y tế thế giới là chất độc hại có thể gây ô nhiễm môi trường xung quanh, chẳng hạn như dầu thải và axit thải, hoặc gây hại cho cơ thể con người, chẳng hạn như chất thải y tế, được gọi là chất thải nguy hại. Theo ba loại chất thải theo bảng 4 quy tắc thi hành luật quản lý chất thải.

Tiêu chuẩn xử lý và bảo quản chất thải theo Phụ lục 5 của Luật Quản lý chất thải, và các tiêu chuẩn và phương pháp cụ thể để xử lý chất thải.

- Trong trường hợp kho chứa chất dễ cháy/dễ cháy, phải có thiết bị chống tĩnh điện và thiết bị điện chống nổ.
- Tại địa điểm lưu trữ hóa chất độc hại, phải trang bị thiết bị phát hiện khí độc hại có thể phát hiện và ứng phó với rò rỉ và thiết bị cảnh báo nghe nhìn theo các quy định liên quan. Ngoài ra, thiết bị khẩn cấp như đồ bảo hộ cá nhân (PPE) thích hợp cho người xử lý hóa chất độc hại, tất cả khẩn cấp, rửa mặt và bộ phận chống rò rỉ phải được trang bị.
- Không được bảo quản các hóa chất độc hại ở nơi có thể bị ảnh hưởng bởi thời tiết.
- Trong mọi trường hợp, không được cho phép chất nhiều hơn 3 tầng bên dưới bể chứa được niêm phong hoàn toàn.
- Tránh kim loại chứa các hóa chất độc hại trong chất lỏng không được tẩy trừ khi được cố định an toàn bằng thiết bị chống chất lỏng thiết kế để tẩy trừ.
- Trong trường hợp bể chứa ngầm (UST), cấu trúc cách ly thứ hai phải được lắp đặt và tiến hành thử nghiệm rò rỉ bể hai năm một lần để kiểm tra lỗi của cấu trúc cách ly thứ nhất hoặc thứ hai hoặc rò rỉ cấu trúc cách ly thứ hai.
 - Nó phải được trang bị một thiết bị có thể phát hiện rò rỉ ở giai đoạn đầu thông qua kiểm tra trực quan hoặc giám sát dụng cụ và các phương pháp khác.
- Tất cả các đường ống vận chuyển hóa chất trong cơ sở cũ phải được dán nhãn thông báo tên và hướng dẫn dò tìm của hóa chất độc hại được chuyển đi. Đường ống phải sử dụng ống hệ thống mà ưu tiên theo tiêu chuẩn và quy định liên quan, như nếu không có tiêu chuẩn tư vấn, nó có thể tuân theo hệ thống ANSI/ASME A13.1 (Pipelabelling requirements).
- Nơi lưu trữ chất thải độc hại phải đáp ứng các yêu cầu sau.
 - Vật liệu xây dựng và thiết bị điện phải an toàn với chất thải độc hại được bảo quản (không được gây ảnh hưởng xấu đến môi trường).
 - Trong và ngoài nơi lưu trữ chất thải độc hại, phải dán biển báo như sau.

- Tính nguy hiểm của chất thải độc hại
- Thiết bị bảo vệ cá nhân cần thiết để bảo vệ và nơi bảo quản
- Nhà đợc chỉ định trong các quy định và tiêu chuẩn liên quan
- Các hoạt động cấu trúc bao gồm hút thuốc.
- Cấu trúc cần tránh phép lơ lửng chất thải độc hại.
- Phải sử dụng hàng rào hoặc nắp đậy khác để tránh tiếp xúc với mưa gió.
- Một bình cách ly thứ cấp phải đợc lắp đặt để hạn chế và ngăn chặn chảy tràn hoặc rò rỉ.
- Phải đợc thiết kế và xây dựng để ngăn chặn ô nhiễm của nước mặt hoặc nước ngầm sự chảy tràn hoặc rò rỉ nước thải độc hại hay để ngăn chặn đờng nước thải chảy và ô đờng nước mưa.
- Phải trang bị thiết bị cứu hộ để có thể sử dụng bất cứ lúc nào.
- Khi phát sinh tình huống khẩn cấp, phải lắp đặt thiết bị cảnh báo có hiệu lực để thông báo cho người lao động thiết bị và đội ứng phó khẩn cấp bên ngoài.
- Đối với nơi lưu trữ các chất dễ bay hơi, axit, giả tính hoặc ăn mòn, cần phải lắp đặt thiết bị thông gió cơ sở chế.
- Phải cung cấp thiết bị bảo vệ cá nhân cho người lao động xử lý chất thải độc hại.
- Thiết bị bảo vệ cá nhân trong tủ bảo quản thiết bị bảo vệ cá nhân nằm bên ngoài nơi lưu trữ chất thải độc hại cũ ng phải đợc duy trì chức năng mà không có lỗi hoặc lỗi.
- Phải đảm bảo đủ không gian cho đội ứng phó khẩn cấp (ERT) và các thiết bị ra vào và di chuyển khác.
- Đối với tất cả các tình huống khẩn cấp như rò rỉ chất độc hại hoặc hỏa hoạn, không chỉ các cơ quan chính phủ liên quan mà còn phải phát triển và duy trì các thủ tục có thể thông báo cho cộng đồng và người dân xung quanh.

② Hạ ng mục tiêu từ tài liệu/ghi chép

- Các thủ tục và bản hóa liên quan đến nhập, bảo quản, phân phối, sử dụng, hoàn trả, xử lý phải có sẵn và phù hợp. Một chương trình bằng văn bản để theo dõi, xem xét và phê duyệt tất cả các hóa chất độc hại phải

Dữ liệu an toàn hóa chất (MSDS)

Xác định nhà sản xuất vật chất bằng văn bản chính thức với thông tin quan trọng về đặc tính của chất độc hại thực tế hoặc tiềm năng, và thứ tự bao gồm:

- Tên chất hóa học
- Thành phần có hại
- Tên chất vật lý và hóa học
- Tài liệu về hỏa hoạn và nổ
- Tài liệu phản ứng
- Tài liệu nguy hiểm cho cơ thể người
- Tài liệu bị rò rỉ ra ngoài
- Những điều cần lưu ý để bảo quản và xử lý an toàn
- Cần thiết bị bảo vệ
- Quy trình quản lý, là m sạch và xử lý rò rỉ.

[Pháp luật Trung Quốc]

Khi vận chuyển chất thải độc hại phải lập hồ sơ.

Law of the People's Republic of China on the Prevention and Control of Environmental Pollution by Solid Wastes, article 59: The unit which transferring the hazardous wastes shall, in accordance with relevant National regulations, fill in the manifest of transferred hazardous waste.

Chất thải nguy hại phải được xử lý theo quy định của pháp luật.

Law of the People's Republic of China on the Prevention and Control of Environmental Pollution by Solid Wastes, article 55: The hazardous waste must be disposed of in accordance with relevant State regulations.

được thiết lập và tất cả các việc mua hóa chất độc hại mới phải được phê duyệt trước khi sử dụng.

- Quá trình lựa chọn tất cả các hóa chất độc hại mới phải bao gồm đánh giá kỹ lưỡng nguy cơ với các chất thay thế ít độc hại hơn hoặc vô hại hơn.
- Phải duy trì hồ sơ tồn kho hóa chất chính xác.
- Hồ sơ kiểm tra về hóa chất độc hại, kho lưu trữ và sử dụng phải được duy trì và hồ sơ phải hoàn hảo.
- Phải thực hiện các thủ tục lưu trữ và xử lý hóa chất chi tiết.
- Trước khi hợp cần cả i thiệt thì phải lập kế hoạch hành động khẩn cấp, giá m sát và hoàn thành. Nếu kế hoạch hành động khẩn cấp không được thực hiện đúng cách, cần phải thực hiện các biện pháp để hoàn thành nó trong thời gian quy định.
- Khi một hóa chất mới được yêu cầu, bộ phận an toàn phải đảm bảo rằng bản dữ liệu an toàn vật chất (MSDS) đã được thu thập từ nhà sản xuất.
- Thông tin hóa chất độc hại (label và dữ liệu an toàn vật chất (MSDS)) phải được sử dụng như một ngôn ngữ mà người lao động có thể hiểu tại nơi sử dụng và kho lưu trữ.
- Các tài liệu phải chứng minh rằng việc vận chuyển và xử lý chất thải độc hại chỉ được thực hiện thông qua sự chấp thuận và cấp phép của cơ quan quản lý địa phương.
- Phải có bản sao giấy phép và giấy phép của tất cả các công ty xử lý chất thải độc hại. Giấy phép mới nhất và phải có quy trình để kiểm tra định kỳ.
- Danh sách chất thải độc hại, hồ sơ ghi chép và hồ sơ tài khoản được bảo quản trong 5 năm.
- Trong thời gian quy định trong pháp luật địa phương, phải lưu giữ bản sao các tài liệu vận chuyển, danh mục, hàng tồn kho hóa chất độc hại liên quan đến:

Giải thích thuật ngữ

Bể chứa ngầm (UST, Underground Storage Tank)

Hơn 10% tổng khối lượng là được chôn dưới lòng đất, phủ đất, hoặc bể chứa được lắp đặt trong kho và được nối ống ngầm kết nối với bể chứa.

Bể chứa trên mặt đất (AST, Aboveground Storage Tank)

Hơn 90% khối lượng là bể chứa hoặc các thùng chứa khác được lắp đặt lên trên bề mặt đất.

Nguy cơ chi trả chi phí đối phó với tình huống khẩn cấp

Là cá nhân được chỉ định để quản lý các hoạt động liên quan đến tình huống khẩn cấp tại nhà máy Nguy cơ chi trả chi phí dự phòng khẩn cấp và độ ứ ng phó khẩn cấp không chỉ phải có quyên sử dụng các nguồn lực cần thiết để ứ ng phó với tất cả các tình huống khẩn cấp mà còn phải nắm bắt triệt để tất cả các vị trí hồ sơ trong cơ sở hạ tầng, tất cả các công việc thiết bị, kế hoạch ứ ng phó khẩn cấp (ERP).

Kế hoạch ứ ng phó tình huống khẩn cấp

Trình tự liên lạc và địa chỉ liên lạc, thông tin bên liên quan, và trình tự kiểm soát, cá nhân và rửa sạch các chất bị rò rỉ trong trường hợp khẩn cấp được ghi lại thành văn bản giải thích về các bước xử lý cần thực hiện khi phát sinh tình huống khẩn cấp.

- Khí thải
- Lưu trữ nước thải gia công
- Bảo quản và sử dụng các hóa chất độc hại
- Bảo quản chất thải độc hại

- Trong sổ đăng ký của bể chứa ngầm (UST) và bể chứa trên mặt đất (AST) phải bao gồm các thông tin sau cho mỗi bể chứa:
 - Ngày sản xuất, hình thức sản xuất và nguyên liệu sản xuất
 - Vị trí, chỉ số và dung tích
 - Áp suất thiết kế, nhiệt độ hoạt động và áp suất
 - Tình trạng hiện tại (ví dụ: Đang sử dụng, tạm ngưng sử dụng, thải bỏ)
 - Thiết bị phụ trợ (ví dụ: Bơm, đường ống, van, đồng hồ đo, thiết bị kết nối với ống dẫn khác, công cụ nghiệm, dụng cụ đo, thiết bị điều khiển, v.v.)
 - Hệ thống phát hiện và ngăn ngừa tràn/rò rỉ
 - Hồ sơ kiểm tra, bảo dưỡng và sửa chữa
- Phải bổ nhiệm người phụ trách quản lý chất thải độc hại.
- Trong trường hợp rò rỉ hóa chất độc hại, phải chỉ định ít nhất 1 người phụ trách ứ ng phó khẩn cấp cho các trường hợp khẩn cấp và các hoạt động báo cáo để có thể đối phó với tình huống bất thường.
 - Phải luôn luôn thư ờ ng trực trong quá trình vận hành nhà máy.
- Kế hoạch ứ ng phó với tình huống khẩn cấp do hóa chất độc hại phải giảm thiểu tối đa tác động lên cơ thể và môi trường. Kế hoạch ứ ng phó tình huống khẩn cấp phải bao gồm như sau.
 - Yêu cầu báo cáo và thông báo nội bộ
 - Người phụ trách thiết bị, số điện thoại của đội phòng cháy và ứ ng phó khẩn cấp trong khu vực, bên liên quan địa phương, liên hệ y tế cần thiết khác.
 - Xác định và đánh giá các rủi ro tiềm ẩn ngay lập tức, chẳng hạn như hỏa hoạn/cháy nổ, cháy tràn hoặc rò rỉ từ các công đoạn và địa điểm lưu trữ tại nhà máy.
 - Các tuyến đường, trình tự và kiểm soát sơ tán khẩn cấp.

Giải thích thuật ngữ

HSHC

Các hợp chất bao gồm các nguyên liệu sau:

- 1-Bromopropane (CAS 106-94-5)
- Benzene (71-43-2)
- Dichloromethane (Methylene Chloride) (75-09-2)
- Methanol (67-56-1)
- n-Hexane (110-54-3)
- N-Methyl-Pyrrolidone (NMP) (872-50-4)
- Tetrachloroethylene (127-18-4)
- Toluene (108-88-3)
- Trichloroethylene (79-01-6)

- Trình tự chi tiết để kiểm soát và cách ly các hóa chất độc hại bị rò rỉ.
- Rửa và xử lý đúng cách các hóa chất độc hại bị rò rỉ.
- Đối với vật liệu HSHC (Hazardous Substances of High Concern), cần tiến hành đánh giá để loại bỏ hoặc thay thế, theo dõi tình trạng xử lý và điều chỉnh nếu vượt quá lệ chi trình.
- Phải thể hiện chi tiết tất cả các hóa chất độc hại đang sử dụng và duy trì ở trạng thái mới nhất.
 - Thông tin hóa chất (tên, mã CAS, nhà sản xuất)
 - Mục đích sử dụng
 - Nơi sử dụng và bảo quản
 - Số lượng hóa chất độc hại được sử dụng hàng năm
 - Giới hạn bảo quản tối đa có thể chấp nhận được theo luật pháp
 - Thông tin phơi nhiễm (chu kỳ, thời gian, số người phơi nhiễm)
 - Thông tin áp dụng và kiểm soát
 - Kết quả kiểm tra chất tẩy rửa theo thông số kỹ thuật quy định (069-0135) (thời gian hiệu lực 2 năm)
- Không được sử dụng các hóa chất sau mà pháp luật hoặc công ty khác hạn chế.
 - Benzen (CAS: 71-43-2)
 - N-hexane (CAS: 110-54-3)
 - Trichloroethylene (CAS: 79-01-6)
 - Methylene chloride (CAS: 75-09-2)
 - Tetrachloroethylene (CAS: 127-18-4)
- Thiết lập và thực hiện một hệ thống quản lý an toàn công đoạn (hệ thống PSM) được lập thành văn bản để ngăn ngừa và giảm thiểu khả năng sự cố rò rỉ nghiêm trọng hoặc cháy nổ khi sản xuất, bảo quản, tiêu thụ hoặc quản lý các chất nguy hiểm có hại vượt quá tiêu chuẩn quy định trong luật liên quan hoặc các chất có tính bất cháy, tính cháy nổ hoặc có độc tính.

③ Hạ ng mục tiêu thu đầ o tậ o

- Tài liệu và hồ sơ đầ o tậ o về sử dụng, xử lý, lưu trữ và xử lý các hóa chất độc hại (bao gồm cả chất thải) phải có sẵn và phù hợp và mới nhất.

- Những người lao động chỉ ưu tiên trách nhiệm bảo vệ quyền lợi của mình, là mối nguy cơ hoặc xử lý hóa chất phải được đào tạo đặc biệt.
- Phải đào tạo người lao động về hệ thống ký tự hình ảnh và dấu hiệu của thiết bị lưu trữ hoặc thiết bị vận chuyển.
- Tài liệu về đào tạo nhân viên về quản lý chất thải độc hại phải được lưu trữ trong thời gian dài ít nhất trong vòng 5 năm gần đây hoặc trong thời gian quy định liên quan.

C3.2 Đ á nh giá cá c đố i tá c xử lý chấ t thả i nguy hạ i và xử lý chấ t thả i nguy hạ i mộ t cá ch an toà n để đả m bả o xử lý , bả o quả n, xử lý chấ t thả i theo quy đị nh, điề u kiệ n cấ p phé p, yê u cầ u củ a hợ p đồ ng.

① Hạ ng mụ c tuầ n thủ tà i liệ u/ghi ché p

- Cầ n chuẩ n bị cá c thủ tụ c thí ch hợ p và hiệ u quả để trả lạ i và loạ i bỏ chấ t thả i độ c hạ i mộ t cá ch an toà n.
- Chư ơ ng trì nh giả m thiế u chấ t thả i độ c hạ i mộ t cá ch thí ch hợ p và hiệ u quả phả i bao gồ m cá c nộ i dung sau:
 - Mụ c tiê u hà ng nă m
 - Giá m sá t tỉ nh hì nh thự c hiệ n
 - Theo đố i mụ c tiê u đị nh kỳ
 - Đ iề u chỉ nh trư ờ ng hợ p vư ợt quá lị ch trì nh
- Đ á nh giá củ a cá c cô ng ty xử lý chấ t thả i độ c hạ i và nhà vậ n chuyể n phả i bao gồ m cá c nộ i dung sau:
 - Phả i có quy trì nh lậ p kế hoặ ch hà nh độ ng khắ c phụ c và đ á nh giá đị nh kỳ để đ á nh giá xem có tuầ n thủ cá c điề u khoả n hợ p đồ ng hay khô ng.
 - Đ á nh giá đư ợ c thự c hiệ n nhiề u hơ n mộ t lầ n trong ba nă m hoặ c khi có sự thay đố i quan trọ ng.
 - Phả i tiế n hà nh đ á nh giá trư ớ c khi lự a chọ n doanh nghiệ p mớ i.
- Chỉ nhữ ng doanh nghiệ p đư ợ c cơ quan quả n lý đị a phư ơ ng phê duyệ t và /hoặ c cấ p phé p mớ i đư ợ c sử dụ ng để vậ n chuyể n và xử lý chấ t độ c hạ i và phả i chứ ng minh bằ ng vắ n bả n cá c nộ i dung sau:
 - Bá o cá o thanh tra bao gồ m cá c lĩ nh vự c cả i tiế n
 - Kế hoặ ch xử lý khắ c phụ c, giá m sá t tỉ nh hì nh thự c hiệ n, mụ c tiê u về lư ợ ng giả m hà ng nă m.
 - Bả n sao tà i liệ u vậ n chuyể n chấ t thả i độ c hạ i

Chất thải

Trong Điều 2 của Đạo luật Chất thải (Định nghĩa) đề cập đến các chất không cần thiết cho hoạt động kinh doanh của công ty như chất thải, chất đốt, chất đốt, chất đốt, chất đốt, chất đốt, chất đốt, chất đốt, dầu thải, axit thải, alkali phế thải và đồ vật.

Chất thải thông thường tại nhà máy

Chất thải được phân loại theo phân loại chi tiết từ loại chất thải trong Phụ lục 4 Quy tắc thi hành Luật quản lý chất thải, ngoại trừ chất thải nguy hại và chất thải y tế.

C4) Chất thải rắn

Nhà máy phải phân biệt, quản lý, giảm thiểu một cách có hệ thống chất thải rắn và phải tái chế hoặc xử lý một cách có trách nhiệm.

C4.1 Quản lý chất thải rắn và thải bỏ một cách có trách nhiệm.

① Hạ giảm mục tiêu thu tại hiện trường

- Chất thải trong cơ sở phải được phân loại, phân loại, xử lý, lưu trữ và vận chuyển phù hợp.
- Phải kiểm soát hiệu quả và phù hợp với chất thải.

(Ví dụ: Tách, ngăn chặn rò rỉ, thông gió, bảo vệ môi trường, biển báo nguy hiểm và thông tin (Label và tài liệu an toàn vật chất (MSDS), đặc điểm và ứng dụng của chất thải).

- Phải có thể xem được chương trình giảm thiểu (tái sử dụng/tái sử dụng) trong cơ sở.
- Hệ thống kỹ thuật và hành chính để cải thiện hiệu quả tài nguyên phải được báo cáo tổng thể hoặc sử dụng tích cực và phải được xử lý ưu tiên theo thứ tự sau.
 - Ngăn ngừa (loại bỏ các quy trình tiêu hao không cần thiết), giảm thiểu tối đa, thay thế (sử dụng các nguồn tài nguyên thân thiện với môi trường hoặc tái tạo), tái sử dụng/phục hồi

② Hạ giảm mục tiêu thu tài liệu/ghi chép

- Thông tin chất thải (label và dữ liệu an toàn vật chất (MSDS)) phải được cung cấp bằng ngôn ngữ mà người lao động có thể hiểu được trong kho và điểm sử dụng.
- Cần chuẩn bị các thủ tục thích hợp và hiệu quả để lưu trữ, xử lý, vận chuyển, phế thải, theo dõi và kiểm tra chất thải rắn.
- Chương trình giảm chất thải rắn phù hợp và hiệu quả phải bao gồm các nội dung sau.
 - Mục tiêu hàng năm

- Giá m sá t tì nh hì nh thự c hiệ n
- Theo dõi mụ c tiêu đặ t nh kỳ
- Đ iều u chỉ nh trư ờ ng hợp p vư ợt quá lị ch trì nh
- Nội dung sau đây phả i đư ợ c chứ ng minh bằ ng vấ n bả n.
 - Hồ sơ tồ n kho rá c thắ i chí nh xá c
 - Hồ sơ kiể m tra chấ t thắ i và điể m bả o quả n củ a nó
 - Bả n sao danh mụ c hà ng hó a chấ t thắ i, tài liệ u vậ n chuyể n
 - Kế hoạ ch xử lý khắ c phụ c, giá m sá t tì nh hì nh thự c hiệ n, mụ c tiêu về lư ợ ng giả m hà ng nă m.
- Sổ quả n lý chấ t thắ i phả i bao gồ m:
 - Lư ợ ng rá c thắ i phá t sinh hà ng thá ng
 - Phạ m trù chấ t thắ i (có hạ i hoặ c thô ng thư ờ ng)
 - Xử lý tấ t cả chấ t thắ i
 - Phư ơ ng phá p tá i chế và xử lý khắ c
 - Tê n doanh nghiệ p vậ n chuyể n và xử lý chấ t thắ i

Chất gây ô nhiễm không khí

Điều 2 của Luật bảo vệ môi trường không khí quy định (định nghĩa)

Các chất khí và phân tử được công nhận là nguyên nhân gây ô nhiễm không khí.

Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (VOC)

Đó là những gì Bộ trưởng Môi trường công bố như là các sản phẩm hóa dầu, dung môi hữu cơ và các chất khác trong hydrocarbon.

Khí gas

Các chất khí phát sinh khi vật chất bị đốt cháy, tổng hợp, phân hủy hoặc do các tính chất vật lý.

Vật chất dạng hạt (Aerosol)

Một chất lỏng siêu nhỏ ở dạng lỏng có thể xảy ra khi vật chất bị nghiền nát, sapon hóa, lắng đọng, di chuyển, và các chất khác được xử lý cơ học, đốt cháy, tổng hợp hoặc phân

C5) Xử lý thải

Nhà máy phải xác định và kiểm tra thường xuyên các đặc tính của phụ phẩm đốt phát sinh từ các hợp chất hữu cơ dễ bay hơi, aerosol, khí ăn mòn, bụi, chất phát hủy tầng ozone và từ công đoạn, phải quản lý/xử lý theo quy định rõ ràng mới xả thải. Chất phát hủy ozone phải được quản lý theo Nghị định thư Montreal và các quy định có thể áp dụng được. Ngoài ra, cần kiểm tra thường xuyên hiệu quả xử lý của các thiết bị chống ô nhiễm không khí.

C5.1 Việc xả khí quy định được theo dõi định kỳ và thường xuyên kiểm tra tính năng của hệ thống kiểm soát xả khí.

① Hạ ng mục tiêu thủ tục hiệu quả

- Các chất ô nhiễm không khí phải được xử lý theo luật định áp dụng và các yêu cầu cấp phép.
- Thiết bị xử lý khí thải phải được quản lý và xác định phù hợp.
- Hệ thống kỹ thuật và hành chính để cải thiện hiệu quả tài nguyên phải được bảo trì tốt hoặc sử dụng tích cực và phải được xử lý ưu tiên theo thứ tự sau.
 - Ngăn ngừa (loại bỏ các quy trình tiêu hao không cần thiết), giảm thiểu tối đa, thay thế (sử dụng các nguồn tài nguyên thân thiện với môi trường hoặc tái tạo), tái sử dụng/phục hồi
- Chất phát hủy ozone phải được dán nhãn rõ ràng.

② Hạ ng mục tiêu thủ tục liên quan/ghi chép

- Phải lập và báo quả danh sách nguồn xả khí thải.
 - Hồ sơ khí thải: Phải bao gồm thông tin về thành phần và tỷ lệ khối lượng của chất ô nhiễm không khí.
 - Giao tiếp liên quan đến khí quy định với những người có liên quan bên ngoài bao gồm các đoàn thể xã hội địa phương, cơ quan quản lý, chính quyền địa phương.
 - Danh sách phát thải GHG phải bao gồm thông tin về lượng phát thải Scope 1 và Scope 2 theo tiêu chuẩn đo lường và giao thông khí nhà kính hoặc tiêu chuẩn pháp luật liên quan.

Kỹ sư mô i trư ở ng

Doanh nghiệp p phải i bổ
nhiệ m kỹ sư mô i trư ở ng
theo quy mô củ a Nhà má y
theo "Phụ lụ c 17 củ a Nghị
đị nh thi hà nh Luậ t bả o vệ
mô i trư ở ng khí quyế n" để
vậ n hà nh bì nh thư ở ng
cá c cơ sở xả thả i và thiế t
bị phò ng ngư a.

- Nhà má y loạ i 1: í t nhấ t 1
ngư ờ i có trì nh độ kỹ
thuậ t từ kỹ sư mô i
trư ở ng khí quyế n trở lē n
- Nhà má y loạ i 2: í t nhấ t 1
ngư ờ i có trì nh độ kỹ
thuậ t trē n kỹ sư cô ng
nghiệ p mô i trư ở ng khí
quyế n
- Nhà má y loạ i 3: Ngư ờ i
có tư cá ch kỹ thuậ t trē n
kỹ sư cô ng nghiệ p mô i
trư ở ng khí quyế n, kỹ sư
mô i trư ở ng hoặ c trē n 1
ngư ờ i trư c tiế p là m cô ng
việ c liē n quan đế n mô i
trư ở ng trong lĩ nh vự c
khí quyế n trē n 3 nă m
- Cơ sở kinh doanh 4 loạ i, 5
loạ i: Doanh nghiệ p đư ợ c
cấ p phé p lấ p đặ t thiế t
bị xả thả i, doanh nghiệ p
đư ợ c cấ p phé p lấ p đặ t
thiế t bị xả thả i, doanh
nghiệ p đư ợ c cấ p phé p
lấ p đặ t thiế t bị xả thả i
hoặ c doanh nghiệ p đư ợ c
sử a chũ a thiế t bị xả
thả i, trong số nhữ ng bị
cá o là m cô ng việ c thiế t
bị phò ng ngư a và thiế t
bị xả thả i củ a cô ng ty
đố i tá c đố thi có trē n 1
ngư ờ i đư ợ c bổ nhiệ m.

- Phả i duy trì danh sá ch dư ớ i dạ ng điệ n tử và xem xé t hà ng
nă m.
- Khi sả n xuấ t hoặ c thay đố i quy trì nh có thể ả nh hư ở ng đế n
khí thả i, cầ n đá nh giá tí nh cầ n thiế t củ a việ c thay đố i cá c
thiế t bị chố ng ô nhiễ m khô ng khí và thự c hiệ n cá c biệ n
phá p cầ n thiế t.
- Ngườ n phá t thả i khí quyế n và chấ t phá hủ y ozone phả i luô n
đư ợ c cập nhậ t và chí nh xá c.
- Phả i chuẩ n bị cá c thủ tộ c phù hợ p và hiệ u quả để
theo dõ i, kiể m tra và phê duyệ t xả thả i/xử lý khí thả i.
- Chấ t phá hủ y ozone phả i đư ợ c quả n lý theo Nghị đị nh
thư Montreal và cá c quy đị nh có thể á p dụ ng đư ợ c.
- Chư ơ ng trì nh giả m phá t thả i khí quyế n phù hợ p và
hiệ u quả phả i bao gồ m cá c nộ i dung sau.
 - Mụ c tiêu hà ng nă m
 - Giá m sá t tỉ nh hì nh thự c hiệ n
 - Theo dõ i mụ c tiêu đị nh kỳ
 - Đ iề u chỉ nh trư ở ng hợ p vư ợ t quá lị ch trì nh
- Phả i lự a chọ n ngư ờ i phụ trá ch xử lý khí thả i và giao
trá ch nhiệ m sau.
 - Duy trì cá c thiế t bị chố ng ô nhiễ m khô ng khí
 - Kiể m tra thiế t bị chố ng ô nhiễ m khô ng khí
 - Theo dõ i khí thả i
 - Ứ ng phó vớ i tỉ nh trạ ng khắ n cấ p
- Cầ n thiế t lậ p và vậ n hà nh cá c cơ sở chố ng ô nhiễ m
khô ng khí phù hợ p để xử lý chấ t ô nhiễ m khô ng khí .
 - Cá c cơ sở chố ng ô nhiễ m khô ng khí phả i đư ợ c tấ t cả cá c
cơ quan quả n lý có thấ m quyề n phê duyệ t.
 - Hoặ t độ ng chư ơ ng trì nh bả o trì theo chu kỳ
 - Chư ơ ng trì nh giá m sá t hiệ u quả cá c thiế t bị chố ng ô
nhiễ m khô ng khí
 - Vậ n bả n hó a phù hợ p về chư ơ ng trì nh và ghi ché p hoặ t
độ ng.
 - Nế u kế t quả kiể m tra trư ớ c đầ y xá c đị nh cá c vi phá m phá p
luậ t, nguyē n nhâ n cơ bả n và biệ n phá p khắ c phụ c phả i
đư ợ c thự c hiệ n.

- Phải tiến hành kiểm tra phân tích chất ô nhiễm môi trường không khí hàng năm để xác nhận sự tuân thủ các yêu cầu quy định liên quan.
- Khi các thiết bị chống ô nhiễm môi trường không khí bị trục trặc, hỏng hóc, bảo dưỡng và/hoặc cải tạo, phải thực hiện các biện pháp đối phó và đối phó với tình huống khẩn cấp.
 - Trong trường hợp phát chất ô nhiễm môi trường không khí độc hại (HAP), các thiết bị công đoạn được thông gió bởi bộ điều khiển khí thải phải được lắp đặt và duy trì một thiết bị chặn tự động tất cả các hoạt động thải ra HAP khi đi qua bộ điều khiển khí thải.
 - Đối với các chất gây ô nhiễm môi trường không khí so với các chất gây ô nhiễm môi trường không khí, các thiết bị công đoạn được thông gió bởi thiết bị điều khiển khí thải phải được dừng trong 72 giờ ngay cả khi không cần phải dừng ngay lập tức theo các quy định có liên quan.
- Sau khi nhận được sự bất mãn từ cộng đồng địa phương, Phải thực hiện giám sát khí thải để kiểm tra tình trạng khí thải và thực hiện các biện pháp khắc phục (nếu có).
- Trong trường hợp xảy ra tai nạn môi trường bất thường, phải thông báo cho tất cả các cơ quan chức năng có liên quan theo yêu cầu của pháp luật.
- Trong trường hợp phát sinh điều kiện môi trường bất thường, phải thông báo cho LGD trong vòng 7 ngày và phải thông báo cho các cơ quan quản lý theo quy định tư vấn ứng.
 - Thông báo bao gồm các nguyên nhân tiềm ẩn của điều kiện môi trường bất thường và các biện pháp hiệu chuẩn hoặc phòng ngừa được thực hiện trước đó
- Ghi chép giá trị và báo cáo hàng năm trong 5 năm gần đây (hoặc thời gian dài hơn trong chu kỳ mà pháp luật địa phương yêu cầu) phải có khả năng xem xét và phù hợp với điều kiện pháp lý.

③ Hạ ng mục tuân thủ đầu tạo

- Tài liệu, hồ sơ đã tạo ra của người lao động chi trả cho nhiệm vụ vận hành và duy trì hệ thống xử lý khí thải phải được chuẩn bị, phù hợp và mới nhất.

Giải thích thuật ngữ

Biên độ giới thiệu ồn

Mức độ tiếng ồn phát sinh từ thiết bị hoặc thiết bị xây dựng được lắp đặt tại khi đo đạc theo ranh giới của nhà máy.

Mục đích sử dụng đất ở khu vực thu dụng

Vùng hoặc khu vực quy định mục đích sử dụng đất ở một cách nhất quán cơ bản có mức độ tiếng ồn xung quanh nó chung là tương tự nhau.

dB(A) hoặc dBA

decibel (dB) là đơn vị tiếng ồn đo trực tiếp bằng máy đo tiếng ồn. dBA (mức độ tiếng ồn A) gần nhất với tiếng ồn mà tai người có thể phát hiện.

L50

Là mức độ tiếng ồn trung bình xuất hiện trong chu kỳ đo lường, 50% mức đo vượt quá giá trị trung bình và 50% bằng hoặc thấp hơn giá trị trung bình.

LMAX

Giá trị tiếng ồn tối đa kéo dài 1 giây khi đo tiếng ồn trong một thời gian nhất định.

C5.2 Mức độ tiếng ồn môi trường phải nằm trong giới hạn quy định.

① Hạ ng mục tiêu thủ tục hiệu quả

- Không được quan sát tiếng ồn ranh giới quá mức.
- Việc kiểm soát kỹ thuật và quản lý tiếng ồn ranh giới phải phù hợp và hiệu quả.
- Thiết bị kiểm soát tiếng ồn ranh giới phải được xác định và phù hợp và được bảo trì tốt.

② Hạ ng mục tiêu tài liệu/ghi chép

- Phải chuẩn bị các thủ tục phù hợp và hiệu quả để xác định, đánh giá, theo dõi và quản lý định kỳ nguồn tiếng ồn ranh giới theo quy định tương ứng.
- Mức độ tiếng ồn ranh giới phải được đo và đánh giá như sau.
 - Chu kỳ hàng năm (hoặc thường xuyên hơn nếu luật pháp yêu cầu)
 - Khi thay đổi mục đích sử dụng đất ở khu vực tiếp nhận
 - Trừ khi hợp giá trị tiêu chuẩn tiếng ồn biên giới được thiết lập theo sự bất mãn về tiếng ồn của cộng đồng địa phương.
- Phải lắp đặt và duy trì thiết bị kiểm soát tiếng ồn ranh giới phù hợp để kiểm soát mức độ tiếng ồn ranh giới theo quy định tương ứng. Giá trị và báo cáo tối thiểu hàng năm trong 5 năm gần đây (hoặc thời gian dài hơn trong chu kỳ yêu cầu của pháp luật) phải đáp ứng các yêu cầu sau:
 - Phải báo cáo báo cáo sao chép tiếng ồn biên giới cần thiết, tài liệu báo cáo phòng ngừa liên quan đến thiết bị kiểm soát tiếng ồn biên giới.
 - Trừ khi hợp pháp trong quá khứ được quan sát, phải duy trì ghi chép về các biện pháp xử lý khẩn cấp để giảm thiểu nguy cơ nhân cơ bản và vi phạm.
- Phải lựa chọn người phụ trách quản lý tiếng ồn môi trường và giao trách nhiệm sau.
 - Duy trì quản lý thiết bị kiểm soát tiếng ồn biên giới

- Kiểm tra thiết bị kiểm soát tiếng ồn biên giới
 - Theo dõi tiếng ồn biên giới
 - Ứng phó với tình trạng khẩn cấp
- Mức độ tiếng ồn biên giới phải đáp ứng các tiêu chí trong bảng dưới đây (Phụ lục 5 Quy tắc thi hành luật quản lý độ rung và tiếng ồn).

Khu vực mục tiêu	Theo thời gian [đơn vị : dB(A)]		
	Sáng (06:00-18:00)	Chiều (18:00-24:00)	Ban đêm (24:00-06:00)
A. Khu dân cư chuyên dụng và khu vực xanh trong khu vực đô thị, khu vực nghỉ dưỡng trong khu vực quản lý, khu vực tiếng phát triển nhà ở và khu vực tiếng phát triển du lịch nghỉ dưỡng, khu vực không phải là khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản trong khu bảo tồn môi trường tự nhiên.	Dưới 50	Dưới 45	Dưới 40
B. Khu dân cư thông thường và khu bán cư trú trong số các khu vực đô thị, khu vực xanh (trừ khu giải trí, khu vực tiếng phát triển nhà ở và khu vực tiếng phát triển du lịch).	Dưới 55	Dưới 50	Dưới 45
C. Khu vực nông lâm nghiệp, khu vực bảo vệ tài nguyên thủy sản trong khu vực bảo tồn môi trường tự nhiên, khu vực khác với mục A và D trong khu vực quản lý.	Dưới 60	Dưới 55	Dưới 50
D. Khu vực công nghiệp khu vực đô thị, khu vực bán công nghiệp, khu vực tiếng phát triển công nghiệp trong khu vực quản lý	Dưới 65	Dưới 60	Dưới 55
E. Khu công nghiệp thông thường và khu công nghiệp chuyên dụng trong khu vực đô thị	Dưới 70	Dưới 65	Dưới 60

※ Tiêu chuẩn quy định tiếng ồn biên giới nhà máy
Trung Quốc

Loại khu vực	Ca ngày (dB)	Ca đêm (dB)
0	50	40
1	55	45
2	60	50

3	65	55
4	70	55

* Loại i khu vực có thể đư ợ c tì m kiế m thô ng qua tà i liệ u bá o cá o
đá nh giá tá c độ ng mô i trư ờ ng củ a nhà má y tư ơ ng ứ ng

Pháp luật về chất độc hại

Hướng dẫn hạn chế sử dụng hóa chất độc hại của EU (EU RoHS Directive) là quy định tiêu biểu, bao gồm J-Moss của Nhật Bản, RoHS của Trung Quốc, K-RoHS của Hàn Quốc (Luật tuân hoàn tài nguyên điện tử và ô tô), US/CA SB-20/50.

Chất độc hại chính

Ở cấp độ địa phương và quốc gia hiện nay, các chất cấm sử dụng trong sản phẩm thường bao gồm chì, thủy ngân, cadmium, 6 là crom, polybromide biphenyl (PBBs), polybromide diphenyl ether (PBDEs), BBP, DBP, DEHP và DIBP.

C6) Quy định nhãn chất chứa trong sản phẩm

Nhà máy phải tuân thủ tất cả các điều kiện của pháp luật và khách hàng về nhãn chất cấu trúc/hạn chế trong quá trình sản xuất và sản phẩm, và các nhãn liên quan đến các chế độ/phế thải (labeling)

C6.1 Cần vận hành như thế nào để đạt được điều kiện pháp lý/khách hàng về quy chế hóa chất độc hại có chứa sản phẩm. Chương trình nhãn y phải bao gồm các thủ tục hiệu quả để đo, phân tích và ghi chép thành phần hóa học của sản phẩm.

① Hạn chế tuân thủ tài liệu/ghi chép

- Quy trình chuẩn bị phù hợp và hiệu quả để đo lường và ghi chép thành phần hóa học của sản phẩm và chương trình nhãn y phải bao gồm như sau.
 - Thủ tục kiểm tra bằng văn bản để so sánh yêu cầu của khách hàng với thông số kỹ thuật của riêng họ
 - Thủ tục bằng văn bản để đảm bảo rằng các vật liệu, đóng gói và thành phần được cung cấp đáp ứng các yêu cầu của khách hàng.
 - Các yêu cầu được ghi chép để tuân thủ các quy định về chất chứa sản phẩm được yêu cầu bởi các nhà cung cấp vật liệu/linh kiện.
- Phải tiến hành kiểm tra và đánh giá định kỳ các thủ tục để kiểm tra xem có phù hợp với yêu cầu của khách hàng hay không.
- Quá trình chính thức phải được thiết lập để xác định vật liệu hoặc vật liệu không phù hợp và thực hiện các biện pháp khắc phục theo đó. Nếu các biện pháp khắc phục không được thực hiện đúng cách, cần phải thực hiện các biện pháp bổ sung để hoàn thành chú ý trong thời hạn.
- Phải giữ hồ sơ giá trị và báo cáo trong ba năm gần đây cho thấy sự tuân thủ các điều kiện của khách hàng và pháp luật để quy định hóa chất độc hại có chứa trong sản phẩm.

Nư ớ c thả i sả n xuấ t

Đ iề u 2 củ a Luậ t bả o tồ n
mô i trư ờ ng nư ớ c (đị nh
ghĩ a)

Nư ớ c thả i là nư ớ c khô ng
thể sử dụ ng nguyê n vậ n do
có hữ u hợ p cá c chấ t ô
nhiễ m nư ớ c lò ng hoặ c rắ n
trong nư ớ c.

C7) Quả n lý tà i nguyê n nư ớ c và nư ớ c mư a

Nhà má y phả i có ghi ché p về nguồ n nư ớ c, sử dụ ng nư ớ c
và xả thả i, nắ m bắ t đặ c điể m đó , thự c hiệ n chư ơ ng trì nh
quả n lý giá m sá t nguồ n nư ớ c, tì m kiế m cơ hộ i bả o tồ n
nư ớ c, kiế m soá t cá c tuyế n đư ờ ng ô nhiễ m. Tấ t cả nư ớ c
thả i bắ t buộ c phả i đư ợ c xá c đị nh, giá m sá t, quả n lý và xử
lý theo yê u cầ u trư ớ c khi xả hoặ c thả i bỏ . Phả i thư ờ ng
xuyê n theo đố i tí nh nắ ng củ a hệ thố ng xử lý và ứ c ché
nư ớ c thả i, duy trì hiệ u suấ t tồ i ứ u và tuâ n thủ quy đị nh.

C7.1 Cầ n chuẩ n bị cá c thủ tụ c phù hợ p và hiệ u quả đễ vẫ n bả n hó a, đặ c trư ng hó a, giá m sá t nguồ n nư ớ c, xả nư ớ c, kiế m soá t ô nhiễ m.

① Hạ ng mụ c tuâ n thủ tạ i hiệ n trư ờ ng

- Thu hồ i nư ớ c và điể m xả nư ớ c khô ng ả nh hư ở ng
nghiê m trọ ng đễ n vù ng biể n đị a phư ơ ng (ví dụ : Nư ớ c
thả i đư ợ c xả ra hệ thố ng xử lý chấ t bé o hoặ c nư ớ c
mặ t (nế u phá p luậ t và quy đị nh đị a phư ơ ng cho phé p).
- Nư ớ c thả i cô ng nghiệ p và /hoặ c nư ớ c thả i phả i đư ợ c
xử lý theo quy đị nh củ a phá p luậ t đị a phư ơ ng và cá c
yê u cầ u cấ p phé p.
- Phả i đả m bả o rằ ng hệ thố ng xử lý nư ớ c thả i đầ ng hoạ t
độ ng có hiệ u quả ngay cả khi kiế m tra bằ ng mắ t thư ờ ng.
- Cá c thiế t bị như bể chừ a, đư ờ ng ố ng, kho lư u trữ phả i
tư ơ ng thí ch vớ i chấ t thả i đầ ng lư u trữ và vậ n chuyể n.
- Phả i kiế m tra đư ợ c chư ơ ng trì nh giả m sử dụ ng nư ớ c.
- Đ ư ờ ng nư ớ c trong cơ sở phả i khô ng bị ô nhiễ m và
phả i đư ợ c bả o vệ khỏ i ô nhiễ m (ví dụ : Khô ng đư ợ c
có vũ ng nư ớ c độ ng gầ n đư ờ ng ố ng thoá t nư ớ c mư a
và cặ n dầ u mỡ). Cá c thiế t bị /vậ t liệ u ứ ng phó khắ n
cấ p phù hợ p đễ đố i phó vớ i ô nhiễ m đư ờ ng thủ y.

- Hệ thống kỹ thuật và hành chính để cải thiện hiệu quả tài nguyên phải được bảo trì tốt hoặc sử dụng tích cực và phải được xử lý ưu tiên theo thứ tự sau.
 - Ngăn ngừa (loại bỏ các quy trình tiêu hao không cần thiết), giảm thiểu tối đa, thay thế (sử dụng các nguồn tài nguyên thân thiện với môi trường hoặc tái tạo), tái sử dụng/phục hồi

② Hạ ng mục tuấn thủ tài liệu/ghi chép

- Phải đặt tiêu chuẩn sử dụng nước theo mục đích và thực hiện kế hoạch giảm thiểu hàng năm phù hợp và hiệu quả, nếu không thực hiện đúng thì phải thực hiện kế hoạch xử lý khẩn cấp.
- Chương trình giảm sử dụng nước hàng năm không được kèm theo chi phí quá mức hoặc gây hại cho người lao động. Sử dụng các công cụ tham khảo sau đây để thực hiện đánh giá rủi ro vật chất, xem xét tình trạng thiết bị nước, chất lượng nước, sử dụng nước có khả năng cạn kiệt ở nơi có cơ sở vật chất.
 - Bộ lọc nguy hiểm nước WWF - WRI đưa ra hướng dẫn nước
 - Công cụ quản lý nước thế giới WBCSD - Công cụ đánh giá mức sử dụng nước (Footprint)
 - Công cụ quản lý nước khu vực GEMI
- Quy trình lưu trữ, xử lý, xả nước thải theo quy định của pháp luật địa phương phải được thiết lập và duy trì theo bản mới nhất.
- Thông tin phải được và đặc tính nước thải phải được cung cấp bằng ngôn ngữ mà người lao động có thể hiểu được tại các điểm sử dụng và báo quả.
- Các dòng nước thải của tất cả công đoạn phải được xác định và phân biệt.
- Danh sách nước thải công đoạn phải được bao gồm như dư thừa và phải được báo quả duy trì.
 - Thành phần của nước thải theo từng công đoạn
 - Lưu lượng nước thải phát sinh theo từng công đoạn
 - Khi sản xuất hoặc thay đổi quy trình có thể ảnh hưởng đến nước thải quy trình, cần đánh giá tính cần thiết của việc

Nước xả thải công nghệ

Nước xả thải quy trình sản xuất hoặc công nghệ có tiềm năng chứa chất ô nhiễm

Kỹ sư môi trường

Doanh nghiệp phải bố trí nhân lực kỹ thuật môi trường theo quy mô của cơ sở kinh doanh theo "Phụ lục 17 của Nghị định thi hành Luật bảo vệ môi trường nước" để vận hành bình thường các cơ sở xả thải và phòng ngừa.

- Nhà máy loại 1: 1 kỹ sư môi trường nước trở lên
- Nhà máy loại 2: 1 kỹ sư môi trường nước trở lên
- Nhà máy loại 3: Có trên 1 kỹ sư môi trường nước, kỹ thuật môi trường hoặc người trực tiếp làm công việc liên quan đến môi trường nước trong hơn 3 năm.
- Doanh nghiệp loại 4 hoặc 5: Doanh nghiệp được cấp phép xả thải bị xả thải, hoặc được sử dụng chất thải bị xả thải, hoặc các doanh nghiệp đã được cấp phép xả thải các công trình phát thải hoặc báo cáo về việc xả thải các công trình phát thải đã được chấp nhận phải có ít nhất 1 người được chỉ định trong số các nhân viên tham gia và công việc của cơ sở phát thải và cơ sở ngăn ngừa của địa điểm kinh doanh.

thay đổi quy trình xử lý nước thải và thực hiện các biện pháp cần thiết.

- Phải kiểm tra tính phù hợp của quá trình xử lý nước thải hàng năm.
- Phải lắp đặt và vận hành hệ thống xử lý nước thải phù hợp để tối thiểu hóa các chất ô nhiễm nước phát sinh tại nhà máy theo tiêu chuẩn yêu cầu của pháp luật liên quan. Hệ thống phải bao gồm:
 - Chương trình bảo trì bảo dưỡng phòng ngừa hàng ngày
 - Chương trình giám sát hiệu quả hệ thống xử lý nước thải
 - Kiểm tra định kỳ hệ thống xử lý nước thải
 - Xử lý ngay lập tức đối với những khiếm khuyết đã được xác định
 - Vận hành hóa phù hợp về chương trình và hồ sơ vận hành
- Nếu hệ thống xử lý nước thải tại chỗ vượt quá dung lượng xử lý hoặc bị trục trặc, kế hoạch ứng phó khẩn cấp phải được thiết lập và thực hiện.
- Phải có các thủ tục thích hợp và hiệu quả để quản lý ô nhiễm nước trong cơ sở và bao gồm:
 - Chỉ định nguồn gây ô nhiễm tiềm ẩn cho khu vực
 - Kế hoạch ứng phó khẩn cấp để quản lý ô nhiễm được gây ra
 - Quá trình kiểm tra và duy trì thiết bị ứng phó khẩn cấp thích hợp
 - Kế hoạch kiểm tra ô nhiễm nguồn nước/rò rỉ trong quá khứ và sử dụng phòng ngừa (bản mẫu gần đây)
- Một hoặc nhiều người phụ trách trong tổ chức cơ sở phải được chỉ định để vận hành, duy trì và kiểm tra các cơ sở xử lý nước thải, ngăn ngừa ô nhiễm được gây ra, giám sát xả nước thải và ứng phó với tình huống khẩn cấp.
 - Những người phụ trách phải có chức năng về công việc liên quan đến thiết bị xử lý nước thải theo điều kiện quy định của khu vực hoặc quốc gia.
- Phải thiết lập chương trình giảm nước thải và xây dựng chiến lược có thể giảm thiểu sự phát sinh nước thải.
 - Mục tiêu hàng năm để giảm/tái sử dụng

- Tìm hiểu những tiến bộ và những cải tiến
- Thiết lập các biện pháp khắc phục để đạt được các mục tiêu giảm lượng nước thải không được thực hiện đúng cách.
- Việc tuân thủ các tiêu chuẩn cho phép thải chất ô nhiễm nước trong nước thải phải được giám sát ở tần suất quy định tại các yêu cầu của pháp luật liên quan, và nếu không có quy định đó, phải giám sát ít nhất một tháng một lần để kiểm tra xem có tuân thủ các quy định liên quan hay không.
- Nếu nước thải không thể được thải ra theo các yêu cầu pháp lý, nước thải quy trình phải được coi là chất thải có hại theo luật pháp có liên quan.
- Nếu không cung cấp các tiêu chuẩn cho phép thải chất ô nhiễm nước thải, nên áp dụng các hạn chế được chỉ định trong bảng tiêu chuẩn chất lượng nước thải của LG Display.

Tiêu chuẩn xả nước thải sản xuất của LG Display		
Hạng mục kiểm tra	Tiêu chí xả thải đối với nhà máy xử lý cuối	Tiêu chuẩn xả thải vào vùng nước công cộng
Nhiệt độ	40°C	Nhiệt độ nước đầu vào
pH	6.0 – 9.0	6.0 – 9.0
CODcr (nhu cầu oxy hóa học)	300mg/L	100mg/L
Nhu cầu oxy sinh hóa trong 5 ngày (BOD5)	150mg/L	20mg/L
TSS (tổng chất lơ lửng)	300mg/L	20mg/L
Chất fluoride	20mg/L	5mg/L
Tổng Nitơ	70mg/L	10mg/L
NO ₂ -N (chất nitrit)	Không thí nghiệm	1mg/L
NO ₃ -N (chất nitrit)	Không thí nghiệm	10mg/L
Nitơ amoniac	25mg/L	5mg/L
Tổng photpho	8mg/L	1mg/L
O&G (dầu mỡ)	20mg/L	5mg/L
Tổng arsenic	0.2mg/L	0.01mg/L
Tổng Cadmium	0.05mg/L	0.02mg/L
Tổng Chrom	1mg/L	0.05mg/L
Chromium VI	0.1mg/L	0.01mg/L
Tổng đồng	0.5mg/L	0.5mg/L
Tổng chì	0.2mg/L	0.1mg/L

Tiêu chuẩn xả nước thải sản xuất của LG Display		
Hạng mục kiểm tra	Tiêu chí xả thải đối với nhà máy xử lý cuối	Tiêu chuẩn xả thải vào vùng nước công cộng
Tổng thủy ngân	0.005mg/L	0.002mg/L
Tổng niken	0.5mg/L	0.1mg/L
Tổng bạc	0.1mg/L	0.1mg/L
Tổng kẽm	1.5mg/L	0.5mg/L
Hàm lượng dự kiến	0.2mg/L	0.15mg/L

- Khi nhận được thông báo vi phạm từ cơ quan chức năng, cần giao tiếp kịp thời với cơ quan chức năng để thông báo cho các bên liên quan về vi phạm và thực hiện tất cả các biện pháp khắc phục đúng thời điểm hoặc theo cách mà cơ quan chức năng chỉ định.
- Trong trường hợp phát sinh điều kiện môi trường bất thường, phải thông báo cho LGD trong vòng 7 ngày và phải thông báo cho các cơ quan quản lý theo quy định tương ứng.
 - Thông báo bao gồm các nguyên nhân tiềm ẩn và hiệu chuẩn hoặc các biện pháp phòng ngừa trong điều kiện môi trường bất thường.

③ Hạng mục tuân thủ đào tạo

- Tài liệu, hồ sơ đào tạo của công nhân phụ trách công tác xử lý nước thải phải được chuẩn bị, phù hợp và cập nhật nhất.

Giải thích thuật ngữ

Nước mưa

Nước phát sinh từ do nước mưa, nước tuyết tan, rò rỉ và thoát nước bề mặt không bao gồm việc thấm nhập, rò rỉ nước mưa của đất nông nghiệp.

Thành phần các chất ô nhiễm nước mưa

Các chất ô nhiễm liên quan đến hoạt động kinh doanh như dầu, kim loại, dung môi, chất mang tín hiệu axit hoặc kiềm.

Các nước thải ngoại trừ nước mưa

Đóng góp không chỉ được cấu thành từ mỗi nước mưa, chẳng hạn như nước chảy bề mặt của nó là một việc có thể bị ô nhiễm bởi các chất ô nhiễm tiềm ẩn từ hoạt động công nghiệp.

Chất xả thải không được phê duyệt ngoại trừ nước mưa

Bao gồm nước từ việc rửa xe, trang thiết bị, tòa nhà, đường nhựa, chất thải bỏ hoặc đổ không đúng cách, chất tràn đổ hoặc rò rỉ.

C7.2 Cần thiết lập các thủ tục thí nghiệm và hiệu quả để ngăn chặn ô nhiễm và ngăn chặn ô nhiễm và các hóa chất bị ô nhiễm tràn và ô nhiễm.

① Hạ ng mục tiêu thu tài liệu/ghi chép

- Cần xác định nguồn ô nhiễm tiềm ẩn có thể ảnh hưởng đến xả thải nước mưa.
 - Phải lập danh sách và bảng chi tiết các nguồn gây ô nhiễm tiềm ẩn có thể gây ô nhiễm nước mưa, và phải ghi rõ được nguồn nước mưa có thể bị ảnh hưởng bởi chú ý.
 - Phải lập danh sách và chi tiết nơi xả ra rò rỉ hóa chất trong ba năm gần đây và được nguồn dẫn thoát nước mưa bị ô nhiễm từ đó.
 - Ngoài trừ nước mưa thì các nước thải sản xuất, nước thải sinh hoạt khi chưa được xử lý (các chất thải không được chấp thuận ngoài nước mưa).
 - Phải lập danh sách các vùng hoạt động công nghiệp tiếp xúc với nước mưa và các thành phần chất ô nhiễm.
- Cần lựa chọn phương pháp quản lý mang tính cấu trúc, phi cấu trúc hiệu quả để ngăn ngừa ô nhiễm như một phần của kế hoạch phòng chống ô nhiễm nước mưa (SWPPP).
 - Bản đồ cơ sở vật chất bao gồm khá nhiều khu vực thoát nước mưa, vị trí vùng nước lân cận, hệ thống nước mưa chảy tập trung, bố trí mặt nước không thấm nước của cơ sở, vị trí vật liệu tiếp xúc với mưa lớn.
 - Phải theo dõi định kỳ lượng xả nước mưa theo quy định tư vấn ứng.
 - Cần giám sát xả nước mưa nhằm đánh giá hiệu quả của phương pháp quản lý để giảm thiểu hoặc loại bỏ ô nhiễm do xả thải nước mưa.
 - Phải chỉ định ít nhất một nhân viên phụ trách các hoạt động báo cáo và ứng phó khẩn cấp liên quan đến nước mưa của tất cả các cơ sở.
 - Trong trường hợp hóa chất độc hại chảy vào hệ thống thoát nước mưa, cần có một hệ thống có thể đóng ngay được nguồn thoát nước mưa xả ra ngoài ranh giới cơ sở.
 - Cần thực hiện khảo sát xác nhận ít nhất một lần mỗi năm để xác nhận xem các hóa chất độc hại hoặc nước thải sản xuất có phần nào kết nối trực tiếp với hệ thống thoát nước mưa trong các khu vực sản xuất hay không.

Khí nhà kính

Điều 2 của Luật cơ bản về tăng trưởng xanh ít cacbon- Điều 2 của Luật cơ bản về trung hòa carbon và tăng trưởng xanh để ứng phó với khủng hoảng khí hậu (định nghĩa)

Cacbon đioxyt (CO₂), khí mê tan (CH₄), chất nitơ-oxit (N₂O), các bon không hòa hợp hydro (HFCs), các bon hóa quá mức (PFCs), Sự nóng lên toàn cầu (SF₆) và các điều khoản được quy định của tổ chức để đề cập đến vật chất trong khí quyển gây ra hiệu ứng nhà kính bằng cách hấp thụ hoặc tái phát nhiệt bức xạ hồng ngoại.

Khí thải nhà kính

Theo Điều 2 Luật cơ bản về tăng trưởng xanh ít cacbon- Điều 2 của Luật cơ bản về trung hòa carbon và tăng trưởng xanh để ứng phó với khủng hoảng khí hậu (định nghĩa), Phát thải khí nhà kính là phát thải trực tiếp, phát thải, giải phóng hoặc rò rỉ khí nhà kính do hoạt động của con người tạo ra và oxi quyển và phát thải gián tiếp là phát thải khí nhà kính do sử dụng điện hoặc nhiệt (Chỉ áp dụng cho nhiên liệu hoặc điện là nguồn nhiệt) do người khác cung cấp.

C8) Tiêu thụ năng lượng và thải khí nhà kính

Nhà máy phải tính toán và ghi chép lượng tiêu thụ năng lượng và xả khí nhà kính theo đơn vị toán công ty và nhà máy. Ngoài ra, cần phải tìm ra phương pháp hiệu quả để nâng cao hiệu quả năng lượng đồng thời giảm thiểu tiêu thụ năng lượng và thải khí nhà kính.

C8.1 Phải theo dõi, ghi chép việc tiêu thụ năng lượng và thải khí nhà kính, báo cáo công khai kế hoạch giảm khí nhà kính.

① Hạ giảm mục tiêu thủ tục hiệu năng

- Đối tượng (lò đốt, máy phát điện diesel, đốt rác thải tại hiệu năng), sử dụng điện (thiết bị) Quá trình tiêu thụ điện chưa được đo lường, rò rỉ refrigerant (thiết bị HVAC hoặc các thiết bị làm lạnh khác) hoặc tạo ra khí nhà kính (ví dụ: CFC và HFC (từ dung môi và bộ t) phải được ghi chép lại và không được tiêu thụ năng lượng đáng kể hoặc thải khí nhà kính do không theo dõi.
- Không được bỏ sót hay loại trừ toàn bộ các thiết bị thải khí nhà kính được chỉ định trong biên giới tổ chức quốc gia (CO₂, CH₄, N₂O, HFCs, PFCs, SF₆).

② Hạ giảm mục tiêu thủ tục lập/ghi chép

- Theo dõi tiêu thụ /sử dụng hàng năm của tất cả các nguồn thải khí nhà kính Scope 1 và Scope 2 và vận hành hóa, công khai lượng thải hàng năm theo mục tiêu giảm và không được phép công khai theo đơn vị tỷ lệ phần trăm. (Các bằng chứng liên quan đến lượng khí thải nhà kính phải được lưu trữ trong ít nhất 5 năm hoặc trong thời gian dài hơn theo các yêu cầu của quy định áp dụng)
- Khí nhà kính bao gồm carbon dioxide (CO₂), methane (CH₄), hơi nước và nitơ ôxít (N₂O), cũn như carbon chloride (CFCs), carbon hydrofluoride (HFCs), carbon perfluoride (PFCs) và sulfur dioxide (SF₆)

Giải thích thuật ngữ

Bá o cá o lư ợ ng khí thả i nhà kí nh

Nghị định thi hà nh Luật cơ bản
về tăng trưởng xanh í t cacbon

- Điều 39 Nghị định thi hà nh
Luật về giao dịch và phâ n
quyền phá t thải khí nhà kí nh

- Công ty quản lý phải gửi bản
bá o cá o theo phương thức điện
tử đã được cơ quan thẩm tra
xá c nhận đến cơ quan quản lý
ngà nh đối với từng lĩnh vực
chậm nhất và o ngà y 31 thá ng
3 hà ng năm.

- Tí nh toá n lư ợ ng khí thả i Scope 1: Khí thả i nhà kí nh trực tiế p từ việ c đốt nhiệ n liệ u hó a thạ ch (dầ u, than, diesel, khí tự nhiệ n, propan, rá cv.v.) trong hiệ n trư ờ ng. Tổ ng lư ợ ng nhiệ n liệ u sử dụ ng phả i đư ợ c so sá nh với nă m trư ớ c và phả i dễ dà ng kiể m tra từ hó a đờ n mua nhiệ n liệ u hoặ c hồ sơ mua nhiệ n liệ u (giấ y chứ ng nhậ n mua hà ng, hó a đờ n thê v.v.).
- Scope 2 tí nh toá n lư ợ ng khí thả i (Sử dụ ng điệ n/nhiệ t/nhó m): Phả i kiể m tra đư ợ c lư ợ ng đo lư ờ ng hoặ c hó a đờ n điệ n/nhiệ t/nhó m hoặ c giá điệ n cho thấ y lư ợ ng tiê u thụ điệ n/nhiệ t/nhó m hà ng nă m theo thá ng.
- Sử dụ ng nă ng lư ợ ng tá i tạ o: Tiê u thụ nă ng lư ợ ng tá i tạ o phả i đư ợ c theo dõ i theo loạ i và tổ ng lư ợ ng tiê u thụ (kWh, nhiệ t lư ợ ng, v.v.). Trư ờ ng hợ p mua nă ng lư ợ ng tá i tạ o thô ng qua công ty điệ n lư c thì phả i ghi ché p nội dung tư ợ ng ứ ng. Phá t triể n nă ng lư ợ ng tá i tạ o và /hoặ c mua nă ng lư ợ ng phả i đư ợ c quả n lý riê ng biệ t với cá c nguồ n nă ng lư ợ ng khá c và khô ng đư ợ c bao gồ m như hoạ t độ ng bù trừ để giả m thiế u tổ ng lư ợ ng mua điệ n hoặ c đốt chá y tá i chỗ .
- Phả i sử dụ ng protocol khí nhà kí nh đư ợ c quốc tế công nhậ n và vắ n bản hó a phư ợ ng phá p tí nh lư ợ ng khí thả i nhà kí nh củ a cá c nguồ n thả i khí nhà kí nh khá c và tiê u thụ nă ng lư ợ ng. Trong trư ờ ng hợ p khô ng quả n lý khí thả i nhà kí nh ở cấ p độ cơ sở , cần phả i cung cấ p vắ n bản quả n lý khí thả i nhà kí nh ở cấ p độ doanh nghiệ p bao gồ m tấ t cả cá c nguồ n phá t thả i khí nhà kí nh trong cơ sở .
- Lư ợ ng khí thả i nhà kí nh theo từ ng thiế t bị thả i ra phả i đư ợ c tí nh toá n theo phư ợ ng phá p củ a hư ớ ng dẫ n quốc gia, sau khi đư ợ c cơ quan thứ ba kiể m chứ ng, phả i nộp cho cơ quan nhà nư ớ c. (nế u có). Cẩ n cứ củ a dữ liệ u hoạ t độ ng đã từ ng đư ợ c sử dụ ng để tí nh toá n lư ợ ng khí thả i phả i đư ợ c cung cấ p bằ ng vắ n bản.

C8.2 Cần thực hiện các phương pháp có tính kinh tế để cải thiện hiệu quả năng lượng và giảm thiểu tiêu thụ năng lượng và thải khí nhà kính.

① Hạ mục tiêu thủ tục hiệu năng

- Phải chuẩn bị chiến lược quản lý hoặc kỹ thuật tối thiểu hóa tiêu thụ năng lượng và thải khí nhà kính. Chiến lược có thể bao gồm:
 - Công nghệ tự động hóa tòa nhà, thiết bị điều chỉnh nhiệt độ tự động, thiết bị điều khiển ánh sáng hoặc công nghệ sử dụng iếm, là mát, chiếu sáng, thông gió hiệu quả.
 - Sử dụng các thiết bị đối hoặc phương tiện sử dụng nhiên liệu hiệu quả hoặc ít khí thải nhà kính (như khí tự nhiên, điện, v.v.)
 - Mua hoặc sản xuất năng lượng tái sinh
 - Sử dụng hệ thống thu gom/xử lý chất thải y rửa hiệu quả cao
 - Sử dụng chất làm lạnh có chỉ số năng lượng thấp (GWP) trong hệ thống sử dụng iếm, thông gió và điều hòa.
- Phải có chương trình giảm tiêu thụ năng lượng và thải khí nhà kính.

② Hạ mục tiêu thủ tục liệu/ghi chép

- Phải sở hữu chương trình hiệu quả để cải thiện hiệu quả năng lượng và phát sinh khí nhà kính, năng lượng bị giảm do kết quả của chương trình phải được giá m sát và vắn bản hóa. Chương trình phải bao gồm vai trò và trách nhiệm của người phụ trách, mục tiêu hàng năm, theo dõi mục tiêu định kỳ, giá m sát, điều chỉnh, báo cáo nếu vượt quá lệ ch trình.
- Phải thực hiện các thủ tục quản lý hiệu quả tiêu thụ năng lượng. (Thủ tục "hoạt động, dừng" áp dụng cho bộ điều hòa, thiết bị là mát)
- Hồ sơ năng lượng chỉ nh xác, hàng tồn kho thải khí nhà kính và hồ sơ kiểm tra để sử dụng phải được báo quả n.
- Đo lường thành quả đối với giá trị mục tiêu và mục tiêu giảm khí thải nhà kính hàng năm, vắn bản hóa a,

trong trư ờ ng hợ p khô ng thự c hiệ n đú ng giá trị mụ c tiê u thì phả i thự c hiệ n biệ n phá p khả c phụ c.

- Phả i tiế n hà nh kiể m tra đị nh kỳ để tì m cơ hộ i cả i tiế n.
- Mụ c tiê u giả m khí thả i nhà kí nh phả i thiế t lậ p tiê u chuẩ n quả n lý đơ n vị tiề n tệ cũ ng như tổ ng lư ợ ng.

D. Đạ o đứ c kinh doanh (Ethics)

D. Đạ o đứ c kinh doanh (Ethics)

Nhà má y phải i luô n mang tí nh đạ o đứ c trong tất cả cá c khí a cạ nh kinh doanh để thự c hiệ n thà nh cô ng đự á n và thự c hiệ n trá ch nhiệ m xã hộ i, phải i tuâ n thủ tiê u chuẩ n đạ o đứ c vớ i mức độ cao nhấ t như sau.

Đạ o đứ c kinh doanh

Nó có nghĩ a là phư ơ ng thứ c hà nh độ ng củ a riê ng LG để nuô i dư ỡ ng nằ ng lự c mộ t cá ch đê u đặ n đự a trê n nề n tậ ng quả n lý đạ o đứ c và chiế n thắ ng mộ t cá ch đừ ờ ng đừ ờ ng chí nh chí nh. Quả n lý mức độ khô ng chỉ đơ n thuầ n là quả n lý đạ o đứ c mà còn có nghĩ a là tạ o ra thà nh quả thự c tế đự a trê n nằ ng lự c có thể chiế n thắ ng trong cạ nh tranh và tiế n xa hơ n trong quả n lý đạ o đứ c.

D1) Tuâ n thủ đạ o đứ c kinh doanh và cấ m lợ i í ch bất chí nh

Theo chí nh sá ch đạ o đứ c kinh doanh củ a LG Display, nhà má y phải i có chí nh sá ch cấ m tất cả cá c hà nh vi nhậ n quà hoặ c hố i lợ , tham ô và bất kỳ hà nh vi tham nhũ ng nà o như hứ a hẹ n/đề xuấ t/đề nghị hay cấ p phé p/chấ p thuậ n/nhậ n giá trị đặ c biệ t, phải i điề u tra cá c vi phạm và tiế n hà nh cá c quy trì nh chế tạ o. Phải i tuâ n thủ tất cả cá c quy đị nh về phò ng chố ng tham nhũ ng có thể á p dụ ng.

D1.1 Phải i thiế t lậ p phư ơ ng châ m để tuâ n thủ tiê u chuẩ n tí nh liê m chí nh củ a tiê u chuẩ n cao nhấ t trong tất cả cá c mố i quan hẹ giao dị ch. Cầ n tiế n hà nh điề u tra, xử phạ t thí ch hợ p đố i vớ i hà nh vi vi phạm để thu lợ i bất chí nh hoặ c khô ng phù hợ p. Phải i tuâ n thủ tất cả cá c quy đị nh về phò ng, chố ng tham nhũ ng á p dụ ng cho hoặ t độ ng kinh doanh.

① Hạ ng mụ c tuâ n thủ tà i liệ u/ghi ché p

- Cầ n thiế t lậ p chí nh sá ch chí nh thứ c về tất cả cá c hì nh thứ c hố i lợ , tham nhũ ng, tố ng tiề n và biể n thủ .
 - Quà tặ ng: Quà tặ ng từ cá c đố i tá c hoặ c từ cá c đố i tá c khô ng đư ợ c quá mức về mặ t chi phí và tà n suấ t theo quan niệ m xã hộ i. (Cầ n thiế t lậ p tiê u chuẩ n số tiề n và tà n suấ t củ a quà tặ ng)
 - Hố i lợ : Khô ng cam kế t, cung cấ p, cấ p phé p, cấ p phé p hoặ c chấ p nhậ n hố i lợ hoặ c cá c phư ơ ng tiệ n khá c để có đư ợ c lợ i í ch khô ng chí nh đá ng hoặ c khô ng phù hợ p.
- Cá c thủ tộ c điề u tra, xử phạ t vi phạm quả n lý mức độ phù hợ p và hiệ u quả cầ n đư ợ c thiế t lậ p.
 - Phải i đảm bả o nhữ ng hạ ng mụ c sau
 - Lợ i nhuậ n bất chí nh

Các loại luật chống tham nhũng của các nước

• (Mỹ)

Đạo luật phòng chống tham nhũng ở nước ngoài (FCPA: Foreign Corrupt Practices Act)
 - Pháp luật Hoa Kỳ thực thi trừng phạt hành vi hối lộ công chức nước ngoài
 - LG Display sẽ được áp dụng như một công ty niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán New York.

• (Hàn Quốc)

- Luật thiết lập và vận hành ủy ban quyền lợi nhà dân và phòng chống tham nhũng.
 - Luật cấm nhận hối lộ và hối lộ bất hợp pháp

• (Trung Quốc)

- Hình phạt Trung Quốc
 - Luật chống cạnh tranh không lành mạnh của Cộng hòa Nhân dân Trung Quốc

• (Việt Nam)

- Hình phạt Việt Nam

- Công bố thông tin
- Giao dịch công bằng, quản lý cá nhân và cạnh tranh
- Bảo vệ danh tiếng và trả thù
- Bảo vệ thông tin cá nhân

- Cần phải điều tra, xử lý các chủ trương liên quan đến vị trí kinh doanh không phù hợp. (Theo kết quả điều tra, bao gồm các biện pháp phòng ngừa)
- Quyết định, xử lý chế tài phải thực hiện với quy trình kỷ luật.

- Các thủ tục phải được thiết lập để bảo vệ nhân viên/người lao động khai báo vi phạm quản lý hoặc từ chối bất kỳ hành động nào có liên quan (lời tuyên bố xung đột lợi ích).
- Phải ghi lại tuyên bố mâu thuẫn lợi ích và khai báo.
- Hồ sơ cá nhân, hồ sơ nghỉ phép, hồ sơ công khai của nhân viên không được có bất kỳ kết quả tiêu cực nào do khai báo hoặc tuyên bố xung đột lợi ích.
- Cần thiết lập chương trình đảm bảo tuân thủ luật chống tham nhũng và các thủ tục phù hợp và hiệu quả.

② Đào tạo/Giao tiếp

- Phải đào tạo cho ban giám đốc và người lao động về tất cả các hình thức hối lộ, tham nhũng, tố tụng và biện pháp, ít nhất là trong chu kỳ hàng năm.

Quy tắc đạo đức của LG

Chương 2: Cạnh tranh công bằng

2. Tuân thủ pháp luật

- 1) Tất cả các hoạt động kinh doanh trong và ngoài nước phải tuân thủ các quy định của quốc gia tư nhân và thực hiện tôn trọng pháp luật giao dịch

Hướng dẫn thực hiện các quy tắc đạo đức của LG

- (1) Vượt qua các quy định và tập quán liên quan đến khu vực tư nhân và cạnh tranh bằng phương pháp chính đáng.
- (2) Đặt biệt phải hiểu và tuân thủ tất cả các quy định để ngăn chặn cạnh tranh bất hợp pháp trong và ngoài nước.

- ① Luật cấu m nhận hối lộ, hối lộ: Cấu m yêu cầu trực tiếp hoặc thông qua bên thứ ba để nhận được sự tiện lợi hoặc đặc ân thông qua các biện pháp bất chính, hoặc thể hiện ý định cung cấp tiền hoặc tiền cho các quan chức nhà nước.
- ② Luật chống hối lộ đối với các quan chức nước ngoài trong thương mại quốc tế: Cấu m các quan chức nước ngoài trực tiếp hoặc gián tiếp thực hiện các hành vi hối lộ, cung cấp hoặc đóng góp ý định liên quan đến công việc đó cho các quan chức nước ngoài với mục đích thu lợi bất chính liên quan đến thương mại quốc tế.
- ③ Tuy nhiên, ngoại trừ những hành vi bị nghiêm cấm được pháp luật công nhận là không vi phạm quy tắc xã hội.

(3) Tất cả nhân viên và nhân viên điều soạn và nộp bản cam kết tuân thủ pháp luật phòng chống tham nhũng.

Quy tắc đạo đức của LG (P.41)

Chương 4 Đạo đức cơ bản của cá nhân bộ và nhân viên.

4. Thực hiện nhiệm vụ công bằng

- 1) Thực hiện tất cả các nhiệm vụ một cách trung thực và công bằng, luôn nỗ lực để tạo ra văn hóa doanh nghiệp lành mạnh.
- 2) Không có lợi ích tài chính nào có thể cản trở tính công bằng của phán đoán liên quan đến công việc từ các bên liên quan.
- 3) Không thực hiện các hành vi phi đạo đức, phi đạo đức có thể bị xã hội chỉ trích liên quan đến công việc và sinh hoạt hàng ngày.

Hướng dẫn thực hiện các quy tắc đạo đức của LG

- (2) Không phân biệt lý do là gì, bản thân nhân viên và gia đình của họ không được nhận hoặc yêu cầu từ các bên liên quan.¹ Trừ trường hợp không thể tránh khỏi, nhất định phải khai báo theo trình tự quy định và thực hiện các biện pháp cần thiết.

¹ Công ty được đăng ký là đối tác và tất cả các công ty mà công ty có thể thực hiện ảnh hưởng ngay cả khi nó không được đăng ký trực tiếp như một đối tác.

- ① Theo nguyên tắc, không thực hiện hành vi giao dịch cho cá nhân với các bên liên quan.
- ② Không yêu cầu các hạ tầng mục không dự a và o hợp p điều ng với các bên liên quan hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp gây gánh nặng.

(3) LG tuyên bố không thực hiện vì nó có thể tư ơn ứ ng với các giao dịch không công bằng và mậ u thuẫ n lợ i í ch như đầu tư chung, đầu tư bất chí nh cho các bên liên quan có thể thực hiện ả nh hữ ở ng.

- ① Sự thật về việc nắm giữ cổ phần của các bên liên quan, đầu tư chung, thu đợ c tài sản chung, v.

Ngay khi nhận thức đợ c, nhất đị nh phải khai báo theo thủ tục đã quy đị nh và có biện pháp cần thiết.

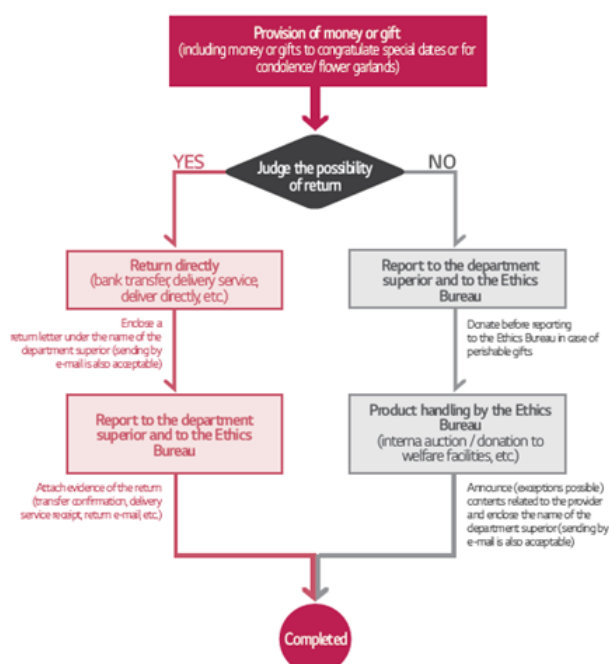
Trừ ờ ng hợp vi phạm quy đị nh này, có thể coi số tiền tư ơn ứ ng với cổ phần đợ c nhận từ bên liên quan dự a trên mối quan hệ sở hữ u thực tế

- ② Trong trừ ờ ng hợp phải chư a khai báo đợ c công nhậ n, tất cả trách nhiệm dân sự - hình sự thuộc về bản thân nhân viên và công ty hợp tác tư ơn ứ ng có thể bị cắt đứt quan hệ giao dịch sau khi đã nh giá tí nh liên quan.

Forms of Prohibited Money, Acceptance of Gifts

Classification	Contents	Remarks
Money	Cash, checks and other marketable securities	
Tuition fees	Receiving tuition fees for lecturing in events organized by concerned parties	
Presents	Goods, vouchers of facilities, services, gift cards, admission tickets, sales promotions or discounts limited to specific persons, etc.	
Expenditure for congratulatory and condolence events	Acceptance of congratulatory and condolences money or gifts (flower garlands, gold rings celebrating the baby's 1st birthday, etc.)	It is prohibited to inform the occasion to stakeholders
Borrowing / purchase / sales	- Hire, set mortgages, free acceptance, purchase, etc. of assets owned by stakeholders such as movable assets / real estate, etc. - Selling of Employees' private assets to stakeholders	Private transactions for private convenience and profits are prohibited
Debt redemption	Payment of private debts such as credit card bills, credit payment, loans, etc. or repayment by proxy	
Deposit	Requirement of deposit related to loans or offering of deposits	Unknown form of loan or financial organization
Cash loan	The action of borrowing money from stakeholders, lending money to stakeholders, and the payment of receipt of related interests	

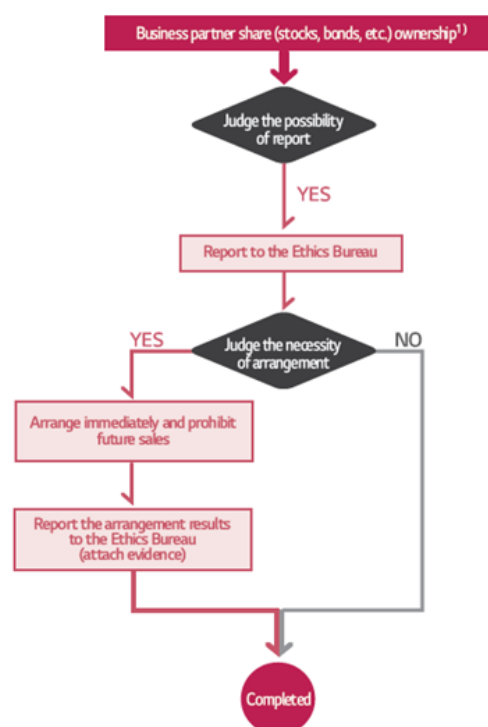
Report Procedures of Money or Gifts Acceptance



Forms of Prohibited Share Participation of Business Partners

Classification	Contents
Stocks	- Holding of stocks from all business partners with transactions with the Company - Including all cases when the Company can exercise influence when considering the relationship when the company is not registered as a business partner
Joint investment / joint asset acquisition	- Acquisition of movable and immovable assets by joint investment of capital with stakeholders by the Company employees and their family members - Membership such as condominium, golf health club, etc., real estate investment, etc. - The action of owning business partners through transaction relations with the Company by joint investment with stakeholders under the name of the Company employees and their family members
Concurrent job with business partners	The action of being registered as a Director in the company of stakeholders or having a concurrent job and performing real duties to the related company

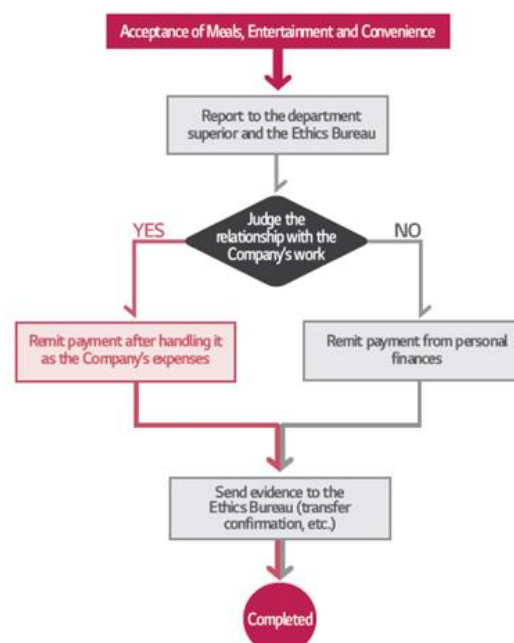
Report Procedures of Share Participation of Business Partners



Forms of Prohibited Meals, Entertainment and Convenience Acceptance

Classification	Contents	Remarks
Burden of expenses	The action of allowing concerned parties to bear with eating and drinking expenses and other private expenses	Return the expense in unavoidable cases
Meals	Receiving socially unacceptable treats for business negotiations	Approval by the department superior is necessary even within the permitted limit
Unhealthy business	Entering unhealthy businesses and speculation business (casino, etc.)	Prohibited entering such properties with stakeholders
Sports / trips	- Gatherings for entertainment with stakeholders except for official events must be written approval - Golf, ski, fishing, traveling, etc. - Events unrelated to the Company's work invited by the stakeholders - Training with the purpose of domestic or international tourism/ seminars, etc.	
Acceptance of convenience	- Accepting convenience from concerned parties or requesting the provision of convenience from concerned parties - Training with the purpose of domestic or international tourism/ seminars, etc.	In unavoidable cases for work reasons, receive the approval by the superior executive and pay fairly the required price
Sponsorship support	- Asking or accepting sponsorship for the Company or department's events - Money goods, etc.	
Future guarantee	- Promising or guaranteeing employment after retirement from stakeholders - Promising transactions after retirement with stakeholders	

Report Procedures of Meals, Entertainment and Convenience Acceptance



D2) Tiến t lộ thông tin

Theo luật phá p và quy đị nh liên quan, theo thông lệ củ a ngành, nhà má y phải ghi ché p chí nh xá c thông tin liên quan đến lao độ ng-nhâ n quyề n, sức khỏe-an toà n, thực trạ ng quả n lý mô i trư ở ng, hoạ t độ ng kinh doanh, cơ cấ u quả n trị , tì nh trạ ng tài chí nh và thà nh quả và cô ng khai đú ng sự thậ t. Ngoài i ra, khi lư u giữ và thả i bỏ tấ t cả thông tin phải i tuà n thủ triệ t để cá c quy đị nh và phá p luật liên quan.

D2.1 Không đư ợ c đư a tin sai lệ ch, là m giả hồ sơ hoặ c khai bá o sai sự thậ t.

① Hạ ng mục tuà n thủ tạ i hiệ n trư ở ng

- Trư ở ng hợ p đã ng thông tin cô ng ty đư ợ c cô ng bố cô ng khai thì phải i là thông tin chí nh xá c.

② Hạ ng mục tuà n thủ tà i liệ u/ghi ché p

- Thủ tậ c kiể m tra/đá nh giá /kiể m toá n hồ sơ chí nh xá c không giả mặ o phải i đư ợ c thiế t lậ p. Tuy nhiê n, lỗi i phá t sinh do bất cấ n trong cô ng việ c không á p dụ ng.
- Phải có quy trì nh ngắ n chặ n, điề u tra nhữ ng lờ i khai sai sự thậ t củ a cá n bộ , cô ng nhâ n viê n chứ c.
- Cá c chí nh sá ch, thủ tậ c và hồ sơ kế toá n mong muố n phải i đư ợ c xá c nhậ n thông qua kiể m toá n kế toá n bê n thứ ba hà ng nă m.
- Mộ t hệ thố ng kiể m soá t nội bộ phải i đư ợ c thiế t lậ p để đảm bả o tì nh chí nh xá c củ a thông tin. Bá o cá o củ a chí nh phủ theo điề u kiệ n phá p lý phải i đư ợ c thực hiệ n đú ng thờ i điể m và bá o cá o phải i đư ợ c hoà n thiệ n.
- Bá o cá o dự á n phải i đư ợ c lậ p theo luật phá p và cá c yêu cầu khá c.

Bí mật kinh doanh

Đề u 2 của luật về phòng chống cạnh tranh bất hợp pháp và bảo vệ bí mật kinh doanh (chỉ tiết) Bí mật kinh doanh là thông tin kinh doanh hoặc kỹ thuật hữu ích cho hoạt động kinh doanh khác, phức tạp và bí ẩn, được bảo vệ bằng pháp luật, không được công khai và có giá trị kinh tế độc lập.

Hành vi xâm phạm bí mật kinh doanh

- A. Nó bao gồm việc sử dụng hoặc tiết lộ bí mật kinh doanh của một người ở cụ thể bằng cách sử dụng hoặc công khai bí mật kinh doanh đã thu được bằng cách đe dọa, đe dọa hoặc bắt hợp pháp khác. Gồm các hành vi như sau)
 - B. Hành vi sử dụng hoặc công khai bí mật kinh doanh đã thu được hoặc không biết sự thật rằng hành vi mua trái phép có liên quan đến bí mật kinh doanh, hoặc hành vi mua bí mật kinh doanh đó.
 - C. Hành vi sử dụng hoặc công khai bí mật kinh doanh mà không biết sự thật rằng hành vi mua trái phép bí mật kinh doanh đó có liên quan hoặc không biết đó là sai lầm nghiêm trọng.
 - D. Hành vi sử dụng hoặc công khai bí mật kinh doanh với mục đích gây thiệt hại cho người sở hữu bí mật kinh doanh hoặc nhận được lợi ích bất chính của người có nghĩa vụ phải giữ bí mật kinh doanh theo quan hệ hợp đồng, v.v.
 - E. Hành vi sử dụng hoặc tiết lộ bí mật kinh doanh đã thu được hoặc không biết sự thật rằng hành vi công khai theo nội dung bí mật kinh doanh hoặc hành vi công khai đó là một sai lầm nghiêm trọng.
 - F. Hành vi sử dụng hoặc tiết lộ bí mật kinh doanh mà không biết sự thật hoặc hành vi công khai đó có liên quan đến sự thật rằng hành vi công khai theo mục đích bí mật kinh doanh sau khi thu được bí mật kinh doanh.

D3) Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ

Nhà máy tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ và phải bảo vệ an toàn thông tin khách hàng. Phải bảo vệ quyền lợi tư vấn ngay khi chuyển giao kỹ thuật và bí quyết. Ngoài ra, cần phải bảo vệ an toàn thông tin khách hàng của LG Display và LG Display.

D3.1 Bảo vệ tài sản trí tuệ và thông tin kinh doanh (thông tin doanh nghiệp, khách hàng/đối tác) và không bị rò rỉ.

① Hạ ng mục tiêu thủ tạ i hiệ n trư ờ ng

- Quyền sở hữu trí tuệ và thông tin kinh doanh phải được bảo vệ một cách rõ ràng.

② Hạ ng mục tiêu tài liệ u/ghi chép

- Để bảo vệ thông tin nhận được từ khách hàng/đối tác và quyền sở hữu trí tuệ, cần chuẩn bị các phức tạp và thủ tục phù hợp và hiệu quả.
 - Phải bao gồm các thông tin sau. (Tên và thông tin liên lạc của nhân viên khách hàng trọng tâm, giá cả và quy mô hợp đồng, tên nhà thầu phụ, nguyên liệu / đối tác thiết bị, thông tin và thư tín hiệu, tài sản trí tuệ bên thứ 3, ghi chép bằng văn bản, nội dung được bảo vệ bằng bản quyền, v.v.)
 - Theo quy định và pháp luật tư vấn, các thủ tục đảm bảo không công khai và bảo vệ thông tin liên quan đến khách hàng, đối tác kinh doanh, đối tác, công nhân và các đối tác kinh doanh khác phải được thiết lập.
 - Các hư hỏng về phân phối/phổ biến thông tin phải được thiết lập.
 - Người lao động và ban giám đốc phải tiến hành cam kết giữ bí mật.
 - Phải kiểm tra xem có tuân thủ giá y pháp phần mềm được sử dụng trong hoạt động kinh doanh trong 12 tháng qua hay không.
 - Nơi kinh doanh phải lưu trữ giá y pháp phần mềm và kho lưu trữ trung tâm của doanh nghiệp.
 - Cần thực hiện các chính sách, thủ tục và biện pháp bảo mật để tránh các cuộc tấn công mạng và phần mềm độc hại như mua và duy trì năng lực phần mềm chính hãng.

- Phải có biện pháp kiểm soát IT và thủ tục phù hợp và hiệu quả đối với việc tiếp cận hệ thống IT và tài sản trí tuệ.

③ Đào tạo/Giao tiếp

- Các nhà quản lý và giám sát phải được đào tạo định kỳ về thủ tục bảo vệ thông tin. (1 năm ít nhất 1 lần)
 - Tài liệu đào tạo, hồ sơ phải được chuẩn bị, phù hợp và cập nhật mới nhất.
- Phải giao tiếp với nhân viên về chính sách và thủ tục quản lý tài sản phần mềm. (1 năm ít nhất 1 lần)
 - Bao gồm phương pháp mua/sử dụng phần mềm liên quan và nhận được giá y pháp thích hợp.

Cấ m hà nh vi cộ ng đờ ng bấ t chí nh

Đ iề u 19 củ a luậ t quy đị nh độ c quyề n và giao đị ch cô ng bằ ng

Nhà khai thá c khô ng đư ợ c thỏ a thuậ n hoặ c yê u cầu nhà khai thá c khá c thự c hiệ n cá c hà nh độ ng sau đâ y để hạ n chế cạ nh tranh khô ng cô ng bằ ng vớ i cá c nhà khai thá c khá c bằ ng bấ t kỳ phư ơ ng phá p nà o khá c, hiệ p đị nh, nghị quyế t nà o.

- Hà nh vi quyế t đị nh duy trì hoặ c thay đố i giá cả
- Hà nh vi xá c đị nh điề u kiệ n thanh toán giá cả hoặ c số tiề n hoặ c điề u kiệ n giao đị ch hà ng hó a hoặ c đị ch vụ
- Hà nh vi hạ n chế giao đị ch hoặ c hạ n chế sả n xuấ t, xuấ t khẩu , vậ n chuyề n hoặ c giao đị ch hà ng hó a
- Hà nh vi hạ n chế khu vự c giao đị ch hoặ c đố i tư ợ ng giao đị ch
- Hà nh vi cả n trở hoặ c hạ n chế việ c á p dụ ng trang bị hoặ c thiế t bị mớ i hay mở rộ ng thiế t bị để giao đị ch sả n xuấ t hoặ c đị ch vụ
- Hà nh vi hạ n chế loạ i, quy cá ch củ a sả n phẩm hoặ c đị ch vụ khi sả n xuấ t hoặ c giao đị ch hà ng hó a hoặ c đị ch vụ
- Hà nh vi thà nh lậ p cô ng ty để cù ng thự c hiệ n, quầ n lý hoặ c thự c hiệ n cá c bộ phậ n chí nh củ a hoặ t độ ng kinh doanh
- Ngư ờ i trú ng thầ u, ngư ờ i trú ng thầ u, ngư ờ i trú ng thầ u, ngư ờ i trú ng thầ u, ngư ờ i trú ng thầ u, hoặ c ngư ờ i trú ng thầ u khá c. quyế t đị nh củ a tổng thố ng Hà nh vi xá c đị nh nhữ ng điề u khoả n đã đị nh
- Nộ i dung dự á n hoặ c hoặ t độ ng kinh doanh củ a doanh nghiệ p khá c (bao gồ m cả ngư ờ i kinh doanh đã thự c hiệ n hà nh vi đố) như mộ t hà nh vi ngoà i khoả n 1 đế n khoả n 8 Hà nh vi hạ n chế thự c tế cạ nh tranh trong lĩ nh vự c giao đị ch nhấ t đị nh bằ ng cá ch cả n trở hoặ c hạ n chế

D4) Giao đị ch cô ng bằ ng, quả ng cá o và cạ nh tranh

Nhà má y phả i tuâ n thủ tiê u chuẩ n giao đị ch cô ng bằ ng và quy đị nh liê n quan đế n cạ nh tranh và quả ng cá o

D4.1 Phả i thự c hiệ n dự á n theo tiê u chuẩ n cạ nh tranh, quả ng cá o, giao đị ch cô ng bằ ng (cấ m thỏ a thuậ n).

① Hạ ng mụ c tuâ n thủ tà i liệ u/ghi ché p

- Cầ n chuẩ n bị cá c biệ n phá p an toà n để ngắ n chặ n sự tuyế n dụ ng cô ng khai vớ i cá c cô ng ty khá c liê n quan đế n cá c yế u tố khá c có thể gâ y cả n trở cạ nh tranh quy trì nh hoặ c tí nh giá sả n phẩm.
- Quy trì nh giá m sá t liê n quan đế n giao đị ch cô ng bằ ng, quả ng cá o, cạ nh tranh phả i đư ợ c chuẩ n bị .

② Đ à o tạ o/Giao tiế p

- Cung cấ p đà o tạ o về giao đị ch cô ng bằ ng, quả ng cá o, cạ nh tranh cho ngư ờ i lao độ ng, nhâ n việ n, ngư ờ i quả n lý , đố i tá c kinh doanh và ngư ờ i quả n lý phả i đư ợ c đà o tạ o lạ i hà ng nă m. Phả i duy trì tà i liệ u và ghi ché p đà o tạ o.

Quy tắ c đạ o đứ c củ a LG

Chư ơ ng 2: Cạ nh tranh cô ng bằ ng

- Mư u cầu cạ nh tranh tự do
- Theo nguyê n tắ c cạ nh tranh tự do, tô n trọ ng trậ t tự kinh tế thị trư ờ ng ở mọ i nơ i trê n thế giớ i và đả m bả o sự tin tư ở ng củ a khá ch hà ng thô ng qua chấ t lư ợ ng sả n phẩm và đị ch vụ .
- Cạ nh tranh cô ng bằ ng vớ i nă ng lự c thự c sự , khô ng xâ m phá m lợ i í ch củ a đố i thủ cạ nh tranh hoặ c lợ i dụ ng điể m yế u mộ t cá ch khô ng cô ng bằ ng.

Hư ớ ng dẫ n thự c hiệ n cá c quy tắ c đạ o đứ c củ a LG

- (1) Tất cả các thông tin của công ty cạnh tranh được thu thập bằng phương pháp chính xác mà không bị chỉ trích về mặt xã hội và sử dụng một cách chính xác.
- (2) Tất cả các hoạt động nhằm đảm bảo lợi thế cạnh tranh đều được thực hiện theo nguyên tắc và phương pháp chính xác.
 - ① Không ăn cắp hoặc xâm phạm tài sản hữu hình của đối thủ cạnh tranh.
 - ② Không phỉ báng đối thủ cạnh tranh hay lợi dụng điểm yếu.
- (3) Không gây thiệt hại cho các doanh nghiệp và khách hàng khác do hành vi dấn xé không công bằng.
- (4) Hãy nắm rõ các quy định và hướng dẫn liên quan đến giao dịch công bằng, nếu có khả năng vi phạm hoặc vi phạm, hãy thông báo ngay cho bộ phận có liên quan.

D5) Bảo vệ danh tính và cá m trả thù

Nhà má y phải i vậ n hà nh chươ ơ ng trì nh có thể bảo vệ ngư ờ i tổ cá o nộ i bộ . Nhà má y phải i thô ng bá o cho ngư ờ i lao độ ng cá c quy trì nh liên quan để có thể đư a ra vấ n đề mà khô ng sợ trả đũa.

D5.1 Khô ng đư ợ c có nguy cơ bị trả thù hoặ c mức độ bảo o vệ nhâ n thâ n giả m.

① Hạ ng mụ c tuâ n thủ tà i liệ u/ghi ché p

- Cầ n chuẩ n bị cá c chí nh sá ch và thủ tậ c phù hợ p và hiệ u quả để đả m bảo cá m trả đũa và bảo vệ danh tí nh củ a ngư ờ i tổ cá o nộ i bộ và ngư ờ i sử dụ ng hệ thố ng xử lý khó khả n.
- Thiế t bị an toà n để ngắ n chặ n mức độ bảo o vệ nhâ n thâ n giả m và trả thù
- Quy trì nh giá m sá t liên quan đế n bảo o vệ danh tí nh và trả thù

② Đ à o tạ o/Giao tiế p

- Tà i liệ u đà o tạ o và hồ sơ phải i đư ợ c chuẩ n bị , phù hợ p và mớ i nhấ t. Phải i cung cấ p đà o tạ o lạ i hà ng nă m cho tất cả cá c bê n.

Thông tin cá nhân

Điều 2 Luật bảo vệ thông tin cá nhân (chi tiết) Thông tin cá nhân là thông tin liên quan đến một cá nhân sống, bao gồm thông tin có thể nhận biết một cá nhân thông qua họ tên, số chứng minh thư và video.

Nguyên tắc bảo vệ thông tin cá nhân

Theo luật bảo vệ thông tin cá nhân,

- ① Người xử lý thông tin cá nhân phải là một mục đích xử lý thông tin cá nhân và thu thập hợp pháp và hợp pháp thông tin cá nhân tối thiểu trong phạm vi cần thiết cho mục đích đó.
- ② Người xử lý thông tin cá nhân phải xử lý thông tin cá nhân phù hợp với phạm vi cần thiết cho mục đích xử lý thông tin cá nhân và không được sử dụng cho mục đích khác.
- ③ Người xử lý thông tin cá nhân phải đảm bảo tính chính xác, tính toàn vẹn và tính mới nhất của thông tin cá nhân trong phạm vi cần thiết cho mục đích xử lý thông tin cá nhân.
- ④ Người xử lý thông tin cá nhân phải xem xét mức độ nguy hiểm và khả năng quyền lợi của chủ thể thông tin bị xâm phạm theo phạm vi pháp luật và chủ thể thông tin cá nhân và quản lý an toàn thông tin cá nhân.
- ⑤ Người xử lý thông tin cá nhân phải công khai các nội dung liên quan đến việc xử lý thông tin cá nhân như phạm vi phạm vi xử lý thông tin cá nhân và đảm bảo quyền lợi của chủ thể thông tin như quyền yêu cầu xóa.
- ⑥ Người xử lý thông tin cá nhân Phải xử lý thông tin cá nhân bằng phạm vi pháp lý tối thiểu hóa sự xâm phạm đời tư của chủ thể thông tin.
- ⑦ Người xử lý thông tin cá nhân phải đảm bảo rằng thông tin cá nhân có thể được xử lý ẩn danh nếu có thể.
- ⑧ Người xử lý thông tin cá nhân phải nỗ lực để đạt được sự tin tưởng của chủ thể thông tin bằng cách tuân thủ và thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ được quy định trong luật này và pháp luật có liên quan.

D6) Bảo vệ thông tin cá nhân

Nhà máy phải bảo vệ một cách có hệ thống tất cả thông tin cá nhân liên quan đến quản lý doanh nghiệp. Khi thu thập, lưu trữ, xử lý, truyền tải, chia sẻ thông tin cá nhân phải tuân thủ các pháp luật liên quan như luật bảo vệ thông tin cá nhân.

D6.1 Không được có nguy cơ hoặc chức năng để công khai thông tin cá nhân không được công nhận

- ① Hạ mức tuân thủ tài liệu/ghi chép
 - Cần chuẩn bị các chính sách và thủ tục phù hợp và hiệu quả để bảo vệ thông tin cá nhân của tất cả các tổ chức kinh doanh (bao gồm các đối tác, khách hàng, người tiêu dùng, nhân viên).
 - Phạm vi tiếp cận bảo vệ để ngăn chặn việc tiết lộ thông tin cá nhân không được công nhận
 - Quy trình giám sát liên quan đến bảo vệ thông tin cá nhân
 - Khi thu thập, lưu trữ, xử lý, truyền tải, chia sẻ thông tin cá nhân, được cá nhân chấp thuận trước, tuân thủ pháp luật bảo vệ thông tin cá nhân.
- ② Đào tạo/Giao tiếp
 - Người lao động/người quản lý phải được đào tạo liên quan đến thủ tục bảo vệ thông tin cá nhân. Tài liệu đào tạo, hồ sơ phải được chuẩn bị, phù hợp và phải là bản mới nhất.

E. Hệ thống kinh doanh (Management System)

Hệ thống kinh doanh

Tập hợp các yếu tố tác động lẫn nhau hoặc liên quan của tổ chức để thiết lập quy trình và mục tiêu và phục vụ nhu cầu để đạt được các mục tiêu. [ISO 14001:2015 / ISO 9000:2015].

Chính sách

Mục đích và phục vụ hướng dẫn của tổ chức để thể hiện chính thức bởi giám đốc điều hành của tổ chức liên quan đến thành quả. [ISO 14001:2015 / ISO 9000:2015].

Giá mốt c điều u hà nh

Các cá nhân hoặc tổ chức quản lý tổ chức ở cấp độ cao nhất. [ISO 14001:2015 / ISO 9000:2015].

E. Hệ thống kinh doanh (Management System)

Nhà máy phải lựa chọn hoặc xây dựng hệ thống kinh doanh trong phạm vi bao quát nội dung của quy tắc này Hệ thống kinh doanh từ sự lựa chọn phải tuân thủ các điều kiện của khách hàng và pháp luật liên quan đến sản phẩm và hoạt động của doanh nghiệp, tất nhiên không chỉ tuân thủ quy tắc này mà còn phải thiết lập, duy trì và cải tiến để có thể nắm bắt và giảm thiểu rủi ro về mặt liên quan đến quy tắc này. Hệ thống kinh doanh phải bao gồm các nội dung liên quan đến A) Lao động-Nhân quyền B) Sức khỏe-An toàn C) Môi trường D) Đạo đức.

*Trừ trường hợp có giải thích ngược lại còn hiệu lực với các lĩnh vực A) Lao động-Nhân quyền B) Sức khỏe-An toàn C) Môi trường D) Đạo đức thì có thể bỏ qua kiểm tra hệ thống kinh doanh của lĩnh vực từ sự lựa chọn.

E1) Thể hiện ý chí tuân thủ của doanh nghiệp

Nhà máy phải tuân thủ các quy tắc liên quan đến trách nhiệm xã hội/môi trường của doanh nghiệp đồng thời bản tuyên bố chính sách thể hiện ý chí cải tiến liên tục phải được ban giám đốc phê duyệt và đăng lên nơi làm việc.

E1.1 Phải thiết lập chính sách/quy tắc phù hợp và hiệu quả được ban giám đốc phê duyệt.

① Hạ ng mục tuân thủ tại hiệu n trừ ở ng

- Tuyên bố về chính sách lao động, nhân quyền, y tế, an toàn, môi trường và đạo đức tại Nhà máy phải được đăng lên Nhà máy để tất cả người lao động có thể nhìn thấy bằng ngôn ngữ mà người lao động có thể hiểu được.

② Hạ ng mục tuân thủ tài liệu/ghi chép

- Tuyên bố /quy tắc được giám đốc điều hành ký kết/phê duyệt phải thể hiện ý chí tuân thủ pháp luật và các

yêu cầu khác (bao gồm cả yêu cầu của khách hàng) và ý chí cải thiện liên tục.

- Trong trường hợp phạm lỗi, biểu hiện "kinh doanh trung thực và trung thực" phải được xử lý trong một trong các quy tắc phạm lỗi, quy tắc hành động, nguyên tắc kinh doanh hoặc văn bản tự nguyện.

- Lưu ý : Trường hợp phạm lỗi/quy tắc được đánh dấu công khai (ví dụ : Intranet hoặc Internet, có thể không có sự chấp thuận của ban giám đốc).

- Tuyên bố chính sách phải phù hợp với tính chất và phạm vi vận hành của nhà máy.

E2) Nghĩ a vụ và trá ch nhiệ m củ a ban giá m đố c

Nhà má y phải i quy đị nh rõ ban giá m đố c, đạ i diệ n cấ p cao củ a cô ng ty có trá ch nhiệ m thự c hiệ n hệ thố ng kinh doanh hoặ c cá c chươ ng trì nh liê n quan. Ban giá m đố c phải i kiể m tra hiệ n trạ ng mộ t cá ch đị nh kỳ . Ngoà i ra, cầ n bổ nhiệ m đạ i diệ n có trá ch nhiệ m và quyề n hạ n liê n quan đế n quả n lý bề n vữ ng và trá ch nhiệ m xã hộ i củ a doanh nghiệ p.

E2.1 Trá ch nhiệ m và quyề n hạ n củ a tất cả nhâ n viê n/cô ng nhâ n (từ ngư ờ i quả n lý tiề n nhiệ m đế n ngư ờ i lao độ ng) phải i đư ợ c phâ n cô ng phù hợ p và hiệ u quả để tuâ n thủ cá c quy đị nh, quy đị nh, điề u hà nh hệ thố ng quả n lý .

① Hạ ng mụ c tuâ n thủ tà i liệ u/ghi ché p

Ngư ờ i chỉ u trá ch nhiệ m
trự c tiế p (DRI, Directly
Responsible Individual)

- Đ ể thự c hiệ n chươ ng trì nh, cầ n bổ nhiệ m đạ i diệ n kinh doanh có trá ch nhiệ m sau:
 - Đ ả m bả o tuâ n thủ cá c điề u kiệ n quy chuẩ n hà nh độ ng củ a mặ ng lư ớ i cung cấ p ESG củ a LG Display và phá p luậ t và quy đị nh.
- Ngư ờ i đạ i diệ n kinh doanh phải i đư ợ c trao quyề n thự c hiệ n cá c chươ ng trì nh, thủ tộ c và biệ n phá p khả c phụ c cầ n thiế t để tuâ n thủ cá c quy tắ c hà nh độ ng củ a mặ ng lư ớ i cung cấ p ESG củ a LG Display.
- Trá ch nhiệ m và quyề n hạ n củ a từ ng tổ chứ c phải i đư ợ c ghi lạ i trong kế hoặ ch cô ng việ c, kỹ thuậ t cô ng việ c và /hoặ c tà i liệ u hệ thố ng kinh doanh củ a cơ sở .
 - Bao gồ m cả trư ờ ng hợ p thô ng thư ờ ng và trư ờ ng hợ p khắ n cấ p
- Phải i phâ n bổ nhâ n viê n chí nh thứ c trự c tiế p chỉ u trá ch nhiệ m giá m sá t và thự c hiệ n cá c nộ i dung tuâ n thủ tạ i hiệ n trư ờ ng. Ngư ờ i chỉ u trá ch nhiệ m trự c tiế p nhậ n cá c nghĩ a vụ sau:
 - Bá o cá o trự c tiế p vớ i tổ ng quả n lý hiệ n trư ờ ng hoặ c ngư ờ i có chứ c vụ tư ợ ng đư ợ ng và kế t nố i trự c tiế p vớ i bộ phậ n trá ch nhiệ m xã hộ i củ a doanh nghiệ p hoặ c bộ phậ n trá ch nhiệ m an toà n/mô i trư ờ ng.

- Quản lý toàn diện tình hình thực hiện tại hiện trường.
- Hiểu và thực hiện các yêu cầu của pháp luật và tiêu chuẩn liên quan.
- Có thẩm quyền và huy động nguồn lực để cải tiến xã hội/môi trường và thực hiện các biện pháp khắc phục.
- Nhận được sự hỗ trợ từ nhóm cộng tác có sự tham gia của nhiều bộ phận (ví dụ: vận hành, kỹ thuật, HR, sức khỏe và an toàn, môi trường và hệ thống, v.v.) đảm bảo rằng các điều kiện xã hội và môi trường đang được thực hiện theo luật pháp, quy định và tiêu chuẩn liên quan.
- Kiểm tra định kỳ hiệu quả của hệ thống kinh doanh và thực hiện các biện pháp để cải tiến.
- Được đánh giá thành quả dựa trên tiêu chuẩn thực hiện các yêu cầu theo luật, quy chuẩn và tiêu chuẩn liên quan.

② Hạ ng mục tiêu thủ đà o tậ o

- Tài liệu đà o tậ o, hồ sơ liên quan đến trách nhiệm trong trường hợp khẩn cấp và hoạt động hàng ngày áp dụng cho toàn bộ tổ chức phải có sẵn, phù hợp và mới nhất.

E2.2 Phải i thiết t lập p quy trì nh cả i tiế n liên tụ c và kiế m tra quả n lý kinh doanh phù hợ p và hiệ u quả đố i vớ i hệ thố ng quả n lý và thà nh quả .

① Hạ ng mục c tuâ n thủ tà i liệ u/ghi ché p

- Quy trì nh kiế m tra hệ thố ng kinh doanh phải i bao gồ m như sau.
 - Sự việ c
 - Chu kỳ /tầ n suất t kiế m tra(í t nhấ t 1 lầ n/nă m, thư ờ ng xuyê n hơ n nế u có sự thay đố i đá ng kể)
 - Biê n bản cuộ c họ p
 - Thuyế t trì nh
 - Tư liệ u
- Ghi ché p liên quan đế n cuộ c họ p kiế m tra kinh doanh phải i bao gồ m như sau.
 - Ngà y thá ng
 - Ngư ờ i tham dự (bao gồ m cả đạ i diệ n kinh doanh)
 - Tì nh hì nh tiế n hà nh so vớ i mục tiê u
 - Kế t quả thanh tra
 - Hạ ng mục c hoà n thà nh biệ n phá p xử lý khắ c phụ c
 - Mổ i nguy
 - Hạ ng mục c quan trọ ng
 - Đ á nh giá tí nh hiệ u quả củ a hệ thố ng kinh doanh và cá c thô ng tin khắ c liên quan đế n cơ hộ i cả i tiế n cho kế hoạ ch xử lý cả i tiế n.
 - Cá c xử lý phò ng ngư ờ i/điề u chỉ nh đã đư ợ c thỏ a thuậ n

Mổ i nguy

Ả nh hư ở ng củ a sự khô ng chắ c chắ n. [ISO 14001:2015 / ISO 9000:2015].

E3) Đ á p ú ng điề u kiệ n củ a khá ch hà ng và phá p luậ t

Nhà má y phả i có quy trì nh để nắ m bắ t, giá m sá t và hiể u điề u kiệ n khá ch hà ng và luậ t phá p liê n quan bao gồ m cả quy tắ c nà y.

E3.1 Quá trì nh tuâ n thủ phù hợ p và hiệ u quả cần đư ợ c thiế t lậ p để giá m sá t, nắ m bắ t, hiể u, tuâ n thủ và đắ m bả o điề u kiệ n khá ch hà ng và quy đị nh và quy đị nh có liê n quan đế n lĩ nh vụ c lao độ ng, nhâ n quyề n, an toà n, mô i trư ờ ng, đạ o đứ c.

① Hạ ng mụ c tuâ n thủ tà i liệ u/ghi ché p

- Cần thiế t lậ p cá c thủ tậ c theo quý tồ i thiế u để hiể u và tuâ n thủ cá c điề u kiệ n củ a khá ch hà ng và phá p luậ t mới nhấ t.
 - Khá c biệ t → theo dõ i → đá nh giá → sá p nhậ p → thự c hiệ n → ghi ché p
- Phả i chỉ đị nh ngư ờ i chị u trá ch nhiệ m quả n lý thủ tậ c và hiể u rõ phá p luậ t và yê u cầu củ a khá ch hà ng.
- Hồ sơ phả i bao gồ m:
 - Sổ ghi ché p tuâ n thủ
 - Lị ch trì nh tuâ n thủ , thô ng bá o email/thao tá c/đặ t lị ch trì nh
 - Nộ i dung yê u cầu chí nh củ a khá ch hà ng có ả nh hư ờ ng đế n việ c vậ n hà nh và tồ m tắ t phá p luậ t tư ơ ng ứ ng
 - Sau khi kiể m tra điề u kiệ n mới, chỉ đị nh mới hoặ c thay đổ i hoặ t độ ng/chí nh sá ch/thủ tậ c

E4) Đ á nh giá và quả n lý rủ i ro

Nhà má y phải i xâ y dự ng hệ thố ng để nắ m bắ t cá c rủ i ro đặ o đứ c, thô ng lệ lao độ ng-nhâ n quyề n, sức khỏ e-an toà n, mô i trư ờ ng. Ngoà i ra, phải i quyế t đị nh thứ tự ư u tiê n củ a từ ng rủ i ro và đị nh kỳ phải i quả n lý xem có tuâ n thủ quy tắ c hay khô ng.

E4.1 Quá trì nh quả n lý rủ i ro hiệ u quả đư ợ c thiế t lậ p và phải i thiế t lậ p và thự c hiệ n trì nh tự phâ n biệ t, đ á nh giá rủ i ro, giả m thiế u/giả m thiế u/kiể m soá t.

① Hạ ng mụ c tuâ n thủ tậ i hiệ n trư ờ ng

- Phải i có phư ơ ng phá p quả n lý cá c rủ i ro đã đư ợ c xá c đị nh

② Hạ ng mụ c tuâ n thủ tà i liệ u/ghi ché p

- Cầ n thiế t lậ p quy trì nh đ á nh giá rủ i ro để xá c đị nh rủ i ro chí nh (bao gồ m điề u kiệ n phá p lý tư ơ ng ứ ng, điề u kiệ n khá ch hà ng tư ơ ng ứ ng).
 - Phạ m vi đ á nh giá rủ i ro
 - Tấ t cả quá trì nh vậ n hà nh/quy trì nh tậ i hiệ n trư ờ ng
 - Vị trí vậ t lý
 - Thờ i gian tiế p xú c vớ i hó a chấ t phải i đư ợ c xem xé t, ả nh hư ở ng củ a tiế p xú c vậ t lý và hó a họ c phứ c tậ p và thờ i gian tiế p xú c vớ i hó a chấ t.
 - Đ á nh giá rủ i ro phải i đư ợ c thự c hiệ n hà ng nă m và nế u có thay đổ i quan trọ ng thì phải i cập nhậ t đ á nh giá rủ i ro.
 - Phải i thiế t lậ p mụ c tiê u cả i thiệ n hoặ c kiể m soá t thủ tục, kế hoạ ch hà nh độ ng có thể giả m thiế u tấ t cả cá c rủ i ro đã đư ợ c xá c nhậ n.
 - Phải i đ á nh giá đị nh kỳ tí nh hiệ u quả củ a phư ơ ng tiệ n quả n lý .
 - Sau khi đ á nh giá rủ i ro, nó đã đư ợ c đ á nh giá đầ y đủ từ ng giai đoạ n trong giai đoạ n giả m nhẹ /kiể m soá t cá c yế u tố rủ i ro và trư ớ c khi tiế n hà nh giai đoạ n tiế p theo, cầ n phải i xá c đị nh đư ợ c lý do tạ i sao khô ng thể giả i quyế t hoà n toà n rủ i ro ở giai đoạ n hiệ n tậ i.
- Ghi ché p đ á nh giá rủ i ro phải i bao gồ m như sau.
 - Bá o cá o đ á nh giá rủ i ro

- Kế hoạch xử lý khẩn cấp/phòng ngừa
- Kiểm soát quy trình đã được văn bản hóa
- Kế hoạch thực hiện (bao gồm người phụ trách và thời hạn)

③ Hạ ng mục tiêu thủ đầ o tậ o

- Người quản lý và người thực hiện đánh giá rủi ro phải được đào tạo phù hợp.
- Tài liệu đào tạo, hồ sơ phải được chuẩn bị, phù hợp và cập nhật mới nhất.

E5) Mục tiêu cải tiến

Để cải thiện thành quả xã hội và môi trường, nhà máy phải vận hành các mục tiêu, giá trị mục tiêu và kế hoạch thực hiện, cũng như đánh giá thành quả so với mục tiêu theo định kỳ.

E5.1 Kiểm tra định kỳ tình hình tiến hành hoạt động để đạt được chỉ số mục tiêu, thiết lập giá trị mục tiêu, lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch cải tiến, nếu cần phải có quy trình quản lý hiệu quả và phù hợp bao gồm điều chỉnh thích hợp.

① Hạ mục tiêu xuống tầm thấp/ghi chép

- Phải vận hành quy trình quản lý thành quả hàng năm phù hợp và hiệu quả để đạt được chỉ số /mục tiêu/chỉ số mục tiêu.
 - Phạm vi thiết lập chỉ số /mục tiêu/chỉ số mục tiêu
 - Xem xét kết quả đánh giá rủi ro
 - Hạ mục tiêu yêu cầu của khách hàng và pháp luật
 - Tiêu chuẩn/điều kiện của công ty
 - Thiết lập giá trị tối thiểu 5 năm
 - Yêu cầu quy trình
 - Chu kỳ /tần suất cụ thể để thiết lập mục tiêu (ví dụ : Hàng năm)
 - Chỉ định người chỉ đạo trách nhiệm
 - Kế hoạch thực hiện
 - Ngày hoàn thành
 - (Trường hợp thích hợp) Trao đổi với người lao động về mục tiêu.
 - Chu kỳ kiểm tra hiện trạng tiến hành hoạt động để việc đạt được mục tiêu không vượt quá 2 năm và thực hiện thường xuyên hơn trong trường hợp có sự thay đổi đáng kể.
 - Mục tiêu và giá trị mục tiêu được thiết lập rõ ràng để cải tiến liên tục, và mục tiêu hàng năm được thiết lập dựa trên tình hình thực tế cải tiến dần dần mục tiêu dài hạn
- Ghi chép chỉ số /mục tiêu/chỉ số mục tiêu bao gồm:
 - Theo dõi chỉ số mục tiêu, chỉ tiêu, mục tiêu chính thức
 - Kế hoạch thực hiện

- Báo cáo tình hình tiến hành định kỳ
 - Tham khảo: Báo cáo về mục tiêu bao gồm thông tin chi tiết về giá trị mục tiêu hiện tại, cuộc họp kiểm tra cuối cùng, tình hình tiến độ hiện tại so với giá trị mục tiêu hiện tại.
- Kế hoạch hành động bổ sung nếu không đạt được chỉ số /mục tiêu/chỉ số mục tiêu

E6) Đ à o tạ o

Nhà má y phải i vậ n hà nh chươ ng trì nh đầ o tạ o cho đố i tư ợ ng là ngư ờ i quả n lý và ngư ờ i lao độ ng để thự c hiệ n chí nh sá ch, quy trì nh, mụ c tiêu cả i tiế n, đầ o ng thờ i tuâ n thủ cá c quy đị nh liê n quan.

E6.1 Phải có quy trì nh đầ o tạ o phù hợ p và hiệ u quả để đầ o tạ o tấ t cả ngư ờ i lao độ ng và ngư ờ i quả n lý về tấ t cả cá c chí nh sá ch/quy trì nh/cô ng việ c, chỉ số mụ c tiêu thà nh quả .

① Hạ ng mụ c tuâ n thủ tà i liệ u/ghi ché p

- Quy trì nh đầ o tạ o cho ngư ờ i lao độ ng và ngư ờ i quả n lý phải i bao gồ m:
 - Kế hoạ ch đị nh hư ớ ng nhâ n viê n mới
 - Kế hoạ ch đầ o tạ o bồ i dư ỡng
 - Phâ n tí ch nhu cầ u đầ o tạ o
 - Kế hoạ ch đầ o tạ o
 - Tà i liệ u đầ o tạ o
 - Ghi ché p đầ o tạ o
 - Chu kỳ /tầ n suất đầ o tạ o
 - Kiể m chứ ng tí nh hiệ u quả củ a đầ o tạ o
- Nế u có thay đố i quan trọ ng, chươ ng trì nh đầ o tạ o phải i đá nh giá đị nh kỳ í t nhấ t 3 nă m 1 lầ n.
- Ghi ché p đầ o tạ o phải i bao gồ m:
 - Tà i liệ u đầ o tạ o
 - Kiể m chứ ng hiệ u quả đầ o tạ o
 - Bá o cá o đá nh giá đầ o tạ o và xử lý khắ c phụ c (nế u cầ n)

E7) Giao tiế p

Nhà má y phải i truyề n đạ t rõ rà ng thô ng tin về chí nh sá ch, thô ng lệ , kỳ vọ ng, thà nh quả cho ngư ờ i lao độ ng, cô ng ty đố i tá c và khá ch hà ng.

E7.1 Phả i thiế t lậ p quy trì nh có thể giao tiế p vớ i khá ch hà ng, cô ng ty đố i tá c, ngư ờ i quả n lý /ngư ờ i lao độ ng cá c thô ng tin chí nh xá c và rõ rà ng về chí nh sá ch, thô ng lệ , thà nh quả , chiế n lư ợ c, v.v.

① Hạ ng mụ c tuầ n thủ tà i liệ u/ghi ché p

- Chư ơ ng trì nh giao tiế p vớ i cá c đố i tá c phả i bao gồ m:
 - Thư từ về ban lã nh đạ o cô ng ty đố i tá c
 - Cá c điề u kiệ n hợ p đồn g yê u cầ u cá c đố i tá c tuầ n thủ cá c quy tă c hà nh độ ng củ a LG Display và tuầ n thủ tă t cả cá c điề u kiệ n quy đị nh về mô i trư ờ ng/an toà n/sứ c khỏ e tư ơ ng ứ ng.
 - Bà i thuyế t trì nh về cá c cô ng ty đố i tá c.
 - Đ à o tạ o cô ng ty đố i tá c
- Chư ơ ng trì nh giao tiế p vớ i khá ch hà ng đư ợ c thiế t lậ p và phả i thự c hiệ n hà ng nă m. Chư ơ ng trì nh trao đố i phả i bao gồ m:
 - Thự c tiế n tuyế n dụ ng và thà nh quả (bao gồ m cả việ c là m tự nguyệ n, ví dụ : Thố ng kê nhâ n khẩ u củ a ngư ờ i lao độ ng, danh sá ch cá c cơ quan tuyế n dụ ng bê n thứ 3 và tỷ lệ lao độ ng tư ơ ng ứ ng, chi phí cho ngư ờ i lao độ ng (tổ ng số tiề n tuyế t đố i và vớ i mỗ i hợ p đồn g), phí củ a cơ quan tuyế n dụ ng bê n thứ 3.
 - Tham khả o: Việ c nộ p SAQ (tà i liệ u tự đá nh giá) cho khá ch hà ng là khô ng phù hợ p vớ i việ c cô ng khai/giao tiế p vớ i khá ch hà ng.

E8) Nhân viên tham gia

Nhà máy phải xây dựng quy trình tham gia và thu thập ý kiến của nhân viên để có thể đánh giá mức độ hiểu biết của nhân viên và nhân viên liên quan đến quy tắc này bao gồm cả hệ thống xử lý khiếu nại cá nhân hiệu quả, thu thập ý kiến và liên tục cải tiến.

Xử lý khó khăn

Luật Về tổ chức ở nơi hợp tác và tham gia của người lao động
Chương 5

Điều 26 (Ủy viên xử lý khó khăn) Tại Nhà máy có hơn 30 người lao động thường xuyên, phải có ủy viên xử lý khó khăn để lắng nghe và xử lý những khó khăn của người lao động.

Điều 27 (Thành phần, nhiệm vụ của ủy viên xử lý khó khăn) Thành viên giải quyết khó khăn bao gồm ít nhất ba thành viên đại diện cho công đoàn và nhân sự, trong trường hợp doanh nghiệp hoặc Nhà máy được thành lập bởi hội đồng, hội đồng sẽ được bổ nhiệm trong số các thành viên đó, hoặc do người sử dụng ủy nhiệm.

Điều 28 (xử lý tình huống khó) Thành viên giải quyết khó khăn phải thông báo cho người lao động về các biện pháp xử lý và kết quả xử lý khác trong vòng 10 ngày kể từ khi nghe được những khó khăn từ người lao động.

E8.1 Cần thiết lập một quy trình để người lao động có thể bí mật đưa ra những khó khăn hoặc bất mãn liên quan đến người lao động mà không sợ trả thù hoặc đe dọa.

① Hạ ng mục tiêu của cải thiện trực tiếp

- Việc giải quyết khó khăn và khiếu nại phải được giao tiếp rõ ràng bằng tiếng mẹ đẻ của người lao động và có tầm nhìn (thu thập khiếu nại, đưa ra giải pháp thỏa thuận trực tiếp, email trực tiếp, đưa ra giải pháp bên thứ ba, v.v.).

② Hạ ng mục tiêu của tài liệu/ghi chép

- Quá trình xử lý khó khăn và khiếu nại phải bao gồm:
 - Phải có thể báo cáo giao tiếp giữa những khó khăn và bất mãn.
 - Quá trình xử lý khó khăn phải được chuẩn bị trong nội bộ công ty (công nhân và nhân viên) và bên ngoài (công nhân nhà cung cấp, cộng đồng địa phương, các bên liên quan và người tổ chức nội bộ).
 - Phải vận hành kênh xử lý khó khăn rõ ràng có thể báo cáo một cách thoải mái và khuyến khích báo cáo.
 - Cần nhanh chóng điều tra những khó khăn hoặc bất mãn và nhanh chóng thực hiện các biện pháp khắc phục nếu chủ trương đó là sự thật.
 - Tất cả những người đưa ra những khó khăn hoặc bất mãn đều được bảo vệ danh tính, không được bị trả thù hoặc đe dọa.

- Hồ sơ xử lý khó khăn và trình tự khiếu nại phải bao gồm:
 - Hồ sơ khó khăn, khiếu nại phải được lưu trữ trên 12 tháng.
 - Phải cung cấp cho người lao động thông tin bằng văn bản về phương pháp báo cáo khiếu nại, tổ chức.

③ Hạ ng mục tiêu của đào tạo

- Tài liệu, hồ sơ đã o tậ o về quy trì nh khiế u nậ i/ khiế u nậ i phải đư ợ c chuẩ n bị , phù hợ p và cậ p nhậ t nhấ t.
- Phải cung cấ p đã o tậ o lạ i hà ng nă m cho tất cả cá c bê n.

E8.2 Để cải thiện, cần thiết lập quy trì nh tham gia/tham vấn người lao động phù hợp và hiệu quả để yêu cầu, khuyến khích sự tham gia và phản hồi của người lao động thông qua nhiều kênh khác nhau.

① Hạ ng mục c tu n thủ tậ i hiệ n trư ờ ng

- Phả i thông bá o rõ ràng kênh phản hồi và phả i dễ sử dụng (v.v.)

② Hạ ng mục c tu n thủ tậ i liệ u/ghi chép

- Để xác nhận quá xử lý khó khăn, lĩnh vực cần cải tiến và hiểu được sự hài lòng của người lao động cần yêu cầu phản hồi của người lao động tích cực thông qua các kênh khác nhau, bao gồm điều tra định kỳ (1 năm 1 lần), phỏng vấn hoặc cơ chế tự nguyện được thiết kế, và đảm bảo rằng tất cả người lao động muốn tham gia đều có thể sử dụng kênh này như ngôn ngữ giao tiếp tại Nhà máy (nếu ngôn ngữ không phải là tiếng mẹ đẻ).
- Quy trì nh để có được phản hồi của người lao động phải bao gồm như sau.
 - Khả o sát người lao động
 - Hộ p thư kiế n nghị
 - Hộ i nhó m người lao động
 - Hộ i đồ ng quả n trị lao độ ng chung
 - Đ ạ i diệ n công đoà n/người lao độ ng
 - Tổ chức cải tiến quy trì nh
- Phả i phân tích phản hồi và áp dụng biện pháp xử lý để cải tiến tình hình.
- Ghi chép ý kiến/phản hồi của người lao động phải bao gồm như sau.
 - Ghi chép ý kiến/phản hồi của người lao động phải được lưu trữ trên 12 tháng.
 - Phả i thông bá o bằng văn bản về phư ơ ng phá p cung cấ p ý kiến/phản hồi cho người lao độ ng.
 - Kế hoặ ch hành độ ng phả i đư ợ c thiết lậ p, thực hiệ n hoặc đang thực hiệ n.

Thanh tra (hoặc thẩm tra; Audit)

Quy trình có hệ thống, độc lập và văn bản hóa để thu thập và đánh giá bằng chứng để xác định mức độ đáp ứng tiêu chuẩn. [ISO 14001:2015 / ISO 9000:2015].

Nhà máy/xí nghiệp lắp ráp cuối cùng

Nhà máy được tiến hành lắp ráp, kiểm tra và xuất kho cuối cùng.

E9) Đánh giá

Nhà máy phải đánh giá định kỳ xem có tuân thủ quy tắc này, cùng với luật pháp liên quan và điều kiện của khách hàng hay không. Ngoài ra, phải cho phép bên thứ 3 tiến hành đánh giá theo yêu cầu của khách hàng.

E9.1 Quá trình tự kiểm toán nội bộ các thí nghiệm và hiệu quả phải đánh giá định kỳ sự tuân thủ các quy tắc hành động của mạng lưới cung cấp ESG của LG Display bao gồm các quy định và luật lệ tư pháp.

① Hạ ng mục tuân thủ tài liệu/ghi chép

- Một chương trình kiểm toán bao gồm kiểm toán nội bộ thường xuyên (ít nhất một năm) để đánh giá sự tuân thủ :
 - Tiêu chuẩn đánh giá
 - Điều kiện pháp luật thí nghiệm
 - Điều kiện quy tắc hành động của chuỗi cung ứng ESG của LG Display
 - Điều kiện hợp đồng khách hàng liên quan đến ESG
 - Phức tạp, tiêu chuẩn và hệ thống kinh doanh của riêng mình
 - Các yêu cầu khác áp dụng cho thiết bị
 - Phạm vi đánh giá
 - Tất cả khu vực của thiết bị
 - Tất cả quy trình, trạng thái vật lý, thực hành công việc
 - Kiểm tra hồ sơ và hồ sơ
 - Những người chỉ trách nhiệm về ESG
- Kết quả kiểm toán phải được kiểm tra bởi người ở quản lý cấp cao.
- Hồ sơ đánh giá phải bao gồm như sau.
 - Báo cáo tự kiểm toán
 - Kế hoạch hành động khắc phục và các biện pháp bổ sung (nếu không thực hiện đúng kế hoạch hành động khắc phục).
- Nhà máy/doanh nghiệp lắp ráp cuối cùng của sản phẩm phải có và duy trì chứng nhận ISO 14001 hoặc European Union Eco-Management & Audit Scheme (EMAS).

- LGD và bên thứ ba sẽ xem xét đánh giá toàn diện và độc lập về nhà máy tuân thủ các quy tắc hành độ ng nà y, khô ng đư ợ c thự c hiệ n sả n xuấ t, tuyế n dụ ng ngư ờ i lao độ ng trực tiế p hoặ c giá n tiế p, cung cấ p nguyê n liệ u, sả n phẩ m hoặ c đị ch vụ trực tiế p hoặ c giá n tiế p tạ i nhữ ng khu vự c khô ng thể thự c hiệ n quy tă c nà y.

E10) Biệ n phá p cả i tiế n

Phả i có quy trì nh xử lý khắ c phụ c nhữ ng thiế u số t đư ợ c xá c đị nh thô ng qua đấ nh giá và kiể m tra trong và ngoà i nư ớ c trong thờ i gian quy đị nh.

Biệ n phá p xử lý khắ c phụ c

Biệ n phá p loạ i bỏ nguyê n nhâ n khô ng phù hợ p, ngắ n ngừ a tá i phá t. [ISO 14001:2015/ISO 9000:2015]

E10.1 Cầ n có quy trì nh xử lý khắ c phụ c phù hợ p và hiệ u quả để xử lý cá c nộ i dung khô ng phù hợ p vớ i quy tá c hà nh độ ng mặ ng cung cấ p ESG củ a LG Display hoặ c luậ t phá p đư ợ c xá c nhậ n thô ng qua kiể m tra, đấ nh giá , kiể m tra, kiể m tra, kiể m tra.
Cá c biệ n phá p khắ c phụ c phả i bao gồ m cá c biệ n phá p phò ng ngừ a, cả i tiế n, phâ n tí ch nguyê n nhâ n cầ n bả n để xử lý cá c hạ ng mụ c khô ng phù hợ p.

① Hạ ng mụ c tuầ n thủ tà i liệ u/ghi ché p

- Cá c chư ơ ng trì nh và quy trì nh xử lý khắ c phụ c bao gồ m:
 - Bá o cá o/kế hoặ ch hà nh độ ng khắ c phụ c bao gồ m:
 - Phâ n tí ch nguyê n nhâ n cầ n bả n để giả i quyế t cá c vấ n đề phá t hiệ n
 - Biệ n phá p xử lý khắ c phụ c cụ thể
 - Ngư ờ i chị u trá ch nhiệ m thự c hiệ n xử lý
 - Ngà y hế t hạ n thự c hiệ n xử lý
 - Phư ơ ng phá p xá c nhậ n hoà n thà nh xử lý
 - Nế u cá c biệ n phá p khắ c phụ c khô ng đư ợ c thự c hiệ n đú ng cá ch, cá c biệ n phá p bổ sung nề n đư ợ c thự c hiệ n theo lị ch trì nh.
 - Việ c hoà n thà nh hà nh độ ng phả i đư ợ c kiể m tra bởi ngư ờ i kiể m toá n, ngư ờ i điề u tra, giá m đố c điề u hà nh hoặ c đạ i diệ n củ a đư ơ ng sự đầ quyế t đị nh vi phạ m.
 - Kế hoặ ch hà nh độ ng khắ c phụ c (CAP) và cá c mụ c tiêu/mụ c tiêu quả n lý thà nh quả phả i đư ợ c liê n kế t vớ i nhau.
- Bả n sao thô ng bá o triệ u tậ p/vi phạ m quy chế nhậ n đư ợ c trong 3 nă m gầ n đâ y bao gồ m cả việ c liê n lậ c vớ i cơ quan chí nh phủ phả i đư ợ c lư u giữ để có thể xem xé t.
 - Trong trư ờ ng hợ p nhậ n đư ợ c giấ y triệ u tậ p, cá c tà i liệ u cho thấ y vấ n đề đầ đư ợ c giả i quyế t/chấ m dứt phả i đư ợ c duy trì để cả i thiệ n và phò ng ngừ a tá t cả cá c tì nh huố ng tư ơ ng tự có thể xấ y ra trong cơ sở và kiể m tra.

- Nếu u cơ quan thứ ba hoặc cơ quan chính phủ không xác nhận việc chấm dứt hiện trạng hà nh độ ng, người i kế m toá n phải i xác nhận việc chấm dứt.
- Lưu ý : Kế m toá n viên có thể tiến hà nh tì m kế m hồ sơ công khai thông thư ở ng để xem cá c cơ quan quả n lý có áp dụng cá c biện phá p cả i thiệ n hoặc hì nh phạt đối vớ i từ ng yếu tố trong ba năm gần đây hay không.

E11) Tài liệu và ghi chép

Việc lập, duy trì và bảo trì hồ sơ pháp lý tuân thủ pháp luật có liên quan.

E11.1 Lưu trữ tài liệu và hồ sơ hợp lý và hiệu quả về hệ thống kinh doanh và pháp lý được trao quyền tiếp cận ở mức độ thích hợp để đảm bảo bí mật.

① Hạ ng mục tuân thủ tại hiệu n trư ờ ng

- Tài liệu pháp lý được bảo quản an toàn để chỉ có thể được xem với quyền truy cập được ủy quyền.

② Hạ ng mục tuân thủ tài liệu/ghi chép

- Hệ thống và bảo trì phải đáp ứng các yêu cầu sau:
 - Quy chế (bao gồm cả luật lưu trữ hồ sơ)
 - Điều kiện khác nhau
 - Ít nhất phải bao gồm tài liệu và thủ tục lưu trữ cho các tài liệu và hồ sơ sau:
 - Tiền lương và ghi chép thời gian làm việc
 - Kiểm tra độ tuổi của người lao động
 - Báo cáo kiểm toán tài chính
 - Đơn đồng ý giữ bí mật (NDA)
 - Điều kiện hợp đồng
 - Báo cáo tự kiểm toán
 - Đánh giá tuân thủ quy chế
 - Đánh giá rủi ro
 - Các thông lệ và thủ tục làm việc
 - Thành quả về mục tiêu và giá trị mục tiêu
 - Báo cáo điều tra của các cơ quan quản lý
 - Điều tra sự cố
 - Bảng mã của người lao động
 - Ghi chép đào tạo
 - Biên bản cuộc họp kiểm tra hệ thống kinh doanh và hạ ng mục hành động.
 - Ghi chép hành động khác phụ c
 - Hồ sơ tuyên bố xung đột lợi ích trong hồ sơ nhân sự
 - Danh sách/bảng ghi chép và tài liệu yêu cầu trong điều kiện khác nhau, quy định pháp luật, pháp lý có sẵn, phù hợp và mới nhất.

- Tất cả các tài liệu phải được cung cấp để có thể kiểm tra bất cứ lúc nào nếu khách hàng yêu cầu hợp pháp. (Ví dụ: Ghi rõ hợp đồng liên quan đến việc thực hiện quy tắc hành động của chuỗi cung ứng ESG hoặc yêu cầu tài liệu yêu cầu riêng biệt)

E12) Trách nhiệm chuỗi cung ứng

Nhà máy phải truyền đạt điều kiện của quy tắc này cho các đối tác con và kiểm tra xem họ có tuân thủ hay không. Ngoài ra, theo yêu cầu của khách hàng, phải cho phép bên thứ 3 tiến hành đánh giá đối với công ty đối tác.

Công ty đối tác cấp 1

Quyết định của bên được đánh giá dựa trên các tiêu chí xác định

Ví dụ) Số tiền giao dịch hàng năm, yếu tố trợ tài trợ, mua nhiều hơn 1 lần, trong chuỗi cung ứng công nghiệp ICT, v.v.

Định nghĩa "đối tác cấp 1" luôn luôn là Bao gồm tất cả các cơ quan tuyển dụng bên thứ 3 không thuộc phạm vi A3 và A4, và các nhà cung cấp dịch vụ tại chỗ

Sự bất lợi

Bao gồm hình phạt, phạt tiền, phạt hoặc đe dọa chưa trả lương.

E12.1 LG Display phải thông báo cho các đối tác cấp 1 về điều kiện quy chuẩn hành động của mạng lưới cung cấp ESG và phân biệt các đối tác chính.

① Hạ ng mục tuân thủ tài liệu/ghi chép

- Các cơ sở kinh doanh phải có các thủ tục được ghi chép hóa liên quan đến việc thực hiện các quy tắc hành động của chuỗi cung ứng ESG của LG Display.
- Phải bao gồm các điều khoản và điều kiện quy phạm trong hợp đồng ký kết với các đối tác hoặc tồn tại giao tiếp chính thức thông báo cho các đối tác về quy tắc và điều kiện của nó. Các yêu cầu phải bao gồm:
 - Lựa chọn đối tác: Tìm hiểu và định nghĩa đối tác là 1
 - Giao tiếp: Thông báo cho các công ty đối tác cấp 1 bằng phương thức hợp hành, email, v.v.
 - Sáp nhập hợp đồng: Đưa các yêu cầu và điều khoản quy phạm và hợp đồng giữ các đối tác cấp 1
 - Nhà cung cấp: LG Display bày tỏ việc thực hiện các quy tắc hành động của chuỗi cung ứng ESG.
 - Cơ quan tuyển dụng bên thứ 3: Thực hiện các quy tắc hành động chuỗi cung ứng ESG của LG Display trong lĩnh vực lao động/nhân quyền và đạo đức, tuân thủ các yêu cầu pháp lý của nước sở tại và nước phát triển, đảm bảo người lao động nghỉ việc mà không chịu bất lợi nào.
 - ※ Tham khảo A1 để biết điều kiện lao động cư ở chế cụ thể của cơ quan tuyển dụng bên thứ 3.
- Nhà thầu cung cấp chính phải được xác định theo tiêu chuẩn (số tiền mua, lĩnh vực trợ tài trợ, mua quá 1 lần, nhóm công nghiệp ICT, v.v.) được định nghĩa tại từ ngữ Nhà máy.

E12.2 Cần chuẩn bị quy trình hiệu quả để đảm bảo rằng các công ty đối tác chính cấp 1 thực hiện quy tắc hành động mạng cung cấp ESG của LG Display.

SAQ (Self Assessment Questionnaire)

Thông qua platform RBA online, khách có thể đánh giá ngắn gọn rủi ro dự kiến của từng lĩnh vực RBA.

Những thông tin cơ bản đơn giản yes/no/question rất khó để sử dụng nguyên vẹn như một đánh giá rủi ro chủ yếu.

CMA (Customer Managed Assessment)

Do khách hàng tổ chức RBA Audit.

VAP (Validated Audit Process)

Được thực hiện thông qua cơ quan chứng nhận chỉ định bên thứ 3 với tư cách là Audit được công nhận RBA.

Có thể sử dụng chung cho các công ty thành viên và thời gian có hiệu lực là 2 năm.

AMA (Auditee Managed Assessment)

Audit chủ quản bởi nhà máy thuộc đối tượng kiểm tra. Chỉ các công ty thành viên RBA mới có thể là được.

① Hạ ng mục tiêu từ tài liệu/ghi chép

- Các bản khả năng, kế hoạch và báo cáo thực tế hiện trư ở ng củ a cá c đối tá c cấp 1 để thực hiện cá c quy tắc hành động củ a LG Display phải đư ợ c duy trì . Cá c biện pháp cải tiến liên quan đến thực hiện phải đư ợ c thiết lập và bao gồm:
 - Đánh giá rủi ro
 - Nếu tự đánh giá rủi ro được sử dụng như một đánh giá tự đánh giá (RBA/LGD SAQ), thông tin liên quan đến đánh giá rủi ro phải đư ợ c kiểm chứng hoặc để xác minh thông tin đánh giá rủi ro.
 - Phải thực hiện kế hoạch (CMA hoặc VAP) hoặc AMA (có thể chấp nhận nếu được thực hiện bởi một công ty kiểm toán bên thứ ba thích hợp).
 - Nghĩ a vụ tiến hành thủ tục Corrective Action Plan (CAP) với nhà cung cấp trong trư ở ng hợp phát hiện ra hạ ng mục không phù hợp.
 - Trong trường hợp phát hiện không phù hợp, hợp đồng cung cấp có thể không bị chấm dứt ngay lập tức, nhưng hợp đồng cung cấp có thể bị chấm dứt nếu thủ tục CAP không được thực hiện.
 - Tăng cường việc nhà cung cấp thực hiện Quy tắc ứng xử RBA, Quy tắc ứng xử chuỗi cung ứng LGD ESG để kết thúc tất cả các phát hiện.
 - Kế hoạch hành động khắc phục liên quan đến lĩnh vực cải tiến được xác định trong tự đánh giá /kiểm toán
 - Cơ chế kiểm định việc thực hiện kế hoạch hành động khắc phục
- Trư ở ng hợp áp dụng phư ơ ng pháp tiếp cận dựa trên rủi ro riêng biệt, chẳng hạn như thực hiện một số đối tượng, cần phải duy trì cá c tiêu chuẩn, hướng dẫn, hồ sơ để xác định việc thực hiện đánh giá /kiểm tra và hoàn thành cá c biện pháp khắc phục đối với cá c phát hiện.
- Đối với cá c nhà cung cấp dịch vụ hoặc công ty đối tá c chuyên môn hóa, quy định hành vi mạng cung cấp ESG củ a LG Display trên toàn bộ lĩnh vực, áp dụng quy trình

hoặc hư ớ ng dẫn đá nh giá tậ p trung và o lĩ nh vự c đặ c
biệ t hoặc đá nh giá tà i liệ u từ xa.

※ Đ iề u kiệ n cư ỡ ng chế lao độ ng đặ c biệ t củ a cơ quan
tuyể n dụ ng bê n thứ 3 tham khả o A1.

Đ ố i tá c xử lý chấ t thả i độ c hạ i tham khả o C3

F. Khoá ng sản xung đột/chịu trá ch nhiệm (Conflict/Responsible Minerals)

F. Khoá ng sản xung đột/chịu trách nhiệm (Conflict/Responsible Minerals)

Chuỗi cung ứng

Một chuỗi cung ứng cá c nhà thầu phụ đư ợ c k ế t n ố i từ mỏ đ ể n LG Display, Khai thá c khoá ng sá n và chế biế n, giao đ i ch, tinh chế hoặ c sá n xuấ t cá c sá n phẩm mà cá c đố i tá c sử dụ ng trong cá c sá n phẩm củ a LG Display, có thể bao gồ m mạ ng lư ớ i cung cấ p có Cá c nhà thầu phụ, đố i tá c, nhà chế biế n khoá ng sá n, cô ng ty khai thá c mỏ, hoặ c cá c cô ng ty khai thá c mỏ khá c do chí nh họ sở hữ u, trực tiế p vậ n hà nh hoặ c mua sắ m.

F1) Huy động khoá ng sá n có trách nhiệm

Nhà má y phải i thiế t lậ p cá c chí nh sá ch liê n quan đ ể khô ng sử dụ ng nguyê n liệ u đư ợ c cung cấ p bởi cá c phư ơ ng phá p phá m phá p, phi đạ o đứ c hoặ c ả nh hư ở ng tiê u cự c đ ể n mô i trư ờ ng. Cá c điề u khoản về khoá ng sản xung đột/chịu trách nhiệm phải bao gồ m trong cá c chí nh sá ch liê n quan, cần xâ y dựng hệ thống đả m bả o rằng cá c khoá ng sản đư ợ c sử dụng trong cá c nguyê n liệ u thô, linh kiện và sản phẩm cung cấ p cho LG Display (Tantali, thiế c, tungsten, và ng: dư ới 3TG / Coban, mica, kẽm: cá c khoá ng chất chịu trách nhiệm sau) khô ng cung cấ p tà i chí nh hoặ c lợi í ch trực tiế p hoay giá n tiế p cho cá c lực lư ợ ng vũ trang vi phạm nhâ n quyền nghiê m trọng ở Cộ ng hò a Dâ n chủ Congo hoặ c cá c nư ớc lá ng giề ng. Phải tiế n hà nh kiế m tra nguồ n gốc và mạ ng lư ớ i cung cấ p khoá ng sản 3TG/chịu trách nhiệm trong sản phẩm, linh kiện và nguyê n vật liệ u cung cấ p cho LG Display và cá c cô ng ty khá ch hà ng từ nhà má y, và cung cấ p tà i liệ u kiế m tra bao gồ m thô ng tin về nguồ n gốc, nhà má y luyê n kim và cô ng ty tinh chế khoá ng sản 3TG/chịu trách nhiệm theo yê u cầu củ a LG Display và khá ch hà ng củ a LG Display.

F1.1 Thực hiện chí nh sá ch và chương trì nh huy động khoá ng sản phù hợ p và hiệ u quả đ ể mua khoá ng sản 3TG/chịu trách nhiệm có thể đư ợ c cung cấ p theo phư ơ ng thức phù hợ p với hướ ng dẫn thực tế OECD hoặ c hệ thống kiế m tra thực tế đư ợ c cô ng nhậ n là tương đư ơ ng.

① Hạ ng mụ c tuâ n thủ tà i liệ u/ghi ché p

- Chương trì nh phù hợ p, hiệ u quả và chí nh sá ch rõ rà ng về khoá ng sản xung đột giú p ngắ n chặ n việ c mua bá n cố ý khoá ng sản 3TG/chịu trách nhiệm.

Template báo cáo

Khoá ng sản xung đột

Đây là một template báo cáo tiêu chuẩn được phát triển bởi Conflict-Free Sourcing Initiative, dễ dàng truyền đạt qua mạng lưới cung cấp thông tin về các nhà máy luyện kim và nhà máy lọc dầu của nước xuất xứ và đang sử dụng khoá ng sản

<http://www.conflictreesourcing.org>

- Chính sách được công bố trên trang chủ của công ty hoặc thông qua báo cáo về tính bền vững, quy tắc hành độ ng tại nhà máy, các kênh giao tiếp khác của công ty.
- Chính sách này ít nhất phải bao gồm như sau.
 - Phải bao gồm tất cả khoá ng sản 3TG/chịu trách nhiệm liên quan đến sản phẩm.
 - DRC và 9 quốc gia láng giềng (Angola, Burundi, Cộng hòa Trung Phi, Cộng hòa Congo, Rwanda, Nam Sudan, Tanzania, Uganda và Zambia) phải được đưa ra và o danh sách quản lý.
 - Thực hiện kiểm tra thực tế về nguồn gốc và mạng lưới cung cấp khoá ng sản theo hướng dẫn của OECD.
 - Trách nhiệm sản xuất cung cấp lợi ích tài chính trực tiếp hoặc gián tiếp cho các lực lượng vũ trang bất hợp pháp từ các khu vực bị ảnh hưởng ở ng bờ i xung đột.
 - Ngày thiết lập và ngày phát sinh hiệu lực của chính sách mua bán khoá ng sản xung đột/chịu trách nhiệm
- Việc thực hiện hệ thống quản lý khoá ng sản xung đột/chịu trách nhiệm phải bao gồm:
 - Báo cáo đối tượng quản lý đối tượng quản lý về rủi ro tiềm ẩn và kết quả hoạt độ ng được xác định thông qua việc bổ nhiệm người quản lý phụ trách hệ thống quản lý và vận hành hệ thống quản lý
 - Phân bổ nguồn lực (nhân lực và chi phí) đầy đủ cho hoạt độ ng liên tục và nhất quán của hệ thống quản lý, truyền đạt chính sách của công ty đối với các đối tác liên quan đến khoá ng sản xung đột.
 - Ghi rõ các hạng mục yêu cầu trong hợp đồng liên quan đến mua khoá ng sản xung đột/chịu trách nhiệm
 - Quy trình vận hành rõ ràng đối với kiểm tra thực tế khoá ng sản xung đột/chịu trách nhiệm.
 - Duy trì hồ sơ liên quan đến kiểm tra thực tế khoá ng sản xung đột/chịu trách nhiệm trong ít nhất 5 năm.
 - Kê nh thu thập ý kiến từ các bên liên quan đến khoá ng sản xung đột/chịu trách nhiệm
 - Phân biệt các công ty đối tác cung cấp khoá ng sản xung đột/chịu trách nhiệm (nhà máy luyện kim và nhà máy lọc dầu, v.v.)
 - Quy trình đánh giá rủi ro trong chuỗi cung ứng khoá ng sản xung đột/chịu trách nhiệm
 - Quy trình rõ ràng để có thể báo cáo cho ban giám đốc về rủi ro được xác định liên quan đến khoá ng sản xung đột/chịu trách nhiệm.

- Quy trình chỉ định thức để giảm thiểu rủi ro khóa ng sản xung đột/chịu trách nhiệm theo hướng dẫn của OECD.
- Kế hoạch giảm thiểu rủi ro liên quan đến khóa ng sản xung đột/chịu trách nhiệm (bao gồm các hoạt động và lịch trình theo từng giai đoạn)
- Quy trình giám sát rõ ràng kế hoạch giảm thiểu rủi ro liên quan đến khóa ng sản xung đột/chịu trách nhiệm.
- Kiểm tra theo đơn vị hàng năm để cải tiến hệ thống và đảm bảo tuân thủ các chỉ định sách liên quan đến khóa ng sản xung đột/chịu trách nhiệm, đưa ra phương án phạt như đình chỉ và chấm dứt hợp đồng với đối tác đã thất bại trong việc giảm thiểu rủi ro.

② Đào tạo/Giao tiếp

- Phải cung cấp chương trình đào tạo đơn vị hàng năm cho đối tượng thực hiện vận hành hệ thống quản lý khóa ng sản xung đột/chịu trách nhiệm và duy trì hồ sơ đào tạo.

Tài liệu tham khảo

- Responsible Business Alliance (Code of Conduct V7.0, VAP Operation Manual V7.1)
(<http://www.responsiblebusiness.org>)
- ILO International Labor Standard, ILO Code of Practice in Safety and Health
(<http://www.ilo.org/global/lang--en/index.htm>)
- ISO 14001
(www.iso.org)
- ISO 45001
(www.iso.org)
- OECD Due Diligence Guidance
(www.oecd.org)
- Vụ pháp chế
(www.law.go.kr)
- OECD Guidelines for Multinational Enterprises
(www.oecd.org)
- NY Supplier Responsibility Code and Standard V4.8
(<https://www.apple.com/supplier-responsibility/>)
(<https://www.apple.com/kr/supplier-responsibility/>)
- Microsoft Supplier SEA Manual H02050_version K
- UN Global Compact's 10 Principles

Bảng quản lý sửa đổi

Version	0.0	Ngày 1 tháng 1 năm 2018	Ban hành ban đầu tiên
	0.1	Ngày 31 tháng 10 năm 2018	Sửa đổi một phần
	1.0	Ngày 30 tháng 11 năm 2020	Sửa đổi một phần
	2.0	Ngày 7 tháng 7 năm 2021	Sửa đổi một phần
	3.0	Ngày 13 tháng 09 năm 2022	Sửa đổi một phần

Khi sử dụng hư hỏng dẫn này, vui lòng kiểm tra xem đây có phải là bản sửa đổi đã được chấp nhận ảnh hưởng đến sử dụng mới nhất hay không.

Thêm vào đó, khi sử dụng hư hỏng dẫn này trong trường hợp có câu hỏi hoặc phải trả lời về lỗi, thiếu sót hoặc nội dung không rõ ràng xin vui lòng liên hệ qua email bên dưới.

Liên hệ: Bộ phận chuỗi cung ứng ESG của LG Display (sincerity@lgedisplay.com)



Copyright © 2022 LG Display Co., Ltd. All rights reserved.